ISUZU

Trucks for life

CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM

695 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp, Tp. HCM

(84-28)3 895 9203

/IsuzuVietnamCompany

www.isuzu-vietnam.com

E4ST.14022023-V1

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO DƯỠNG

ISUZU

BLUEPOWER

Tìm hiểu thêm xe tải Q-series

Truy cập vào website Isuzu

QKR

Các từ viết tắt

Sổ tay hướng dẫn sử dụng xe có sử dụng nhiều từ viết tắt với ý nghĩa như sau:

Từ viết tắt	Ý nghĩa
ABS	Hệ thống chống bó cứng phanh
ASR	Hệ thống chống trượt
ASTM	Hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ
BS	Tiêu chuẩn Anh
DIN	Tiêu chuẩn kỹ nghệ Đức
EBD	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử
EGR	Van tuần hoàn khí xả
ELR	Hệ thống khóa đai an toàn khẩn cấp
FAME	Hợp chất Axit Methyl Esters
FMVSS	Tiêu chuẩn liên bang về độ an toàn xe
GVM	Tổng trọng tải
HBB	Trợ lực phanh thủy lực
JASO	Tổ chức tiêu chuẩn ô tô Nhật Bản
JIS	Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản
LLC	Môi chất nước làm mát
LSPV	Hệ thống phân phối lực phanh theo tải trọng
PTO	Bộ trích công suất
vòng/phút	Vòng/phút
SAE	Hiệp hội kỹ sư ô tô Hoa Kỳ
SVS	Nhắc nhở bảo dưỡng xe
VIN	Số khung xe
2WD	Hai bánh dẫn động
4WD	Bốn bánh dẫn động

Những Biểu Tượng Sử Dụng Trong Tài Liệu

NGUY HIỂM

Không thực hiện theo những chỉ dẫn có biểu tượng này sẽ dẫn đến chết người hoặc gây thương tích cho bạn và hành khách.

CẢNH BÁO

Không thực hiện theo những chỉ dẫn này sẽ gây ra hoả hoạn hoặc thương tích cho bạn và hành khách.

CHÚ Ý

Không thực hiện theo những chỉ dẫn có biểu tượng này sẽ dẫn đến thương tích hoặc gây tai nạn.

KHUYẾN CÁO

Không thực hiện theo những chỉ dẫn có biểu tượng này sẽ gây ra lỗi hoặc hư hỏng cho xe của bạn.

LƯU Ý

Chỉ dẫn này cho biết đây là những thông tin quan trọng.

Đây là những thông tin quan trọng mà người sử dụng xe cần nắm rõ để vận hành xe.

Những ký hiệu được sử dụng trong tài liệu.

- V : Những trang thiết bị này có thể được trang bị tùy theo thị trường

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ TÌM KIẾM

0

- SỬ DỤNG SỔ TAY HƯỚNG DẪN 0-2
- TÌM KIẾM CHỦ ĐỀ CỤ THỂ 0-3
- MÔ TẢ CHƯƠNG 0-5
- HÌNH ẢNH CHI TIẾT 0-6
- ĐÈN CẢNH BÁO VÀ CHỈ BÁO 0-12
- NHÃN CHÚ Ý VÀ CẢNH BÁO 0-14

Các tiêu đề chương/phần

Những tiêu đề này dùng để nắm bắt các nội dung chính

Bảng chỉ mục chương

Sử dụng để tìm nhanh các chương cần tìm

THÔNG TIN QUAN TRỌNG 2-15

Trẻ em trên xe

Sử Dụng Dây Đai An Toàn Cho Trẻ Em

CẢNH BÁO

- Đai an toàn của xe được thiết kế cho người lớn. Nếu đai an toàn chạm vào cổ hoặc cằm trẻ hoặc không ngang qua xương hông của trẻ thì hãy sử dụng ghế an toàn trẻ em (CRS) phù hợp với chiều cao và cân nặng của trẻ. Nếu sử dụng đai an toàn không phù hợp, nó có thể tác động một lực mạnh lên vùng bụng của trẻ trong trường hợp va chạm. Đặt trẻ nhỏ không thể tự ngồi được vào ghế an toàn dành cho trẻ em.
- Không được đặt ghế dành cho trẻ nhỏ vào ghế chính giữa, như vậy sẽ làm cản trở tầm nhìn khi lái xe.

LƯU Ý

- Việc lựa chọn loại ghế phù hợp để đặt vào xe đúng cách phụ thuộc vào chiều cao và cân nặng của trẻ. Khó có thể lựa chọn loại ghế vừa vặn với trẻ dựa vào hình dáng. Phải đảm bảo ghế phải phù hợp với xe.

*Tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất để chọn loại ghế phù hợp.

Dây đai an toàns → Tham khảo trang 3-20

Không để trẻ một mình trên xe

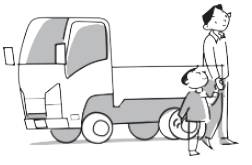

CẢNH BÁO

- Khi bạn rời xe, hãy dẫn trẻ đi cùng. Nếu bạn để trẻ một mình trong xe, trẻ có thể nghịch, làm xe di chuyển, hoặc gây ra các tai nạn khác. Bên cạnh đó, bên trong buồng lái có thể trở nên rất nóng dưới ánh nắng mặt trời

NGUY HIỂM

CẢNH BÁO

CHÚ Ý

KHUYẾN CÁO

LƯU Ý

Biểu tượng

Xem trang trước để nắm rõ ý nghĩa các biểu tượng này.

Tham khảo trang

Tham khảo các trang như hướng dẫn, nếu bạn muốn biết nội dung chi tiết liên quan đến chủ đề này

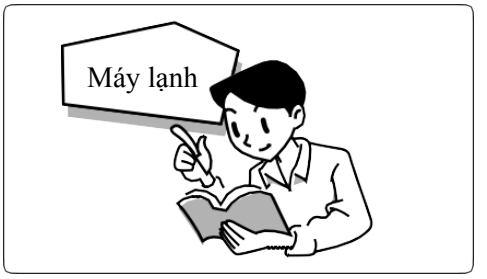

Sử dụng chương/tiêu đề làm từ khóa

➡ **Trang 0-5**

Tìm các trang mô tả chủ đề cụ thể bằng bảng nội dung tổng quan theo các TIÊU ĐỀ CHƯƠNG, MỤC CHƯƠNG và /hoặc BẢNG NỘI DUNG ở trang đầu của từng chương.

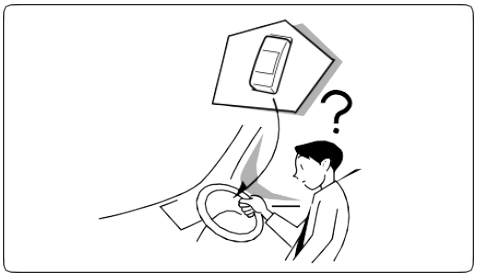

Sử dụng hình ảnh các chi tiết trên xe

➡ **Trang 0-6 to 0-11**

Nếu ban không biết tên các công tắc hoặc thiết bị mà bạn đang tìm, tìm đến trang mô tả nội dung đó bằng cách sử dụng sử dụng hình ảnh liệt kê các chi tiết trên xe.

Sử dụng tên thiết bị làm từ khóa

➡ **Trang 10 -1 to 10-3**

Nếu ban không biết tên các công tắc hoặc thiết bị mà bạn cần biết thông tin, tìm đến trang mô tả bằng cách sử dụng mục lục ở cuối tài liệu hướng dẫn này.

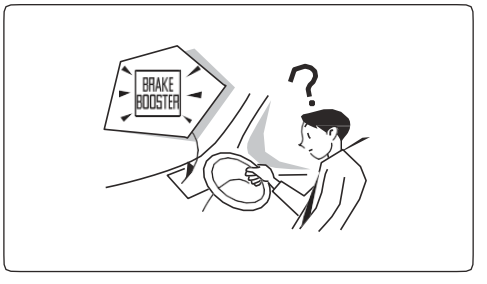

Đèn cảnh báo/chỉ báo

➡ **Trang 0-12 to 0-13**

Nếu đèn cảnh báo hoặc đèn chỉ báo sáng, bạn có thể sử dụng mục: ĐÈN CẢNH BÁO/ CHỈ BÁO để thông tin về các đèn báo.

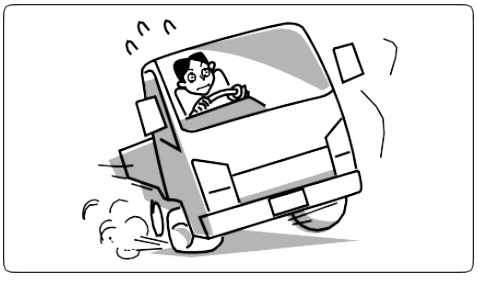

Khi xe gặp sự cố

➡ **Trang 8-2 to 8-50**

Tham khảo phần CÁC TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP để tìm biện pháp khắc phục.

HÌNH ẢNH CHI TIẾT ····· 0-6

THÔNG TIN XE ····· 1

THÔNG TIN QUAN TRỌNG ····· 2
Mô tả những gì bạn cần biết trước khi vận hành xe một cách an toàn và êm ái.

CỬA, KÍNH CỬA VÀ GHẾ NGỒI ····· 3
Trình bày cách đóng mở cửa, cửa sổ và nắp thùng nhiên liệu.
Giải thích cách điều khiển các kính, ghế ngồi và cách thắt dây đai an toàn đúng cách.

BẢNG TÁP-LÔ VÀ ĐIỀU KHIỂN ····· 4
Trình bày cách khởi động và dừng động cơ. Mô tả các điều khiển và thiết bị

TIỆN NGHI VÀ TIỆN ÍCH ····· 5
Gồm thông tin về hệ thống điều hòa và các tính năng tiện ích khác.

LÁI XE AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH ····· 6
Mô tả những điều bạn cần phải biết để vận hành xe an toàn và ổn định trong các điều kiện thời tiết khác nhau.

KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG ····· 7
Mô tả việc kiểm tra hàng ngày và định kỳ; thông tin chăm sóc, bảo dưỡng xe, giữ xe bạn trong điều kiện tốt nhất.

TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP ····· 8
Liệt kê các trường hợp khẩn cấp có thể xảy ra và hướng dẫn các biện pháp xử lý.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ····· 9

MỤC LỤC ····· 10

NỘI THẤT

Tay lái bên phải

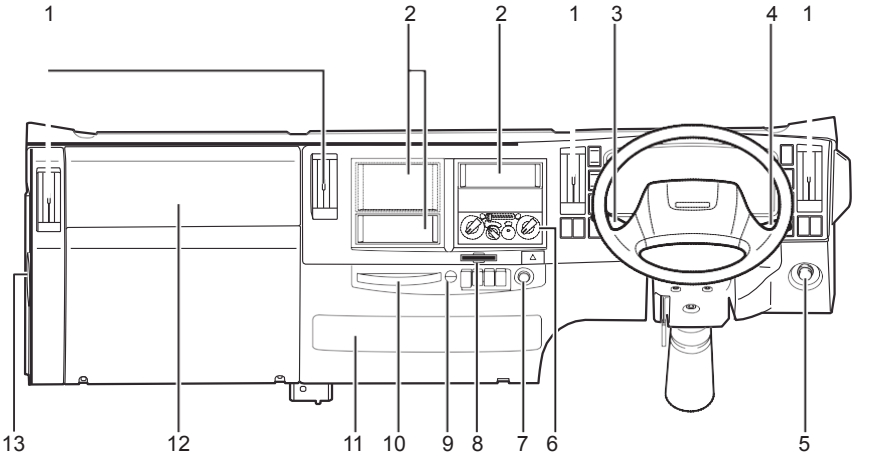

Stt	Thiết bị	Trang
1	Núm điều chỉnh hướng gió	5-3
2	Hộc chứa đồ	5-19
3	V Phanh khí xả	4-37
	Công tắc phun nước rửa kính và gạt nước	4-38
4	Công tắc đèn tổ hợp	4-33
5	Núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng	4-32

Stt.	Thiết bị	Trang
6	V Núm chỉnh hướng gió	5-4
	V Núm chỉnh nhiệt độ điều hòa	5-6
7	Núm mồi thuốc	5-16
8	Hộc giữ card	5-19
9	Móc treo	5-22
10	V Khay giữ ly	5-22
11	Hộp rơle	8-38
12	V Hộc chứa đồ	5-20 5-21
13	Bình nước rửa kính	7-114

Tay lái bên trái

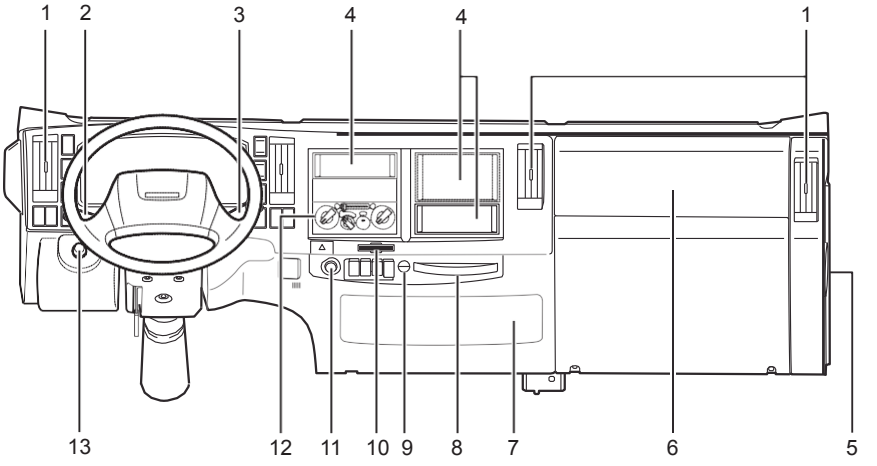

Stt	Thiết bị	Trang
1	Núm điều chỉnh hướng gió	5-3
2	Công tắc đèn tổ hợp	4-33
3	V Phanh khí xả	4-37
	Công tắc phun nước rửa kính và gạt nước	4-38
4	Hộc chứa đồ	5-19
5	Bình nước rửa kính	7-114
6	V Hộc chứa đồ	5-20 5-21

Stt.	Thiết bị	Trang
7	Hộp rơle	8-38
8	V Khay giữ ly	5-22
9	Móc treo	5-22
10	Hộc giữ card	5-19
11	Núm mồi thuốc	5-16
12	V Núm chỉnh hướng gió	5-4
	V Núm chỉnh nhiệt độ điều hòa	5-6
13	Núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng	4-32

Tay lái bên phải

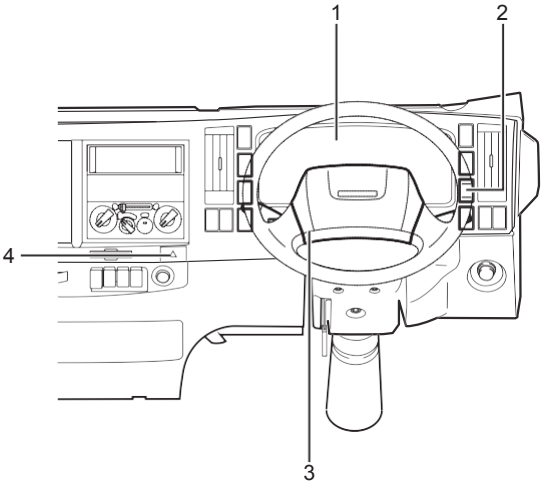

Stt	Thiết bị	Trang
1	Các đèn cảnh báo và chỉ báo	4-10 4-16
2	V Công tắc đèn sương mù trước	4-36

Stt	Thiết bị	Trang
3	Nút kèn	4-40
4	Công tắc đèn báo nguy	4-36

Tay lái bên trái

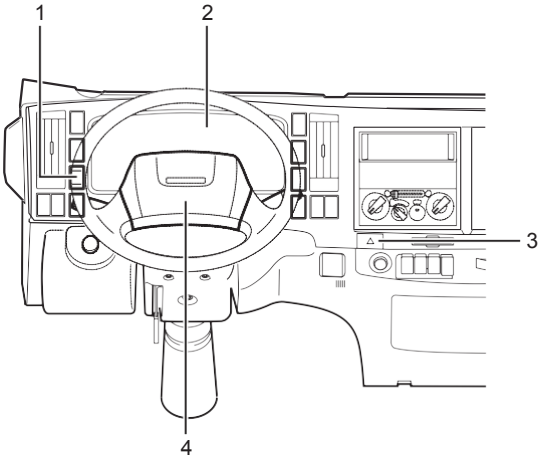

Stt	Thiết bị	Trang
1	V Công tắc đèn sương mù trước	4-36
2	Các đèn cảnh báo và chỉ báo	4-10 4-16

Stt	Thiết bị	Trang
3	Công tắc đèn báo nguy	4-36
4	Nút kèn	4-40

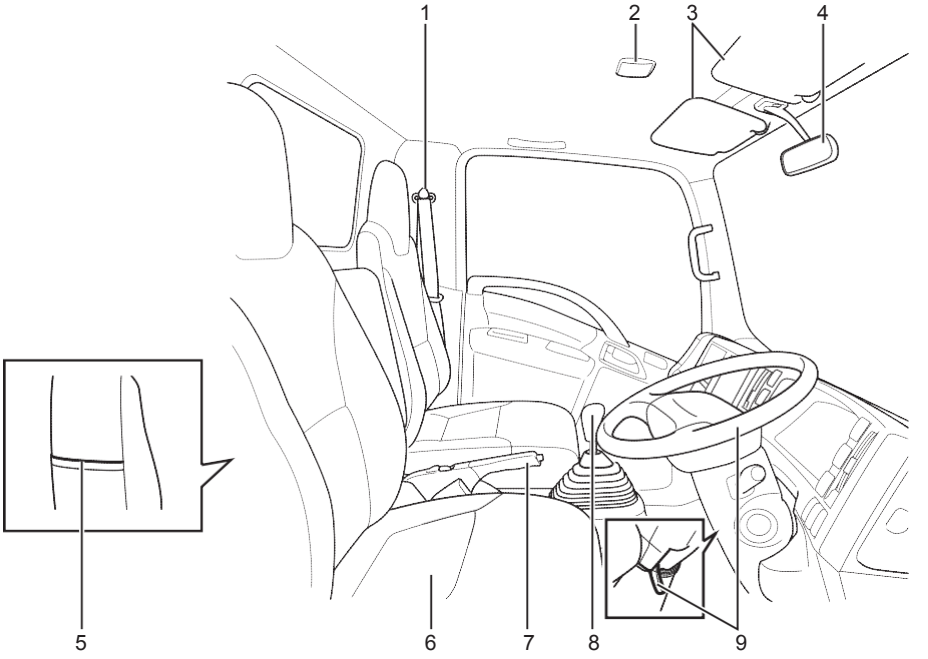

Stt	Thiết bị	Trang
1	Dây đai an toàn	3-20
2	Đèn trần	5-14
3	Tấm che nắng	5-15
4	Gương soi	3-18
5	Túi đồ phía tài xế	5-21

Stt	Thiết bị	Trang
6	Ghế ngồi	3-14
7	Cần phanh tay	4-43
8	Cần chuyển số	4-45
9	Tay lái	3-17

Ngoại Thất

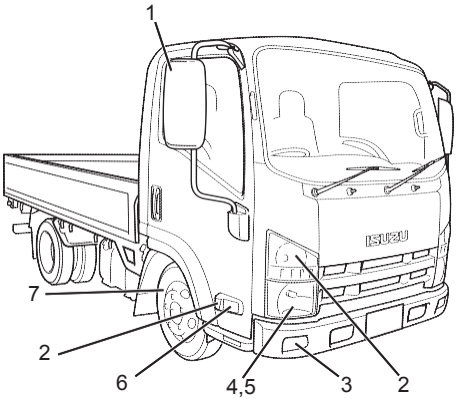

Stt	Thiết bị	Trang
1	Kính chiếu hậu	3-19
2	Đèn báo rẽ	8-23
3	V Đèn sương mù	8-23
4	Đèn kích thước	8-23

Stt	Thiết bị	Trang
5	Đèn chiếu sáng	8-23
6	V Đèn góc	8-23
7	Bánh xe	7-72

Đèn cảnh báo và chỉ báo

Bảng táp-lô

Đèn cảnh báo

Tên	Kí hiệu	Màu	Trang
V Đèn báo kiểm tra động cơ		Cam	4-22
Đèn cảnh báo áp suất nhớt động cơ		Đỏ	4-20
V Đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ		Đỏ	4-21
V Đèn báo đang nâng cabin		Đỏ	4-24
Đèn cảnh báo máy phát điện		Đỏ	4-22
Đèn cảnh báo bộ tách nước		Đỏ	4-23
Đèn cảnh báo hệ thống phanh		Đỏ	4-17
Đèn cảnh báo phanh tay		Đỏ	4-25
Đèn cảnh báo trợ lực phanh	BRAKE BOOSTER	Đỏ	4-18
Đèn cảnh báo chưa thắt dây đai an toàn		Đỏ	4-17

Đèn chỉ báo

Tên	Kí hiệu	Màu	Trang
V Đèn báo xông máy		Cam	4-26
Đèn chỉ báo chế độ đèn pha		Xanh dương	4-25
V Đèn chỉ báo phanh khí xả		Xanh	4-26
Đèn báo rẽ trái và đèn báo nguy		Xanh	4-25
Đèn báo rẽ phải và đèn báo nguy		Xanh	4-25
V Đèn nhắc bảo dưỡng xe		Cam	4-23
Đèn báo mức nhiên liệu thấp	Low fuel warning light	Cam	4-24

NHÃN CẢNH BÁO VÀ CHÚ Ý

- Nhãn chú ý/cảnh báo trong xe của bạn hiển thị những hướng dẫn và thông tin rất quan trọng mà bạn cần tuân thủ để đảm bảo sử dụng xe an toàn và hiệu quả. Hãy đọc chúng trước khi sử dụng xe.
- Nếu bất kỳ một trong những nhãn này bị bong tróc hoặc không thể đọc được do mòn hoặc trầy xước, vui lòng liên hệ đại lý Isuzu để thay thế.
- Một số ví dụ nhãn chú ý/cảnh báo được diễn giải tại các trang bên dưới. Ngoài ra, nội dung của những nhãn này có thể khác nhau trên từng đời xe.
- Nhãn chú ý/cảnh báo có thể được bố trí ở các vị trí khác nhau trên xe

Nhãn cảnh báo và chú ý – Bên trong cabin xe

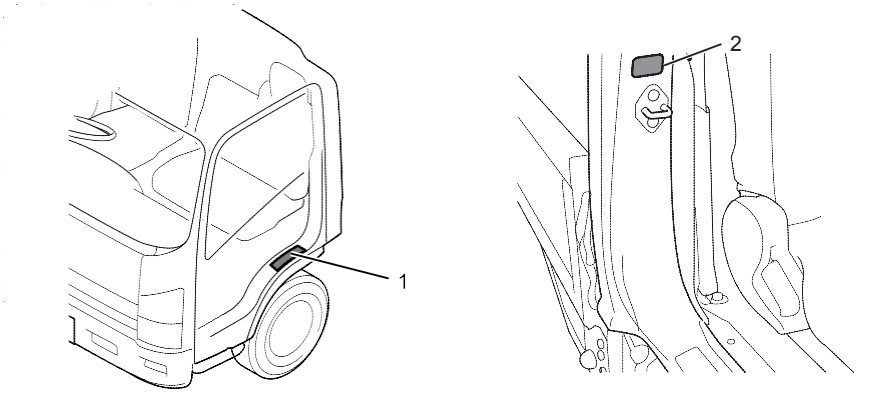

Stt.	Nội dung
1	V Hướng dẫn nâng cabin
2	V Áp suất lốp tiêu chuẩn

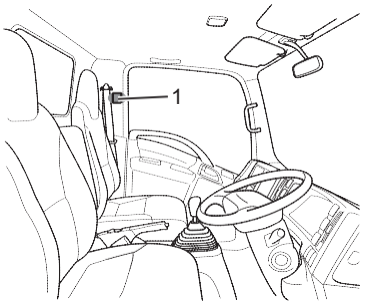

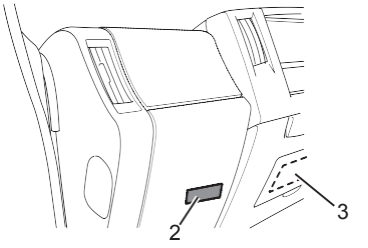

Stt.	Nội dung
1	Kiểm tra động cơ định kỳ
2	Tấm hướng dẫn
3	Cầu chì

Nhãn cảnh báo và chú ý – khu vực động cơ

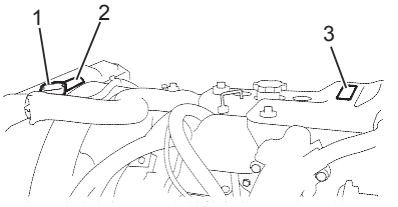

Stt.	Nội dung
1	Nắp két nước
2	V Nước làm mát động cơ
3	V Thay nhớt động cơ

THÔNG TIN XE

1

- **Số Khung (VIN) và Số Máy** **1-2**

Số Khung (VIN) và Số Máy

Số khung và số máy cần thiết cho việc đăng ký xe với cơ quan nhà nước. Hãy cung cấp cho đại lý Isuzu những số này khi bạn sửa chữa hoặc đặt mua phụ tùng thay thế tại đại lý Isuzu, để việc bảo dưỡng/ sửa chữa trở nên nhanh chóng.

Số Khung (VIN)

Số VIN trên khung xe

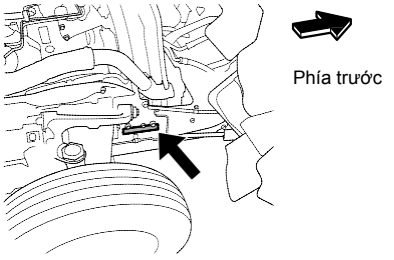

Số khung được đóng phía trước, bên phải khung xe..

Tấm ID

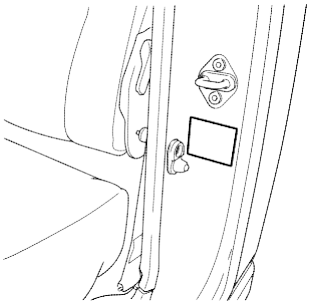

Bảng ID nằm ở góc dưới bên cửa trái. Chứa thông tin số VIN và các mã tùy chọn.

KHUYẾN CÁO

Vị trí bảng ID có thể khác nhau tùy theo thị trường. Để có thông tin chính xác, vui lòng liên hệ với các đại lý Isuzu.

Số khung chứa nhiều thông tin bao gồm loại xe và loại động cơ như hình bên dưới.

J A A 1 L R 5 5 E L 7 1 0 0 0 0 1

1 2 3 4 5 6

Stt.	Nội dung
1	Nhà máy sản xuất
2	Mã sản phẩm 1LR : xe QLR 4 × 2 1MR : Xe QMR 4 × 2
3	Mã động cơ 55: 4JB1 77: 4JH1

Stt.	Nội dung
4	Mã chiều dài cơ sở
5	Năm sản xuất L: 2020 model M: 2021 model N: 2022 model P: 2023 model
6	Số thứ tự sản xuất

Mã Tùy Chọn

Bảng ID cũng hiển thị các mã tùy chọn. Các mã này gồm mã ba số, mã kiểu chữ số, mỗi mã tương ứng với các tính năng trang bị trên xe.
Đại lý Isuzu có thể đọc hiểu những mã này để nhận biết loại động cơ, hộp số hoặc các bộ phận khác khi xe vào kiểm tra và bảo dưỡng.

Mã	Động cơ
RLF	4JB1
RDM	4JH1-TC

Mã	Hộp số
R45	MSB5S
RM5	MSB5M
Y6W	MSB5K

Mã	Cầu sau
R39	ϕ244 mm
G73	ϕ292 mm

Mã	Thiết bị
8UE	Máy phát điện 12V-60A
8GJ	Hộp số thường
NT1	Xe đạt chuẩn Euro I
NT2	Xe đạt chuẩn Euro II
NT3	Xe đạt chuẩn Euro III
NT4	Xe đạt chuẩn Euro IV
NT5	Xe đạt chuẩn Euro V

Số Máy

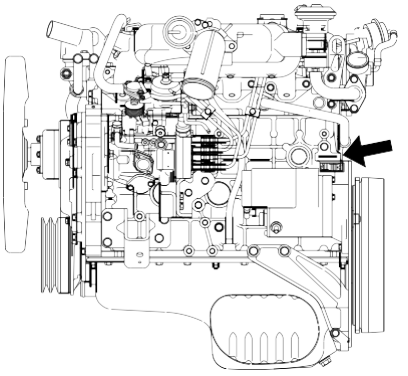

Số máy được đóng ở phía sau – bên trái thân động cơ.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG 2

● Trước Khi Lái Xe	2-2
● Trẻ Em Trên Xe	2-16
● Lái Xe	2-18
● Dừng Và Đỗ Xe	2-29
● An Toàn	2-36
● Ngăn Ngừa Hỏng Hóc	2-40
● Khi Nào Cần Đến Đại Lý Isuzu	2-42
● Turbo Tăng Áp V	2-44
● Bộ Xử Lý Khí Thải (DPD) V	2-45
● Dữ Liệu Hoạt Động Của Xe	2-48

Nội dung chương này mô tả những gì bạn cần biết trước khi vận hành xe.

Hãy đọc kỹ trước khi lái xe..

Trước Khi Lái Xe

Chăm sóc và lái xe đúng cách không chỉ kéo dài tuổi thọ xe của bạn mà còn tiết kiệm nhiên liệu. Hãy lái xe cẩn thận và an toàn.

Kiểm tra hàng ngày (trước khi lái xe)

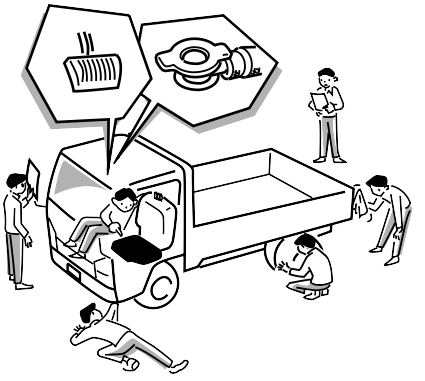

KHUYẾN CÁO

• Để lái an toàn và thoải mái, ghi nhận các khoảng cách chạy và tình trạng của xe trong quá trình vận hành. Hãy bảo dưỡng xe đúng theo quy định. Nếu kiểm tra phát hiện thấy có bất thường, hãy đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra và sửa chữa trước khi lái xe trở lại.

[1. Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong quá trình vận hành]

Mục kiểm tra	Tham khảo
Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần chạy trước	7-18

[2. Kiểm tra khi nâng cabin]

Mục kiểm tra	Tham khảo
Độ chùng và hư hỏng dây đai quạt động cơ	7-42
Mực nhớt động cơ	7-22
Mực nước làm mát động cơ và rơ lỏng nắp két nước	7-104

[3. Kiểm tra khu vực ghế tài xế]

Hạng mục	Tham khảo
Mức dầu phanh (dầu phanh gấp đôi mức dầu ly hợp)	7-60 (7-93)
Hành trình tự do bàn đạp phanh	7-64
Hành trình tư do bàn đạp ly hợp	7-97
Hoạt động của các đồng hồ, đèn cảnh báo và chỉ báo	4-10, 4-16
Hoạt động của động cơ, màu khí xả	7-20
Hành trình cần phanh tay	7-66
Tình trạng xịt nước rửa kính và hoạt động của thanh gạt nước	7-114, 7-115
Mực nước rửa kính	7-114
Tình trạng và độ rơ tay lái	3-17, 7-103
Hoạt động của kèn và đèn báo rẽ	4-34, 4-40
Mức nhiên liệu	4-15
Khóa cửa	3-3

[4. Kiểm tra khi đi vòng quanh xe]

Hạng mục	Tham khảo
Đèn chiếu sáng, đèn báo rẽ có bị bẩn hay hư hỏng	7-118
Mức nước làm mát động cơ	7-30
Dung dịch bình accu	7-124
Tình trạng nhíp xe	—
Tình trạng rò rỉ dầu phanh, dầu trợ lực lái…..	—
Tình trạng lọc tách nước	7-56

[5. Kiểm tra bánh xe và lốp xe]

Hạng mục	Tham khảo
Áp suất lốp xe	7-73
Vết nứt và các hư hỏng khác	7-75
Mòn bất thường	7-76
Độ sâu gai lốp	7-76
Tình trạng mâm bánh xe	7-77

[6. Kiểm tra khi lái xe]

Hạng mục	Tham khảo
Hiệu quả phanh	7-65
Điều kiện lái ở tốc độ thấp và tăng tốc	7-21
Hệ thống ly hợp M/T	7-93

Sử Dụng Đúng Loại Nhiên Liệu

CHÚ Ý

- Phải sử dụng nhiên liệu Diesel cho xe. Đối với các xe đạt tiêu chuẩn Euro 4, hãy sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0.05S hoặc ít hơn) hoặc nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (0,001S hoặc ít hơn). Đối với xe đạt tiêu chuẩn Euro 5 phải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (chứa hàm lượng lưu huỳnh 10 ppm – 0,001S hoặc thấp hơn).
- Việc sử dụng nhiên liệu diesel chất lượng thấp, trộn chất phụ gia như chất khử nước trong nhiên liệu, hoặc lẫn xăng, dầu hỏa hoặc chất có cồn hoặc hỗn hợp của các chất trên với nhiên liệu diesel sẽ gây tác động xấu đến bộ lọc nhiên liệu và kim phun không được bôi trơn đạt yêu cầu. Ngoài ra, việc này có thể làm giảm khả năng vận hành của động cơ và hệ thống làm sạch khí thái, có thể gây hư hỏng các hệ thống liên quan đến động cơ.
- Nếu vô tình đổ nhầm nhiên liệu, phải xả hết nhiên liệu ra. Nếu không tuân thủ theo yêu cầu trên có thể gây cháy hoặc hư hỏng động cơ.
- Nếu sử dụng diesel nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh không đúng quy định cho xe đạt tiêu chuẩn Euro 5 sẽ dẫn đến việc không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Euro 5.

LƯU Ý

- Các đặc tính của dầu diesel có thể khác nhau tùy theo mùa và khu vực.

Nắp Thùng Nhiên Liệu → Tham khảo trang 3-09
Nhiên liệuB→ Tham khảo trang 6-19

Sử Dụng Các Trạm Đổ Nhiên Liệu Tự Động

CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chỉ dẫn sau đây khi đổ nhiên liệu cho xe
- Tắt máy và đóng tất cả cửa.
- Giữ thuốc lá và các nguồn lửa cách xa xe.
- Trước khi mở nắp thùng nhiên liệu, chạm vào vật kim loại để giải phóng tĩnh điện khỏi cơ thể bạn. Nếu bạn có tĩnh điện trên cơ thể trong khi đổ nhiên liệu, tia lửa tạo ra do phóng điện có thể đốt cháy nhiên liệu, gây hỏa hoạn.

Khi đổ nhiên liệu, ấn vòi bơm sâu vào trong cổ nắp thùng. Nếu bạn cố gắng đổ thêm nhiên liệu bằng cách kéo vòi ra, dầu có thể tràn ra ngoài, gây nguy hiểm.

Tất cả các phần của quy trình đổ nhiên liệu (từ khi mở nắp thùng dầu đến khi đổ xong và đóng nắp lại) đều phải do một người thực hiện.
- Những người khác có thể mang tĩnh điện. Không cho phép họ tiếp cận thùng nhiên liệu.
- Người đang đổ dầu không được di chuyển hoặc làm việc khác khi chưa đổ nhiên liệu xong, vì có thể nhận tĩnh điện khác.
- Tuân thủ tất cả các chú ý được dán tại trạm nhiên liệu. Hãy lau sạch nhiên liệu rớt ra ngoài khi đổ

CHÚ Ý

[Chú ý khi đổ dầu]
- Cẩn thận và không hít hơi nhiên liệu khi đang đổ nhiên liệu

Nắp Thùng Nhiên Liệu → Tham khảo trang 3-09

Chất Hàng Hóa Đúng Cách

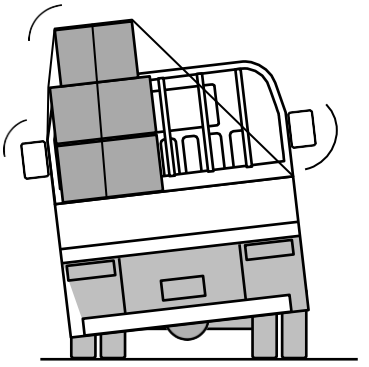

CẢNH BÁO

Chất tải nặng có thể gây sự cố vì tải trọng lên bu lông bánh xe quá lớn dẫn đến bu lông bị gãy và bánh xe bị rời ra

CHÚ Ý

- Tải trọng phải nằm trong tổng tải trọng xe (GVW) cho phép và được phân phối đều đến cầu trước và sau để không vượt quá khả năng chịu tải của cầu xe.

- Chất tải quá mức sẽ gây biến dạng các bộ phận của xe. Làm giảm tuổi thọ và gây ra hư hỏng.

- Chất tải không đúng cách sẽ làm hàng hóa mất cân bằng, dẫn đến đổ vỡ hàng hóa khi xe lưu thông trên đường.

Lưu ý chất hàng	Đúng	Sai
Không nên đặt hàng chỉ ở phía trước hoặc sau. Nên chia đều dọc theo xe.	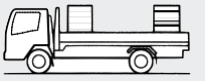	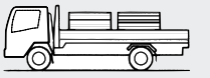
Khi dùng giá đỡ bên dưới hàng, hãy đặt chúng dọc theo hàng	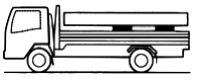	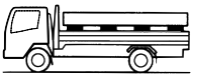
Tuyệt đối không để hàng dài nhú ra khỏi cạnh sau của thùng chứa hàng. Thay vì vậy, hãy dùng giá đỡ để nâng hàng hóa lên một góc. Tránh chống đỡ hàng hóa bằng khung thùng xe	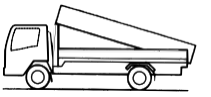	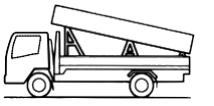
Dùng dây thừng và tấm bạt để bảo vệ hàng hóa không rơi khỏi thùng chứa hàng. Dùng dây cao su hoặc dây thừng để ngăn không cho bạt bay trong gió.	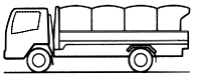	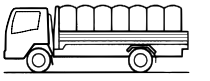
Tránh chất hàng quá cao, điều này có thể khiến xe bị nghiêng trượt qua một bên khi gặp gió lớn và rẽ xe.	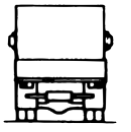	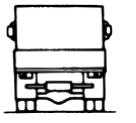

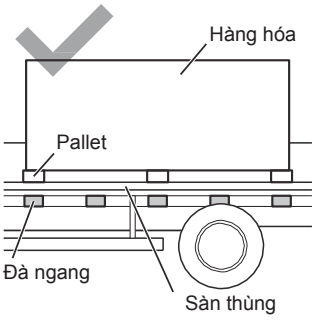

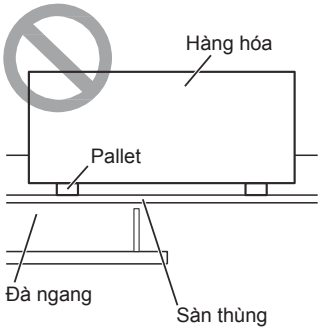

KHUYẾN CÁO

- Khi chêm miếng đệm (pallet) dưới hàng hóa, hãy đặt các đệm (pallet) dọc theo các đà ngang thùng xe để tránh làm biến dạng hay hư hỏng sàn thùng xe.

Chở Hàng Hóa Nặng

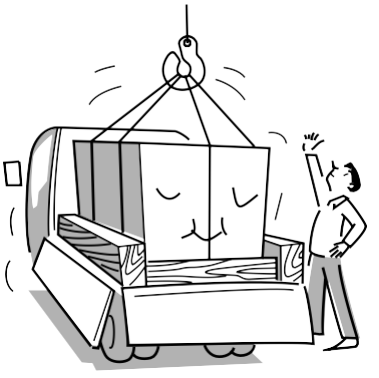

CHÚ Ý

- Khi vận chuyển hàng hóa nặng hãy ràng buộc thật chặt và dùng cẩu nâng hàng hóa thật an toàn.

Chuyên Chở Hàng Nông Cụ

CHÚ Ý

- Nếu chuyên chở hàng hóa quá khổ, quá tải; thùng chứa hàng có thể bị biến dạng hoặc hư hỏng; hoặc hàng hóa có thể rơi tuột qua khỏi thùng hàng.
  Hãy chở hàng đúng quy cách.

LƯU Ý

- Nếu bạn muốn chuyên chở các hàng hóa quá khổ, quá tải. Hãy tham khảo ý kiến từ đại lý Isuzu trước khi chuyên chở.

Đừng Cột Hàng Quá Chặt

KHUYẾN CÁO

- Để ngăn không cho hàng rơi ra khỏi thùng chất hàng, cần cột chặt bằng dây cáp và bạt. Tuy nhiên, cột quá chặt có thể làm hư thùng hàng và sườn bảo vệ trước.

Không Để Chất Dễ Cháy Giữa Cabin Và Ghế Ngồi

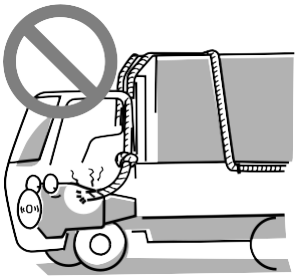

CẢNH BÁO

- Cẩn thận không để các đầu dây hoặc các cạnh của bạt xuống thấp hơn phần chống nhiệt ở phía sau cabin. Khi điều khiển xe, nhiệt độ máy có thể khiến chúng bắt lửa. Cột cẩn thận các đầu dây và các cạnh tấm bạt.

Lái Xe Tiết Kiệm Nhiên Liệu

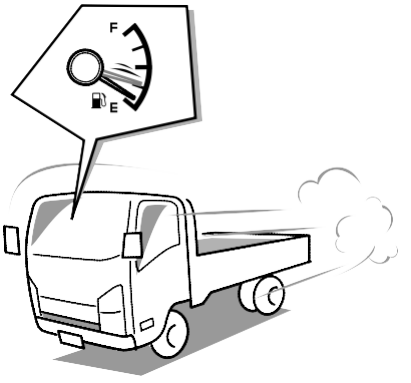

- Lái quá nhanh, lái quá chậm đến mức máy bị gõ, lái xe với phanh khí xả bật thường xuyên, và thường dùng phanh khí xả để điều chỉnh tốc độ xe đều có thể làm hao tổn nhiên liệu.
- Hãy lái xe ở một tốc độ đều đặn. Khi tăng tốc, tăng một cách nhẹ nhàng, và chuyển tay số phù hợp.
- Xông máy lâu hơn cần thiết và rú máy chỉ làm hao tốn nhiên liệu. Lái xe quá tải cũng làm hao tốn nhiên liệu.
- Thường xuyên kiểm tra áp suất lốp xe để chắc rằng lốp không thiếu hơi.

Bốc Dỡ Hàng Hóa

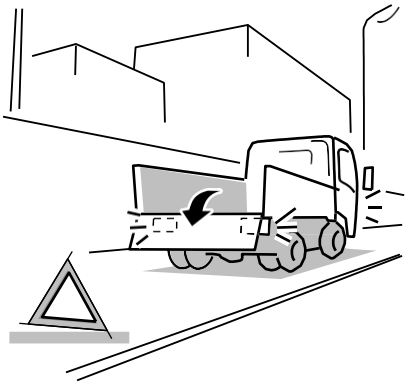

CHÚ Ý

- Khi bạn chất hoặc dỡ hàng bên đường, cửa thùng xe hoặc các bộ phận khác che các đèn đuôi, đèn dừng, đèn báo nguy, hãy bật đèn báo và đặt các tấm phản quang, hãy nhớ cảnh báo các tài xế khác và khách bộ hàng bằng cách đặt các biển báo hoặc khung tam giác cảnh báo nơi dễ nhìn.
- Khi bạn chất hoặc dỡ hàng bên đường, hãy chọn một nơi được phép dừng và đậu xe, không làm phiền các tài xế khác và khách bộ hành.

Đừng Mang Nhiên Liệu Và Bình Xịt Vào Trong Cabin

CẢNH BÁO

- Mang nhiên liệu và các bình xịt vào cabin rất nguy hiểm. Nếu các vật chứa đó bắt lửa hoặc vỡ, chúng có thể gây cháy nổ.

Giữ Sàn Quanh Chỗ Ngồi Sạch Sẽ Và Gọn Gàng

CẢNH BÁO

- Để các lon và các chai rỗng hoặc các vật có thể lăn trên sàn rất nguy hiểm vì chúng có thể làm kẹt bàn đạp phanh và ngăn trở vận hành phanh. Để vận hành phanh được tốt, cần phải dùng các thảm sàn thích hợp. Việc dùng các thảm sàn không thích hợp có thể gây trở ngại cho chuyển động của bàn đạp phanh.
- Đừng dùng các hốc của bảng táp-lô hoặc phía trên bảng táp-lô để làm chỗ đặt các vật có thể lăn vì có thể ảnh hưởng đến việc lái xe của bạn.

Chọn Giày Dép Thích Hợp

CHÚ Ý

- Chọn giày dép phù hợp để lái xe. Dùng giày dép không phù hợp có thể gây ra tai nạn.

Tư Thế Lái Xe Đúng Cách

CẢNH BÁO

- Trước khi lái xe, hãy điều chỉnh ghế ngồi, tựa đầu, vô lăng và gương để cho bạn tư hế lái xe sao cho phù hợp. Đảm bảo ghế ngồi được giữ cố định an toàn bằng cách lắc thử về phía trước và sau, thắt dây an toàn. Tất cả hành khách (phụ xế) cũng phải thắt dây đai an toàn.

Ghế Ngồi→Tham khảo trang Dây Đai 3-14
An Toàn →Tham khảo trang Gương 3-20
Chiếu Hậu →Tham khảo trang 3-18

Điều Chỉnh Ghế

Điều chỉnh ghế ngồi cho tư thế lái phù hợp là một phần cơ bản của việc lái xe an toàn.

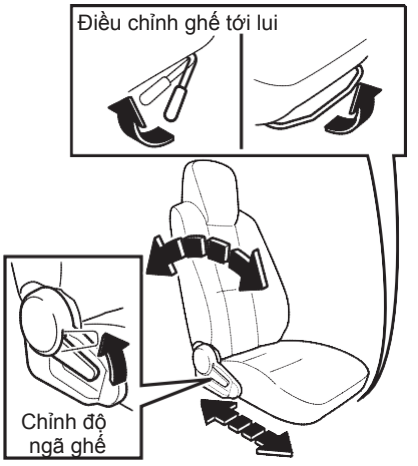

Thắt Dây Đai An Toàn

Nhớ thắt dây đai an toàn. Ngồi thẳng lưng, lưng dưới tựa lên ghế và dây đai ở vị trí dưới xương hông khi có thể.

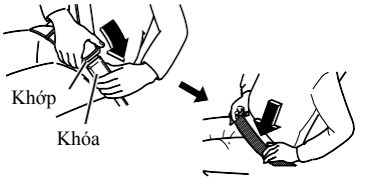

Giữ thấp đến phần hông

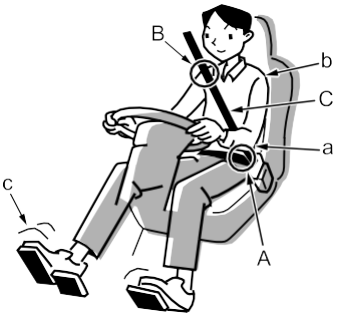

Khuyến cáo chỉnh ghế	
a	Thực hiện điều chỉnh để bạn xoay tay lái dễ dàng với cùi trỏ hơi cong.
b	Đặt lưng ghế để vai bạn luôn luôn tựa.
c	Hãy chắc rằng bạn có thể đạp mỗi bàn đạp một cách thích hợp.

Lưu ý thắt dây đai an toàn		Lí do
A	Đặt dây đai an toàn xuống thấp ngang hông bạn	Sức ép của dây đai an toàn trong một vụ va chạm có thể gây nguy hiểm nếu dây đai an toàn đặt không đúng cách.
B	Đặt dây thắt vai nằm trên vai bạn (không chạm vào cổ, cằm hoặc mặt)	
C	Phải bảo đảm dây đai an toàn không bị xoắn khi bạn cài.	Để bảo đảm dây đai an toàn hoạt động có hiệu quả

Hành Khách Và Dây Đai An Toàn

Tài xế và hành khách không dùng chung dây đai an toàn.

CẢNH BÁO

- Hãy nhớ điều chỉnh ghế trước khi lái. Chỉnh tư thế lái xe đúng, lắc nhẹ ghế ngồi để bảo đảm nó được chốt đúng chỗ và thắt dây đai an toàn trước khi bạn bắt đầu lái. Tất cả hành khách (phụ xế) phải thắt dây đai an toàn.
- Đối với trẻ nhỏ khi dây đai chạm vào mặt hoặc không bắt ngang qua được xương hông, hãy sử dụng ghế an toàn trẻ em thích hợp (CRS), không sử dụng đai an toàn vì có thể gây nguy hiểm.

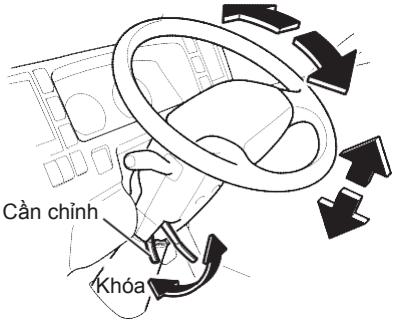

Điều Chỉnh Tay Lái

Bạn có thể điều chỉnh vị trí vô lăng theo hướng lên-xuống. Sau đó phải đảm bảo vô
lăng và cần khóa đã được khóa lại.

CẢNH BÁO

- Khi điều chỉnh vô lăng, cố gắng kéo lên xuống để đảm bảo nó đã được khóa lại trước khi lái xe.
- Điều chỉnh vị trí vô lăng trước khi lái xe. Điều chỉnh trong khi lái xe là rất nguy hiểm vì vô lăng sẽ lắc lên xuống, gây cản trở việc lái xe.

Điều Chỉnh Độ Nghiêng →Tham khảo trang 3-17

Chở Phụ Nữ Mang Thai Hoặc Người Bệnh

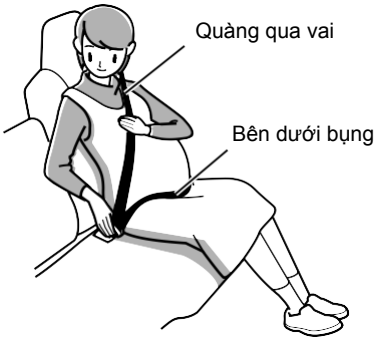

CẢNH BÁO

- Người mang thai hoặc người bệnh phải được thắt dây đai an toàn. Trong trường hợp bị sự cố thì dây đai sẽ tạo áp lực lên vùng bụng, ngực và vai, tuy nhiên cần phải có lời khuyên của bác sĩ trước.
- Người mang thai cần sử dụng dây đai an toàn ba điểm. Người mang thai nên điều chỉnh vị trí dây đai được khít dưới xương hông khi có thể (không phải ngang qua vùng bụng). Ngoài ra, nên thắt chặt dây đai vai lên trên ngực, không phải trên vùng bụng. Nếu không thắt dây đúng cách, nó có thể chèn ép vùng bụng trong trường hợp phanh gấp hoặc va chạm, làm tổn hại không chỉ người mẹ mà còn đứa bé trong bụng, đặt cả hai vào tình trạng đặc biệt nguy hiểm hoặc tử vong.

Dây Đai An Toàn → Tham khảo trang 3-20

Trẻ Em Trên Xe

Sử Dụng Dây Đai An Toàn Cho Trẻ Em

CẢNH BÁO

- Đai an toàn của xe được thiết kế cho người lớn. Nếu đai an toàn chạm vào cổ hoặc cằm trẻ hoặc không ngang qua xương hông của trẻ thì hãy sử dụng ghế an toàn trẻ em (CRS) phù hợp với chiều cao và cân nặng của trẻ. Nếu sử dụng đai an toàn không phù hợp, nó có thể tác động một lực mạnh lên vùng bụng của trẻ trong trường hợp va chạm.
- Đặt trẻ nhỏ không thể tự ngồi được vào ghế an toàn trẻ em.
- Khi trẻ trong xe, khóa và đóng các cửa trước khi lái.
- Nếu xe có trang bị túi khí dành cho hành khách, không để trẻ ngồi đối diện với hướng bung ra túi khí. Túi khí khi bung sẽ có thể gây nguy hiểm hoặc tổn thương đến trẻ nhỏ.

LƯU Ý

- Lựa chọn các ghế phụ, ghế chêm hoặc ghế ngồi cho trẻ tùy theo kích thước cơ thể thực tế.
- Ngoài ra cũng cần tuân thủ các quy định của nhà sản xuất các ghế phụ, ghế chêm, ghế ngồi cho trẻ.

Dây đai an toàn V **→ tham khảo trang 3-20**

Đừng Để Trẻ Em Trong Xe Một Mình

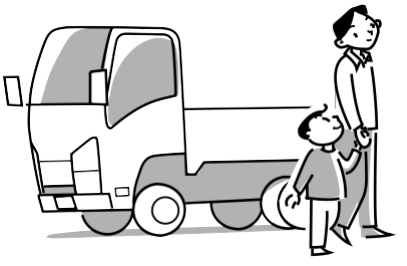

CHÚ Ý

- Đừng bao giờ để trẻ em bên trong cabin một mình trong thời gian dài. Ánh nắng mặt trời sẽ làm tăng nhiệt độ bên trong cabin, gây ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc tính mạng cho trẻ nhỏ.

Không Cho Phép Trẻ Đưa Đầu Hay Tay Chân Ra Khỏi Cửa Sổ

CẢNH BÁO

- Bất kể xe đang di chuyển hay dừng, bạn không bao giờ được cho phép trẻ được đưa đầu, giơ tay hoặc bộ phận khác của cơ thể ra ngoài cửa sổ. Những hành vi như vậy rất nguy hiểm bởi vì trẻ có thể va vào các chướng ngại vật.

Người lớn phải mở hoặc đóng cửa cho trẻ

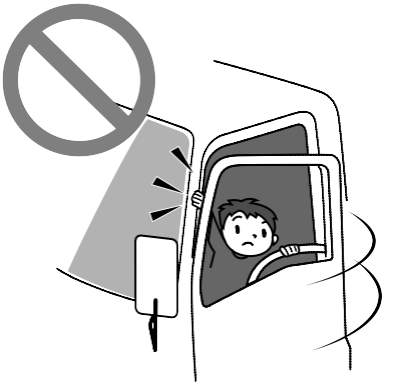

CẢNH BÁO

- Để tránh cho trẻ không bị kẹp tay và đầu, người lớn phải mở, đóng và khóa cửa cho trẻ. Lưu ý không được để trẻ nghịch các công tắc cửa sổ điện và kẹp đầu hoặc tay vào cửa sổ. Khi trẻ ở trong xe, nhớ điều khiển cửa sổ điện bằng các công tắc cửa sổ điện bên cạnh ghế tài xế.

Đóng và mở cửa → Tham khảo trang 3-3

Cửa sổ điều khiển điện V **→ Tham khảo trang 3-7**

Lái xe

Chăm sóc và vận hành hợp lý sẽ không chỉ kéo dài tuổi thọ của xe mà còn giúp tiết kiệm nhiên liệu.

Vận Hành Xe Mới

Hiệu suất và tuổi thọ sau này của xe chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc chăm sóc và xử lý của bạn trong giai đoạn chạy rà. Đề nghị trong giai đoạn chạy rà 1,000km đầu tiên, tài xế tuân thủ các biện pháp sau đây:

1. Hạn chế tốc độ động cơ dưới các mức sau
   - Động cơ 4JB1: 2,800 vòng/phút
   - Động cơ 4JH1: 2,600 vòng/phút
2. Tránh chạy tăng tốc nhanh, khởi động vội và dừng động cơ đột ngột.
3. Cho động cơ chạy cầm chừng đến khi nóng máy.

Kiểm Tra Xung Quanh Trước Khi Khởi Động Xe

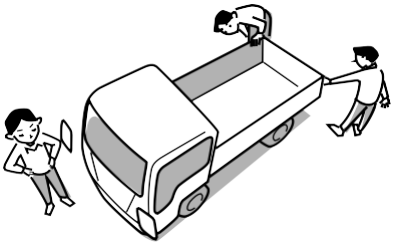

Trước khi chuyển bánh, kiểm tra an toàn kỹ lưỡng, đảm bảo không có trẻ em hoặc chướng ngại vật nào xung quanh xe.

NGUY HIỂM

- Trước khi khởi động động cơ, đảm bảo không có vật liệu dễ cháy ở dưới hoặc xung quanh xe để tránh cháy, nổ. Nếu có vật liệu gỗ trong khoảng cách 50cm so với nguồn nhiệt của xe, gỗ sẽ là một nguồn gây nguy hiểm vì nó có thể bắt cháy.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

Khí Thải

NGUY HIỂM

• Các khí thải chứa carbon monoxide không màu, không mùi và độc hại. Nếu bạn hít phải các khí thải, bạn có thể ngộ độc do carbon monoxide gây tử vong Không để động cơ chạy trong khoảng thời gian dài tại nơi thông gió kém. Việc chạy động cơ trong bãi đậu xe hoặc trong nhà sẽ rất nhiều khí thải và rất nguy hiểm bởi vì bạn có thể bị ngộ độc carbon monoxide gây tử vong.

• Kiểm tra ống xả định kỳ. Nếu phát hiện có hư hỏng (ví dụ: các mối nối hư hại hoặc gãy nứt) hãy đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và bảo trì. Nếu tiếp tục sử dụng xe thì sẽ rất nguy hiểm bởi vì khí ga có thể lọt vào trong xe và gây ngộ độc carbon monoxide dẫn đến tử vong.

• Nếu có lá cây, tuyết,… trên đường lấy gió ngoài, hệ thống thông gió sẽ không hoạt động tốt, hãy loại bỏ vật cản như lá cây, tuyết… Nếu tiếp tục sử dụng xe thì sẽ rất nguy hiểm bởi vì khí ga có thể vào trong xe và gây ngộ độc carbon monoxide dẫn đến tử vong.

• Nếu khí thải lọt vào cabin qua cửa sổ hoặc cửa của xe khi lái, sẽ gây ngộ độc carbon monoxide hoặc tử vong.

• Nếu khí thải lọt vào cabin, thì phải mở tất cả các cửa sổ hoặc đặt chế độ lấy gió ngoài của điều hòa cho xe. Hãy đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và bảo dưỡng ngay lập tức..

Khởi động động cơ

CHÚ Ý

• Phải bảo đảm cần phanh tay đã được kéo.

• Trong model hộp số thường phải bảo đảm cần số ở vị trí "N" và đạp giữ bàn đạp ly hợp xuống hết mức trước khi khởi động máy.

• Phải bảo đảm ngồi vào ghế trước khi khởi động máy. Nếu bạn không ngồi vào ghế ngồi (ví dụ nếu bạn thò đầu vào cửa sổ hoặc qua cửa đang mở), bạn không thể xác định được chính xác cần số có ở vị trí "N“ hay không, khiến cho xe có thể vọt chạy.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

Nếu Không Sử Dụng Xe Trong Thời Gian Dài

KHUYẾN CÁO

- Trước khi sử dụng xe không được lái trong một thời gian dài, hãy kiểm tra động cơ, nhớt hộp số, và bảo đảm nhớt ở mức cần thiết. Nếu nhớt không đủ, nó sẽ không bơm đến các bộ phận cần bôi trơn và dẫn đến hư hỏng.
- Khởi động động cơ và để chạy cầm chừng ít nhất 5 phút, kiểm tra các tiếng động bất thường.
- Để có hướng dẫn về việc làm nóng máy hãy xem phần "Khởi động máy"

Khuyến Cáo Cho Việc Làm Nóng Động Cơ

Động cơ được làm nóng đầy đủ khi kim đo nhiệt độ môi chất nước làm mát động cơ bắt đầu di chuyển.

KHUYẾN CÁO

- Đừng tăng tốc động cơ trước khi máy được làm nóng đầy đủ (nói cách khác đừng để máy nguội). Nhớt có thể không đến được các bộ phận cần bôi trơn nên dẫn đến hư hỏng.

- Ống xả khí thải có thể cực nóng khi máy đang chạy cầm chừng. Trước khi làm nóng máy, phải bảo đảm không có vật bắt lửa (ví dụ cỏ khô, giấy vụn, dầu hoặc bánh xe cũ) ở gần ống xả khí thải.

Lưu Ý Khi Khởi Động Động Cơ Trong Nhà Xưởng

CHÚ Ý

- Động cơ hoạt động trong không gian có hệ thống thông hơi kém sẽ sinh ra nhiều khí carbon monoxide độc hại đến sức khỏe. Hãy khởi động động cơ ở nơi thông thoáng. Ngoài ra, đối với các xe có trang bị bộ xử lý khí thải (DPD), không vận hành xe ở chế độ thủ công DPD trong nhà xưởng. Quá trình đốt cháy khí thải (PM) sẽ sinh ra khói trắng.

Đừng Quên Nhả Cần Phanh Tay

LƯU Ý

- Phanh tay không được nhả hết hoàn toàn có thể dẫn đến hư hỏng hệ thống phanh hoặc cháy bố phanh.

Đèn cảnh báo phanh tay → Tham khảo trang 4-25
Cần phanh tay → Tham khảo trang 4-43

Vận Hành Xe Trang Bị Hộp Số Thường

LƯU Ý

- Nhẹ nhàng gài số 1. Nếu khởi hành xe bằng số cao, khởi hành nhanh hoặc nhấp bộ ly hợp trong một thời gian dài trong khi khởi hành có thể làm hỏng bộ ly hợp.

Sang Số Đúng Cách

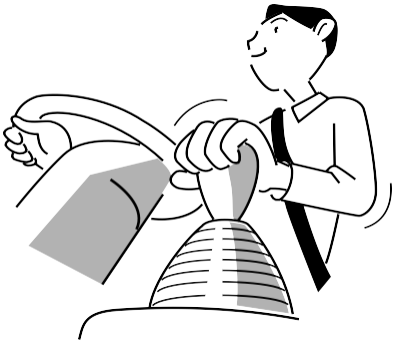

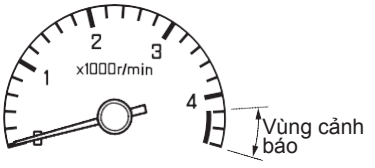

Vùng cảnh báo (vòng/phút)
4,200 - 4,600

KHUYẾN CÁO

•Số thấp được thực hiện với hai mục đích:
- Để giảm tốc độ động cơ hoặc khi xuống dốc dài.
- Để leo dốc.

•Để máy chạy quá tải có thể dẫn đến hư máy. Đừng để máy chạy nhanh khi dùng số thấp.

• Khi leo dốc:
Nên dùng số thấp sớm để tránh cho máy quá tải.

• Khi xuống dốc:
Về cơ bản, bạn nên dùng cùng một số như leo dốc. Lái ở một tốc độ sao cho động cơ không chạy quá tốc độ (vượt quá giới hạn vòng/phút) và kim đồng hồ tốc độ không vào khu vực đỏ

Vận hành xe ở tốc độ thấp hơn Vùng cảnh báo. Vùng cảnh báo thay đổi tùy thuộc vào từng model động cơ khác nhau.

Đồng hồ tốc độ → Tham khảo trang 4-13
Cần số → Tham khảo trang 4-45

LƯU Ý

[Phanh động cơ là gì?]

• Phanh động cơ là hiệu quả phanh xảy ra lúc bạn nhả bàn đạp ga khi đang lái. Số càng thấp thì phanh động cơ càng mạnh.

Không Được Dừng Động Cơ Khi Đang Lái Xe

CẢNH BÁO

•Không xoay công tắc khởi động khỏi vị trí "ON" trong khi xe đang chạy. Nếu động cơ dừng đột ngột khi xe đang di chuyển, các phanh sẽ không hoạt động hiệu quả, tay lái và bàn đạp phanh sẽ trở nên nặng và khó vận hành. Động cơ cũng có thể bị hư hỏng.

• Tắt máy khi đang chạy sẽ cực kỳ nguy hiểm vì bơm trợ lực lái sẽ ngừng hoạt động khiến tay lái khó điều khiển.

•Tắt máy khi đang chạy sẽ rất nguy hiểm bởi vì các đèn cảnh báo, đèn chỉ báo, các hệ thống điện khác cũng sẽ không hoạt động.

•Xoay công tắc về vị trí "LOCK" khi đang chạy sẽ rất nguy hiểm vì chìa khóa có thể rơi ra, khiến tay lái bị khóa lại và không thể đánh lái được.

Lái Xe Xuống Dốc Dài

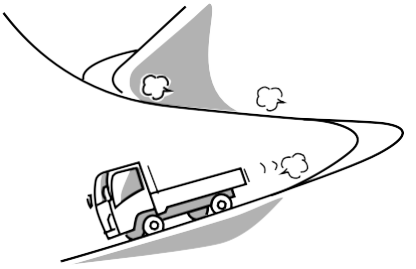

Khi lái xe xuống dốc dài, dùng phương pháp phanh động cơ và phanh khí xả cùng với phanh chân. Dùng phanh khí xả và phanh động cơ ở số thấp sẽ giảm nặng tải cho phanh chân và làm tăng hiệu quả phanh. Vì thế nên dùng phanh chân một cách thích hợp để ngăn ngừa động cơ chạy vượt tốc.

Công tắc phanh khí xả V → **Tham khảo trang 4-37**

CHÚ Ý

•Thường xuyên dùng phanh chân có thể gây bọt khí và mòn phanh, khiến giảm hiệu quả phanh. Dù vậy, nên cẩn thận khi dùng phanh động cơ ở số thấp vì sẽ gây ra tình trạng máy giống như quá trớn.

• Đừng điều chỉnh van phanh khí xả

LƯU Ý

[Phanh động cơ là gì?]

• Phanh động cơ sẽ có hiệu quả khi bạn nhả bàn đạp ga trong khi đang lái. Số càng thấp thì phanh động cơ càng mạnh.

[Phanh khí xả là gì?]

• Phanh khí xả là một hệ thống đóng đường thoát ống xả và dùng sức cản khí thải từ động cơ để tăng hiệu quả phanh động cơ.

[Bọt khí là gì?]

• Nếu phanh quá nóng do dùng thường xuyên, nhiệt độ có thể khiến dầu phanh sôi lên tạo ra các bọt khí trong dầu phanh. Khi đó đạp bàn đạp phanh là ép các bọt khí; sức ép sẽ không truyền vào xy lanh phanh, vì thế hiệu quả phanh suy giảm đáng kể. Hiện tượng này gọi là bọt khí.

Lái Xe Trong Thời Tiết Xấu (Mưa, Tuyết...)

LƯU Ý

•Trong thời tiết xấu, tầm nhìn bị giảm và mặt đường trơn trợt. Hãy lái xe chậm hơn so với khi bạn lái trong thời tiết tốt.
Cũng nên tránh bẻ lái gắt và đạp phanh nhiều. Dùng phanh động cơ cùng với phanh chân để giảm tốc. Dùng phanh khí xả trên mặt đường trơn có thể gây trượt bánh.

LƯU Ý

• Có nguy cơ trượt nước, đặc biệt là khi nước đọng trên mặt đường. Hãy lái với tốc độ cho phép bạn giữ được điều khiển lái an toàn.
• Nếu bạn không thể tránh lái trên đường ngập nước, đầu tiên hãy kiểm tra độ sâu của nước và rồi lái qua ở tốc độ chậm và đều.
•Có nguy cơ nước sẽ lọt vào xy-lanh máy gây hư máy. Giữ tốc độ thấp và lái xe cẩn thận.

LƯU Ý

[Trượt nước là gì?]
•Nếu xe lái ở tốc độ cao trên đường ngập nước, một lớp nước có thể hình thành giữa bánh xe và mặt đường khiến bánh xe không bám và trượt trên mặt nước. Hiện tượng này gọi là trượt nước. Điều này nguy hiểm bởi vì nó khiến tay lái và phanh mất tác dụng.

Lái Xe Trên Đường Ngập Nước Hoặc Đường Ẩm Ướt

CHÚ Ý

• Khi lái xe trên đường ngập nước, đậu trên đường ngập nước hoặc rửa xe, nước có thể lọt vào phanh và giảm hiệu quả của chúng. Nếu sau đó phanh không hoạt động tốt, hãy lái chậm và nhẹ nhàng đạp phanh vài lần cho đến khi phanh khô ráo và hoạt động lại bình thường.

KHUYẾN CÁO

• Nếu xe bị ngập nước hãy mang đến đại lý Isuzu để kiểm tra các hạng mục sau:

- Hiệu quả phanh
- Hư hỏng, rỉ sét của trống phanh
- Nước có lọt vào động cơ hay không
- Ngắn mạch hệ thống điện
- Tình trạng nhớt máy & nhớt cầu
- Mỡ bò trên xe
- Nước có xâm nhập vào hệ thống ly hợp hay không
- Hư hỏng trên hệ thống ly hợp

Lái Xe Trên Đường Có Gió Tạt Ngang

KHUYẾN CÁO

Nếu xe gặp gió thổi lệch xe về một bên, hãy bám chặt vô lăng, giảm xuống tốc độ mà bạn có thể kiểm soát được hoàn toàn và điều chỉnh hướng lái. Xe có thể gặp gió mạnh và bị thổi lệch trong các trường hợp sau đây:

- Đi lên từ một đường hầm, lái xe trên cầu, lái xe trên đường đê hoặc lái xe qua một chỗ giao nhau.
- Một xe tải lớn hoặc xe buýt vượt qua.
- Vượt một xe tải lớn hoặc xe buýt.

Xử Lý Tình Huống Lốp Hết Hơi Khi Đang Lái

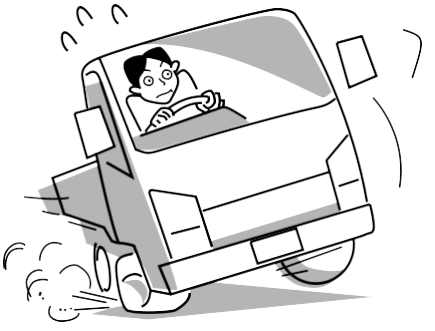

CẢNH BÁO

- Nếu bạn cảm thấy bất thường ở lốp xe khi đang lái, dừng lại ngay ở nơi an toàn. Nếu bạn tiếp tục lái xe khi một lốp xe đã bị xẹp, một lực tác động đột ngột lên các bu-lông bánh xe có thể làm vỡ các bu-lông và làm rời bánh xe.

KHUYẾN CÁO

- Nếu lốp xe hết hơi hoặc bị xì hơi khi bạn đang lái xe, hãy bình tĩnh nắm chặt vô lăng và từ từ phanh để giảm tốc. (Phanh mạnh sẽ rất nguy hiểm bởi vì nó có thể làm cho vô lăng bị kéo sang một bên) Dừng xe ở vị trí an toàn và thay lốp xe.

Bánh Dự Phòng → **Tham khảo trang 7-91**
Con Đội Xe → **Tham khảo trang 7-110**
Thay Bánh Xe → **Tham khảo trang 7-81**

Nếu Gầm Xe Bị Va Chạm

KHUYẾN CÁO

• Nếu gầm xe bị va chạm, dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra có rò rỉ dầu phanh, rò rỉ nhiên liệu và hư hỏng bộ phận nào hay không. Nếu bất kỳ bộ phận nào của xe bị hư hỏng hoặc vỡ, nhanh chóng đưa đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và sửa chữa ngay lập tức.

Nếu Đèn Cảnh Báo / Chỉ Báo Sáng Hoặc Nhấp Nháy

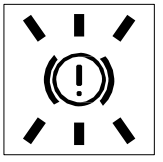

KHUYẾN CÁO

• Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy, không được bỏ qua và không được tiếp tục lái. Phải bảo đảm thực hiện việc điều chỉnh đúng liên quan đến các chỉ thị của các đồng hồ, đèn báo và các đèn chỉ thị.

Bảng Táp-lô → Tham khảo trang 4-10
Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo →Tham khảo trang 4 -16

Dừng Và Đỗ Xe

Đỗ Xe

KHUYẾN CÁO

- Chọn một nơi bằng phẳng được phép dừng và đậu xe, không cản trở lưu thông. Cài phanh tay và bảo đảm xe không di chuyển.
- Tránh đậu xe lâu khi có hàng trên xe.
- Lau sạch mọi vết bẩn khỏi kính đèn xe và tấm phản quang để bảo đảm các xe khác có thể nhìn thấy.

Kéo Phanh Tay

KHUYẾN CÁO

• Ngoại trừ trường hợp khẩn cấp, đừng kéo phanh tay khi xe chưa dừng hẳn. Kéo phanh tay trước khi xe dừng có thể gây hư hỏng cho hệ thống phanh.

Cần Phanh Tay → Tham khảo trang 4-43

Đỗ Xe An Toàn Trên Đoạn Dốc

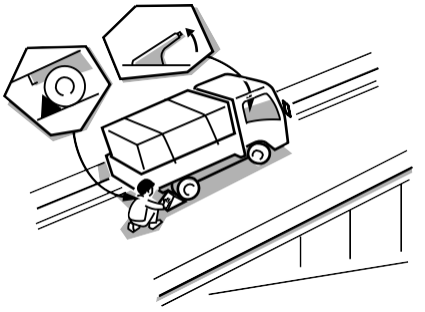

CHÚ Ý

- Tránh đỗ xe trên đường dốc và nên chọn một nơi bằng phẳng. Nếu không thể tránh được đỗ xe trên đường dốc, phải bảo đảm cài phanh tay hoàn toàn, phải chắc chắn đã chặn bánh xe để xe không di chuyển. Đối với các kiểu xe hộp số thường, hãy cài số khác với số N để bảo đảm xe không di chuyển.
- Đánh tay lái sang bên cho xe được dừng bởi một vật cản (ví dụ như bên lề đường), để cản không cho xe di chuyển.

Ngủ trong xe

CẢNH BÁO

Trước khi ngủ trong xe, phải bảo đảm tắt máy và xoay chìa khóa xe qua vị trí "LOCK". Nếu không, các đụng chạm với cần số hoặc bàn đạp ga trong khi ngủ có thể làm xe di chuyển dẫn đến tai nạn.

Nếu bạn để máy nổ và vô tình nhấn ga trong khi ngủ, động cơ và ống xả có thể nóng bất thường dẫn đến cháy nổ

Nếu bạn để động cơ hoạt động trong lúc ngủ, và xe đang đậu ở một nơi mà khí xả có thể lọt vào cabin (nơi không được thông gió tốt) bạn có thể nhiễm độc khí CO_2.

Để Xe Tránh Xa Vật Liệu Dễ Cháy

CHÚ Ý

- Ống xả sẽ cực nóng ngay lập tức sau khi xe vận hành. Trước khi đậu phải bảo đảm khu vực xung quanh không có những vật dễ bắt cháy (ví dụ: cỏ khô, giấy vụn, dầu hoặc bánh xe cũ). Lưu ý đặc biệt khi đậu xe trong gara.
- Lưu ý khí thải khi máy chạy cầm chừng. Đặc biệt cẩn trọng khi PTO (nếu xe bạn có trang bị PTO) đang hoạt động trong khi máy đang nổ cầm chừng.

Dừng Và Đỗ Xe Trong Khi Động Cơ Đang Hoạt Động

CẢNH BÁO

•Khi dừng và đậu xe với động cơ đang hoạt động, phải bào đảm chuyển tay số vào vị trí "N". Sau đó cài chắc phanh tay. Nếu bạn không thực hiện các bước này thì bất kỳ sự vô tình nào đạp lên bàn đạp ga đều có thể gây tai nạn.

CHÚ Ý

•Để tránh hỏa hoạn, phải bảo đảm không có vật dễ cháy gần bộ giảm thanh, ống xả. Hãy cẩn thận đừng để phỏng bởi khí thải.

Đừng Chạm Cần Số Khi Xe Đang Đỗ Và Động Cơ Đang Hoạt Động

CẢNH BÁO

- Đừng chạm cần sang số khi xe đậu và máy đang nổ. Nếu bạn chạm cần sang số vào lúc này, số sẽ được gài và xe di chuyển ngay cả khi phanh tay đã được kéo.

Bảo Đảm Động Cơ Hoạt Động Khi Xe Đang Di Chuyển

CHÚ Ý

•Khi động cơ không hoạt động, hệ thống điều khiển lái không hoạt động vì thế tay lái rất khó đánh lái. Bộ phận trợ lực phanh cũng không hoạt động nên hiệu quả phanh sẽ giảm. Nếu xe xuống dốc nhưng máy không nổ thì bạn không thể điều khiển xe chính xác và có thể gặp tai nạn.

Kiểm Tra Xung Quanh Trước Khi Mở Cửa

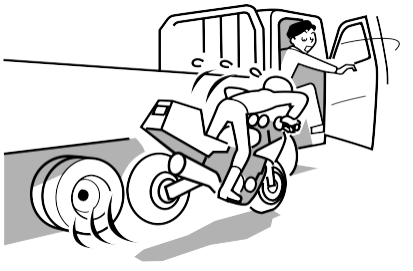

CHÚ Ý

•Trước khi mở cửa, kiểm tra khu vực xung quanh xe bằng cách nhìn về phía trước, phía sau và các bên. Nếu bạn mở cửa bất chợt mà không nhìn khu vực xung quanh, cửa có thể va vào xe khác hoặc người đi bộ.

Rời Khỏi Xe

CẢNH BÁO

Khi rời khỏi xe, phải bảo đảm kéo phanh tay, tắt máy và khóa cửa. Đừng để các vật quý giá ở nơi có thể nhìn thấy từ bên ngoài xe.

• Nếu bạn đi cùng với trẻ em, đừng để trẻ em một mình trong xe. Nếu trẻ em chạm vào các bộ phận điều khiển và thiết bị, tai nạn có thể xảy ra. (Ví dụ xe có thể di chuyển hoặc có hỏa hoạn.) Trong cabin cũng có thể trở nên nóng một cách nguy hiểm vào mùa hè.

• Đừng bỏ lại kính mát hoặc bật lửa trong xe; nếu nhiệt độ trong cabin tăng cao, bật lửa có thể bị nổ, kính mát bằng nhựa có thể biến dạng hoặc nứt.

Tiếng Khua Từ Bộ Giảm Thanh

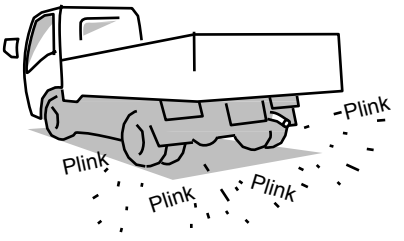

LƯU Ý

Ngay khi tắt máy bạn có thể nghe tiếng khua từ bộ giảm thanh.

Âm thanh này xảy ra khi bộ giảm thanh nguội dần và co lại. Đây không phải hiện tượng bất thường hay hư hỏng.

Chuẩn Bị Lái Khi Xe Đã Đỗ

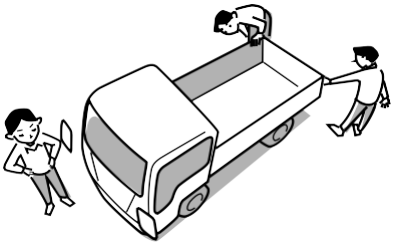

Trước khi khởi hành, thực hiện việc kiểm tra an toàn xung quanh xe, phải bảo đảm là không có trẻ con hoặc vật cản xung quanh xe.

Lùi Xe

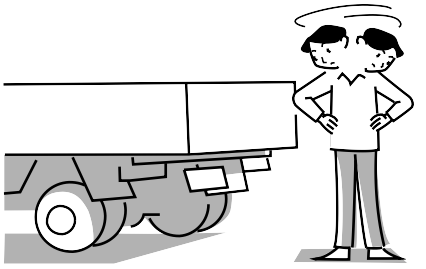

Nếu bạn không thể nhìn khu vực sau xe đủ rõ để biết an toàn, hãy ra khỏi xe và kiểm tra đằng sau.

Khởi Hành Sau Khi Tạm Dừng

CHÚ Ý

- Hãy tập ra thói quen nhìn quanh để chắc chắn được an toàn khi khởi hành sau khi tạm dừng (ví dụ: khi dừng ở đèn lưu thông).

An Toàn

Khi Môi Chất Nước Làm Mát Bị Nóng

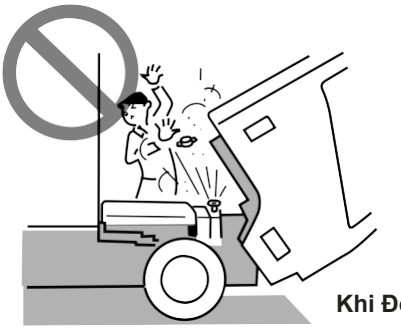

CẢNH BÁO

•Đừng vặn hoặc tháo nắp két nước khi dung dịch làm mát bị nóng. Làm như thế có thể gây nguy hiểm vì hơi và nước nóng có thể phun ra.

Khi Động Cơ Quá Nhiệt → Tham khảo trang 8-21

Khi Bầu Giảm Thanh Và Ống Xả Bị Nóng

CHÚ Ý

•Khi động cơ hoạt động và ngay sau khi xe vận hành, bầu giảm thanh và ống xả cực kỳ nóng. Hãy cẩn thận đừng chạm vào chúng, nếu không bạn sẽ bị phỏng.

Sau Khi Dùng Gạt Tàn Thuốc

CẢNH BÁO

- Phải bảo đảm đóng nắp gạt tàn sau khi dùng. Nếu không, các mẩu thuốc lá chưa tắt có thể gây cháy các mẩu thuốc khác, dẫn đến hỏa hoạn.
- Đừng để gạt tàn quá đầy các mẩu thuốc lá. Cũng đừng bỏ vật bắt lửa vào gạt tàn.

Gạt tàn V **→ Tham khảo trang 5-180**

Đừng Dán Vật Linh Tinh Vào Kính Xe

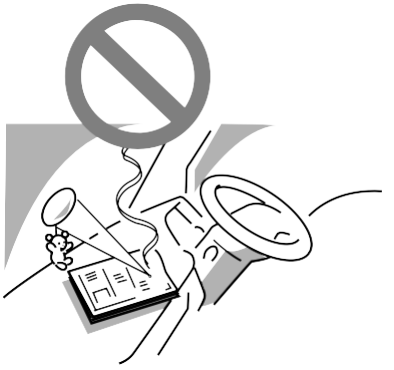

CẢNH BÁO

- Đừng dán các vật trang trí, phim hoặc vật linh tinh khác vào kính chắn gió hoặc kính cửa sổ xe. Chúng có thể che tầm nhìn.

Đừng Dùng Điện Thoại Khi Lái Xe

CHÚ Ý

- Nghe điện thoại trong khi lái xe sẽ làm tài xế mất tập trung và thiếu linh động đánh lái khi xử lý tình huống bất ngờ. Vì vậy, không được phép sử dụng điện thoại trong khi lái xe.
- Nếu muốn sử dụng điện thoại khi đang lái xe thì việc đầu tiên là phải dừng xe ở nơi an toàn.

Sử Dụng Con Đội

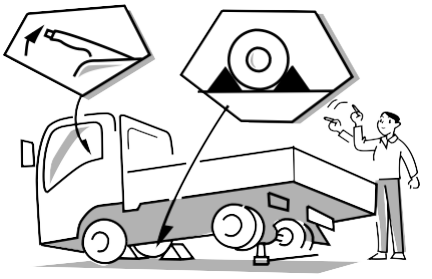

CẢNH BÁO

- Đội xe trên đường dốc hoặc đất mềm có thể cực kỳ nguy hiểm. Phải bảo đảm đội xe ở mặt đất cứng và bằng phẳng.
- Đặt con đội ở vị trí đúng. Đừng quên kéo phanh tay và đặt các vật chêm quanh bánh xe.
- Khi bánh sau được đội lên thì phanh tay không tác dụng. Nếu không đặt các vật chêm vào đúng vị trí sẽ gây nguy hiểm vì xe có thể di chuyển.
- Đừng nhìn dưới gầm xe hoặc chui vào gầm xe khi xe đang được nâng lên. Làm vậy sẽ rất nguy hiểm.

Dụng Cụ → Tham khảo trang 7-7

Sử Dụng Con Đội → Tham khảo trang 7- 110

Khi Bình Accu Hết Điện

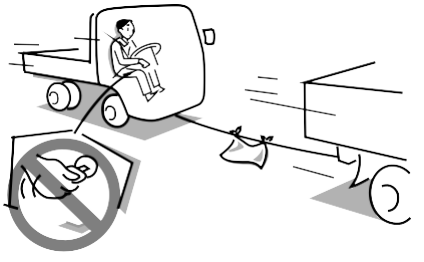

CHÚ Ý

•Không khởi máy bằng cách đẩy hoặc kéo xe. Bạn có thể làm hư động cơ.

Khởi Động

Khi Bình Accu Hết Điện → Tham khảo trang 8-13

Ngăn Ngừa Hư Hỏng

Đừng Đặt Chân Lên Bàn Đạp Ly Hợp Khi Lái Xe M/T

KHUYẾN CÁO

•Nếu bạn đặt chân trên bàn đạp ly hợp trong khi lái xe, bộ ly hợp có thể nhả ra một phần mà bạn không nhận ra, khiến cho các bố ly hợp mòn và bị trượt. Cũng đừng dùng ly hợp để kềm giữ xe (thay vì dùng phanh), ví dụ khi lên dốc.

Dầu Nhớt Có Dơ Hay Không?

KHUYẾN CÁO

•Nhớt động cơ có chức năng quan trọng sau đây:
-Chống ăn mòn cho các bộ phận động cơ.
- Làm mát các bộ phận động cơ.
- Làm sạch các bộ phận động cơ.
- Làm kín buồng đốt và chống gỉ.

Hãy thay thế nhớt động cơ định kỳ.

Kiểm Tra Xe Hằng Ngày → Tham khảo trang 7 -18
Nhớt Động Cơ → Tham khảo trang 7-22
Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139

Đừng Leo Lên Động Cơ

KHUYẾN CÁO

- Đừng bước lên hoặc leo lên động cơ, bạn có thể làm hư các nắp đậy xy lanh hoặc các khớp nối khác.

Đừng ĐanhTay Lái Đánh Hết Mức Trong Thời Gian Dài

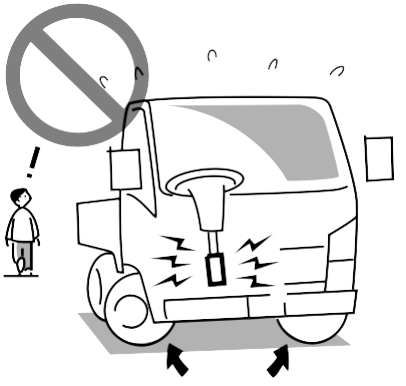

CẢNH BÁO

•Nếu bạn để tay lái đánh hết mức trong một thời gian dài, dầu trong bộ phận bơm trợ lực lái sẽ trở nên cực nóng, điều này khiến việc bôi trơn không tốt, dẫn đến bơm dầu trợ lực lái bị hư, hệ thống điều khiển lái hư. Kết quả là tay lái rất khó điều khiển, dễ gây tai nạn hoặc hỏa hoạn.

Bảo Đảm Xe Được Kiểm Tra Định Kỳ

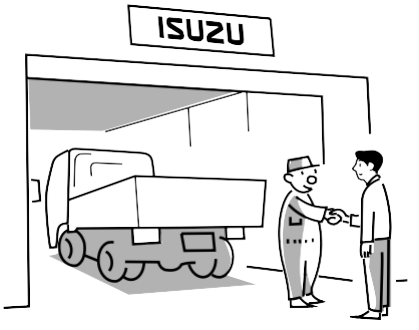

KHUYẾN CÁO

•Kiểm tra và bảo dưỡng có thể giúp bạn yên tâm sử dụng xe. Chúng cũng kéo dài tuổi thọ của xe.

Kiểm Tra Xe Hằng Ngày → Tham khảo trang 7 -16
Nhớt Động Cơ → Tham khảo trang 7-22
Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139

Khi Đến Đại Lý Isuzu

Không Thay Đổi Kết Cấu Xe

CHÚ Ý

•Gắn các bộ phận không thích hợp vào xe có thể dẫn đến hư hỏng hoặc tai nạn. Để điều chỉnh (ví dụ điều chỉnh động cơ) và lắp các thiết bị, hãy tham vấn đại lý Isuzu.
• Nếu bạn muốn gắn các chi tiết khác vào xe, hãy tham vấn đại lý Isuzu.

Hãy Để Đại Lý Isuzu Thực Hiện Việc Điều Chỉnh Động Cơ

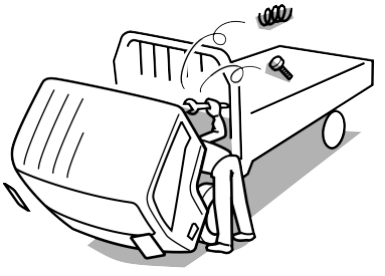

CHÚ Ý

• Đừng tự điều chỉnh động cơ. Hãy để đại lý Isuzu làm điều đó

Hàn Điện

KHUYẾN CÁO

• Hàn điện bất cẩn trên các bộ phận xe có thể khiến dòng điện hàn chạy ngược vào mạch tiếp mát của xe và gây hư hỏng các bộ phận điện và điện tử khiến chúng không hoạt động bình thường. Khi cần hàn điện, hãy tham vấn đại lý Isuzu

Thay Lốp Xe Và Bánh Xe

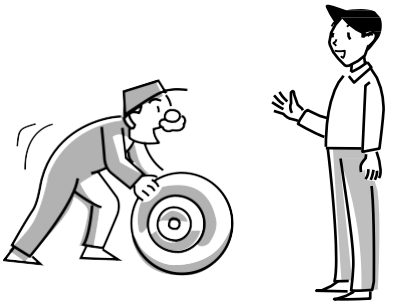

CHÚ Ý

• Tham vấn đại lý ISUZU trước khi thay lốp xe hoặc bánh xe. Đừng dùng bánh xe không đúng thiết kế cho xe, lốp xe khác loại hay lốp xe không có kích thước chỉ định. Làm thế sẽ suy giảm hoạt động an toàn của xe.

Bánh Xe Và Lốp Xe → Tham khảo trang 7-72
Thanh Bánh Xe → Tham khảo trang 7-81

Lắp Thiết Bị Điện

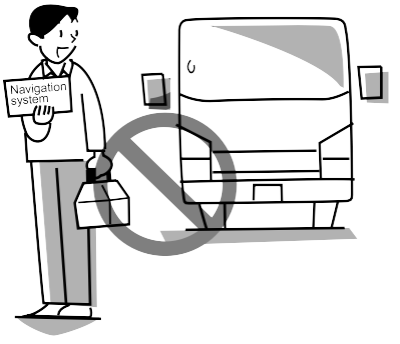

CẢNH BÁO

• Lắp đặt hoặc tháo radio, loa hoặc các thiết bị điện khác không đúng cách có thể ảnh hưởng xấu đến các thiết bị điện trên xe và gây hư hỏng hoặc cháy, nặng hơn có thể làm nổ túi khí trong xe. Hãy đảm bảo rằng các thiết bị điện trên xe được tháo lắp bởi đại lý Isuzu

KHUYẾN CÁO

[Lắp đặt thiết bị radio]
Không lắp đặt bất kỳ thiết bị radio, thiết bị vô tuyến hoặc ăng ten không đạt tiêu chuẩn lên xe. Tiếng ồn từ bộ vô tuyến có thể gây nhiễu điện từ với thiết bị điện, điện tử trên xe và các hệ thống khác, kết quả có thể làm hỏng xe hoặc làm cho các thiết bị điện tử không hoạt động bình thường Hãy hỏi ý kiến của đại lý Isuzu nếu muốn lắp đặt thiết bị vô tuyến.

Tua-bin Tăng Áp (Turbo Tăng Áp) V

Động Cơ Bắt Đầu Hoạt Động

Khởi động động cơ và để động cơ hoạt động ổn định trước khi tăng tốc; việc này sẽ giúp các chi tiết bạc đạn bên trong tua-bin được bôi trơn đầy đủ. Tránh bị hỏng hóc do thiếu bội trơn.

Động Cơ Dừng Hoạt Động

KHUYẾN CÁO

Sau khi chạy xe với tốc độ cao, hãy để động cơ chạy cầm chừng khoảng 3 phút trước khi tắt máy; điều này sẽ giúp tua-bin tăng áp giảm tốc độ quay về mức bình thường, giúp kéo dài tuổi thọ của tua-bin tăng áp.

Bộ Lọc & Xử Lý Khí Thải V

Bộ lọc & xử lý khí thải dùng nhiệt để đốt & chuyển hóa các thành phần chưa cháy sạch trong khí thải thành hơi nước và carbon dioxide.

Diễn giải một cách cơ bản, khi động cơ hoạt động ở tốc độ cầm chừng, nhiệt độ khí xả sẽ thấp, lúc này bộ lọc và xử lý khí thải sẽ chưa hoạt động. Các thành phần trong khí xả chưa cháy sạch sẽ tích tụ ở bộ lọc. Khi động cơ bắt đầu tăng tốc, nhiệt độ khí xả sẽ tăng cao và đốt nóng bộ lọc làm các chất bám vào bộ lọc được tống ra ngoài dưới dạng khói trắng. Lượng khói trắng nhiều hay ích phụ thuộc vào thời gian động cơ đã hoạt động ở tốc độ thấp dài ra sao.

KHUYẾN CÁO

- Đối với các xe đạt tiêu chuẩn Euro IV, nhiên liệu diesel phải là loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh không lớn hơn 0,001.
  Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ khiến cho việc bôi trơn bên trong hệ thống nhiên liệu giảm đi, dễ làm ghẹt lọc nhiên liệu, ảnh hưởng đến chất lượng kim phun…và có khả năng dẫn đến cả hư hỏng động cơ.
- Đường ống xả và bầu giảm thanh có nhiệt độ cực nóng kể cả khi xe đã dừng. Lưu ý đừng tự ý đụng vào hệ thống ống xả hoặc độ chế, thay đổi kết cấu đường ống xả.

KHUYẾN CÁO

- Để giảm lượng khói trắng tạo ra trong quá trình xử lý khí thải, giảm thiểu tác động đến môi trường & tránh tình trạng ấm lên toàn cầu…đừng để xe hoạt động ở tốc độ cầm chừng ở thời gian quá dài.

CHÚ Ý

- Khi động cơ bắt đầu tăng tốc sau một thời gian hoạt động ở tốc độ cầm chừng quá dài, một lượng lớn khói trắng sẽ được tống ra khỏi ống xả. Hiện tượng này là bình thường, không phải là hư hỏng.
- Nguyên nhân là lúc này bộ lọc & xử lý khí thải đang đốt lại các tạp chất cháy chưa sạch trên bộ lọc, chuyển hóa chúng thành hơi nước và carbon dioxide
- Bộ lọc và xử lý khí thải này nằm bên trong bầu giảm thanh và không thể tháo rời.

Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng

Việc kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ là cần thiết để tránh các hư hỏng xảy ra cho xe. Hãy luôn tuân thủ các khuyến cáo bảo dưỡng..

Nếu xe phát sinh các hiện tượng như bảng miêu tả dưới đây, hãy kiểm tra và xử lý theo hướng dẫn.
Nếu bạn không thể tự xử lý các trục trặc này, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được tư vấn, kiểm tra, sửa chữa.

Hiện tượng	Lý do	Cách xử lý	Tham khảo
Khói trắng	Động cơ chưa nóng	Làm nóng động cơ.	4-32
	Quá nhiều nhớt động cơ	Châm đúng lượng nhớt	7-22
	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ	◎	—
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	◎	—
	Để động cơ xe hoạt động cầm chừng quá lâu (hơn 2 giờ)	Ấn bàn đạp ga và kiểm tra lượng khói có giảm hay không	
Khói đen	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ	◎	—
	Nghẹt lọc gió	Vệ sinh hoặc thay thế	7-44 7-46
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	◎	—
	Nghẹt hệ thống xả	◎	—

KHUYẾN CÁO

- Với các hạng mục có kí hiệu ◎, việc kiểm tra sửa chữa nên được thực hiện bởi các đại lý Isuzu.

Dữ Liệu Hoạt Động Của Xe

Với việc trang bị hệ thống điều khiển điện tử trên xe, các thông số về tình trạng hoạt động của xe, thói quen của tài xế, mức tiêu hao nhiên liệu…đều được lưu trữ tại hộp điều khiển trên xe. Các thông tin dữ liệu này sẽ được Isuzu phân tích để cải tiến sản phẩm hoặc phục vụ cho công tác chăm sóc khách hàng.

CỬA, KÍNH CỬA VÀ GHẾ NGỒI

3

● Chìa Khoá	3-2
● Mở và Đóng Cửa	3-3
● Ra Vào Xe	3-6
● Kính Cửa Sổ Điện V	3-7
● Kính Cửa Tay Quay	3-8
● Nắp Thùng Nhiên Liệu	3-9
● Thùng Lửng V	3-11
● Ghế	3-14
● Điều Chỉnh Độ Nghiêng Tay Lái	3-17
● Gương Chiếu Hậu	3-18
● Dây Đai An Toàn	3-20

Chìa Khóa

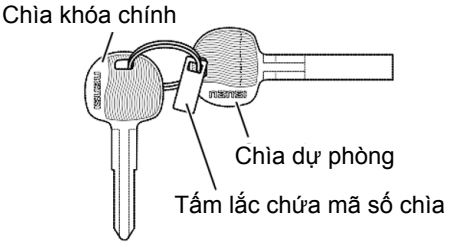

Cả hai mặt chìa khóa giống nhau, vì vậy bạn có thể cắm chìa khóa vào công tắc khởi động với chiều nào cũng được.
Mã số chìa khóa được ghi trên một miếng kim loại riêng để ngăn không cho người lạ sử dụng.

Nơi Nào Để Sử Dụng Chìa Khoá?

Nơi Dùng	Chức Năng
Công Tắc Khởi Động	Khởi Động Và Tắt Máy
Cửa Trước	Mở Và Khoá Cửa
Nắp Thùng Nhiên Liệu	Khoá và Mở Khoá Nắp Thùng Nhiên Liệu

KHUYẾN CÁO

• Luôn giữ chìa khóa sạch sẽ, không để dính quá nhiều đất cát.

LƯU Ý

•Để chống trộm, hãy cất thẻ kim loại có mã chìa khóa vào nơi an toàn bên ngoài xe.

•Nếu bạn mất chìa khóa, vui lòng trao số chìa khóa cho đại lý Isuzu gần nhất. Đại lý Isuzu có thể làm lại chìa khóa cho bạn.
•Nếu bạn bán lại xe, hãy nhớ giao tấm thẻ kim loại có mã số chìa khóa cho chủ mới cùng với xe.

Mở Và Đóng Cửa

CHÚ Ý

- Phải bảo đảm theo các bước sau đây khi bạn rời khỏi xe:

  1) Kéo phanh tay. 2) Tắt máy. 3) Khóa cửa.

- Khi đóng cửa, sau khi ngồi vào ghế, hãy kiểm tra cửa được đóng hoàn toàn hay chưa. Lái xe với cửa khép hờ rất nguy hiểm.
- Trước khi mở cửa để leo ra vào cabin, hãy kiểm tra cẩn thận khu vực xung quanh xe có an toàn hay không, đặc biệt là khu vực phía sau xe.
- Không bao giờ để lại chìa khóa trong xe.
- Chỉ nâng cabin khi đã đóng chặt cửa.

Khóa Và Mở Khóa Cửa Trước

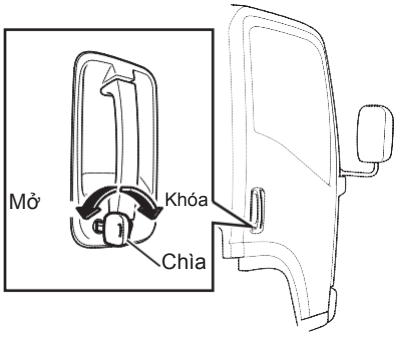

Dùng Chìa Khóa Để Khóa Và Mở Khóa Cửa

Đút chìa khóa vào ổ.

Vặn chìa khóa về phái trước xe để khóa và vặn về phía sau xe để mở khóa

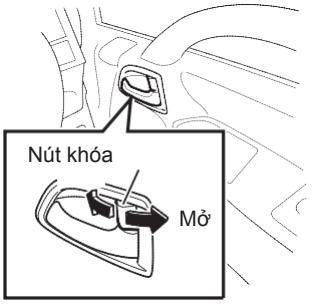

Khóa Và Mở Khóa Từ Bên Trong

Đẩy nút khóa về phía trước để khóa cửa, kéo nút khóa ra sau đểmở khóa. Sau khi mở khóa, mở cửa bằng cách kéo tay nắm cửa bên trong.

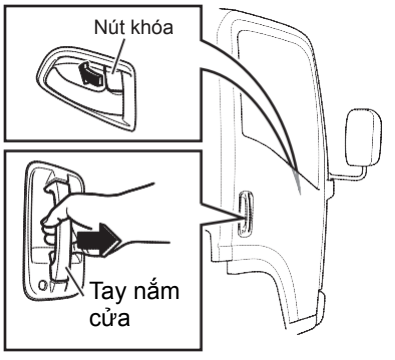

Khóa Cửa Từ Bên Ngoài Nhưng Không Dùng Chìa

Đầu tiên đẩy nút khóa trên tay nắm cửa phía bên trong về phía trước và rồi đóng mạnh cửa trong khi nâng tay nắm cửa bên ngoài.

KHUYẾN CÁO

•Trước khi đóng cửa, phải nhớ cầm theo chìa khóa

Khóa Cửa Trung Tâm (Khóa Tự Động) V

Cách hoạt động của hệ thống khóa cửa tự động
Khi bạn khóa hoặc mở khóa cửa bên tài xế dùng chìa hoặc bằng cách ấn nút khóa, hệ thống khóa tự động khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa đồng thời.

Đóng Và Mở Cửa

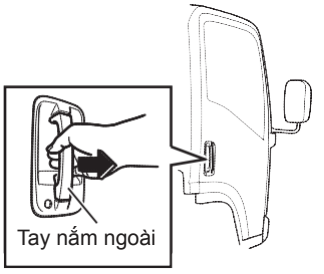

Từ Bên Ngoài

Để mở cửa, kéo tay nắm cửa.
Để đóng cửa, ấn tay nắm cửa.

Từ Bên Trong Xe

Để mở cửa, kéo tay nắm trong.

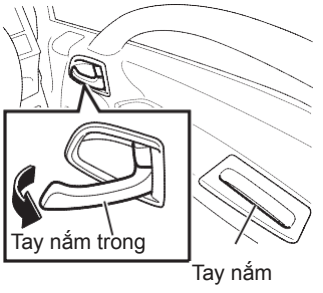

KHUYẾN CÁO

- Trước khi rời khỏi xe, nhớ khóa cửa xe cẩn thận và mang theo chìa khóa.

Ra Vào Xe

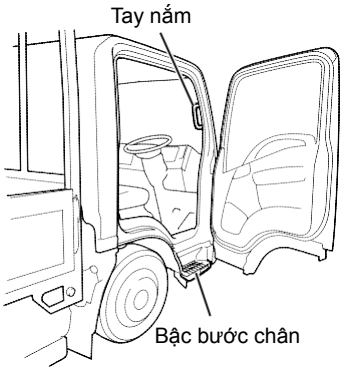

Kiểm tra cẩn thận khu vực xung quanh xe để đảm bảo an toàn, giữ tay nắm. Khi bước ra hoặc vào trong xe, đặt chân lên bậc rồi bước lên xe.

CHÚ Ý

•Khi vào hoặc ra khỏi xe, hãy sử dụng các tay nắm, bậc cửa xe, ... để bạn luôn luôn được đỡ từ ít nhất 3 điểm. Hơn nữa, không được nhảy vào hoặc nhảy ra khỏi xe, vì làm như vậy sẽ gây tai nạn hoặc bị thương.

•Trên các xe có bậc cửa bước lên xe, hãy bước lên đây trước khi bước vào trong xe.
•Vào hoặc ra khỏi xe khi tay hoặc giày có dính dầu nhớt có thể làm bạn bị trượt. Luôn luôn lau sạch dầu nhớt khỏi tay và giày của bạn trước khi vào hoặc ra khỏi xe.
•Mưa và tuyết có thể làm cho bậc cửa trơn trượt. Do vậy, luôn luôn làm sạch tuyết và băng khỏi giày và bậc cửa và cẩn thận không để trượt ngã khi vào hoặc ra khỏi xe.
•Cẩn thận khi mở hoặc đóng cửa vì gió mạnh hoặc độ dốc sâu có thể làm cho cửa mở hoặc đóng đột ngột.

KHUYẾN CÁO

- Không nên bám vào bộ phận khác ngoài tay nắm khi ra vào xe. Làm vậy có thể gây ra nguy hiểm cho xe hoặc gây ra chấn thương cho mình hoặc người khác.

Kính Cửa Điều Khiển Điện V

Kính cửa điều khiển điện chỉ hoạt động khi công tắc khởi động ở vị trí "ON". Mở kính cửa bằng cách ấn công tắc cửa sổ; đóng mỗi cửa sổ bằng cách kéo công tắc lên.

CẢNH BÁO

•Trước khi đóng cửa sổ, phải bảo đảm không có rủi ro nào do tay, đầu hoặc bất cứ gì khác bị kẹt trong khi cửa sổ di chuyển, vì như thế sẽ dẫn đến thương tổn nghiêm trọng. Đặc biệt khi có trẻ em.

Công Tắc Điều Khiển Kính Trên Cửa Tài Xế

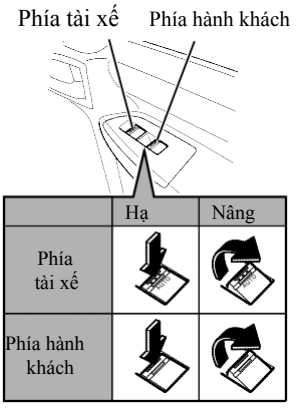

Để Mở Cửa Sổ Bên Tài Xế

Ấn nhẹ công tắc kính cửa bên tài xế, sẽ hạ kính cửa tài xế xuống cho đến khi công tắc được nhả (vận hành bằng tay). Khi công tắc được ấn mạnh, kính cửa sẽ hạ xuống hoàn toàn mà không cần ấn công tắc liên tục (vận hành tự động). Nếu bạn muốn ngừng chuyển động kính cửa tự động trước khi nó hạ xuống hoàn toàn thì kéo nhẹ công tắc lên.

Để Đóng Cửa Sổ Bên Phía Tài Xế

Kéo nhẹ công tắc kính cửa tài xế sẽ làm kính cửa tài xế di chuyển lên cho đến khi công tắc được nhả.

Để Mở Cửa Sổ Bên Phía Hành Khách

Kính cửa hành khách tiếp tục hạ xuống khi bấm công tắc bên phía hành khách trên cửa tài xế

Để Đóng Cửa Sổ Bên Hành Khách

Kính cửa hành khách tiếp tục di chuyển lên khi kéo công tắc phía hành khách nằm trên cửa tài xế.

Công Tắc Nâng Hạ Kính Cửa Hành Khách

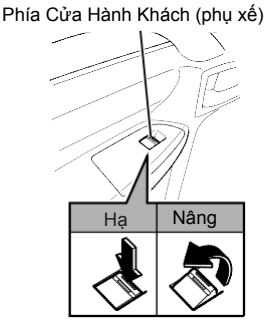

CHÚ Ý

• Phải cảnh báo hành khách (đặc biệt trong trường hợp có trẻ nhỏ), không được để bất kỳ phần cơ thể nào bị kẹt khi kính cửa đang di chuyển.

Kính cửa tiếp tục hạ xuống khi công tắc kính cửa đang ấn và tiếp tục di chuyển lên khi công tắc đang được kéo. Nó sẽ ngừng di chuyển ở bất kỳ vị trí nào khi nhả công tắc.

LƯU Ý

• Khi công tắc khóa cửa sổ ở vị trí "LOCK", không thể nâng/hạ kính phía hành khách

Kính Cửa Tay Quay V

Tay Quay Nâng Hạ

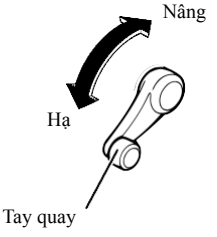

Quay tay quay như hình hướng dẫn để nâng hạ kính cửa.

Nắp Thùng Nhiên Liệu

CẢNH BÁO

• Phải bảo đảm xoay công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "LOCK" để tắt động cơ trước khi châm nhiên liệu cho xe. Châm nhiên liệu cho xe trong khi động cơ đang chạy sẽ gây ra hỏa hoạn trong xe.
• Khi châm nhiên liệu, không bao giờ hút thuốc hoặc để một nguồn đánh lửa gần bên. Sẽ có nguy cơ hỏa hoạn.
• Sau khi châm nhiên liệu, nắp thùng nhiên liệu phải được khóa chặt.
• Không sử dụng nắp thùng nhiên liệu không phải là phụ tùng chính hãng của Isuzu. Việc sử dụng nắp thùng nhiên liệu không chính hãng có thể làm trào nhiên liệu trong trường hợp xe bị sự cố bất ngờ. Sử dụng nắp thùng nhiên liệu không chính hãng cũng có thể ảnh hưởng đến hệ thống nhiên liệu và hệ thống kiểm soát khí thải.
• Nhớ lau sạch nhiên liệu bị dính khi châm nhiên liệu.

CHÚ Ý

• Sử dụng nhiên liệu diesel. Đối với các kiểu xe đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Euro 5, hãy sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (hàm lượng lưu huỳnh 10ppm hoặc thấp hơn)

• Việc sử dụng nhiên liệu diesel có chất lượng thấp do pha trộn chất phụ gia như là chất khử nước trong nhiên liệu trong bình chứa, hoặc đổ nhầm xăng, dầu hỏa, nhiên liệu gốc cồn hoặc hỗn hợp của nó với nhiên liệu diesel sẽ làm ảnh hưởng xấu đến bộ lọc nhiên liệu và kim phun. Ngoài ra, việc dùng không đúng nhiên liệu cũng làm giảm khả năng vận hành của động cơ và hệ thống làm sạch khí thải, có thể gây ra hỏng hóc các hệ thống liên quan đến động cơ. Nếu đổ nhầm nhiên liệu, hãy xả toàn bộ nhiên liệu ra khỏi hệ thống. Việc không tuân thủ khuyến cáo này có thể gây ra cháy hoặc hư hỏng vĩnh viễn khi khởi động động cơ.

• Việc không sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp và cực thấp cho xe đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 5 có thể làm cho xe không đạt được các tiêu chuẩn về khí thải quy định.

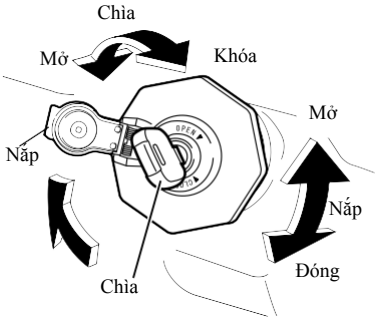

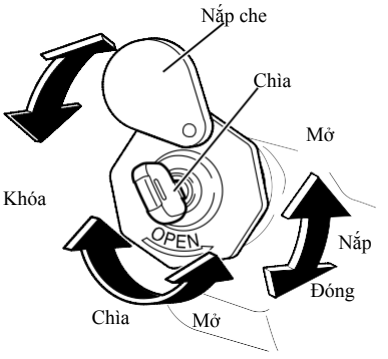

Mở Và Đóng Nắp Thùng Nhiên Liệu

1. Mở nắpche, sau đó ghim chặtchìa khóa và xoay về bị trí “Mở”.
2. Vặn nắp từ từ theo ngược chiều kim đồng hồ để mở.
3. Châm nhiên liệu vào thùng.
4. Vặn kỹ nắp thùng nhiên liệu vào thùng nhiên liệu.
5. Vặn chìa khóa về vị trí "Khóa" để khóa nắp thùng nhiên liệu.
6. Kéo chìa khóa ra, sau đó kiểm tra chắn chắn nắp thùng nhiên liệu đã được đóng nắp an toàn.

CẢNH BÁO

• Nếu nắp thùng nhiên liệu không đóng chặt, nhiên liệu rỏ rỉ có thể phát cháy khi lái xe.
• Đừng châm nhiên liệu tràn quá vạch max trong thùng chứa.

Thùng Lửng V

Thùng Lửng

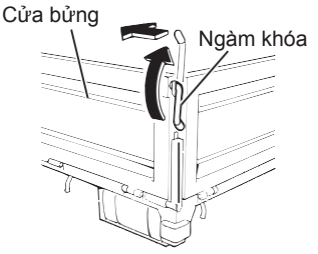

Cách mở cửa bửng sau

Kéo ngàm khóa lên trên và mở cửa bửng sau.

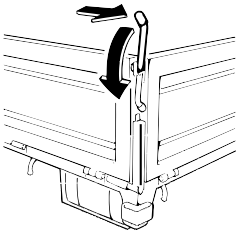

Cách đóng cửa bửng sau

Đóng cửa và kéo ngàm khóa xuống dưới

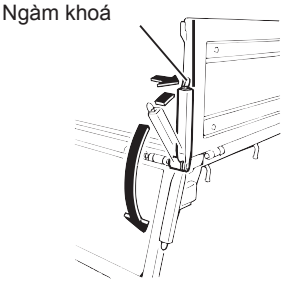

1. Ấn vào cần gài và kéo ngàm khoá ra khỏi móc khoá

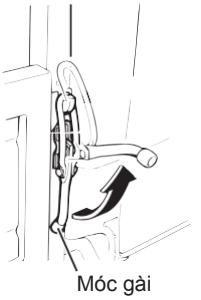

2..Mở khoá móc gài để hạ cửa bửng.

Cách đóng cửa bửng thùng lửng

Thực hiện theo quy trình ngược lại

Khung chặn hàng

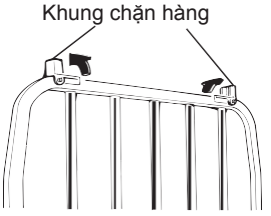

Lắp đặt thêm khung chặn hàng nếu bạn có nhu cầu ngăn ngừa hàng hóa trên thùng xe bị trượt và rơi ra ngoài

CHÚ Ý

- Khung chặn hàng chỉ có thể chặn được các hàng hóa ít và nhẹ.

Ghế

Ghế ngồi tài xế phải được điều chỉnh sao cho khi ngồi dựa vào ghế, bạn có thể nhấn hết các bàn đạp mà không cần phải chồm ra khỏi ghế, bạn có thể điều khiển tay lái dễ dàng và thoải mái. Sau khi thực hiện các điều chỉnh, phải kiểm tra ghế ngồi đã được khóa chặt chưa.
Điều chỉnh ghế ngồi để có vị trí lái xe đúng là một phần cơ bản của việc lái xe an toàn

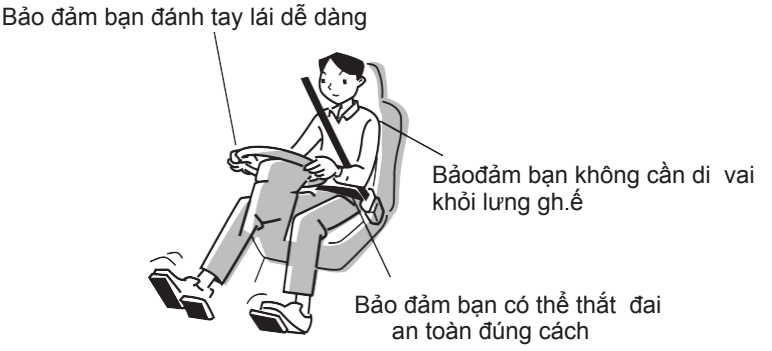

Bảo đảm bạn có thể nhấn hết các bàn đạp

CẢNH BÁO

- Lưu ý khi điều chỉnh ghế, bất kỳ một lỗi nào cũng có thể gây nguy hiểm.
- Không cho phép trẻ em tự ý điều chỉnh ghế, người lớn phải điều chỉnh cho trẻ.
- Điều chỉnh ghế trước khi bạn bắt đầu lái xe. Tránh điều chỉnh ghế trong khi xe đang chuyển động vì ghế chưa được khóa không chỉ di chuyển không ổn định, làm bạn không có được tư thế thích hợp mà còn có thể làm bạn mất kiểm soát xe, có thể gây ra tai nạn. Thử di chuyển ghế mà không cài then sau khi điều chỉnh để kiểm tra xem ghế đã được khóa hoàn toàn hay chưa. Ghế được khóa lỏng có thể di chuyển, điều này có thể gây tai nạn. Hãy đem xe tới đại lý ISUZU để bảo trì nếu bạn cảm thấy ghế không được gài cố định. Ngoài ra, đai an toàn sẽ không hoạt động thích hợp nếu lưng ghế không được khóa hoàn toàn.
- Lái xe với ghế quá nghiêng cũng có thể rất nguy hiểm khi va chạm hoặc dừng đột ngột. Nâng lưng ghế lên và đeo đai an toàn đúng cách khi ngồi thẳng vào ghế.
- Đừng đặt các đệm chêm vào phần giữa lưng bạn và ghế. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tư thế ngồi khi lái, và không đảm bảo dây đai an toàn sẽ hoạt động hiệu quả.
- Đừng đặt vật gì bên dưới ghế. Nếu không ghế có thể bị kẹt và không thể di chuyển.
- Trước khi điều chỉnh ghế cần quan sát xung quanh, chắc chắn tay và chân sẽ không bị kẹt khi di chuyển ghế.
- Khi điều chỉnh ghế, lưu ý không để va chạm hay ảnh hưởng đến những người bên cạnh.
- Lưu ý không làm va chạm, hư hỏng các vật dụng, đồ đạc xung quanh khi điều chỉnh ghế.

Ghế Tài Xế

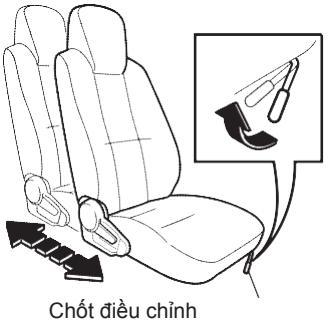

Điều Chỉnh Tới Hoặc Lui

Trong khi nâng chốt khóa, di chuyển ghế tới trước hoặc lui sau. Nhả chốt khi ghế ở trong vị trí thích hợp. Sau khi thực hiện xong phải thử di chuyển ghế tới lui để kiểm tra nó đã được khóa an toàn chưa.

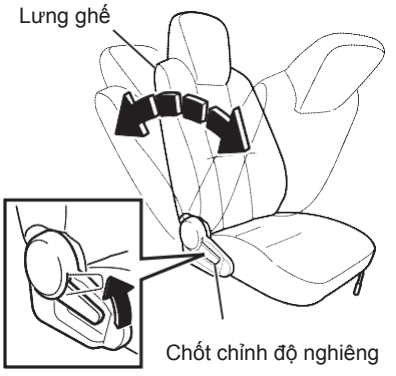

Chỉnh Độ Nghiêng

Để nghiêng lưng ghế, hãy nâng chốt nghiêng lưng ghế và dựa lưng nhẹ nhàng cho đến vị trí mong muốn. Để di chuyển lưng ghế ra trước, hãy nghiêng người ra phái trước không chạm lưng vào ghế và nâng chốt lên. Sau khi thực hiện các điều chỉnh, hãy kiểm tra lưng ghế đã được khóa chặt hay chưa.

Ghế Hành Khách/ Ghế Giữa V

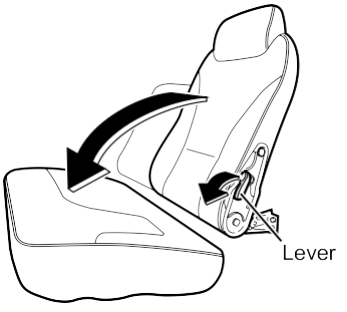

CHÚ Ý

- Không được để hành lý vào ghế giữa. Nếu hành lý rơi xuống sàn khi phanh xe, nó có thể cản trở việc đạp phanh.

Điều Chỉnh Độ Nghiêng Tay lái

Tay lái có thể được điều chỉnh lên xuống cũng như tới lui.

CẢNH BÁO

• Sau khi điều chỉnh tay lái, thử di chuyển nó lên xuống để bảo đảm nó đã được khóa chặt trước khi bạn lái xe.
• Chỉ điều chỉnh tay lái khi xe không chuyển động. Điều chỉnh tay lái khi xe đang
chuyển động rất nguy hiểm vì tay lái chuyển động theo chiều dọc sẽ ngăn tài xế điều khiển xe đúng cách.

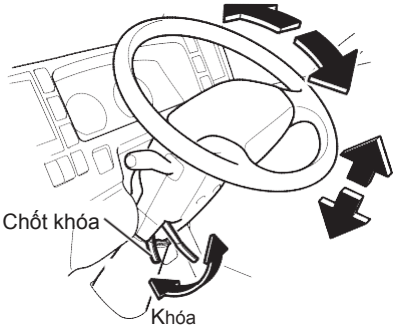

Điều chỉnh

1. Nâng chốt khóa về phía trước để mở trục tay lái.
2. Ngồi vào đúng vị trí lái, rồi di chuyển tay lái lên hoặc xuống và tới hoặc lui để chọn vị trí tay lái tối ưu.
3. Khóa chặt tay lái ngay vị trí đã chọn bằng cách kéo chốt khóa vào vị trí khóa.

Gương Chiếu Hậu

Ngồi vào vị trí lái thích hợp và kiểm tra từng gương để đảm bảo gương cho tầm quan sát thích hợp về phía sau, bên hông, khu vực phía trước xe và khu vực đối diện trực tiếp với ghế tài xế. Điều chỉnh nếu cần thiết và lau sạch gương khi bị bám bẩn.

Gương Chiếu Hậu Trong Xe V

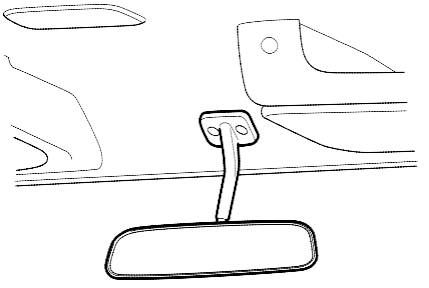

Điều chỉnh

Điều chỉnh kính vào vị trí để có thể nhìn được phía sau.

CHÚ Ý

• Nên điều chỉnh gương khi xe dừng, không được điều chỉnh khi xe di chuyển.

Gương Chiếu Hậu Bên Ngoài V

Sau khi điều chỉnh tư thế lái thích hợp, điều chỉnh gương như hình bên dưới để có tầm nhìn thích hợp, có thể quan sát phía sau, bên hông và các khu vực phía trước của xe bằng cách di chuyển từng gương.

Dạng 1

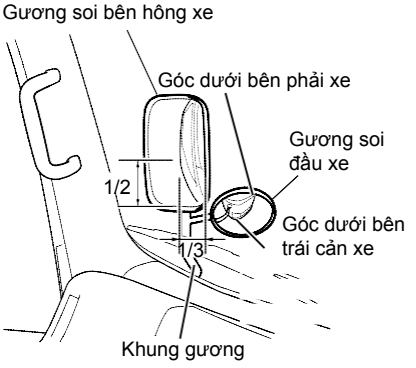

Gương Soi Bên Hông Xe

Phương ngang: điều chỉnh gương của bạn để có thể nhìn thấy hông của xe ở một phần ba gương bên trong.
Phương thẳng đứng: điều chỉnh gương để nhìn thấy góc đuôi sau của xe tới một nửa độ cao của gương

Gương Soi Đầu Xe

Điều chỉnh gương sao cho hình ảnh phía giữa cản trước nằm giữa gương.

Dạng 2

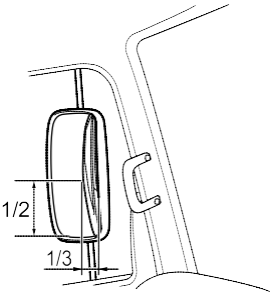

Gương Soi Bên Hông Xe

Phương ngang: điều chỉnh gương của bạn để có thể nhìn thấy hông của xe ở một phần ba gương bên trong.
Phương thẳng đứng: điều chỉnh gương để nhìn thấy góc đuôi sau của xe tới một nửa độ cao của gương

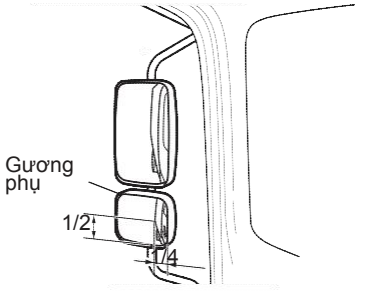

Gương Phụ

Phương ngang: điều chỉnh gương để có thể nhìn thấy hình ảnh cạnh xe ở một phần tư gương.
Phương thẳng đứng: Điều chỉnh gương để có thể thấy hình ảnh góc sau xe ở một nửa chiều cao gương.

CHÚ Ý

- Điều chỉnh gương khi xe đang dừng, không điều chỉnh khi xe đang chuyển động.
- Khi quan sát phía sau xe bằng gương, không được giảm sự chú ý của bạn với giao thông phía trước.
- Khi quan sát xung quanh bằng gương chiếu hậu thì hình ảnh trong gương rất khó xác định khoảng cách thực tế. Hãy sử dụng gương thận trọng để xác định được khoảng cách chính xác.
- Quan sát gương khi vượt xe khác trên đường hẹp, đưa xe vào bãi đỗ hoặc lái xe gần người đi bộ.
- Không lái xe khi gương bị gấp vào.

Dây Đai An Toàn V

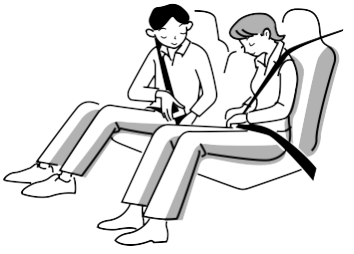

Dây đai an toàn có thể không phát huy tốt tác dụng hoặc gây thương tích cho người sử dụng nếu không được cài đúng cách. Không chỉ tài xế xe mà cả hành khách (phụ xế) cũng phải đeo dây đai an toàn trước khi xe chạy. Bạn cần làm quen với việc sử dụng dây đai an toàn đúng cách và phải tuân thủ những chú ý được trình bày trong các trang sau.

Việc sử dụng đúng các dây đai an toàn là cần thiết để đảm bảo an toàn

CẢNH BÁO

- Phải luôn đeo đai an toàn trước khi bắt đầu lái xe.
- Đai an toàn có chức năng bảo vệ đầy đủ chỉ khi tài xế xe và hành khách cài chắc chắn đai an toàn khi ngồi thẳng và tựa hoàn toàn vào ghế.
- Đeo đai an toàn khi lưng ghế quá nghiêng có thể rất nguy hiểm trong trường hợp va chạm hoặc dừng đột ngột vì an toàn có thể bị trượt và gây ra thương tích. Đai an toàn phát huy tác dụng tốt nhất khi lưng ghế thẳng đứng.
- Lắp chốt cài vào khớp cho đến khi nghe thấy một tiếng “tách”. Chốt cài chưa lắp không đúng cách sẽ gây nguy hiểm trong trường hợp va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Không đeo đai an toàn ngang mặt, cằm hoặc cổ.
- Đeo đai an toàn ở gần hông, không đeo lên bụng. Đai an toàn quấn quanh bụng sẽ gây ra lực siết lớn và có thể gây thương tích khi va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Không dùng dây đai an toàn cho trẻ nhỏ nếu dây đai an toàn nằm hoặc quá gần phần cổ và cằm của trẻ. Cũng đừng dùng dây đai an toàn nếu nó không vừa hông vì sẽ gây nguy hiểm trong trường hợp có va chạm hoặc dừng đột ngột. Do đó hãy dùng ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ. Để biết thêm chi tiết hãy liên lạc với đại lý Isuzu.
- Hãy sử dụng ghế an toàn phù hợp với kích cỡ của trẻ. Lắp đặt hệ thống này theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.
- Kiểm tra độ xoắn dây đai khi cài. Đai an toàn còn các chỗ xoắn sẽ không phát huy đủ chức năng bảo vệ vì nó không thể phân tán lực hiệu quả trong trường hợp có va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Quá nhiều chỗ chùng có thể làm tăng mức thương tích vì đai không thể giữ chắc bạn trong trường hợp tai nạn.
- Phụ nữ mang thai hoặc người bị bệnh lý về ngực hoặc bụng nên đến bác sĩ để tư vấn về cách đeo dây an toàn.
- Đai an toàn chỉ dùng cho một người. Nếu đeo cho nhiều người, đai sẽ không hoạt động hiệu quả khi va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Kiểm tra đai và nếu cần thiết hãy đến đại lý ISUZU gần nhất thay thế khi đai bị sờn hoặc mòn và/hoặc khóa hoặc các bộ phận cơ khác không hoạt động.
- Không được tháo đai an toàn hoặc sửa đổi hệ thống.

CẢNH BÁO (Tiếp tục)

CẢNH BÁO (Tiếp tục)

- Nếu xe bị va chạm, các đai an toàn bị giãn và mất độ bền ban đầu do va đập dù bề ngoài vẫn còn nguyên vẹn. Phải kiểm tra những đai an toàn này và thay mới nếu cần thiết.
- Giữ khớp cài và bộ căng đai không bị bụi và vật lạ lọt vào.
- Đeo đai an toàn là yêu cầu của pháp luật. Tài xế xe có trách nhiệm không chỉ đeo đai an toàn cho chính mình mà còn nhắc nhở hành khách đeo đai an toàn. Tuy nhiên, cần tham khảo ý kiến bác sĩ về việc sử dụng đai an toàn dành cho phụ nữ mang thai hoặc hành khách có bệnh lý về ngực/bụng.
- Kiểm tra định kỳ đảm bảo hệ thống đai an toàn hoạt động tốt.
- Không đặt các đồ vật có thể gây ra hư hỏng gần cụm đai an toàn.

Ghế → Tham khảo trang 3 -14

Bảo Dưỡng Dây Đai An Toán → Tham khảo trang 7-134

Dây Đai An Toàn Ba Điểm

Mỗi ghế ngồi ngoại trừ ghế giữa trên xe được trang bị một dây đai ba điểm. Dây đai sẽ giãn ra hoặc co lại tự do nếu người đeo di chuyển chậm, nhưng nó sẽ chặn và giữ người ngồi khi có lực hướng tới do xóc mạnh gây ra bởi cơ thể người ngồi. Điều chỉnh dây đai vai của tài xế có vị trí thích hợp bằng móc vai.

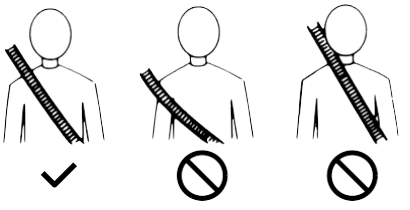

CẢNH BÁO

- Dây đai vai nên đặt thích hợp trên vai nhưng không được chạm vào cổ hoặc mặt. Dây đai vai có thể gây hại trong trường hợp có va chạm hoặc dừng đột ngột nếu nó tiếp xúc vào phần cổ hoặc mặt.

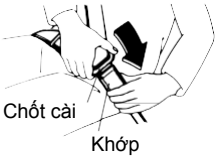

Thắt Dây Đai An Toàn

1. Ngồi vào ghế đúng tư thế lái xe phù hợp.
2. Kéo dây đai, kiểm tra xoắn trên dây đai, ấn chốt cài vào khớp cho đến khi nghe tiếng "tách"
3. Để giảm rủi ro trượt đai trong trường hợp va chạm, đặt dây đai bên dưới hông và điều chỉnh vừa vặn bằng cách kéo phần đai phía trên chốt cài.
   Dây đai được thiết kế để giữ chặt khi có va chạm mạnh hoặc dừng đột ngột. Bình thường thì sẽ di chuyển tự do.

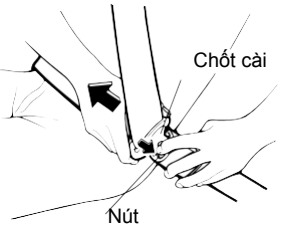

Cách Tháo Dây Đai An Toàn

Ấn nút trên khóa. Đai sẽ tự động co lại. Giữ đai di chuyển từ từ cho đến khi đai được kéo về hoàn toàn.

KHUYẾN CÁO

- Khi đai an toàn rút lại có thể làm hỏng cửa sổ gần đó hoặc đồ trang trí nội thất. Giữ đai để đảm bảo rằng dây đai được thu từ từ.
- Trước khi đóng cửa, kiểm tra xem đai an toàn có thu lại hoàn toàn hay không. Đai an toàn bị chùng có thể bị kẹp vào cửa hoặc rãnh điều chỉnh ghế ngồi.
- Khi đai an toàn của hành khách được rút ra hoàn toàn (hoặc không rút ra), hãy kiểm tra nút giữ để đảm bảo đai an toàn không bị chùng.

CHÚ Ý

- Khi bạn tiến hành sửa chữa tay lái, bảng điều khiển, bàn đạp ly hợp/ phanh, hoặc gắn các thiết bị âm thanh giải trí, hệ thống an toàn trên xe sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều. Hãy để đại lý Isuzu thực hiện việc sửa chữa/ thay thế này.

Dây Đai An Toàn Hai Điểm (Ghế Giữa)

Thắt Dây Đai An Toàn

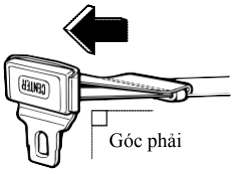

1.Ngồi trên ghế trong tư thế đúng.

2. Kéo cạnh chốt của dây đai dài hơn cần thiết. (Đặt chốt ngay ngắn với dây đai để dễ làm hơn).

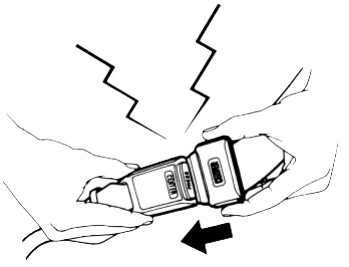

3.Sau khi kiểm tra không có chỗ xoắn trên dây đai, ấn chốt vào đầu khóa cho đến khi nghe tiếng click

4. Đặt dây đai ngang qua đùi thấp tận phần hông. Kéo đầu dây gấp của dây đai (cạnh trên) cho đến khi dây đai được điều chỉnh vừa vặn.

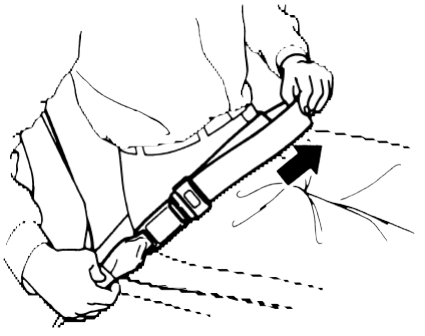

Giữ thấp đến phần hông

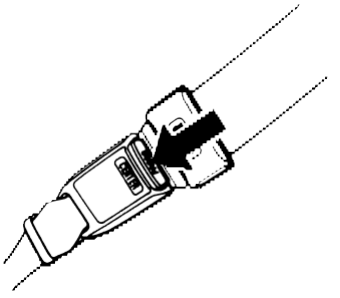

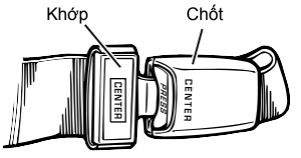

Cách Tháo Dây Đai An Toàn
Ấn vào nút ở đầu khóa để tháo dây đai.

LƯU Ý

[Thiết kế dây đai ghế giữa ngăn chặn cách thắt sai dây]

• Dây đai ghế giữa (dây đai hai điểm điều chỉnh được chiều dài) được thiết kế để không bị vướng với các dây đai ghế bên cửa sổ (dây đai ba điểm có hệ thống ELR).

Ngoài ra cả đầu chốt và đầu khóa của dây đai ghế ngồi giữa được ghi chữ "CENTER" để tránh việc thắt sai dây ghế ngồi giữa.

BẢNG TÁP-LÔ VÀ ĐIỀU KHIỂN 4

KHỞI ĐỘNG VÀ DỪNG ĐỘNG CƠ	4-3
BẢNG TÁP-LÔ, ĐÈN CẢNH BÁO VÀ ĐÈN CHỈ BÁO	4-9
CÁC CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN	4-29
PHƯƠNG PHÁP LÁI XE	4-41

KHỞI ĐỘNG VÀ DỪNG ĐỘNG CƠ

- Khởi Động Động Cơ 4-4
- Dừng Động Cơ 4-7

Khởi Động Động Cơ

Phải bảo đảm tất cả các công tắc, kể cả công tắc cần gạt nước, điều khiển đèn và máy lạnh đều ở vị trí "OFF".
Xoay công tắc khởi động qua vị trí "ON" để kiểm tra các đèn báo và chỉ thị có sáng lên bình thường và mức nhiên liệu đầy đủ hay không.

KHUYẾN CÁO

• Sử dụng chìa khóa dính đất, cát, bụi sẽ gây hư hỏng cho công tắc xe. Hãy luôn giữ chìa khóa sạch sẽ.

Khởi Động Động Cơ

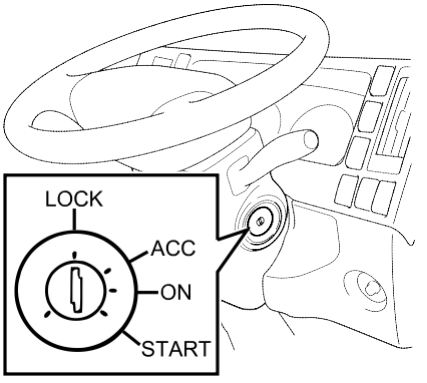

CẢNH BÁO

• Đừng giữ công tắc xe ở vị trí "START" lâu hơn 10 giây. Để lâu hơn 10 giây có thể khiến bình điện hư do quá nóng và thậm chí có thể phát cháy.

Công Tắc Khởi Động → Tham khảo trang 4-30

CHÚ Ý

•Nếu xe của bạn được trang bị hộp số thường, hãy kéo phanh tay chặt khi bạn ngồi trong ghế tài xế trước khi khởi động máy. Cũng phải bảo đảm chỉ khởi động máy khi đã nhấp bàn đạp ly hợp và cần số ở vị trí "N".

• Nếu bạn nghiêng người qua cửa sổ từ phía ngoài xe để khởi động máy, xe có thể di chuyển nếu cần số ở vị trí khác "N". Điều này rất nguy hiểm. Đừng bao giờ khởi động máy kiểu này.

•Nếu động cơ không khởi động được, hãy đợi 2 giây rồi hãy khởi động lại lần nữa.

Đèn Báo Xông

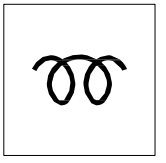

1. Hãy nhấn bàn đạp ly hợp hết mức.
2. Khi công tắc khởi động b ật qua vị trí "ON", đèn chỉ báo xông máy sáng lên và tắt đi trong khoảng 0,5 giây khi động cơ ấm, hoặc trong 4 giây khi động cơ lạnh

KHUYẾN CÁO

• Không đặt chân lên bàn đạp ga trước khi khởi động động cơ. Nếu đạp bàn đạp ly hợp, hệ thống “Làm Giàu Nhiên Liệu Khi Khởi Động” có thể không hoạt động trơn tru, gây ra hiện tượng khó khởi động.

3. Sau khi đảm bảo đèn chỉ báo bugi xong máy đã tắt, bật công tắc máy về vị trí “START” để khởi động động cơ.

3.Nếu xe có trang bị núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng, hãy sử dụng để điều chỉnh tốc độ động cơ, mau làm nóng động cơ.

CHÚ Ý

• Đừng rời khỏi xe vào lúc này.

5. Khi động cơ đã nóng, hãy xoay núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng để động cơ xe hoạt động ở tốc độ trung bình.

KHUYẾN CÁO

• Ở nhiệt độ bình thường, động cơ còn lạnh có thể tạo nhiều khói trắng hơn bình thường.

• Trong một số trường hợp nhất định, khi công tắc khởi động ở vị trí "ON" hoặc bàn đạp phanh được nhấn nhiều lần trong khi chạy chế độ cầm chừng, lượng chân không bị giảm và kèn báo động có thể kêu.

LƯU Ý

[Xông máy]

• Động cơ diesel được kích nổ bằng nhiệt độ cao từ không khí được nén. Điều này có thể khiến động cơ khó khởi động khi trời lạnh bởi vì không khí được nén không thể tạo ra nhiệt độ đủ cao để đốt nhiên liệu. Xông máy có nghĩa là làm nóng khí nén bên trong buồng đốt để động cơ dễ khởi động. Chỉ khởi động máy sau khi đèn báo xông đã tắt.

Dừng Động Cơ

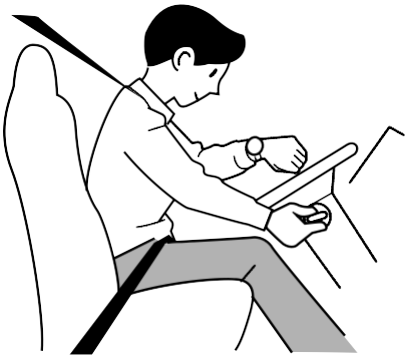

Hãy kéo chặt phanh tay.
Khi nhả bàn đạp ga, hãy vặn công tắc khởi động về vị trí "ACC" hoặc "LOCK".

KHUYẾN CÁO

- Đừng tắt máy ngay sau khi lái xe. Nếu không máy sẽ bị kẹt hoặc những hư hỏng khác có thể xảy ra.

- Trước khi tắt máy, hãy trả về tay số "N", kéo phanh tay và để máy chạy cầm chừng khoảng 3 phút.

- Để ngăn không cho bình hết điện, bật công tắc khởi động qua vị trí "ACC" hoặc " LOCK" sau khi tắt máy. Nếu bạn để xe trong một thời gian lâu, hãy xoay công tắc khởi động sang vị trí "LOCK"

BẢNG TÁP-LÔ, ĐÈN CẢNH BÁO VÀ ĐÈN CHỈ BÁO

- Giới Thiệu Đồng Hồ Táp-lô (Bố Cục Đồng Hồ Táp-lô) 4-10
- Đồng Hồ Tốc Độ Xe 4-11
- Đồng Hồ Tốc Độ Động Cơ 4-13
- Đồng Hồ Đo Nhiệt Độ Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ 4-14
- Đồng Hồ Nhiên Liệu 4-15
- Vị Trí Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo 4-16
- Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo 4-17
- Kèn Cảnh Báo 4-27

Giới Thiệu Đồng Hồ Táp-lô (Bố Cục Đồng Hồ Táp-lô)

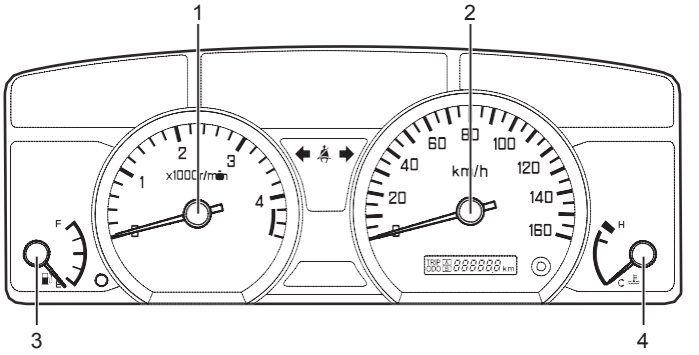

Stt.	Tên	Tham khảo
1	Đồng hồ tốc độ động cơ	4-13
2	Đồng hồ tốc độ xe	4-11
3	Đồng hồ nhiên liệu	4-15

Stt.	Tên	Tham khảo
4	Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát động cơ	4-14

Đồng Hồ Tốc Độ Xe

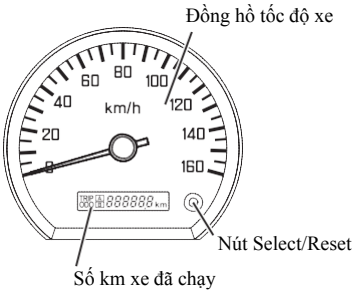

Đồng hồ tốc độ xe chỉ vận tốc xe theo km/h. Đồng hồ tốc độ là bộ phận kết hợp với đồng hồ đo quãng đường đã đi. Mỗi lần bạn ấn nhẹ nút "Reset" khi công tắc khởi động ở vị trí "ON", đồng hồ đo quãng đường đi tuần tự hiện ra chữ "ODO", "TRIP A", và "TRIP B" để chỉ mục được chọn.

Bộ đếm số km đã chạy /Đòng hồ hành trình

Bộ đếm số km đã chạy

Quãng đường tổng cộng xe đã chạy được chỉ thị theo km.

Đồng hồ hành trình

Đồng hồ hành trình cho biết khoảng cách giữa các điểm nhất định hoặc khoảng cách đã đi trong một thời gian, giá trị bên phải dấu chấm thập phân chỉ đơn vị 100 m.

Dùng hai đồng hồ hành trình bằng cách chuyển đổi giữa "TRIPA" "TRIPB" cho phù hợp. Nếu bạn muốn cài đặt lại đồng hồ hành trình, dùng nút Select/Reset để chọn và hiển thị đồng hồ hành trình mà bạn muốn đặt lại. Công tắc khởi động phải ở vị trí "ON". Sau đó bấm và giữ lại nút này trong ít nhất 1 giây.

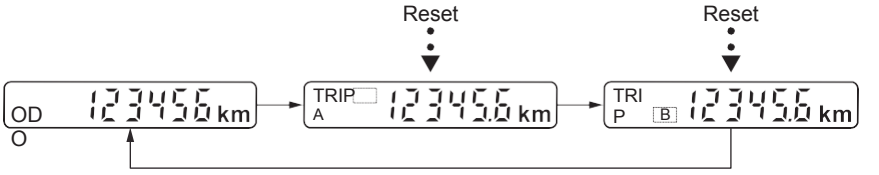

→ :Nhấn 1 lần nút Reset/Select

•••▶ : Nhấn và giữ nút Reset/Select (hơn 1 giây)

LƯU Ý

• Khi bạn xoay công tắc khởi động vào vị trí "ON", bộ đếm số km đã chạy và đồng hồ hành trình sẽ hiển thị số đo của lần trước.

• Bạn có thể làm cho quãng đường đã đi hiển thị trên đồng hồ mỗi lần bạn xoay công tắc khởi động đến vị trí " ON". Muốn vậy, xoay công tắc khởi động đến vị trí " LOCK" hoặc "ACC" trong khi quãng đường đi đang được hiển thị, và rồi cùng với việc nhấn nút "Reset/Select", xoay công tắc khởi động đến vị trí "ON".

Trong khoảng 3 giây sau khi vặn công tắc đến vị trí "ON", xoay công tắc khởi động về "LOCK" hoặc "ACC".

Đồng Hồ Tốc Độ Động Cơ

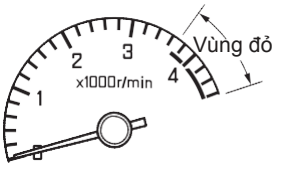

Đồng hồ số vòng quay động cơ chỉ báo tốc độ quay động cơ theo vòng trên phút (vòng/phút). (Vạch chia độ "1" trên mặt chia độ chỉ báo 1000 vòng/phút). Vùng đỏ chỉ báo phạm vi nguy hiểm của vận tốc động cơ vượt quá mức độ cho phép. Không được lái xe với kim của đồng hồ tốc độ ở trong vùng đỏ.
Quy định về vùng đỏ sẽ khác nhau ở từng loại động cơ.

KHUYẾN CÁO

•Cần cực kỳ lưu ý khi chạy lướt xuống triền dốc. Vận tốc động cơ có thể dễ dàng vượt quá vận tốc giới hạn, điều đó có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

Sang Số Đúng Cách → Tham khảo trang 2-22
Cần Sang Số → Tham khảo trang 4-45

Đồng Hồ Nhiệt Độ Nước Làm Mát Động Cơ

Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực

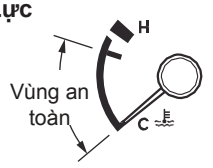

Đèn Báo Động Cơ Quá Nhiệt

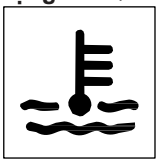

Khi công tắc máy ở vị trí "ON", đồng hồ này chỉ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ. "C" nghĩa là lạnh trong khi "H" nghĩa là nóng. Nếu động cơ trở nên quá nóng, đèn báo động cơ quá nhiệt sẽ bật và có một tiếng kêu báo động. Trong lúc vận hành xe, kim đồng hồ nên ở trong vùng an toàn.

KHUYẾN CÁO

- Nếu kim đồng hồ vượt lên vùng an toàn phía trên để vào vùng "H" khi bạn đang lái xe, động cơ có thể quá nóng. Lập tức lách một cách an toàn ra khỏi đường đang lưu thông và thực hiện các động tác cần thiết để xử lý việc động cơ quá nhiệt.
- Nếu kim ở gần vùng "H" nhưng vẫn còn ở trong vùng an toàn, đây không phải là vấn đề. Nhưng hãy kiểm tra mức độ dung dịch làm mát động cơ trong thùng chứa. Châm thêm vào dung dịch làm mát theo đúng yêu cầu
- Máy có thể bị kẹt nếu tắt động cơ đột ngột. Hãy thực hiện các động tác thích hợp khi động cơ quá nhiệt.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-27

Khi Động Cơ Quá Nhiệt → Tham khảo trang 8-21

Đồng Hồ Nhiên Liệu

Khi công tắc máy ở vị trí "ON", đồng hồ này chỉ báo lượng nhiên liệu còn lại trong thùng chứa nhiên liệu. "F" nghĩa là thùng đầy, trong khi "E" có nghĩa thùng gần hết.

LƯU Ý

- Hãy tạo thói quen châm đầy thùng nhiên liệu trước khi nó hết nhẵn.
- Sau khi châm đầy thùng nhiên liệu, cần có một thời gian để kim đồng hồ nhiên liệu ổn định, sau khi công tắc khởi động bật qua vị trí "ON".
- Nếu thùng nhiên liệu đầy khi động cơ tắt nhưng công tắc khởi động ở vị trí "ON", kim đồng hồ nhiên liệu phải mất một thời gian ngắn để hiển thị đúng chỉ số. Nếu thế hãy bật công tắc khởi động từ vị trí "LOCK" sang" ACC" và rồi đến vị trí "ON" lần nữa.

Đèn Báo Mức Nhiên Liệu Thấp

Khi xe bạn cạn nhiên liệu, đèn báo mức nhiên liệu thấp sẽ phát sáng.

KHUYẾN CÁO

•Nếu xe bạn cạn nhiên liệu, qui trình xả gió phải thực hiện.

Đèn Báo Mức Nhiên Liệu Thấp → Tham khảo trang 4-15
Cạn Nhiên Liệu → Tham khảo trang 8-14

Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo

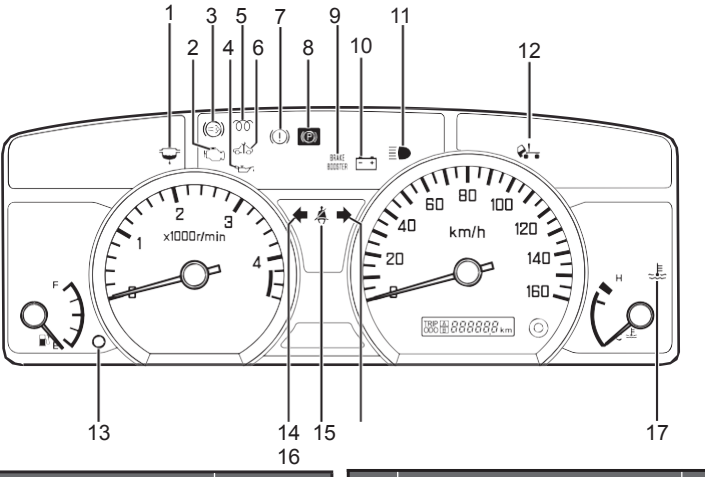

Stt.	Tên	Tham khảo
1	Đèn báo lọc tách nước (lọc nhiên liệu)	4-23
2	V Đèn báo lỗi động cơ	4-22
3	V Đèn chỉ báo phanh khí xả	4-26
4	Đèn cảnh báo áp lực nhớt	4-20
5	V Đèn chỉ báo bugi xông	4-26
6	V Đèn báo bảo dưỡng	4-23
7	Đèn cảnh báo hệ thống phanh	4-17
8	Đèn cảnh báo phanh tay	4-25

Stt.	Tên	Tham khảo
9	Đèn cảnh báo hệ thống trợ lực phanh	4-18
10	Đèn cảnh báo máy phát	4-22
11	Chỉ báo đèn chiếu xa	4-25
12	V Cảnh báo nâng cabin	4-24
13	Đèn báo nhiên liệu thấp	4-24
14	Đèn báo rẽ và báo nguy – bên trái	4-25
15	Đèn cảnh báo dây đai an toàn	4-17
16	Đèn báo rẽ và báo nguy – bên phải	4-25
17	V Đèn cảnh báo động cơ quá nhiệt	4-21

Đèn Cảnh Báo Và Chỉ Báo

Đèn Cảnh Báo Chưa Cài Dây Đai An Toàn V

Đèn cảnh báo này bật sáng khi tài xế không thắt dây đai an toàn trong khi bật công tắc khởi động qua vị trí "ON".

LƯU Ý

•Đèn cảnh báo này tắt ngay khi tài xế cài dây đai an toàn.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Phanh

Đèn cảnh báo này sẽ bật sáng ngay khi công tắc bật qua vị trí "ON", và sẽ tắt sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh bật sáng trong khi động cơ đang chạy, có thể do các nguyên nhân sau:

• Mức dầu phanh bị giảm (do phanh mòn hoặc dầu bị rò rỉ, v.v...).

• Có bất thường trong hệ thống sạc điện (như máy phát hư hoặc dây curoa quạt bị lỏng hay bị nứt).

CHÚ Ý

•Nếu đèn cảnh báo này bật sáng trong khi động cơ đang hoạt động, hãy đưa xe vào nơi an toàn không có lưu thông và nhanh chóng liên lạc với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

Đèn Cảnh Báo Trợ Lực Phanh HB

Đèn cảnh báo và kèn cảnh báo sẽ cùng bật khi xảy ra các tình huống sau:

- Áp suất chân không trong bầu trợ lực phanh không đủ khi động cơ đang hoạt động hoặc khi xoay chìa khóa khởi động qua vị trí “”ON””.
- Có trục trặc trong hệ thống xạc điện (lỏng dây đai, hư hỏng máy phát điện…)
- Bầu trợ lực chân không bị hư hỏng.
- Nếu xe có trang bị hệ thống phanh khí xả , có thể có trục trặc ở hệ thống này khi nó đang hoạt động (kèn cảnh báo sẽ tắt khi kéo phanh tay).

[Model xe có bầu trợ lực chân không]

Đèn cảnh báo trợ lực phanh và kèn cảnh báo sẽ bật để chỉ báo còn quá ít hơi dự trữ cho việc hỗ trợ lực phanh.

CHÚ Ý

• Nếu đèn cảnh báo và kèn cảnh báo bật trong khi phanh khí xả đang được dùng, lập tức tấp vào nơi an toàn không có lưu thông và thực hiện các động tác sau:
- Khi động cơ vẫn còn chạy, tắt công tắc phanh khí xả. Trục trặc trong hệ thống phanh khí xả đã được khắc phục nếu đèn cảnh báo tắt trong vài giây.
- Nếu đèn cảnh báo không tắt, có trục trặc nằm trong bộ trợ lực phanh.
Hãy đem xe đến đại lý ISUZU gần nhất để kiểm tra càng sớm càng tốt.
• Đèn này sẽ sáng lên khi công tắc máy ở vị trí "ON". Nó sẽ tắt khi động cơ đã khởi động. Nếu đèn không phát sáng khi công tắc máy vừa bật qua vị trí "ON", có thể do đèn đứt bóng hoặc cầu chì, hãy sửa hệ thống này nếu đèn không phát sáng trong quá trình kiểm tra.
• Đừng lái xe trong khi kèn cảnh báo đang kêu, lúc này hệ thống phanh và ly hợp sẽ hoạt động không tối ưu.

Công Tắc Phanh Khí Xả V → **Tham khảo trang 4-52**

Đèn Cảnh Báo Áp Suất Nhớt Động Cơ

Đèn cảnh báo này sẽ sáng lên khi xoay chìa khóa khởi động về vị trí “”ON”” và sẽ tắt khi động cơ hoạt động.
Nếu đèn này sáng lên khi động cơ xe đang hoạt động, có nghĩa áp suất nhớt động cơ đang có giá trị bất thường.

KHUYẾN CÁO

•Nếu đèn cảnh báo này sáng trong khi động cơ đang chạy. Ngừng động cơ ngay và kiểm tra mức nhớt động cơ.
•Hệ thống bôi trơn có thể bị hỏng. Hãy đưa xe của bạn tới đại lýIsuzu gần nhất để kiểm tra.

Nhớt Động Cơ → Tham khảo trang 7-22

Đèn Cảnh Báo Quá Nhiệt Động Cơ V

Đèn cảnh báo này sáng khi động cơ quá nhiệt, đồng hồ nhiệt độ môi chất nước làm mát động cơ báo vùng “H”. Dừng xe vào nơi an toàn và không gây cản trở giao thông, kiểm tra xe và thực hiện các thao tác cần thiết.

CẢNH BÁO

•Khi môi chất nước làm mát động cơ vẫn còn nóng, không được tháo nắp két nước. Hơi nóng sẽ thoát ra và bạn có thể bị bỏng. Chỉ bổ sung môi chất nước làm mát động cơ khi nhiệt độ giảm.

Châm Thêm Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-31

CHÚ Ý

•Nếu bạn tiếp tục lái xe khi đèn báo quá nhiệt động cơ vẫn sáng, động cơ có thể bị bó máy.

KHUYẾN CÁO

• Không được tắt máy đột ngột khi động cơ quá nhiệt. Nếu không, động cơ có thể bị bó máy. Thực hiện các thao tác cần thiết khi động cơ bị quá nhiệt.

Khi Động Cơ Quá Nhiệt → Tham khảo trang 8-21

Đèn Cảnh Báo Máy Phát Điện

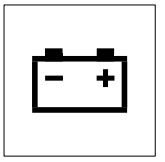

Đèn cảnh báo này phải phát sáng khi công tắc khởi động bật qua vị trí "ON", và phải tắt sau khi máy đã khởi động.
Khi động cơ xe đang hoạt động, đèn cảnh báo này sẽ phát sáng nếu có trục trặc trong hệ thống sạc bình (như dây curoa quạt lỏng hoặc bị đứt).

KHUYẾN CÁO

• Nếu đèn cảnh báo này bật trong khi xe đang chạy, hãy lập tức tấp xe vào một nơi an toàn không có lưu thông và nhanh chóng liên lạc với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

Dây Đai Quạt Gió → Tham khảo trang 7-41
Xử Lí Bình Accu → Tham khảo trang 7-119
Khi Bình Accu Hết Điện → Tham khảo trang 8-11

Đèn Báo Kiểm Tra Động Cơ V

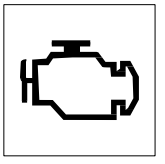

Đèn cảnh báo này phải phát sáng khi công tắc khởi động bật qua vị trí "ON", và phải tắt sau khi máy khởi động.
Nếu đèn cảnh báo này phát sáng trong khi máy đang chạy, điều này cảnh báo bạn có trục trặc trong hệ thống điều khiển điện tử của động cơ.

KHUYẾN CÁO

•Nếu đèn này sáng khi động cơ đang chạy, tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.
•Dù cho xe vẫn có thể tiếp tục hoạt động, hãy đưa đến đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể để kiểm tra hệ thống. Cố gắng vận hành xe vào lúc này sẽ làm phát sinh trục trặc ở hệ thống kiểm soát khí xả, tiêu hao nhiên liệu và điều khiển lái.

Đèn Nhắc Bảo Dưỡng Xe V

Đèn nhắc bảo dưỡng xe sẽ sáng khi xoay chìa khóa khởi động về vị trí “”ON”” và sẽ tắt sau khi động cơ khởi động.

Nếu đèn chỉ báo này sáng hãy mang xe đến đại lý Isuzu gần nhất để thực hiện việc bảo dưỡng xe định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

Đèn Cảnh Báo Bộ Tách Nước

Đèn cảnh báo này phát sáng khi nước trong bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu) cần phải tháo ra.

Tháo nước theo hướng dẫn trong phần "Tháo nước khỏi bộ lọc nhiên liệu" và bảo đảm đèn cảnh báo tắt đi.

CHÚ Ý

•Nếu đèn cảnh báo này phát sáng khi động cơ đang hoạt động, hãy nhanh chóng tháo nước khỏi bộ lọc nhiên liệu. Nếu bạn vẫn tiếp tục lái xe khi đèn này phát sáng, hệ thống phun nhiên liệu có thể bị hư hỏng.

Xả Nước Khỏi Lọc Nhiên Liệu → Tham khảo trang 7-56
Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu (Động Cơ 4JB1) → Tham khảo trang 8-15
Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu (Động Cơ 4JH1) → Tham khảo trang 8-16

Đèn Báo Mức Nhiên Liệu Thấp

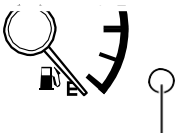

Đèn báo mức nhiên liệu thấp

Đèn cảnh báo này phát sáng khi mức nhiên liệu trong thùng chứa xuống quá thấp trong khi động cơ đang hoạt động.

KHUYẾN CÁO

•Nếu đèn cảnh báo này sáng, hãy châm thêm nhiên liệu càng sớm càng tốt.

•Nếu xe cạn nhiên liệu, quy trình xả gió phải được thực hiện

Đồng Hồ Nhiên Liệu → Tham khảo trang 4-15
Khi Cạn Nhiên Liệu → Tham khảo trang 8-14

Đèn Báo Cabin Đang Lật V

Đèn cảnh báo cùng kèn cảnh báo sẽ bật lên khi xoay chìa khóa sang vị trí “ON” mà cabin vẫn chưa được khóa hoàn toàn.

KHUYẾN CÁO

• Nếu vẫn tiếp tục lái xe khi đèn cảnh báo này đang sáng, cabin sẽ có khả nâng bị rung& lật. Hãy khóa cabin cẩn thận.

Nâng cabin V → Tham khảo trang 7-11

Đèn Báo Rẽ Và Đèn Báo Nguy

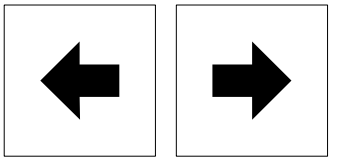

Một trong hai đèn chỉ báo này phát sáng lúc công tắc tín hiệu rẽ được bật (khi công tắc khởi động ở vị trí "ON").
Cả hai đèn chỉ báo sẽ phát sáng lúc bật công tắc đèn báo nguy.

Công Tắc Đèn Báo Rẽ → Tham khảo trang 4-34

KHUYẾN CÁO

Các đèn cảnh báo này không phát sáng nếu bóng đèn bị đứt, hoặc nhấp nháy bất thường nếu dùng bóng đèn không có công suất thích hợp.

Đèn Chỉ Báo Chế Độ Đèn Pha

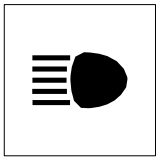

Đèn chỉ báo này phát sáng khi đèn pha được chọn, hoặc các đèn trước chuyển đổi giữa pha và cos (tín hiệu qua mặt).

Công Tắc Điều Khiển Đèn → Tham khảo trang 4-33

Đèn Cảnh Báo Phanh Tay

Đèn cảnh báo này phát sáng khi cần phanh tay được kéo.

CHÚ Ý

- Dù cho đèn cảnh báo này bật sáng, vẫn không bảo đảm phanh tay đã được cài chặt, phanh tay cần phải được kéo hết mức và chốt lại.
- Cẩn thận, không lái xe khi cần phanh tay đang kéo

Đèn Chỉ Báo Phanh Khí Xả V

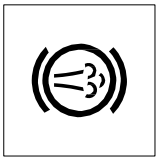

Đèn chỉ báo này phát sáng khi công tắc phanh khí xả được bật.

KHUYẾN CÁO

• Đèn chỉ báo phanh khí xả nhấp nháy khi có trục trặc trong hệ thống phanh khí xả. Hãy đem xe đến kiểm tra tại đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể.

Đèn Báo Xông V

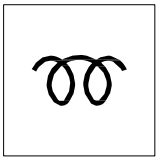

Đèn chỉ báo này phát sáng khi công tắc khởi động ở vị trí "ON" và tắt đi khi việc làm nóng hoàn tất. Khi đèn này tắt, có thể khởi động động cơ.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

Kèn Cảnh Báo

Kèn cảnh báo sẽ kêu lên trong những tình huống sau:

Cảnh báo	Kèn cảnh báo	Vị trí		Điều kiện kích hoạt
		Trong	Ngoài	
Trợ lực phanh	Tiếng beep kéo dài	●	×	Tham khảo trang 4-18.
Nâng cabin V	Tiếng beep kéo dài	●	×	Tham khảo trang 4-24.
Động cơ quá nhiệt V	Tiếng beep kéo dài	●	×	Động cơ bị quá nhiệt.
Lùi xe V	Tiếng beep kéo dài	●	●	Cần số ở vị trí “R”

●: Cảnh báo ×: Không cảnh báo

KHUYẾN CÁO

•Kèn cảnh báo có thể không kêu nếu có trục trặc trong các hệ thống trên, nếu điều này xảy ra cần kiểm tra các hệ thống trên. Xin liên lạc với đại lý Isuzu gần nhất.

CÁC CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN

- Công Tắc Khởi Động 4-30
- Núm Điều Chỉnh Tốc Độ Cầm Chừng 4-32
- Công Tắc Điều Khiển Đèn Tổ Hợp 4-33
- Công Tắc Đèn Sương Mù V 4-36
- Công Tắc Đèn Báo Nguy 4-36
- Công Tắc Phanh Khí Xả V 4-37
- Công Tắc Điều Khiển Cần Gạt Nước Và Rửa Kính Chắn Gió 4-38
- Nút Còi 4-40

Công Tắc Khởi Động

CẢNH BÁO

•Trong khi lái xe, đừng bao giờ xoay công tắc khởi động vào vị trí "LOCK". Chìa khóa có thể rơi ra khỏi công tắc khiến tay lái bị khóa. Điều này cực kỳ nguy hiểm.

KHUYẾN CÁO

• Đừng để đất cát, chất dơ bám vào chìa khóa, điều này có thể làm hư hỏng công tắc khởi động xe.
• Sau khi khởi động máy, đừng xoay công tắc khởi động qua vị trí "START". Nếu không máy khởi động có thể bị hư.
• Dùng các thiết bị điện tử như hệ thống âm thanh trong một thời gian dài khi tắt máy có thể làm cạn bình accu.

Công Tắc Khởi Động

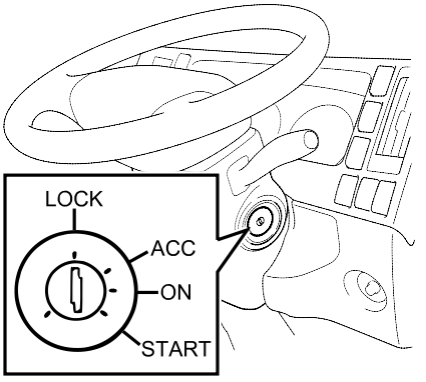

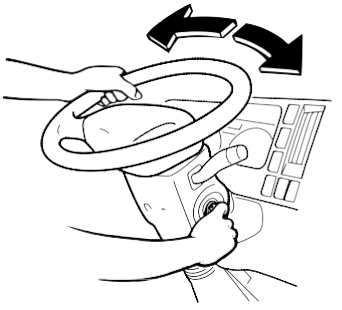

LOCK :Trong vị trí này, có thể cắm hoặc rút chìa khóa. Rút chìa khóa và quay vô lăng cho đến khi được khóa. Vô lăng
khóa để chống trộm. Để chuyển công tắc khởI độngsang vị trí "LOCK", ấn và giữ
chìa khóa ở vị trí "ACC" và sau đó vặn về vị trí "LOCK".

ACC :Trong vị trí này, có thể sử dụng âm thanh và các phụ kiện khác khi động cơ đã ngừng.

ON :Chìa khóa ở vị trí này khi động cơ đang hoạt động. Vị trí này cũng được sử dụng để làm nóng máy trước khi khởi động động cơ.

START : Động cơ được khởi động ở vị trí này. Nhả chìa khóa ngay khi động cơ đã khởi động.
Chìa khóa tự động trở về vị trí "ON".

CHÚ Ý

•Nếu không thể xoay chìa khóa từ vị trí "LOCK" về vị trí "ON", lắc nhẹ tay lái theo chiều kim đồng hồ và ngược chiều kim đồng hồ đồng thời cố bật chìa khóa.

Núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng

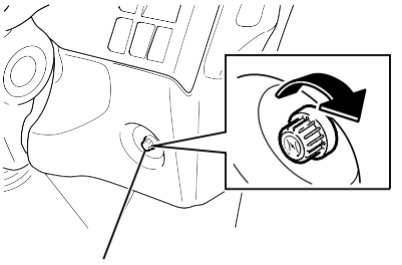

Núm điều chỉnh
tốc độ cầm chừng

Núm vặn này được dùng để làm nóng động cơ. Bạn có thể tăng tốc độ bằng cách vặn núm theo chiều kim đồng hồ mà không cần dùng bàn đạp ga. Vặn núm điều khiển trở về hết theo ngược chiều kim đồng hồ sau khi bạn đã dùng để xông máy và giữ nguyên ở vị trí này.

CẢNH BÁO

• Để động cơ hoạt động trong một nơi kém thông gió có thể gây nhiễm độc khí CO2. Hãy chọn một nơi thông gió tốt khi khởi động và làm nóng động cơ.

•N hớ phải vặn về hết mức núm điều khiển tốc độ chạy cầm chừng đến vị trí tốc độ thấp nhất trước khi lái.

LƯU Ý

•Sử dụng núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng để chỉnh động cơ hoạt động ở dãi tốc độ mong muốn trước khi cho xe lăn bánh.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

Động cơ 4JH1

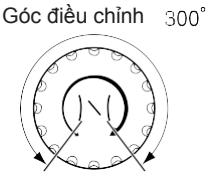

KHUYẾN CÁO

•Núm vặn điều khiển tốc độ cầm chừng có phạm vi hoạt động ~ 300 độ. Đừng vặn númvượt ngoài phạm vi này, nếu không xe có thể trục trặc.

Công Tắc Điều Khiển Đèn Tổ Hợp

Công Tắc Điều Khiển Đèn

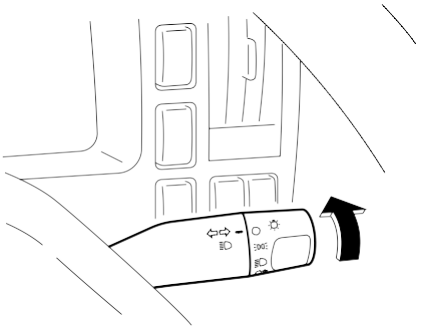

Vặn công tắc điều khiển đèn về vị trí chỉ ra trong bảng sẽ khiến các đèn liên quan phát sáng.

KHUYẾN CÁO

- Công tắc điều khiển đèn có thể được sử dụng khi công tắc xe đang ở vị trí "LOCK" hoặc "ACC". Đừng vận hành các tổ hợp đèn trong một thời gian dài khi tắt máy. Nếu không bình điện có thể hết, không thể khởi động lại động cơ.

Tên	Vị trí		
	○		
Đèn chiếu sáng phía trước	OFF	OFF	ON
Đèn kích thước		ON	
Đèn đuôi			
Đèn biển số			
Đèn taplo			

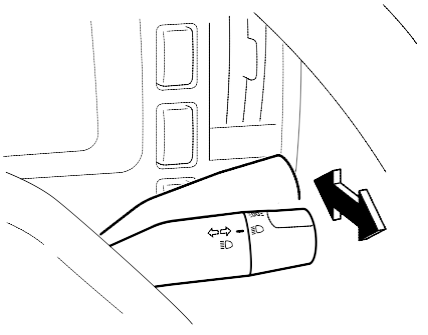

Chuyển Đổi Đèn Pha và Cos

Khi đèn trước bật, hãy di chuyển cần về phía trước và phía sau để chuyển đổi giữa đèn pha và cos.

Di chuyển cần về phía trước để chọn pha (chiếu xa), di chuyển cần về phía sau để chộn cos (chiếu gần).

Khi đèn trước bật ở chiếu xa (pha), đèn chỉ báo đèn pha trên bảng táp-lô phát sáng.

LƯU Ý

• Dùng đèn chiếu gần (cos) khi có xe phía trước cùng tuyến đường hoặc xe đang tới ở tuyến ngược chiều.

Chuyển Đổi Pha Cos (Tín Hiệu Xin Đường)

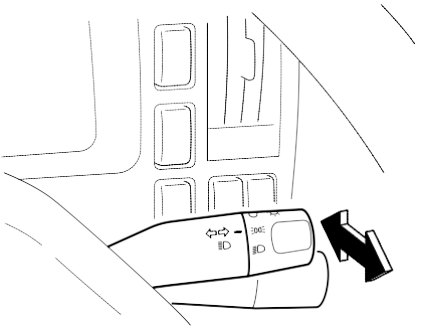

Bằng cách kéo cần điều khiển công tắc đèn và nhả ra, đèn pha sẽ bật sáng và tắt Đồng thời đèn chỉ báo trên bảng táp-lô sẽ sáng và tắt. Dùng chức năng này làm tín hiệu xin qua mặt xe hoặc các mục đích khác.

Công Tắc Đèn Báo Rẽ

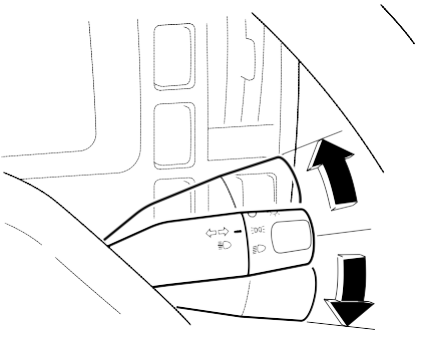

Khi rẽ trái hoặc phải, hãy kéo cần lên xuống để nhấp nháy đèn tín hiệu rẽ

KHUYẾN CÁO

• Đèn tín hiệu rẽ phát sáng dù công tắc khởi động ở vị trí "LOCK" hoặc "ACC".

• Đừng vận hành đàn tín hiệu rẽ trong thời gian dài khi tắt máy. Nếu không, bình accu sẽ hết khiến không thể khởi động lại động cơ.

LƯU Ý

Nếu tay lái chỉ bẻ ít, hãy tắt tín hiệu bằng tay. Ấn nhẹ và giữ cần lên xuống khi qua mặt hay chuyển tuyến đường. Đèn tín hiệu rẽ vẫn tiếp tục nhấp nháy khi cần vẫn còn được kéo. Cần được kéo về vị trí giữa ngay khi tay lái trở lại vị trí hướng thẳng về phía trước.

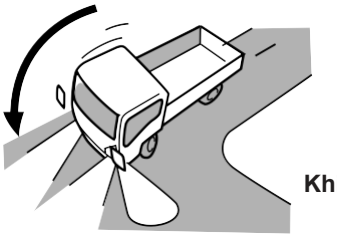

Đèn Góc V

Vào ban đêm đèn góc sẽ chiếu sáng khu vực xe đang quẹo. Khi đèn trước bật, đèn góc phát sáng kết hợp với tín hiệu rẽ.

Khi Bóng Đèn Không Sáng → Tham khảo trang 8-23

Công Tắc Đèn Sương Mù Trước V

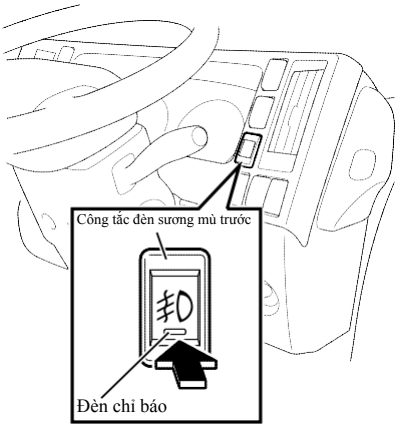

Khi công tắc đèn được xoay đến vị trí hay và công tắc này được ấn vào, đèn sương mù trước phát sáng và đèn chỉ báo sương mù trước cũng phát sáng. Để tắt đèn, ấn vào công tắc lần nữa. Đèn sương mù trước hữu dụng khi tầm nhìn trước mặt không rõ vìsương mù.

CẢNH BÁO

• Khi thay thế bóng đèn sương mù trước, đừng dùng đèn có công suất lớn hơn công suất chỉ định. Nếu không, dây điện có thể bị cháy.

Khi Bóng Đèn Không Sáng → Tham khảo trang 8-23

Công Tắc Đèn Báo Nguy

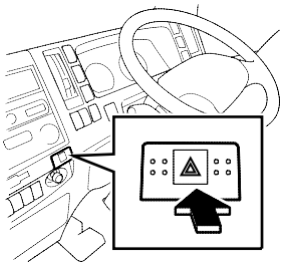

Đèn báo nguy được dùng để báo hiệu cho các xe khác biết xe bạn đang đậu trên đường vì tai nạn hoặc hư hỏng. Khi công tắc này được nhấn, tất cà các đèn tín hiệu rẽ và đèn chỉ thị tín hiệu rẽ nhấp nháy để báo hiệu tình trạng khẩn cấp. Để tắt đèn báo nguy, hãy bấm vào công tắc này lần nữa.

KHUYẾN CÁO

Đừng để đèn báo nguy hoạt động trong thời gian dài khi máy tắt, nếu không bình accu sẽ hết khiến không thể khởi động lại động cơ

Công Tắc Phanh Khí Xả V

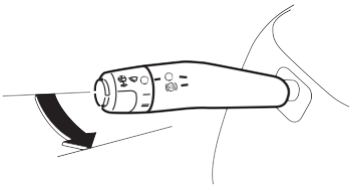

Đèn chỉ báo phanh khí xả

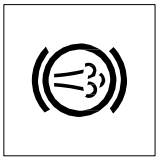

Để sử dụng phanh khí xả, hãy kéo cần ra sau. Để tắt phanh khí xả, hãy nhấn vào bàn đạp ga hoặc bàn đạp ly hợp (nếu xe bạn dùng hộp số thường). Nhả bàn đạp để cài phanh khí xả lại.

•Trên một số xe có kết nối hệ thống phanh khí xả với phanh thông thường, kể cả khi không bật công tắc phanh khí xả, đèn chỉ báo cũng sẽ sáng nếu đạp bàn đạp phanh.

CHÚ Ý

• Rất nguy hiểm khi cài phanh khí xả trên đường trơn trợt (khi mặt đường ẩm ướt, đóng băng hoặc phủ tuyết dày) vì bánh xe có thể trượt.

KHUYẾN CÁO

• Nếu kèn cảnh báo kêu lên khi phanh khí xả đang hoạt động, hãy nhanh chóng tấp xe vào nơi an toàn và liên hệ với đại lý ISUZU gần nhất để kiểm tra.

• Dù cần số đang ở vị trí "N", phanh khí xả vẫn không nhả cho đến khi máy được làm nóng (nếu hệ thống làm nóng được bật lên).

Điều kiện để phanh khí xả hoạt động

Trong những tình huống sau đây, phanh khí xả sẽ không hoạt động kể cả khi bật công tắc & đèn chỉ báo phanh khí xả sáng :

- Đang đạp bàn đạp ga.
- Tay số ở vị trí “”N””.
- Tốc độ xe thấp hơn 5 km/h.

Công Tắc Điều Khiển Cần Gạt Nước Và Rửa Kính Chắn Gió

Để dùng được công tắc điều khiển cần gạt nước và rửa kính chắn gió, công tắc khởi động phải ở vị trí "ON".

Công Tắc Điều Khiển Cần Gạt Nước

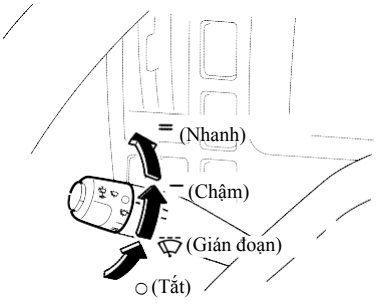

KHUYẾN CÁO

- Hệ thống an toàn có thể hoạt động để dừng cần gạt khi động cơ quá tải. Trong trường hợp này, hãy bật công tắcqua vị trí "OFF", và vài phút sau hãy kiểm tra cần gạt nước có hoạt động lại bình thường không. Nếu cần gạt nước thường xuyên ngưng hoạt động, đừng dùng nữa và liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.
- Trước khi vận hành cần gạt nước,phải bảo đảm cao su ở cần gạt không dính vào kính. Nếu cao su cần gạt dính vào kính mà vẫn cho vận hành cần gạt nước, cần gạt có thể bị gãy hoặc môtơ gạt nước bị hư.
- Đừng vận hành cần gạt nước trên mặt kính khô, nếu không mặt kính có thể hỏng. Luôn luôn dùng công tắc xịt nước rửa kính khi lau mặt kính khô.

Trạng thái gạt	Dừng	V Gián đoạn (mưa nhẹ)	Chậm (mưa vừa)	Nhanh (mưa to)

Công Tắc Rửa Kính

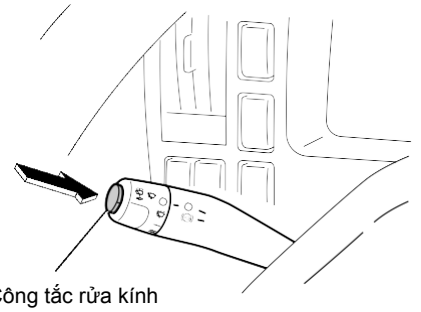

Công tắc rửa kính

Nước rửa kính được phun lên kính chắn gió khi ấn công tắc. Khi đó, thanh gạt nước cũng hoạt động đồng thời.
Nước rửa kính có chức năng làm sạch kính chắn gió.

CHÚ Ý

• Ở nhiệt độ cực thấp, dung dịch nước rửa kính có thể bị đóng băng trên mặt kính sau khi phun, ngăn cản tầm nhìn phía trước của bạn. Trong trường hợp đó hãy làm nóng kính trước khi dùng công tắc rửa kính.

KHUYẾN CÁO

• Nếu dung dịch không phun ra đủ lượng, hãy nhả công tắc ngay lập tức.
• Đừng giữ công tắc này ở trạng thái nhấn trong hơn 30 giây, nếu không máy bơm phun có thể bị hư.
• Nếu dung dịch rửa kính không phun ra, hãy nhả công tắc xịt nước rửa kính ngay lập tức. Nếu không, mô -tơ có thể bị kẹt.
• Nếu xe được dùng trong khu vực khí hậu lạnh, hãy dùng dung dịch rửa kính phù hợp theo mùa để không bị đông đặc.

Dung Dịch Nước Rửa Kính → Tham khảo trang 7-114

Nút Còi

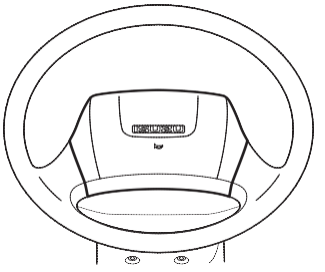

Để bấm còi, hãy nhấn vào miếng nhựa có kí hiệu còi trên tay lái.

PHƯƠNG PHÁP LÁI XE

● Bàn Đạp		4-42
● Cần Phanh Tay		4-43
● Cần Sang Số (Tay Số)		4-45
● Bộ Chuyển Hóa Xúc Tác Khí Xả (PM)	V	4-46

Bàn Đạp

Hộp số thường

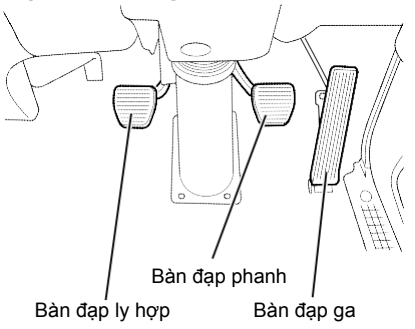

Ngồi vào ghế ở vị trí lái đúng và nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga với bàn chân phải. Để tránh đạp nhầm bàn đạp, hãy kiểm tra vị trí bàn đạp và tập đặt chân lên đúng bàn đạp.

CẢNH BÁO

- Để lon nước hay vỏ chai lăn trên sàn có thể làm kẹt bàn đạp phanh nếu nó lọt dưới bàn đạp. Điều này rất nguy hiểm. Tấm trải sàn phải đặt đúng chỗ. Tấm trải sàn đặt không đúng chỗ sẽ làm cản trở chuyển động tự do của mỗi bàn đạp.

KHUYẾN CÁO

- Đừng rú máy, các bộ phận trong động cơ cũng như sự tiết kiệm nhiên liệu có thể bị ảnh hưởng xấu.

Đừng lái xe khi chân tựa vào bàn đạp ly hợp. Làm thế có thể gây hư hỏng bộ ly hợp.

Cần Phanh Tay

CHÚ Ý

- Khi đậu hoặc dừng xe, hãy kéo cần phanh tay để chắc chắn xe sẽ không di chuyển.
- Hãy đậu xe ở nơi bằng phẳng, tránh việc đậu xe trên dốc. Trong trường hợp phải đậu xe trên dốc hãy kéo phanh tay, sau đó dùng các miếng chêm bánh xe và cái tay số để chắc chắc xe không di chuyển.
- Không kéo phanh tay khi xe đang di chuyển, trừ khi đó là trường hợp khẩn cấp. Nếu kéo phanh tay trước khi xe dừng hẳng sẽ làm hư hỏng hệ thống truyền lực.
- Nếu không nhả phanh tay khi xe đang di chuyển, sẽ làm hệ thống phanh bị bó / nóng / gây hỏa hoạn.
- Dù đèn cảnh báo phanh tay phát sáng khi phanh tay được cài, điều này không có nghĩa là phanh tay được cài chặt, vì thế hãy luôn luôn kiểm tra cần được kéo lên hết mức chưa.
- Luôn lưu ý kiểm tra tình trạng hoạt động của phanh tay.

LƯU Ý

- Phanh hãm cứng trục truyền động (phanh thủy lực):
Khi kéo cần phanh tay, cơ cấu sẽ khóa cứng phấn truyền động từ trục truyền động đến cầu sau.

Hoạt Động Của Phanh Tay

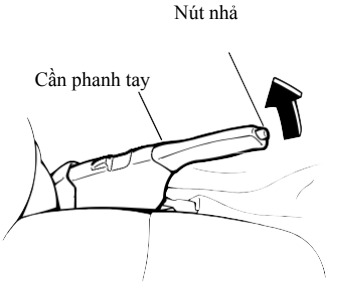

Gài chặt phanh tay khi đậu xe. Đèn cảnh báo phanh tay trên bảng đồng hồ táp-lô sẽ phát sáng khi cần được kéo lên. Để nhả phanh tay, hãy ấn vào nút nhả trong khi đang nâng cần lên một chút và rồi hạ cần xuống. Đèn cảnh báo phanh tay trên bảng đồng hồ táp-lô sẽ tắt.

Đèn cảnh báo phanh tay

Cần Sang Số (Tay Số)

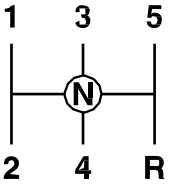

Xe trang bị hộp số thường đòi hỏi phải đạp bàn đạp ly hợp hết mức khi sang số.
Khi cần sang số chuyển về vị trí "R", đèn báo lùi sẽ phát sáng; nếu model có kèn báo lùi, kèn báo cũng sẽ kêu.

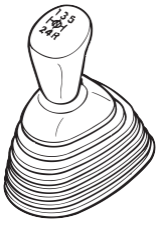

KHUYẾN CÁO

- Chỉ chuyển về số lùi khi xe đã dừng hẳn. Nếu không sẽ làm hộp số bị hư hỏng
- Hãy khởi động xe từ từ tại tay số 1, sau đó tăng tốc dần với các số cao hơn.

Bộ Chuyển Hóa Xúc Tác Khí Xả (PM) V

Bộ chuyển hóa xúc tác khí xả sử dụng bầu catalyst để đốt cháy lại khí xả, chuyển hóa thành nước và carbon dioxide.

Theo nguyên lí hoạt động, khi động cơ diesel hoạt động cầm chừng, nhiệt độ khí xả còn thấp; lúc này bộ catalyst chưa hoạt động và các thành phần độc hại trong khí xả được giữ lại. Sau khi động cơ tăng tốc, nhiệt độ khí xả tăng cao làm kích hoạt bộ catalyst; lúc này các thành phần độc lại trong khí xả sẽ được chuyển hóa , tạo thành khói trắng trong khoảng 1-2 phút.

CẢNH BÁO

Động cơ, đường ống khí xả, két nước và các bộ phận liên quan sẽ có nhiệt độ rất cao sau khi hoạt động. Do đó cẩn thận không thực hiện việc kiểm tra, sửa chữa khi các chi tiết này còn nóng, nếu không sẽ bị bỏng.

CHÚ Ý

- Phải luôn sử dụng đúng loại nhiên liệu cho xe. Nếu là xe đạt chuẩn Euro IV, phải sử dụng dầu diesel 0,05S ; nếu là Euro V, phải sử dụng 0,001S
- Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ làm giảm khả năng bôi trơn trong hệ thống nhiên liệu, chất lượng cháy, nghẹt kim phun…và ảnh hưởng nặng đến tuổi thọ của xe
- Nếu đổ nhầm nhiên liệu, hãy lập tức dừng xe. Xả toàn bộ nhiên liệu và liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được hỗ trợ.

KHUYẾN CÁO

- Việc để động cơ hoạt động cầm chừng quá lâu sẽ làm giảm hiệu quả chuyển hóa khí xả.
- Để giảm phần khói trắng tạo ra, đừng để động cơ hoạt động cầm chừng quá lâu.
- Việc khói trắng xuất hiện tại đường ống xả khi động cơ bắt đầu tăng tốc sau khi chạy cầm chừng là hiện tượng bình thường; không phải là hiện tượng hư hỏng.
- Bộ xử lý chỉ có tác dụng chuyển hóa các thành phần độc hại trong khí xả thành các chất không gây hại. Nó không có tác dụng giảm khói đen.
- Không được tự ý tháo rã hay cải tạo bộ xử lý.

Chú ý trước khi lái xe:

Nếu bạn để động cơ hoạt động cầm chừng trong một thời gian dài:

Lúc này bộ xử lý sẽ bắt đầu kích hoạt khi xe tăng tốc; và sẽ tạo ra khói trắng tại ống xả. Việc này thường xảy ra sau khi để xe hoạt động động cầm chừng khoảng 1-2 giờ trở lên.

CHÚ Ý

Nếu bạn tăng tốc xe đột ngột sau khi để động cơ hoạt động cầm chừng một thời gian dài, sẽ tạo ra khói trắng phía ống xả. Khói trắng này sẽ làm ảnh hưởng đến tầm nhìn của các xe lưu thông phía sau. Hãy để ý đến các phương tiện phía sau và tránh đừng để điều bất tiện này xảy ra.

KHUYẾN CÁO

- Việc để động cơ hoạt động cầm chừng quá lâu sẽ làm giảm hiệu quả chuyển hóa khí xả.
- Để giảm phần khíói trắng tạo ra, đừng để động cơ hoạt động cầm chừng quá lâu.

LƯU Ý

• Việc khói trắng xuất hiện tại đường ống xả khi động cơ bắt đầu tăng tốc sau khi chạy cầm chừng là hiện tượng bình thường; không phải là hiện tượng hư hỏng.

Chú ý trong khi lái xe

Trên đường đông đúc:

Khi bạn lái xe trên đường đông đúc, xe chạy với tốc độ chậm, nhiệt độ khí xả còn thấp và bộ xử lý sẽ chưa kích hoạt, lúc này các thành phần độc hại trong khí xả sẽ được giữ bên trong bộ xử lý. Đến khi xe tăng tốc, bộ xử lý sẽ kích hoạt và chuyển hóa toàn bộ phần khí xả tích tụ thành khói trắng.

Lượng khói trắng tạo ra nhiều hay ít phụ thuộc vào thời gian động cơ hoạt động cầm chừng liên tục. Mặc dù khói trắng này sẽ tan sau 1-2 phút nhưng cũng sẽ gây ảnh hưởng tầm nhìn đến các phương tiện lưu thông khác. Do đó cần đặc biệt lưu ý khi xe lưu thông trên đường đông đúc liên tục trong 1-2 giờ.

KHUYẾN CÁO

• Lái xe trong một thời gian dài trên đường đông đúc có thể làm giảm hiệu quả chuyển hóa khí xả.

LƯU Ý

• Việc khói trắng xuất hiện tại đường ống xả khi động cơ bắt đầu tăng tốc sau khi chạy trên đường đông đúc trong một thời gian dài là bình thường; không phải là hiện tượng hư hỏng.

TIỆN NGHI VÀ TIỆN ÍCH

5

- Cửa Gió 5-2
- Chỉnh hướng gió 5-4
- Máy Sưởi /Máy V 5-6
- Đèn Trong Xe 5-14
- Tấm Che Nắng V 5-15
- Núm Mồi Thuốc 5-16
- Gạt Tàn V 5-18
- Ngăn Chứa Đồ 5-19
- Hộc Chứa Card 5-19
- Hộc Chứa Đồ Có Nắp V 5-20
- Hộc Chứa Đồ Không Nắp V 5-21
- Khay Chứa Đồ Bên Cạnh Ghế 5-21
- Giá Giữ Ly V 5-22
- Móc Treo 5-22

Cửa Gió

Loại Thổi Trực Diện

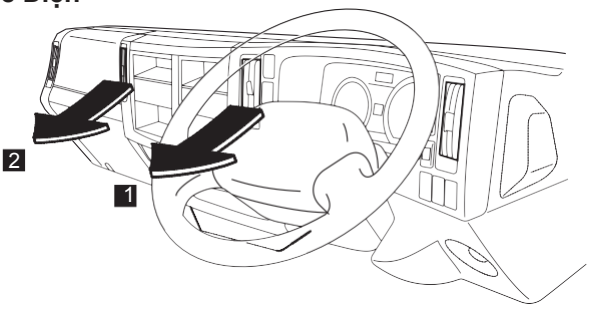

Stt.	Hướng gió	Đặc điểm
1	Phía tài xế	Cần chỉnh hướng gió có thể điều chỉnh được
2	Phía hành khách	Cần chỉnh hướng gió có thể điều chỉnh được

Loại Khác

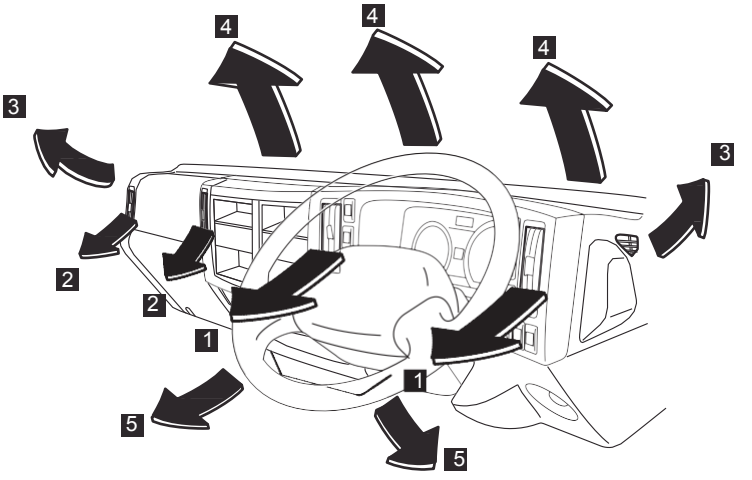

Stt.	Hướng gió	Đặc điểm
1	Phía tài xế	Cần chỉnh hướng gió có thể điều chỉnh được.
2	Phía hành khác	Cần chỉnh hướng gió có thể điều chỉnh được.
3	Phía kính cửa	Gió thổi về phía kính cửa.
4	V Kính chắn gió	Gió thổi về phía kính chắn gió.
5	Chân	Gió thổi về phía chân.

Cần Điều Chỉnh Hướng Gió

Dùng cần gạt điều chỉnh hướng gió từ cửa gió. Muốn đóng cửa gió, gạt cần hết xuống phía dưới.

Loại thổi trực diện

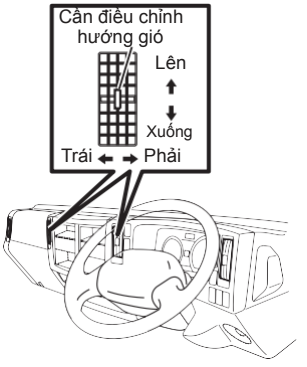

Loại khác

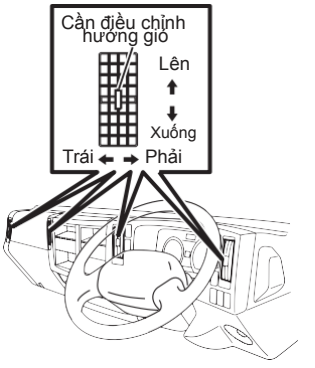

Chỉnh Hướng Gió V

Hướng Dẫn Sử Dụng

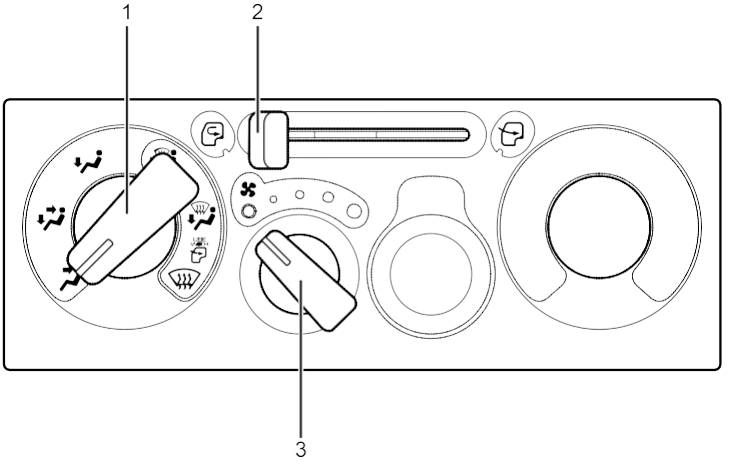

Stt	Tên
1	Núm chỉnh hướng gió V
2	Cần chỉnh hướng gió

Stt	Tên
3	Núm chỉnh tốc độ quạt gió

1. Vị trí núm xoay

Vị trí núm	Hướng thổi	Luồng gió ra
	Mặt	Gió thổi ra từ cửa 1 và 2.
	Mặt và chân	Gió thổi ra từ cửa 1 ,2 và 5.
	Chân	Gió thổi ra từ cửa 5.
	Chân, kính cửa và kính chắn gió	Gió thổi ra từ cửa 5 và một ít từ cửa 3 và 4.
	Chân, cửa kính và Kính chắn gió	Gió sẽ thổi ra từ cửa 5 và gió thổi ra với mức lớn hơn ở vị trí bên trên tại cửa 3 và 4.
	Cửa Kính và Kính chắn gió	Gió thổi ra từ cửa 3 và 4

2. Chỉnh nguồn gió

Vị trí	Mục đích	
	Đưa không khí bên ngoài vào trong xe	Dùng vị trí này để thông gió bên trong cabin (vị trí nên chọn thường xuyên)
	Tuần hoàn không khí bên trong	Dùng vị trí này để ngăn bụi bẩn, nếu không, không khí ô nhiễm bên ngoài xâm nhập vào cabin (chẳng hạn như trong một đường hầm hoặc trong dòng xe kẹt)

LƯU Ý

Việc dùng quá nhiều ở vị trí tuần hoàn gió bên trong làm cho kính chắn gió và cửa sổ dễ bị mờ, làm hạn chế tầm nhìn.

3. Núm điều khiển tốc độ quạt gió
   Tốc độ quạt gió có thể điều chỉnh ở 1 trong 4 tốc độ sẵn có.

Núm Điều Chỉnh

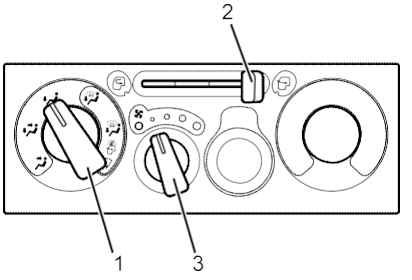

Thông Gió Ra Bên Ngoài

Xoay núm chỉnh hướng gió (1) về vị trí bất kì,
Sau đó kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí
" "

Điều chỉnh núm điều khiển tốc độ quạt gió (3) tùy ý.

Máy Sưởi / Máy Lạnh Điều Khiển Tay

Hướng dẫn sử dụng

Dòng xe không trang bị máy lạnh

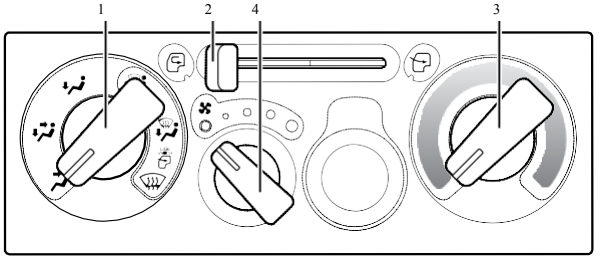

Dòng xe trang bị máy lạnh

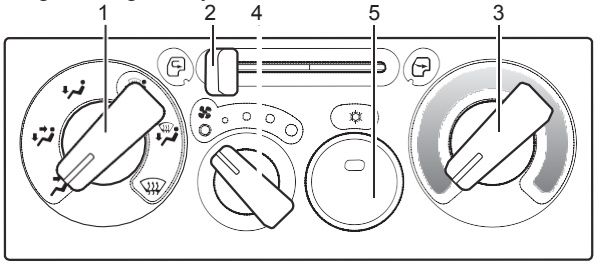

Stt.	Tên
1	Núm chỉnh hướng gió
2	Cần chỉnh nguồn gió
3	Núm điều chỉnh nhiệt độ

Stt.	Tên
4	Núm điều khiển tốc độ quạt gió
5	Công tắc máy lạnh ( )

1. Núm chỉnh hướng gió

Vị trí	Hướng gió	Cửa gió
	Mặt	Gió thổi ra từ cửa 1 và 2
	Mặt và chân	Gió thổi ra từ cửa 1,2 và 5.
	Chân	Gió thổi ra từ cửa 5.
	Chân và xông kính 1	Thị trường Nga: Gió thổi ra từ cửa 5 và một ít gió tại cửa 3 và 4.
		Thị trường Nga: Gió thổi ra từ cửa 5 và một ít gió tại cửa 1,2,3 và 4.
	Chân và xông kính 2	Thị trường Nga: Gió thổi ra từ cửa 5 và một lượng lớn gió nhiều hơn ở vị trí " " tại cửa 3 và 4.
		Không phải thị trường Nga: Gió thổi ra từ cửa 5 và một lượng lớn gió nhiều hơn ở vị trí " " tại cửa 1,2,3 và 4.
	Xông kính	Gió thổi ra từ cửa 3 và 4.

1. Cần chỉnh nguồn gió

Vị trí	Mục đích	
	Đưa không khí bên ngoài vào trong xe	Dùng vị trí này để thông gió bên trong cabin (vị trí nên chọn thường xuyên)
	Tuần hoàn không khí bên trong	Dùng vị trí này để ngăn bụi bẩn, nếu không, không khí ô nhiễm bên ngoài sẽ xâm nhập vào cabin

LƯU Ý

- Việc dùng quá nhiều ở vị trí tuần hoàn gió bên trong làm cho kính chắn gió và cửa sổ dễ bị mờ, làm hạn chế tầm nhìn.

3. Núm điều chỉnh nhiệt độ
   Xoay núm theo chiều kim đồng hồ để giảm giạt độ của gió thổi ra. Hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để tăng nhiệt độ.
4. Núm điều khiển tốc độ quạt gió
   Tốc độ quạt gió có thể điều chỉnh ở 1 trong 4 tốc độ sẵn có.
5. Công tắc máy lạnh (Công tắc A/C)
   Nhấn công tắc này để mở chắc năng làm lạnh trên xe. Lúc này đèn chỉ báo trên công tắc sẽ sáng lên. Ấn nút này để mở chức năng sưởi và làm lạnh trên xe.

LƯU Ý

- Kể cả khi ấn công tắc A/C, hệ thống máy lạnh cũng sẽ chưa hoạt động nếu chưa xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió.
- Kể cả khi không có nhu cầu sử dụng máy sưởi / máy lạnh tại khu vực bạn đang sống; hãy khởi động và vận hành hệ thống trong vài phút để giúp tăng tuổi thọ của hệ thống.

Chỉnh hướng gió

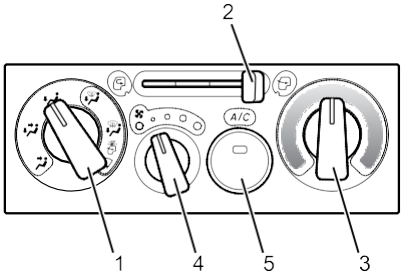

Thông Gió Ra Bên Ngoài

Ấn công tắc A/C (5) về trị ví "OFF".
Xoay núm điều chỉnh hướng gió (1) về vị trí bất kì.
Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí “ ”.
Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3).
Sau đó xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió (4).

Hướng Dẫn Sử Dụng Máy Sưởi

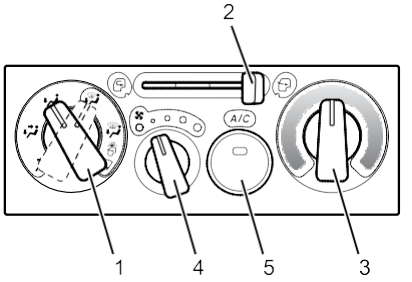

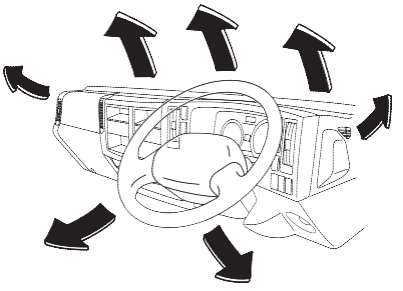

Sưởi Thông Thường

Xoay núm chỉnh hướng gió (1) về vị trí "" or "" "". Chọn các vị trí "" "" để sưởi ấm chân và xông kính.

Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí "" Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) và núm điều khiển tốc độ quạt gió (4) về vị trí mong muốn.

Để khử ẩm trong cabin trong khi đang sưởi, ấn công tắc A/C (5) về vị trí "ON".

LƯU Ý

Máy sưởi sử dụng nhiệt từ môi chất nước làm mát động cơ. Do đó hiệu quả sưởi sẽ kém khi nhiệt độ môi chất nước làm mát động cơ còn thấp.

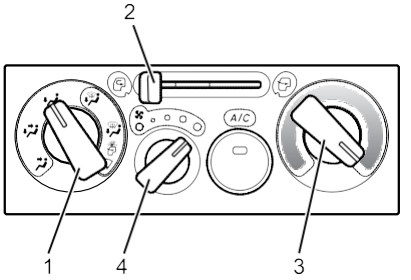

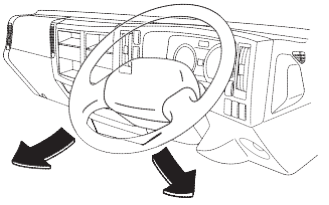

Sưởi Cực Đại

Xoay núm chỉnh hướng gió (1) về vị trí " " sau đó kéo cần chỉnh nguồn gió về vị trí , kế tiếp xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) hết mức về vị trí nóng nhất.

Cuối cùng hãy xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió (4) về vị trí cao nhất.

LƯU Ý

•Việc dùng quá nhiều ở vị trí tuần hoàn gió bên trong làm cho kính chắn gió và cửa sổ dễ bị mờ, làm hạn chế tầm nhìn.

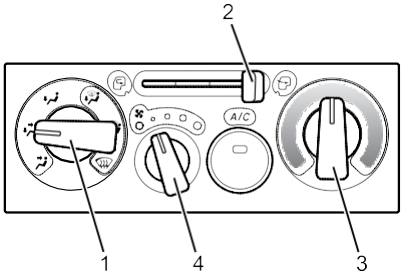

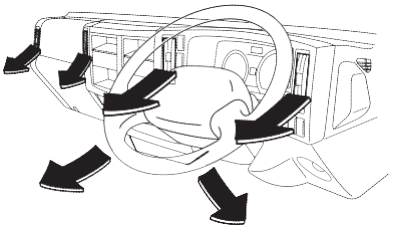

Gió Thổi Hướng Mặt Và Chân

Xoay núm điều chỉnh hướng gió (1) về " "

Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về " "

Xoay núm chỉnh nhiệt độ về vị trí giữa.

Xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió về vị trí tùy ý.

Khử Sương và Xông Kính

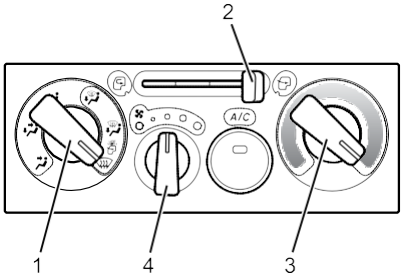

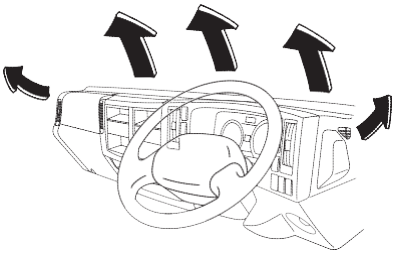

Khử Sương

Xoay núm chỉnh hướng gió (1) về "⟨⟩"

Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về "⟨⟩" Xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) để tăng nhiệt độ.

Xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió về bị trí bất kì (ngoại trừ vị trí OFF).

Nếu xe có trang bị máy lạnh, hãy sử dụng chức năng khử ẩm để khử sương

LƯU Ý

Đừng chỉnh mức lạnh tối đa khi đang chỉnh cần chỉnh hướng gió ở vị trí. Nếu không mặt ngoài của kính chắn gió sẽ bị đóng " ⟨⟩ " sương.

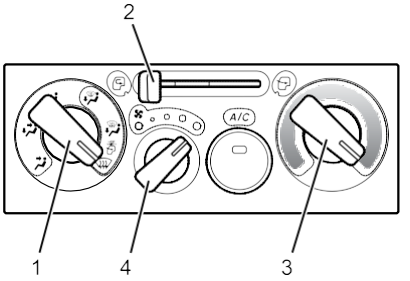

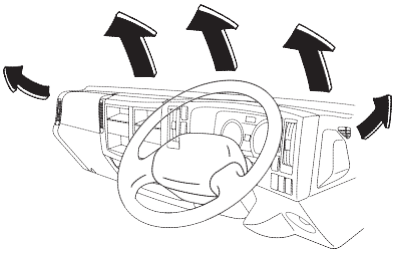

Xông kính

Xoay núm điều chỉnh hướng gió (1) về " "

Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về " " Xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) về vị trí nhiệt độ cao nhất. Đồng thời xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió về vị trí cao nhất.

LƯU Ý

Xoay khi xông kính, hãy kéo lại cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí " "
Nếu không kính sẽ bị hiện tượng đóng sương tiếp tục sau đó.

Thổi gió

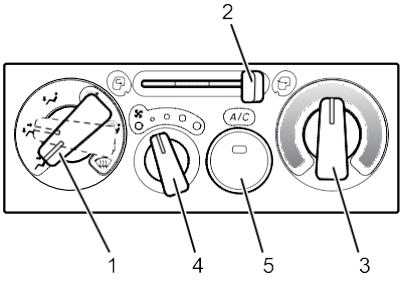

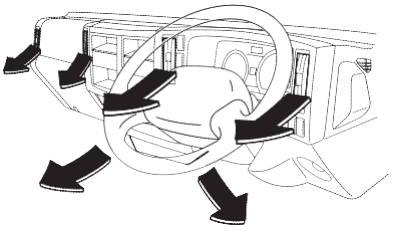

Thổi Gió Trung Bình/ Bình Thường

Việc xác lập này thích hợp cho những lúc thổi gió thường xuyên hoặc thổi gió trung bình.

Nhấn công tắc A/C (5) vào vị trí "ON".

Đặt núm chọn hướng gió (1) ở vị trí " " khi chọn thổi gió bình thường hoặc chọn " " để thổi gió trung bình.

Xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) đến vị trí tùy ý. Xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió (4) đến vị trí tùy ý.

LƯU Ý

Nếu sử dụng hệ thống máy lạnh trong khu vực nhiệt đới có nhiệt độ cao, hãy kéo cần chỉnh nguồn gió về vị trí " "

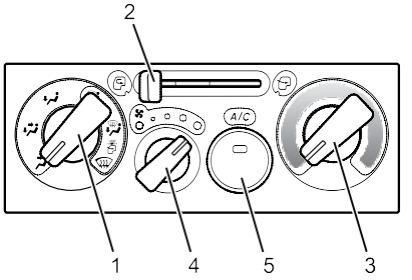

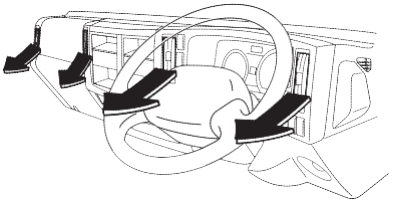

Thổi Gió Cực Đại

Xoay núm chọn hướng gió (1) về "
Ấn công tắc A/C (5) về vị trí "ON"
Kéo cần chỉnh nguồn gió (2) về vị trí "
Xoay núm chỉnh nhiệt độ (3) về vị trí nhiệt độ thấp.
Xoay núm điều khiển tốc độ quạt gió về vị trí cao nhất.

LƯU Ý

- Sau khi đậu xe một thời gian dài dưới nắng, hãy hạ kính cửa hoặc mở cửa để lưu thông không khí nóng bên trong xe ra bên ngoài, trước khi khởi động máy lạnh.
- Nếu bật máy lạnh trong một thời gian dài, hãy kéo cần chỉnh nguồn gió về vị trí lưu thông gió bên ngoài để làm mới không khí.
- Trong suốt quá trình làm mát, hơi sương có thể thoát ra từ các cửa gió. Hiện tượng này là bình thường, không phải hư hỏng.

Đèn Trong Xe

Đèn trần

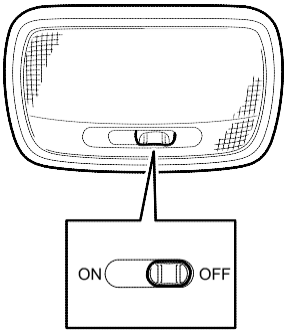

Đèn trần hoạt động ở bất kì vị trí nào của công tắc khởi động. Để cho đèn trần hoạt động theo tình trạng của "DOOR", hãy chuyển công tắc đèn trần trong khoảng phân nửa giữa vị trí "ON" và "OFF".

ON : Đèn bật sáng dù cho cửa đóng hay mở.

DOOR : Đèn bật sáng khi bất kỳ cánh cửa nào được mở, cửa được mở khóa bằng remote hoặc khi rút chìa khóa công tắc khởi động.

OFF : Đèn tắt dù cho cửa đóng hoặc mở.

LƯU Ý

Để tránh tình trạng đèn trần luôn sáng và dẫn đến cạn bình accu, hãy nhớ đóng cửa thật chặt.

Tấm Che Nắng V

Phía tài xế

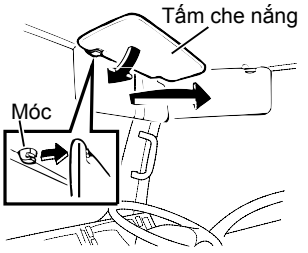

Phía phụ xế (chỉ có ở model có tấm che nắng phía phụ xế)

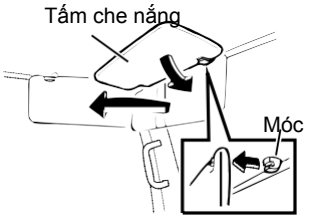

CHÚ Ý

- Để an toàn, hãy nhớ gập tấm che nắng lại sau khi sử dụng.

Tấm che nắng bảo vệ cho mắt bạn trong ánh nắng gay gắt. Hãy sử dụng khi mặt trời quá sáng chói.

Để giảm bớt độ chói bên hông, hãy tháo tấm che nắng khỏI móc và quay nó qua một bên .

Núm Mồi Thuốc V

Núm mồi thuốc có thể sử dụng khi công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

1.Nhấn núm mồi thuốc vào cho đến khi nó bị chốt lại.

2.Khi tim núm mồi thuốc trở nên nóng, núm mồi thuốc nhả ra về vị trí ban đầu. Hãy rút ra và sử dụng nó.

CẢNH BÁO

- Vì đầu núm mồi thuốc có thể trở nên cực kỳ nóng, hãy coi chừng bị phỏng.
- Không được đè ngón tay trên núm mồi thuốc khi nó đã nhấn vào. Núm mồi thuốc sẽ quá nóng và bị hư hỏng hoặc gây cháy.
- Nếu núm mồi thuốc không tự nhả ra sau 20 giây, núm mồi thuốc đã có vấn đề. Hãy rút núm mồi thuốc ra bằng tay ngay lập tức.
- Không được rời xe với núm mồi thuốc đã nhấn vào. Điều đó có thể gây cháy.
- Vì có nguy cơ bị bỏng, đừng sờ vào tim núm mồi thuốc khi sử dụng.
- Không được uốn cong núm mồi thuốc. Một núm mồi thuốc bị cong không hoạt động đúng và rất nguy hiểm.

CHÚ Ý

•Tham vấn đại lý Isuzu nếu bạn muốn sử dụng ổ cắm núm mồi thuốc làm nguồn cho các phụ kiện khác.

• Nếu sử dụng ổ cắm núm mồi thuốc làm nguồn cho các phụ kiện, có thể sẽ làm hư hỏng ổ cắm. Dẫn đến tình trạng núm mồi thuốc sẽ không đốt nóng được.

• Khi thay thế núm mồi thuốc mới, hãy sử dụng phụ tùng Isuzu chính hãng. Đừng sử dụng các núm mồi thuốc tương đương không cùng chủng loại.

• Khi lau dọn núm mồi thuốc, đừng dùng lực quá mạnh. Nó có thể bị cong.

• Hãy giữ hốc núm mồi thuốc không có tàn thuốc lá và bụi bẩn.

KHUYẾN CÁO

• Đừng dùng núm mồi thuốc trong khi động cơ không hoạt động. Núm mồi thuốc tiêu thụ nhiều điện năng và có thể xài hết bình điện.

Gạt Tàn V

CẢNH BÁO

- Đừng để giấy vụn hoặc các vật dễ bén lửa vào trong gạt tàn thuốc.
- Sau khi dùng gạt tàn, phải nhớ đóng nó lại. Nếu có một mẩu thuốc lá không được dập tắt hoàn toàn, các mẩu khác trong gạt tàn sẽ bắt cháy.
- Đừng để gạt tàn đầy mẩu thuốc lá.
- Chỉ bỏ những que diêm và tàn thuốc lá trong gạt tàn khi chúng được dập tắt hoàn toàn.
- Đừng quăng thuốc lá ra khỏi xe, điều này sẽ làm bẩn đường phố và có thể gây cháy nổ.

Gạt Tàn Phía Tài Xế Và Phụ Xế

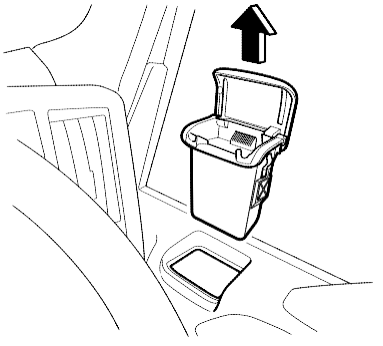

Mở nắp ra để dùng.

Dập tắt thuốc trên chỗ dụi.

Để đổ gạt tàn, hãy đóng nắp, kéo gạt tàn hướng lên ra ngoài.

Ngăn Chứa Đồ

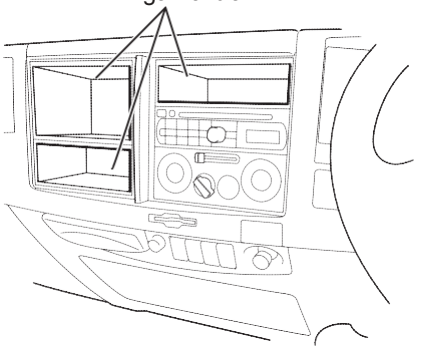

Dùng nó để chứa những đồ linh tinh.

CHÚ Ý

•Đừng để mắt kính hoặc bật lửa trong cabin. Bật lửa có thể nổ và tròng kính hoặc gọng bằng nhựa có thể bị biến dạng hoặc nứt nếu nhiệt độ bên trong quá nóng.

Hộc Chứa Card

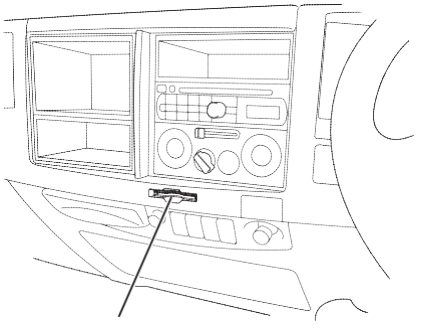

Dùng để đựng card hoặc thẻ.

Hộc Chứa Đồ Có Nắp V

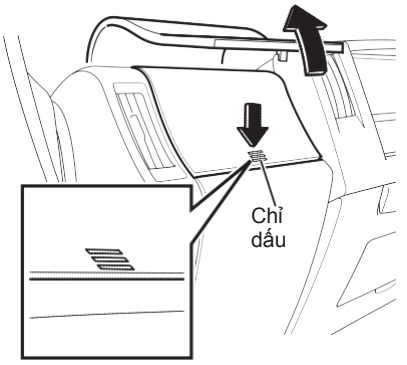

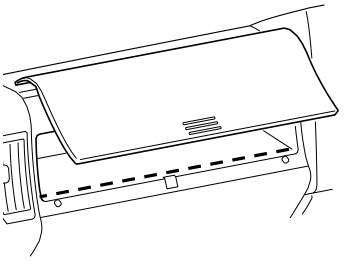

Ấn vào chỉ dấu để mở nắp hộc chứa đồ.

CHÚ Ý

- Vì lí do an toàn, hãy đóng nắp hộc chứa đồ trong khi đang lái xe.
- Cửa nắp sẽ tự mở ra sau khi ấn vào chỉ dấu trên nắp. Lưu ý đừng để va chạm với mặt của bạn.
- Đừng để mắt kính hoặc bật lửa bên trong xe. Bật lửa có thể bị biến dạng hoặc tự cháy nổ do nhiệt độ trong xe tăng cao.
- Đừng để đồ cồng kềnh, vật có kích thước lớn hơn kích thước. Nếu không khi đóng nắp sẽ làm hư hỏng vật dụng và nắp.
- Đừng để các giấy tờ như sổ bảo hành, giấy đăng ký xe vào trong hộc chứa đồ. Thay vì vậy, hãy để ở túi chứa đồ phía sau ghế tài xế.

Hộc Chứa Đồ Không Nắp V

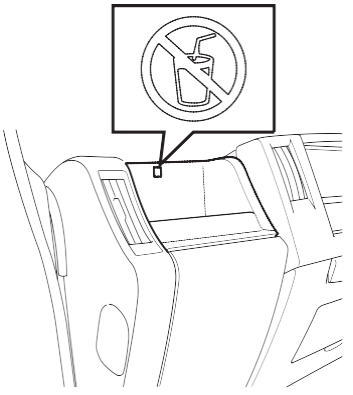

CHÚ Ý

- Đừng để ly hoặc vật chứa nước lên hộc chứa đồ.
- Đừng để vật gì gây cản trở tầm nhìn.
- Đừng để vật gì có khả năng đổ vỡ khi nâng cabin.

Túi Chứa Đồ (Phía Sau Ghế Tài Xế)

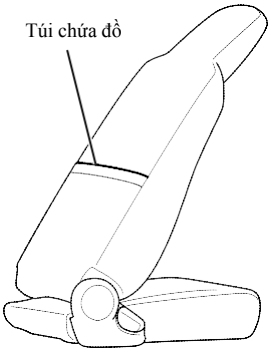

Dùng để cất giữ các tài liệu, hồ sơ quan trọng như sổ bảo hành, giấy đăng ký xe…

Giá Giữ Ly V

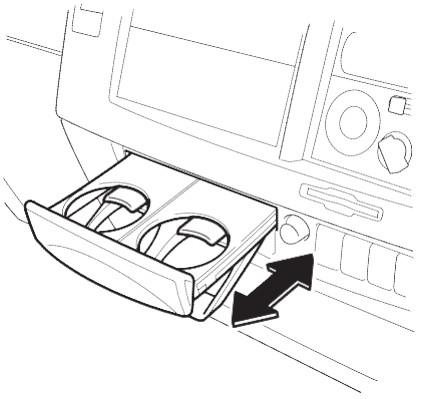

Kéo giá về phía trước để sử dụng.

CHÚ Ý

- Đừng để ly chứa đầy nước vào giá giữ ly. Nếu không nước có thể sóng sánh và tràn ra ngoài. Nếu đều này xảy ra, hãy dùng vải để lau khô.
- Nếu để ly có nước vào giá nếu bạn muốn lật cabin. Cũng đừng để những vật có khối lượng lớn hơn 0.75 kg.

Móc Treo

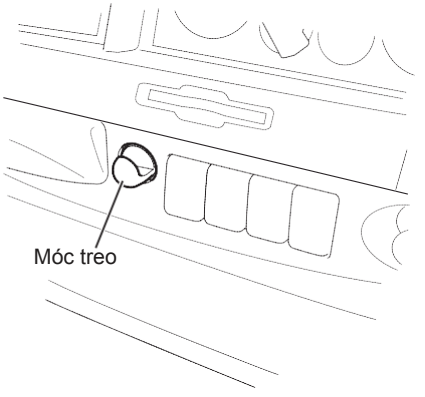

Hãy treo các vật dụng như túi nhựa vào móc treo này.

CHÚ Ý

- Đừng treo các vật có khối lượng hơn 3kg vào móc. Cũng đừng treo các vật có khả năng rơi rớt ra khi xe đang chạy.

PHƯƠNG PHÁP LÁI XE AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH

6

● Mẹo Để Lái Xe An Toàn	6-2
● Lái Xe Trên Đường	6-3
● Lưu Ý Khi Đậu Xe	6-15
● Lưu Ý Khi Lái Xe Trong Vùng Khí Hậu Nóng	6-16
● Lưu Ý Khi Lái Xe Trong Vùng Khí Hậu Lạnh	6-17
● Sử Dụng Đai Xích Bánh Xe	6-22

Mẹo Để Lái Xe An Toàn

Ngủ Đủ Giấc

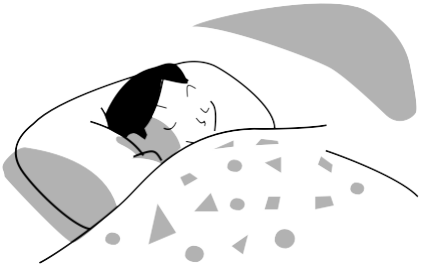

Nếu bạn lái xe trong khi đang buồn ngủ, sẽ dẫn đến mất tập trung. Do đó hãy ngủ đủ giấc

Nghỉ Ngơi Sau Quãng Đường Dài

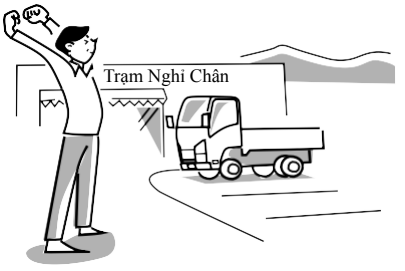

Sau khi lái xe qua một quang đường dài, hãy nghỉ ngơi để giữ được sự tỉnh táo và minh mẫn.

Lái Xe Trên Đường

Lưu Ý Khi Lái Xe

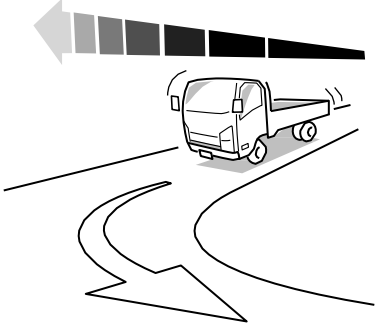

- Tập trung vào việc lái xe an toàn, tuân theo tất cả những bảng giới hạn tốc độ, những biển báo trên đường và những tín hiệu giao thông đúng theo luật..
- Không bật công tắc khởi động ở bất kỳ vị trí nào khác ngoài "ON" trong khi lái xe. Bộ trợ lực lái sẽ ngưng hoạt động làm cho việc lái vô cùng khó khăn. Phanh cũng sẽ không hoạt động tốt, đặt bạn vào tình huống cực kỳ nguy hiểm.
- Nếu bạn thấy bất kỳ tiếng ồn nào khác thường, các mùi khác thường hoặc các rung lắc khác thường từ các bộ phận bất kỳ nào của xe, ngay lập tức dừng xe vào nơi an toàn và thực hiện kiểm tra.
- Nếu đèn cảnh báo trên xe sáng lên , hãy dừng xe vào nơi an toàn, sau đó tiến hành việc kiểm tra và xử lý.
- Không được đạp chân vào bàn đạp ly hợp ngoại trừ lúc sang số. Làm như thế sẽ sớm gây ra sự hao mòn bố ly hợp.
- Chạy chậm dần vừa đủ khi đến gần một đường quẹo. Giữ phanh hoặc bẻ tay lái gắt trong khi quẹo theo đường vòng sẽ làm cho hàng hóa chở trên xe bị nghiêng, bánh xe bị trượt và xe sàng qua một bên.
- Trong khi lái xe, không được đặt tay của bạn vào cần sang số ngoại trừ khi chuyển đổi số. Làm như thế sẽ gây hỏng hộp số.
- Tránh cạ vỏ xe vào lề đường lát đá hoặc lái xe vào chỗ lồi lõm trên mặt đường, bạn sẽ làm hư bánh xe, dẫn đến việc nổ lốp xe hoặc xẹp bánh xe.

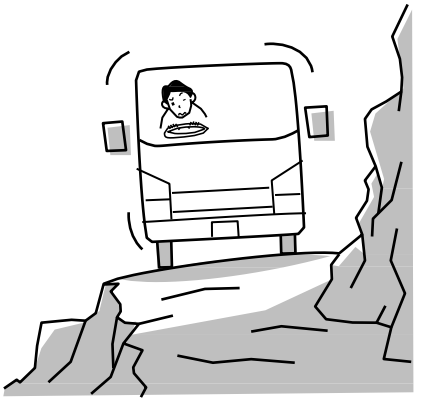

Trên Đường Chật Hẹp Hoặc Đông Đúc

Khi lái xe vượt qua trên đường núi chật hẹp hay trên một con đường hẹp hoặc đô thị đông đúc, hãy cẩn thận chú ý đến cả những chướng ngại vật hai bên lẫn những tình huống chèn lách trên đường.

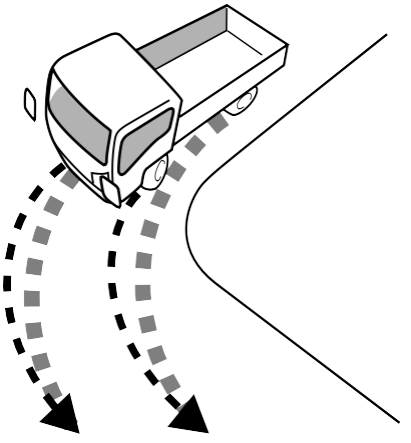

Khi Rẽ, Bánh Sau Sẽ Cua Gắt Hơn Bánh Trước

Nhớ quan sát gương chiếu hậu để xác định an toàn.

Lái Xe Lên Dốc Hoặc Xuống Dốc

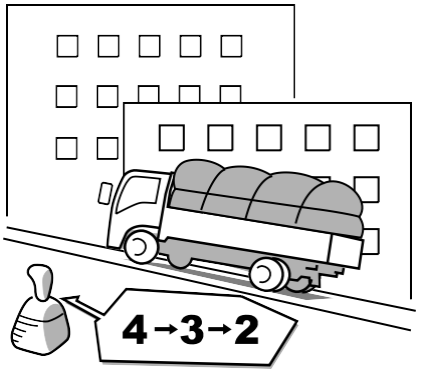

Lên Dốc

Sớm cài số thấp trong trường hợp này để tránh quá tải cho động cơ.

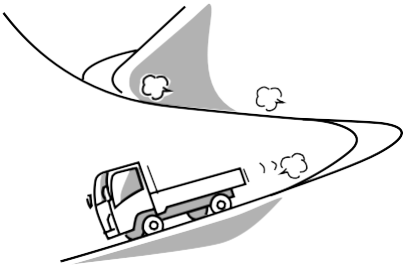

Xuống Dốc

- Hãy cẩn thận không lái xe quá nhanh xuống dốc.
- Sử dụng số tương tự bạn đã dùng khi lái xe lên dốc. Cũng nên sử dụng phanh khí xả trong trường hợp này để tránh đi quá nhanh.
- Đừng để động cơ bị chạy vượt
- Đừng bao giờ xuống dốc bằng cách lùi xe.
- Cần lưu ý các vật thể phía trước, phãnh đường phanh và tình trạng tay lái để có phản ứng kịp thời khi cần thiết.
- Trong trường hợp bắt buộc phải xuống dốc bằng cách lùi xe. Hãy lùi và dừng từng đoạn nhỏ để đảm bảo an toàn.

LƯU Ý

[Vượt tốc]

- Động cơ có hiện tượng vượt tốc khi kim đồng hồ tốc độ động cơ đi vào khu vực vùng màu đỏ (khu vực nguy hiểm). Nếu điều này xảy ra, động cơ rất dễ bị hư hỏng.

Phương Pháp Sử Dụng Phanh

Chỉ nhấn nhẹ trên bàn đạp cũng tạo một lực phanh mạnh. Đừng nhấn mạnh bàn đạp phanh ngoại trừ tình huống khẩn cấp.

1. Quãng đường phanh khác nhau tùy theo tốc độ xe và các điều kiện trên đường. Trước tiên, làm chậm lại bằng cách sử dụng phanh động cơ và phanh khí xả một cách thích hợp.
3. Nhấn sâu dần bàn đạp cho tới ngay trước chỗ bạn muốn xe dừng lại.

Quãng Đường Phanh

Quãng đường phanh của xe gồm một khoảng cách phản ứng (từ điểm tài xế có cảm giác nguy hiểm và nhấn bàn đạp phanh cho đến điểm phanh có tác dụng) và một quãng đường phanh (từ điểm phanh bắt đầu có tác dụng cho đến điểm xe dừn g hẳn). Khi lái xe, phải hình dung quãng đường phanh trong đầu. Duy trì một tốc độ và một khoảng cách trước mặt cho phép bạn dừng an toàn ngay khi có nguy hiểm xảy ra.

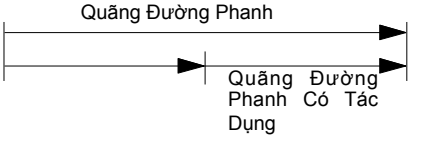

Duy Trì Tầm Nhìn Rõ Ràng

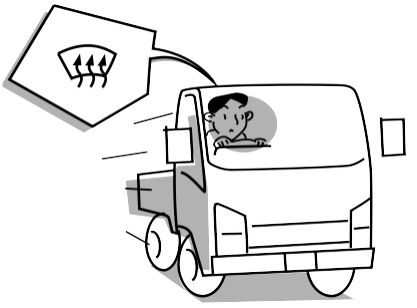

Nếu Kính Chắn Gió Bị Mờ

Dùng máy sưởi để thổi hơi nóng vào kính chắn gió, hoặc khử ẩm cabin bằng cách dùng máy lạnh và đặt nút thông gió ở các vị trí " hay "

Kéo cần chọn nguồn gió qua vị trí thông gió ra bên ngoài.

Cũng có thể dùng bình xịt chống mờ sương được bán sẵn.

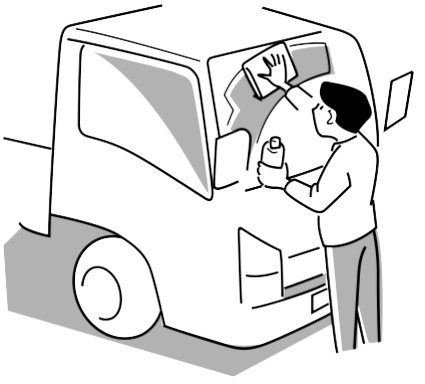

Tầm Nhìn Vào Ban Đêm

Nếu kính chắn gió bị các lớp ố do nước hay váng dầu, khi đến gần các đèn tín hiệu giao thông , ánh sáng sẽ bị phản chiếu theo nhiều hướng làm cho bạn khó nhìn thấy phía trước xa hơn. Sử dụng nước rửa kính để rửa kính và cần gạt nước để làm sạch kính.

LƯU Ý

Các cần gạt nước bị mòn không thể chùi sạch kính chắn gió, vì vậy không thể bảo đảm tầm nhìn. Khi cần gạt nước bị mòn, hãy thay cần gạt mới.

Lái Xe Vào Ban Đêm

Lái xe vào ban đêm có nhiều nguy hiểm hơn lái xe ban ngày bởi vì tầm nhìn bị hạn chế hơn. Hãy giữ tốc độ chậm, và duy trì một khoảng cách an toàn với xe phía trước.

Lái Xe Trong Sương Mù

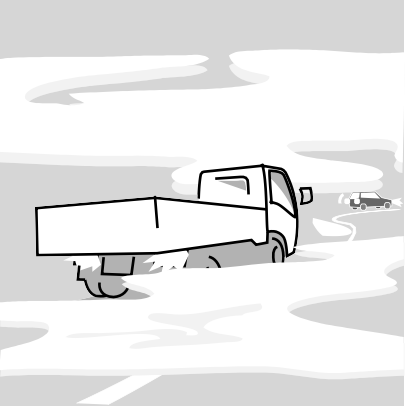

Bật đèn sương mù và lái thật chậm, bám theo vạch giữa tim đường làm hướng dẫn. Sẽ rất nguy hiểm nếu lái xe đi theo ánh đèn xe phía trước bởi vì chúng có thể gây ra ảo giác quang học. Hãy lái xe cẩn trọng.

Lái Xe Trên Đường Cao Tốc

Lốp xe	• Kiểm tra độ sâu của rãnh gai.
Động cơ	• Kiểm tra môi chất nước làm mát động cơ không bị rò rỉ từ két nước làm mát và các bộ phận khác của hệ thống làm mát. • Kiểm tra mức môi chất nước làm mát động cơ đủ hay không. • Kiểm tra dây curoa quạt có độ căng thích hợp và hư hay không. • Kiểm tra tình trạng nhớt động cơ.
Thùng nhiên liệu	• Kiểm tra lượng nhiên liệu trong thùng còn đủ hay không

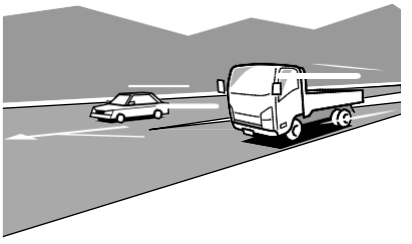

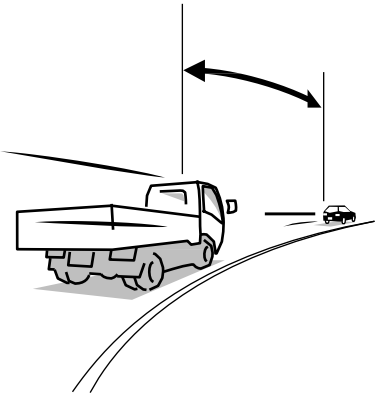

1. Vận tốc của xe trên đường cao tốc lớn hơn khi lái xe trên đường bình thường, và có nhiều nguy hiểm hơn. Vì thế nếu xe bị hư hỏng trên đường cao tốc sẽ tạo ra nguy hiểm đối với các xe khác và có thể dẫn đến tai nạn. Hãy tập trung để lái xe an toàn. Hãy nhớ thực hiện các bước kiểm tra xe trước khi vận hành hàng ngày và áp dụng các kỹ thuật lái xe trên đường cao tốc.
   Cần thực hiện việc kiểm tra cho các mục ở bảng bên trái với sự cẩn trọng đặc biệt.
   Kiểm Tra Xe Hằng Ngày
   → Tham khảo trang 7-16
2. Khi hòa vào lưu thông trên đường cao tốc, sử dụng đèn tín hiệu rẽ để báo trước mục đích của bạn. Tăng tốc thích hợp khi bạn ở trong đường quy định vận tốc. Hãy chú ý xe đằng sau và những điều kiện trên đường bạn đang lái vào. Hòa vào bằng cách đó, bạn sẽ không cản trở xe trong tuyến.
3. Cảm giác về tốc độ trở nên sai lệch khi lái xe lâu trên đường cao tốc. Hãy luôn luôn để mắt trên đồng hồ tốc độ, và duy trì một khoảng cách an toàn với xe phía trước.

4. Trong khi lái xe ở tốc độ cao, đánh nhẹ tay lái cũng gây ra một chuyển động lớn của xe. Hãy đánh tay lái chậm chậm.
5. Sử dụng quá mức bàn đạp phanh là cực kỳ nguy hiểm vì nó làm bố phanh mòn nhanh và làm cho phanh kém hiệu quả. Tận dụng hiệu quả phanh động cơ và phanh khí xả khi bạn muốn giảm tốc độ.

LƯU Ý

[Giảm hiệu quả phanh]

Dùng phanh quá mức có thể làm cho phanh quá nóng dẫn đến lực ma sát của bố phanh giảm và phanh trở nên giảm hiệu quả hơn bình thường. Hiện tượng này gọi là giảm hiệu quả phanh

6. Khi bạn muốn ra khỏi đường cao tốc, hãy dùng đèn tín hiệu rẽ để báo trước ý định của bạn. Chú ý xe đằng sau bạn, ra khỏi đường cao tốc một cách êm thắm để không gây cản trở các xe khác.

Lái Xe Trên Đường Tuyết Hoặc Đường Đóng Băng

CHÚ Ý

- Trên đường trơn trượt, đừng bao giờ dừng xe, tăng tốc hay đánh lái đột.
- Khi lái xe trên mặt đường đóng bang, độ bám đường của lốp xe sẽ giảm. Do đó quãng đường phanh sẽ trở nên dài hơn. Hãy lái xe cẩn thận.
- Sử dụng tay số thấp để gia tăng lực kéo cho xe.

Trước Khi Vận Hành Xe Ở Khu Vực Khí Hậu Lạnh

Ra Vào Xe

Cẩn thận khi bước ra vào xe vì mặt đường sẽ rất trơn trượt và dễ bị trượt ngã.

Trước Khi Ngồi Vào Ghế

Giũ sạch băng tuyết ra khỏi giày khi bạn trước vào trong xe. Nếu không giày của bạn sẽ ẩm ướt và trượt khi đạp lên các bàn đạp. Ngoài ra băng tuyết cũng làm tăng độ ẩm trong xe, dễ làm đóng sương bề mặt kính.

Khởi Động Động Cơ

Khởi động động cơ và kiểm tra tình trạng tăng tốc của động cơ.

Kiểm Tra Mức Nhiên Liệu

Xe sẽ tiêu hao nhiên liệu nhiều hơn thông thường nếu sử dụng đai xích cho bánh xe. Nhớ kiểm tra kỹ mức nhiên liệu còn lại có đu cho hành trình di chuyển hay không.

Nhiên liệu → Tham khảo trang 6-19

Lái Xe Trên Đường Ngập Tuyết

Tập Trung Vào Tay Lái Và Cảm Giác Lái

CHÚ Ý

- Trên đường ngập tuyết, nước và tuyết có thể bám vào bánh xe và các chi tiết trên khung gầm làm cho xe trở nên khó di chuyển và đánh lái. Hãy lái xe từ từ và dọn sạch tuyết bám vào. Lưu ý đừng dùng các vật sắc nhọn nếu không sẽ làm hư hỏng các chi tiết trên xe.

Phanh Cẩn Thận

CHÚ Ý

- Khi xe chạy vào đường ngập tuyết, tuyết có thể bám vào và làm giảm hiệu quả phanh. Do đó hãy chạy xe chậm rãi, đạp phanh từ tốn và để ý đến các xe phía trước và sau.
- Nhớ kiểm tra hiệu quả phanh và tình trạng phanh trước khi bắt đầu chạy xe. Nếu hiệu quả phanh không tốt, hãy chạy thật chậm và đạp bàn đạp phanh vào lần để làm nóng /khô cho đến khi hệ thống phanh hoạt động tốt hơn.

Gạt Bỏ Tuyết Khỏi Kính Và Thân Xe

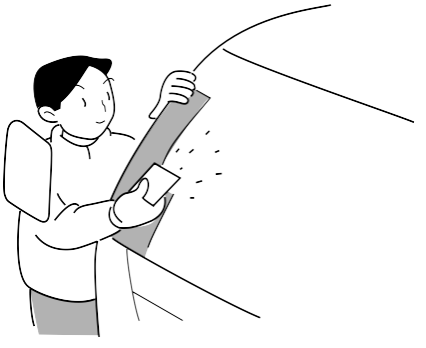

Để đảm bảo kính không bị trầy xước, hãy dùng miếng cạo tuyết chuyên dùng để gạt bỏ tuyết khỏi kính xe. Đồng thời nhớ lưu ý kiểm tra tình trạng các cần gạt nước trên kính chắn gió.
Ngoài ra cũng nên kiểm tra và gạt bỏ các mảng tuyết bám vào bên dưới thân xe.

KHUYẾN CÁO

- Đừng dùng các vật nhọn để gạt bỏ tuyết, vật sắc nhọn sẽ làm hư hỏng các chi tiết bằng cao su/ nhựa.

Lái Xe Trên Mặt Đường Xấu (Cát Hoặc Bùn)

Nếu xe bị kẹt trong bùn, nhấn bàn đạp ga nhiều hơn cần thiết sẽ chỉ làm cho xe lún sâu hơn trong bùn và càng khó thoát ra. Đặt đá hoặc cành cây hoặc một lớp vải phủ dưới bánh xe để tăng thêm khả năng bám của bánh xe, hoặc lặp lại việc lái tới lui để dùng đà thoát ra.

Khi bạn không thể tránh việc lái xe vào vùng có bùn sâu, dùng bánh xích là một cách hiệu quả để tránh bị kẹt trong bùn.

KHUYẾN CÁO

- Khi lái xe trên cát hoặc bùn, tránh hãm phanh chặt, nhấn ga đột ngột và bẻ gắt tay lái. Những động tác như thế làm cho xe bị kẹt và không thể thoát ra.
- Sau khi lái xe qua các nơi cát lún sâu hoặc bùn sâu. Hãy rửa sạch xe, nếu không bùn hoặc cát sẽ bám vào bám xe và làm xe kho đánh lái, khó lăn bánh.
- Đối với các xe có trang bị phanh ABS, khi rửa bùn cát nhớ lưu ý đừng làm hư các cảm biến tốc độ gắn ở bánh xe.
- Đừng dùng các vật nhọn để gạt bỏ tuyết, vật sắc nhọn sẽ làm hư hỏng các chi tiết bằng cao su/ nhựa

Đậu Xe Trong Vùng Khí Hậu Lạnh

Nếu có tuyết bám lên bánh xe hoặc đèn xe, hãy loại bỏ chúng trước khi đêm xuống.

CHÚ Ý

- Nếu đậu xe ở nơi có nhiều tuyết rơi, tuyết sẽ che phủ xung phanh xe. Trước khi sử dụng xe, hãy loại bỏ tuyết ở xung quanh.
- Để làm nóng hệ thống phanh trên xe, hãy lái xe với vận tốc dưới 30km/h và đạp bàn đạp phanh 5-6 lần.
- Hãy chuyển tay số sang vị trí số 1 hoặc số lùi.

LƯU Ý

- Hãy đậu xe theo hướng gió thổi.
- Đừng đậu xe dưới cây hay mái hiên nhà, tuyết có thể rơi xuống và vùi lấp xe của bạn.

Lưu Ý Khi Lái Xe Trong Vùng Khí Hậu Nóng

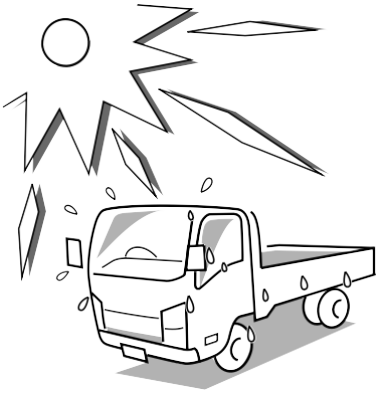

Động cơ sẽ có khuynh hướng nóng quá mức trong môi trường có nhiệt độ xung quanh cao. Để ngăn ngừa động cơ nóng quá mức, hãy chú ý đến những điều sau:

CHÚ Ý

• Đừng dùng nước giếng, nước sông hoặc các loại nước có tạp chất khác trong hệ thống làm mát động cơ, điều đó sẽ nhanh chóng tạo ra rỉ sét và cặn bẩn.

Nếu các vật bên ngoài (như côn trùng, bùn, v.v.) bị kẹt trong ống tản nhiệt của két nước làm mát, hiệu suất của hệ thống làm mát sẽ suy giảm. Kiểm tra các ống tản nhiệt bị nghẹt và loại bỏ các vật ngoại lai bất kỳ nào bằng cách xịt nước với áp suất nhẹ.

KHUYẾN CÁO

- Khi nhiệt độ xung quanh lên cao, sự bay hơi của dung dịch trong bình accu trở nên nhanh. Thường xuyên kiểm tra mức dung dịch bình điện và, nếu cần, châm thêm vào.

Lưu Ý Khi Lái Xe Trong Vùng Khí Hậu Lạnh

Hãy đọc kỹ và tuân theo các khuyến cáo sau nếu xe hoạt động tại các vùng có khí hậu lạnh như vùng bang tuyết, vùng núi hay các khu trượt tuyết.

Hãy đến các đại lý Isuzu để mua bộ phụ kiện mùa đông dùng cho xe.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

→ Tham khảo trang 7-27

Dung Dịch Nước Rửa Kính

→ Tham khảo trang 7-114

CHÚ Ý

- Đừng dùng các vật như giấy báo, miếng nhựa… để che phía trước két nước và làm làm nóng động cơ
- Nếu bạn đã cố làm nóng động cơ nhưng nhiệt độ môi chất nước làm mát động cơ không tăng, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sửa chữa.
- Nếu đậu xe ở nơi có nhiều tuyết rơi, tuyết sẽ che phủ xung phanh xe. Trước khi sử dụng xe, hãy loại bỏ tuyết ở xung quanh.

Bảo Vệ Động Cơ Khỏi Bị Đóng Băng

Việc động cơ bị đóng băng sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động và tăng lượng nhiên liệu tiêu thụ.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Để ngăn dung dịch làm mát đông đặc và gây hư hỏng động cơ, hãy dùng hỗn hợp nước máy và dung dịch làm mát động cơ ở một tỉ lệ thích hợp với nhiệt độ thấp nhất mà xe bạn cần hoạt động.

Thay thế các ống cao su bị rạn nứt hay hư hỏng, các ống có khả năng gây rò rỉ..

Thay Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-31

Chuẩn Bị Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-28

Thay Nhớt Động Cơ

Chỉ dùng nhớt chính hãng của ISUZU hoặc nhớt tương đương của các hãng khác.

Thay Nhớt Động Cơ Và Lọc Nhớt → Tham khảo trang 7-24

Loại Dung Dịch, Dầu Nhớt Và Diesel Nên Dùng → Tham khảo trang 7-149

Nhiên Liệu

CHÚ Ý

- Chỉ sử dụng nhiên liệu diesel đạt chuẩn hàm lượng lưu huỳnh 50 ppm cho các xe đạt chuẩn Euro 4 hoặc 10 ppm cho các xe đạt chuẩn Euro 5 (0,001S).
- Sử dụng dầu diesel chất lượng kém, trộn lẫn phụ gia tách nước, xăng, dầu hôi, nhiên liệu gốc cồn hoặc vật liệu khác trộn lẫn với dầu diesel sẽ ảnh hưởng xấu đến bộ lọc nhiên liệu và kim phun. Ngoài ra nó còn giảm khả năng hoạt động hoặc gây hư hỏng các chi tiết của động cơ. Nếu xảy ra trường hợp đổ nhầm nhiên liệu hoặc nhiên liệu không tốt, có nước, phải bảo đảm rút hết toàn bộ nhiên liệu không tốt ra khỏi hệ thống. Nếu không thực hiện kỹ càng trong hệ thống nhiên liệu, có thể dẫn đến hỏa hoạn hoặc hư hỏng hoàn toàn hệ thống cung cấp nhiên liệu như: bơm cao áp, đường dẫn nhiên liệu chung, kim phun v.v....
- Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động và tuổi thọ của động cơ.
- Phải bảo đảm mở nắp nhiên liệu ra từ từ. Nếu bạn mở quá nhanh nhiên liệu có thể trào ra.
- Nếu lái xe đến vùng lạnh vào mùa đông trong khi dùng dầu diesel của vùng ấm, nhiên liệu có thể đông đặc.
- Khi nhiệt độ chung quanh giảm, nhiên liệu trong thùng nhiên liệu và các ống có thể đông đặc sền sệt làm cho động cơ khó khởi động.

LƯU Ý

- Đặc điểm kỹ thuật của dầu diesel khác nhay tùy theo mùa và vùng.
- Khi lái xe đến vùng lạnh, chỉ châm nhiên liệu vào thùng vừa đủ để đi đến nơi. Khi bạn đến vùng lạnh, châm đầy thùng với nhiên liệu có nhiệt độ đông đặc thấp.
- Khi đưa xe đến một vùng lạnh trên phà, hãy chỉ để một lượng nhiên liệu tối thiểu trong thùng, v à rồi, sau khi đến vùng lạnh, châm đầy thùng với nhiên liệu có nhiệt độ đông đặc thấp.

Khi Không Thể Đút Được Chìa Khóa Vào Ổ Do Tuyết

Trong trường hợp này, nếu bạn cố đút chìa khóa sẽ làm chìa khóa bị cong vênh. Hoặc nếu cố gắng mở cửa các gioăng cao su sẽ bị kẹt và rách.

Hãy dùng nước nóng ấm để làm tan băng tuyết. Sau đó lau sạch.

Nếu kính cửa bị kẹt do bang tuyết hãy sử dụng cách tương tự để làm tan băng tuyết.

Lốp Xe Mùa Đông

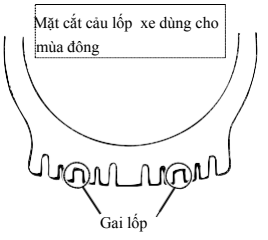

Sử dụng lốp có cùng kích cỡ với lốp cũ của xe. Các lốp xe dùng cho mùa đông sẽ có độ mòn tới hạn chỉ bằng ½ so với lốp thông thường. Hãy thay vỏ mới nếu cần thiết.

⚠ CHÚ Ý

- Tránh việc đạp sâu hoặc đạp mạnh bàn đạp phanh để giảm tốc độ xe, thay vì vậy hãy đạp bàn đạp phanh từ từ. Việc đạp mạnh bàn đạp phanh đột ngột sẽ làm xe bị trượt.
- Nếu xe kích hoạt phanh khí xả, trong khi đang lưu thông không có tải trên đường trơn trượt; nếu đạp Việc đạp mạnh bàn đạp phanh đột ngột sẽ làm xe bị xoay ngang
- Đừng lái xe với tốc độ cao trên đường khô ráo nếu xe đang dùng lốp xe mùa đông.
- Việc sử dụng đai xích bánh xe phải tuân thủ theo quy định địa phương.

Rửa Sạch Xe Sau Khi Lưu Thông Trên Đường Tuyết

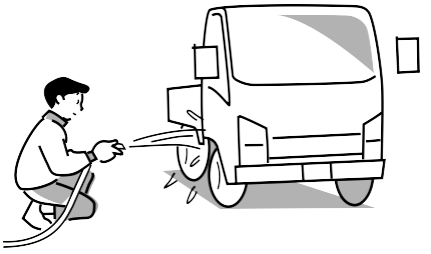

CHÚ Ý

- Rửa sạch tuyết bám trên vè xe và các đường ống dầu phanh. Nếu không các chi tiết này rất dễ bị hư hỏng.
- Nếu chạy xe vào vùng biển, hãy rửa sạch phần gầm xe, nếu không chất muối sẽ bám vào và làm rỉ sét
- Sau khi rửa xe, hãy lau khô các cửa và kính xe.

KHUYẾN CÁO

•Đối với các xe có trang bị phanh ABS, khi rửa bùn cát nhớ lưu ý đừng làm hư các cảm biến tốc độ gắn ở bánh xe.

•Đừng dùng các vật nhọn để gạt bỏ tuyết, vật sắc nhọn sẽ làm hư hỏng các chi tiết bằng cao su/ nhựa.

Sử Dụng Đai Xích Bánh Xe

Trước khi lái xe trong vùng có băng tuyết, hãy chuẩn bị đai xích bánh xe phù hợp với lốp xe.

CHÚ Ý

- Gắn chặt đai xích vào lốp xe, nếu không đai xích sẽ bị bung tuột khi xe lăn bánh, và có thể dẫn đến tai nạn.
- Nếu có tiếng kêu bất thường từ đai xích, hãy dừng xe tại nơi an toàn và tiến hành kiểm tra.
- Các ống xả rất nóng sau khi động cơ hoạt động. Đừng đụng vào nếu không bạn sẽ bị bỏng.
- Cẩn thận đừng làm mình bị thương khi gắn đai xích cho lốp xe.

KHUYẾN CÁO

•Chỉ gắn đai xích lên bánh sau, không gắn lên bánh trước.

•Đối với loại đai xích 3 nhánh, có thể không sử dụng được cho một số loại xe. Hãy tham vấn tại các đại lý Isuzu để có trả lời chính xác

• Đối với xe dùng bánh đôi, đừng gắn xích lên bánh phía ngoài.

•Bề mặt của lốp loại bố tròn rất dễ bị hư hỏng do đai xích. Do đó hãy dùng loại đai xích phù hợp cho lốp xe loại bố tròn; hoặc chuyển sang dùng lốp xe mùa đông.

• Khi mua đai xích, hãy ướm thử lên bánh xe và chặt đi phần dư thừa.

•Khi đã gắn đai xích lên bánh xe, chỉ lái xe với tốc độ dưới 30 km/h và tránh chạy vào các đường có bề mặt đóng băng.

•Tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất để biết cách lắp đặt đai xích đúng cách.

Cách Gắn Đai Xích

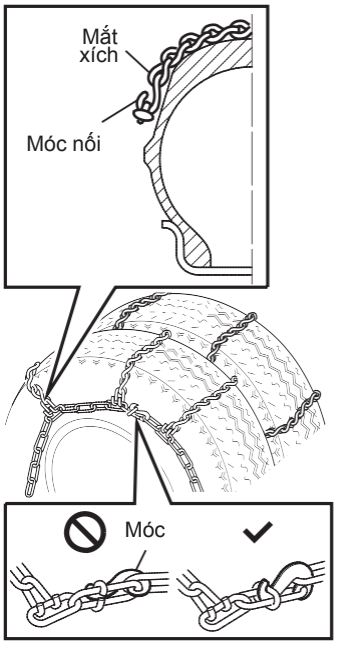

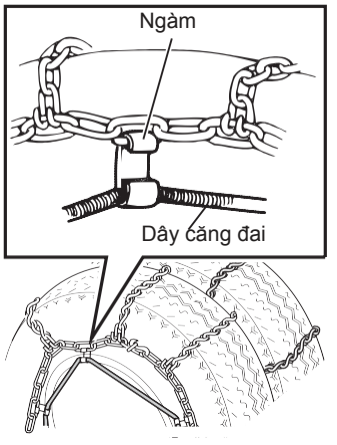

1. Kiểm tra và chắc chắn đai xích không bị xoắn. Lắp lên lốp xe sao cho phần ngoài mặt xích tiếp xúc với mặt đường
2. Kéo căng và kế nối các đai xích băng các móc và ngàm.
3. Bề mặt của móc phải tiếp xúc song song với bề mặt lốp.
4. Loại bỏ các phần đai xích dư thừa, nếu không các phần này sẽ ảnh hưởng đến các chi tiết khác khi xe lăn bánh.
5. Bề mặt của ngàm phải hướng ra bên ngoài xe.
6. Sau khi gắn, cần kiểm tra lần nữa xem có chỗ nào chưa siết chặt hay không.

Cách Tháo Đai Xích

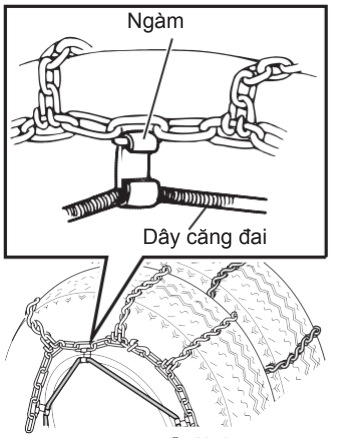

1. Tháo móc và ngàm ra khỏi đai xích.
2. Di chuyển nhẹ xe và tháo đai xích.

KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG 7

TRƯỚC KHI KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG	7-3
KIỂM TRA XE HẰNG NGÀY	7-15
KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG ĐỘNG CƠ	7-19
KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN KHUNG GẦM XE	7-59
KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG KHÁC	7-109
BẢO DƯỠNG NỘI THẤT VÀ NGOẠI THẤT	7-129
BẢO DƯỠNG XE	7-137
BẢO DƯỠNG THÙNG ĐÔNG LẠNH ISUZU COOLEXPRESS	7-157

TRƯỚC KHI KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG

- Lưu Ý Trước Khi Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng 7-4
- Sản Phẩm Thải Bỏ, Dầu Nhớt Và Bôi Trơn 7-6
- Dầu Nhớt Và Mỡ Chính Hãng Isuzu 7-6
- Bộ Dụng Cụ Theo Xe 7-7
- Kiểm Tra Nắp Khoang Động Cơ V 7-9
- Lật Cabin V 7-11

Lưu Ý Trước Khi Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng

CẢNH BÁO

- Nhớ tắt động cơ và rút chìa khóa khỏi công tắc máy trước khi thực hiện kiểm tra.
- Kéo cần phanh tay hết mức và chuyển cần số về số "N".
- Chọn một nơi có nền cứng và bằng phẳng để thực hiện việc kiểm tra và điều chỉnh. Hãy nhớ chêm bánh xe. Sẽ rất nguy hiểm nếu xe di chuyển.
- Không để gang tay, giẻ lau hay vật dụng gần cánh quạt giải nhiệt động cơ.
- Khi nâng xe, hãy dùng một con đội thích hợp, không nhất thiết là con đội cấp theo xe.
- Sau khi nâng xe và trước khi chui vào gầm xe để thực hiện công việc, phải chắc rằng xe đang được đội bởi con đội có chân đế vững chắc.
- Khi thực hiện việc kiểm tra và bảo dưỡng liên quan đến hệ thống điện, hãy xoay chìa khóa khởi động về vị trí “LOCK”, đợi 1 phút sau đó tháo cọc âm bình accu. Nếu không thực hiện việc này sẽ dễ dẫn đến hư hỏng hộp điều khiển trên xe.
- Động cơ, ống xả và két nước sẽ nóng ngay sau khi xe vừa chạy. Hãy cẩn thận quanh các bộ phận này để tránh phỏng. Thực hiện mọi kiểm tra khi động cơ nguội.
- Đừng thực hiện công việc gần ngọn lửa hoặc các nguồn phát nhiệt..
- Khi thực hiện trên ống dẫn nhiên liệu hoặc bộ lọc nhiên liệu; hãy tháo lọc nhiên liệu. Hệ thống nhiên liệu chịu sức ép và nhiên liệu sẽ tràn ra, có thể dẫn đến cháy nổ.
- Đừng để động cơ chạy trong gara hay khu vực kém thông gió. Điều này sẽ dẫn đến nhiễm độc khí CO2.

CHÚ Ý

- Các chất thải, nhớt, mỡ và các dung dịch có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Rất khó để loại bỏ các thứ này. Vì thế hãy nhờ đại lý Isuzu thực hiện các kiểm tra và thay thế.

KHUYẾN CÁO

- Chỉ dùng các dụng cụ phù hợp.
- Nhớt, dầu phanh, dung dịch bình accu và chất làm mát động cơ có tính bôi trơn, làm mát và chống rỉ sét. Nếu các dung dịch này sụt giảm vì tổn thất hoặc nhiễm bẩn, sẽ gây ra hiện tượng suy giảm hoạt động các bộ phận, kẹt động cơ hoặc hoạt động sai. Châm đầy hoặc thay các dung dịch này khi thực hiện kiểm tra (hằng ngày và định kỳ) theo yêu cầu quy định hoặc theo lịch bảo dưỡng (khi tới thời gian bảo dưỡng). Xác định mọi hệ thống và bộ phận đều bình thường sau khi thực hiện công việc.
- Không để các bộ phận tháo ra hoặc dụng cụ trong khoang động cơ. Chúng có thể gây hại cho động cơ nếu kẹt vào dây đai hoặc các bộ phận đang chuyển động.
- Nước bẩn, bụi bẩn và các sự nhiễm bẩn khác sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả của nhớt, mỡ, các dung dịch và gây tác hại cho các bộ phận.
- Theo đúng các cảnh báo này để ngăn các chất bẩn dính vào các bộ phận hoặc dung dịch trong xe.

Sản Phẩm Thải Bỏ, Dầu Nhớt Và Bôi Trơn

- Khi thay nhớt, bộ lọc, dung dịch làm mát và các dung dịch khác, phải đảm bảo có thùng chứa chất thải.
- Dùng các phương pháp xử lý hợp quy định để loại bỏ chất cặn, nhớt, các bộ lọc hoặc môi chất nước làm mát sau khi thay.

Dầu Nhớt Và Mỡ Chính Hãng Isuzu

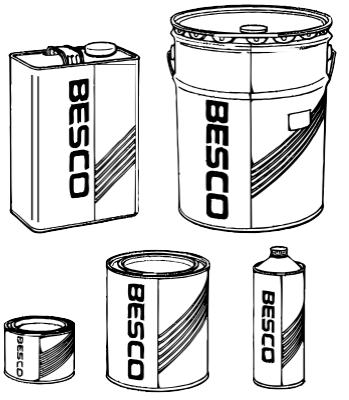

Châm và thay nhớt, mỡ định kỳ là điều cực kỳ quan trọng để bảo dưỡng hoạt động xe và tránh các hư hỏng.

Isuzu khuyên khách hàng nên dùng nhớt chất lượng tốt đã được liệt kê để bảo dưỡng và sửa chữa xe.

⚠ CHÚ Ý

- Lửa và các nguồn phát nhiệt khác ở gần nơi dầu tràn có thể gây ra cháy. Phải đảm bảo lau sạch mọi vết dầu tràn.

Bộ Dụng Cụ Theo Xe

Vị Trí Để Bộ Dụng Cụ

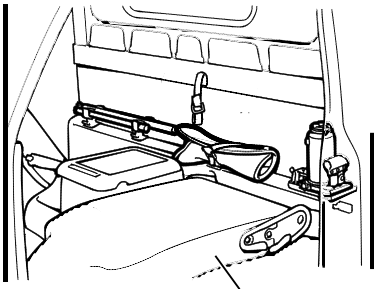

Bộ dụng cụ được cất phía sau ghế tài xế và hành khách. Đẩy nghiêng lưng ghế về phía trước để lấy dụng cụ.

KHUYẾN CÁO

- Nếu xe của bạn có ngăn đựng phía sau lưng ghế, ngăn này phải được tháo ra trước khi bạn lấy hoặc cất dụng cụ

Các Dụng Cụ Có Sẵn Trên Xe

Model xe bánh đơn

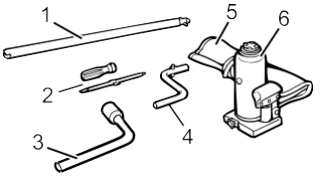

Stt.	Dụng cụ
1	Thanh nối tay quay bánh dự phòng
2	Tay quay nâng hạ bánh dự phòng
3	Đầu mở đai ốc bánh xe
4	Bộ tua-vít
5	Túi đựng dụng cụ
6	Con đội

Model xe bánh đôi

Bộ dụng cụ có sẵn trên xe.

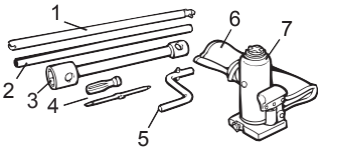

Stt.	Dụng cụ
1	Thanh nối tay quay bánh dự phòng
2	Tay quay mở đai ốc bánh xe
3	Đầu mở đai ốc bánh xe
4	Bộ tua-vít
5	Tay quay nâng hạ bánh dự phòng
6	Túi đựng dụng cụ
7	Con đội

KHUYẾN CÁO

Hãy luôn mang các dụng cụ trên theo xe.

Kiểm Tra Tại Nắp Khoang Động Cơ V

Nắp khoang động cơ

Mở

1. Tháo đai ra khỏi cần móc ở phía đầu phần ghế hành khách.
2. Nâng ghế hành khách, và dùng đai để kéo giữ laại ghế bằng cách móc vào cần móc ở bên trái.

Đóng

1.Tháo đai ra khỏl cần móc bên trái.

2.Hạ nhẹ nhàng ghế hành khách và cài lạl dây đai vào cần móc.

CHÚ Ý

Lưu ý đừng để kẹt tay khi đóng mở nắp khoang động cơ.

Luôn kiểm tra nắo khoang động cơ đã được đóng kín hay chưa trước khi vận hành xe.

Nắp Phụ - Khoang Động Cơ

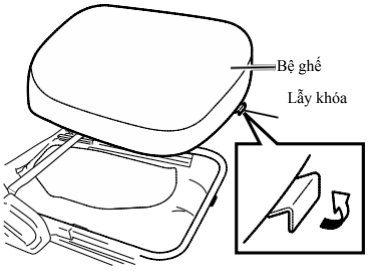

Mở

1. Mở khóa phần bệ ghế ngồi tài xế bằng cách kéo lẫy khóa (màu đỏ)

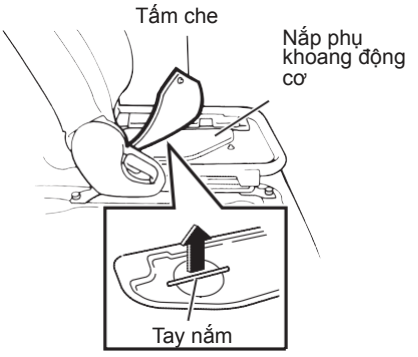

2. Nhấc tấm che lên, sau đó nắm kéo nắp phụ - khoang động cơ.

Đóng

1. Gắn trở lại nắp phụ - khoang động cơ và đặt lại tấm che.
2. Gắn trở lại bệ ghế ngồi.

Lật Cabin V

CẢNH BÁO

• Đừng chạm vào khóa (E) trên khung đỡ cabin trong khi đang nâng cabin. Nếu bạn chạm nó, khóa sẽ nhả. Hãy xem bước 4 trong phần "Lật cabin" để đảm bảo thực hiện đúng hướng dẫn

CHÚ Ý

- Chỉ lật cabin khi đậu xe trên nền đất phẳng..
- Cài chắc phanh tay và đảm bảo cần sang số ở vị trí "N".
- Kiểm tra các khu vực phía trước và phía sau cabin để có không gian đủ khi lật cabin trong xưởng. Lưu ý đặc biệt nếu xe bạn có trang bị mui lướt gió
- Khi lật cabin, đóng cửa trái và phải an toàn. Nên tránh mở và đóng cửa cabin đang lật lên. Phải xác định không có người gần xe hoặc bên trong cabin khi lật cabin.
- Bộ giảm thanh, ống xả sẽ rất nóng ngay sau khi động cơ hoạt động. Hãy lưu ý điều này để tránh vô tình đụng phải khi cabin đang lật .
- Đừng lật cabin khi có đồ đặt trên hoặc trong bảng điều khiển, ghế ngồi, giá giữ ly, mặt sàn.
- Chỉ lật cabin khi động cơ đã tắt .
- Phải đảm bảo mọi thứ đã lấy khỏi nóc xe.
- Loại bỏ băng hoặc tuyết đọng trên nắp cabin trước khi lật cabin. Không làm thế sẽ gây hại cho cần gạt nước, đèn hoặc các bộ phận khác của xe.
- Khi bạn cần phải đóng hoặc mở cửa cabin đang lật. Hãy nâng chịu sức nặng của cửa khi mở hoặc đóng nó. Rất nguy hiểm nếu tuột cửa khỏi tay khi đang đóng hoặc mở. Cửa có thể đập vào bạn hoặc người khác gây tổn thương hoặc cửa có thể bị hư. Phải xác định cửa đã hoàn toàn đóng chặt sau khi đóng.

Nâng / Lật Cabin

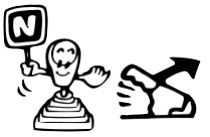

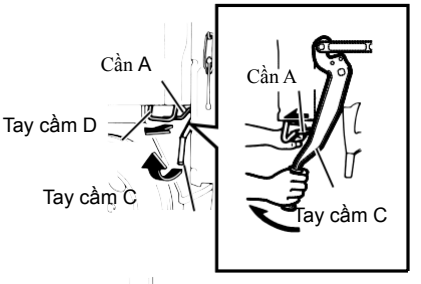

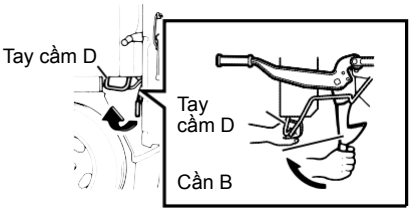

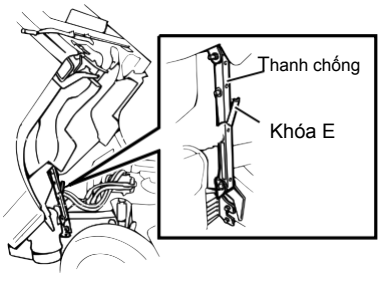

1. Kéo phanh tay và chuyển tay số về vị trí “N”. Đóng chặt tất cả các cửa.
2. Nắm lấy tay cầm (D), kéo cần (A) lên trên bằng cách nắm vào tay cầm (C)
3. Nắm lấy tay cầm D, đồng thời kéo cần B về phía bạn trong khi nâng cabin.
4. Sau khi nâng/lật cabin, hãy dùng khóa E chốt chặn thanh chống để giữ cabin không hạ xuống.

CẢNH BÁO

•Nếu không dùng chốt (E) để chốt chặn thanh chống, cabin có thể hạ xuống bất chợt. Điều này là chực kỳ nguy hiểm.

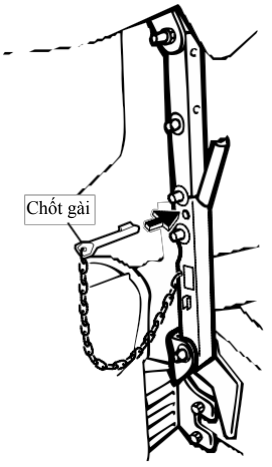

5. Nếu trên thanh chống có trang bị chốt gài, hãy sử dụng

Hạ Cabin

CẢNH BÁO

Sau khi hạ cabin, hãy luôn nhớ khóa ngàm cabin cẩn thận.

CHÚ Ý

Nếu có vật nặng trong cabin sẽ làm cho cabin bị hạ xuống dần.

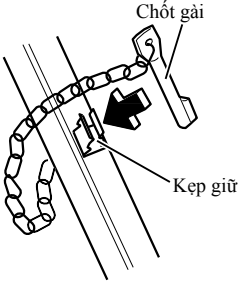

1. Hãy gắn chốt gài trở lại kẹp giữ sau khi sử dụng xong.

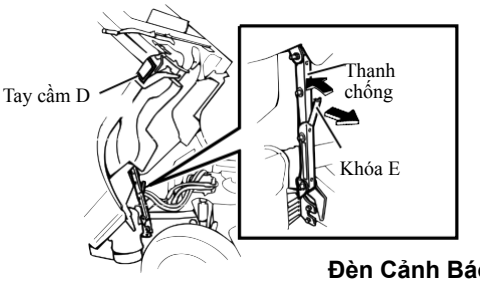

2. Nắm giữ tay cầm (D), đồng thời nhả khóa E ra khỏi thanh chống và từ từ hạ cabin.

3. Nắm giữ tay cầm (D), hạ cabin với một lực vừa đủ cho đến khi ăn khớp hoàn toàn với cần (B).

4. Nắm tay cầm (C) và kéo hạ cần (A)

Đèn Cảnh Báo Nâng Cabin V **→ Tham khảo trang 4-24**

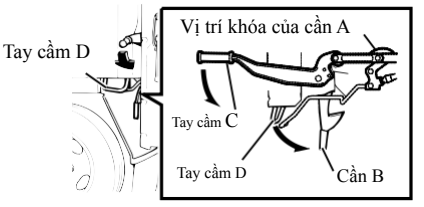

LƯU Ý

•Phải luôn chắc chắn cần (A) đã được khóa chắc chắn trước khi cho xe vận hành.

KIỂM TRA XE HẰNG NGÀY

- Kiểm Tra Hằng Ngày (Kiểm Tra Trước Khi Vận Hành Xe) 7-16
- Kiểm Tra Dấu Hiệu Bất Thường Trong Lần Vận Hành Trước 7-18

Kiểm Tra Hằng Ngày (Kiểm Tra Trước Khi Vận Hành Xe)

Kiểm tra xe theo các đề mục liệt kê bên dưới trước khi bắt đầu hoạt động để đảm bảo an toàn, vận hành không trục trặc. Cũng cần chú ý quãng đường xe đã chạy và các tình trạng xe đã hoạt động để có thể xác định việc kiểm tra giữa kỳ thích hợp nhất cho loại xe của bạn và sửa chữa đúng theo các kết quả kiểm tra.
Nếu việc kiểm tra cho thấy có điều bất thường hoặc nếu các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần vận hành trước, hãy đem xe đi sửa tại đại lý Isuzu trước khi sử dụng xe.

[1. Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần vận hành trước]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần hoạt động trước	7-18

[2. Thực hiện kiểm tra khi nắp khoang động cơ mở hoặc lật cabin]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Dây đai quạt lỏng hoặc hư	7-42
Mực nhớt động cơ	7-22
Mực dầu trợ lực lái	7-104

[3. Thực hiện kiểm tra ở ghế tài xế]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Mức dầu phanh (và mức dầu ly hợp)	7-60 (7-93)
Hành trình tự do bàn đạp phanh	7-64
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	7-97
Hoạt động của các đồng hồ, các đèn cảnh báo, đèn chỉ báo	4-10, 4-16
Khởi động động cơ, các tiếng ồn bất thường và màu khí xả	7-20
Hành trình làm việc của phanh tay	7-66
Tình trạng phun dung dịch rửa kính và hiệu quả cần gạt nước	7-114, 7-115
Mức dung dịch rửa kính	7-114
Hành trình làm việc của tay lái và tình trạng khóa	3-17, 7-103
Tình trạng còi và đèn báo rẽ	4-34, 4-40
Lượng nhiên liệu còn lại	4-15
Hoạt động của khóa cửa	3-3

[4. Thực hiện kiểm tra khi đi xung quanh xe]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Độ sáng, độ nhấp nháy, độ bẩn và hư hỏng của đèn	7-118
Mực dung dịch bình điện (bình accu)	7-124
Mực nước làm mát động cơ	7-30
Tình trạng nhíp xe	–
Sự rò rỉ dầu nhớt, dung dịch làm mát, nhiên liệu, dầu phanh, nhớt trợ lực lái và dầu phanh	–
Lượng nước đọng trong bộ tách nước	7-56

[5. Kiểm tra bánh xe và lốp xe]

Đề mục kiểm tra	Trang tham khảo
Áp suất lốp	7-73
Vết nứt và các hư hỏng khác	7-75
Mòn bất thường	7-76
Độ sâu các gai bánh xe	7-76
Bu-lông mân bánh xe	7-77

[6. Kiểm tra khi đang lái xe]

Đề mục kiểm tra	Tham khảo
Hiệu quả phanh	7-65
Tình trạng lái ở tốc độ chậm và khi tăng tốc	7-21
Hoạt động của ly hợp	7-93

Kiểm Tra Dấu Hiệu Bất Thường Trong Lần Vận Hành Trước

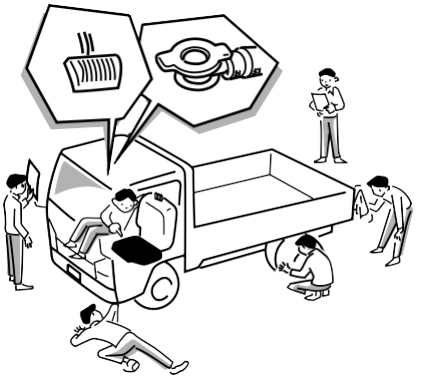

Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần kiểm tra trước.

Hãy để đại lý Isuzu sửa chữa các bất thường này trước khi dùng xe.

KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG ĐỘNG CƠ

● Tình Trạng Động Cơ	7-20
● Nhớt Động Cơ	7-22
● Môi Chất Nước Làm mát Động Cơ	7-27
● Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp	7-39
● Dây Đai Quạt Gió	7-41
● Bộ Lọc Gió	7-44
● Lọc Nhiên Liệu	7-47

Tình Trạng Động Cơ

Kiểm Tra Khởi Động Động Cơ Và Âm Thanh Bất Thường

1. Phải bảo kéo phanh tay. Đạp chắc bàn đạp phanh.
2. Phải bảo đảm cần số ở vị trí số N.

CHÚ Ý

• Để an toàn, hãy ấn bàn đạp phanh trước khi khởi động động cơ.

3. Xoay chìa khóa khởi động để khởi động động cơ.
   Chắc chắn động cơ khởi động nhanh chóng mà không có âm thanh bất thường.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

Kiểm Tra Tình Trạng Động Cơ Ở Tốc Độ Thấp Và Khi Tăng Tốc

1.Phải bảo đảm cần số ở số N và phanh tay đượ c kéo hoàn toàn.

2.Khởi động và làm nóng động cơ.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

3. Kiểm tra tốc độ động cơ khi đang hoạt động ở chế độ chạy cầm chừng.

Núm Điều Khiển Tốc Độ Cầm Chừng →Tham khảo trang 4-32

4. Kiểm tra để chắc chắn bàn đạp ga hoạt động trơn tru, không bị kẹt. Động cơ tăng tốc đều, không xuất hiện tiếng gõ.

Nhớt Động Cơ

Nhớt động cơ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự vận hành và tuổi thọ của động cơ. Phải bảo đảm chỉ dùng loại nhớt và các bộ lọc đúng chỉ định. Mức nhớt phải được kiểm tra và nhớt được thay đều đặn theo lịch bảo dưỡng.

Kiểm Tra Mực Nhớt Động Cơ

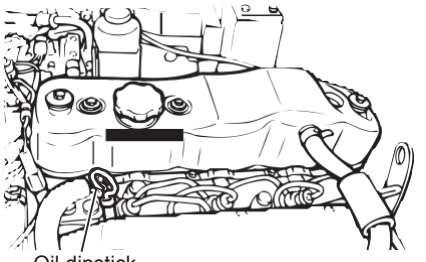

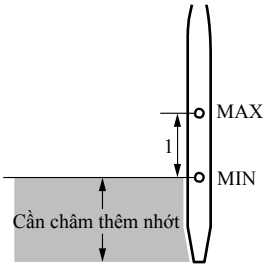

Đậu xe trên nền bằng phẳng, kiểm tra mức nhớt trước khi khởi động động cơ hoặt ít nhất 30 phút sau khi tắt động cơ. Để kiểm tra mức nhớt, hãy tháo que đo mức nhớt (cây thăm nhớt), lau đầu cây thăm nhớt bằng khăn sạch, lắp nó trở lại rồi nhẹ nhàng rút ra. Nếu mức nhớt nằm giữa dấu MAX và MIN, lượng nhớt còn đủ.

Kiểm Tra Mức Nhớt

1. Tháo que đo mức nhớt (cây thăm nhớt) và lau sạch nhớt trên que.
2. Lắp cây thăm nhớt trở lại hết mức rồi tháo ra nhẹ nhàng.

Nếu mức nhớt nằm giữa vạch MAX và MIN (Phạm vi 1), lượng nhớt còn đủ.

3. Nếu mức nhớt gần với vạch MIN, hãy châm thêm nhớt
4. Gắn que thăm nhớt trở lại vị trí sau khi kiểm tra mức nhớt.

KHUYẾN CÁO

- Châm nhớt quá nhiều có thể dẫn đến hoạt động động cơ bị lỗi. Nhớ kiểm tra mức nhớt bằng cách dùng cây thăm nhớt.

LƯU Ý

- Thực hiện các kiểm tra mức nhớt khi đậu xe trên bề mặt bằng phẳng
- Mức nhớt không thể kiểm tra đúng khi động cơ đang hoạt động.
- Đợi ít nhất 30 phút sau khi tắt động cơ để đo mức nhớt sau khi động cơ đã vận hành.

Châm Thêm Nhớt

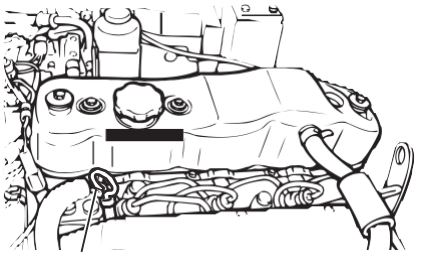

Cây thăm nhớt

Khi mức nhớt gần vạch MIN trên que thăm nhớt, hãy tháo nắp châm nhớt và châm thêm nhớt. Hãy tháo que thăm nhớt vào lúc này. Chỉ dùng loại nhớt được chỉ định.

CẢNH BÁO

- Khi châm thêm nhớt phải cẩn thận đừng để tràn, cần có giẻ lau bên tay khi có tràn nhớt, nếu có nhớt tràn trên động cơ, hãy lau sạch cẩn thận. Nếu lưu ý này không thực hiện, nhớt tràn ra có thể bắt lửa và gây cháy.
- Không để các vật dễ bắt cháy như giẻ lau hoặc găng tay trong khoang động cơ. Chúng có thể gây cháy.
- Nhớt sẽ nóng sau khi động cơ hoạt động, vì thế nếu thay nhớt sau khi lái phải cẩn thận không để trào ra.

KHUYẾN CÁO

- Nhớt bôi trơn và làm mát các bộ phận bên trong động cơ. Chất lượng và dung lượng nhớt sẽ giảm dần trong quá trình hoạt động của động cơ. Liên tực sử dụng nhớt cũ mà không kiểm tra mức nhớt, không châm thêm hoặc thay mức nhớt có thể gây kẹt động cơ hoặc hỏng động cơ. Phải châm thêm hoặc thay nhớt khi chất lượng nhớt đã giảm sút hoặc lượng nhớt bị hao hụt, ngay cả trước khi đến hạn những lần bảo dưỡng giữa kỳ, tùy thuộc vào điều kiệnsử dụng.
- Không để chất bẩn rơi vào miệng lỗ khi châm nhớt. Nếu có chất lạ trộn với nhớt, có thể gây hư động cơ.
- Châm thêm nhớt qua khỏi vạch MAX của que thăm nhớt có thể khiến hoạt động động cơ bị lỗi. Phải bảo đảm kiểm tra mức nhớt bằng cây thăm nhớt.
- Châm nhớt nhiều hơn vạch Max hoặc vượt quá khuyến cáo cũng sẽ làm ảnh hưởng – hư hỏng động cơ. Hãy tuân thủ lượng nhớt đúng quy định.

Thay Nhớt Động Cơ Và Lọc Nhớt

Nhớt và bộ lọc nhớt là các yếu tố quan trọng trong việc vận hành và kéo dài tuổi thọ động cơ. Phải đảm bảo chỉ dùng loại nhớt và bộ lọc nhớt được chỉ định, kiểm tra mức nhớt và nên thay nhớt đều đặn theo lịch bảo dưỡng .

CẢNH BÁO

- Nhớt còn nóng sẽ dễ làm bỏng da. Hãy đợi nhớt nguội đi trước khi tiến hành thay nhớt.

KHUYẾN CÁO

- Sử dụng lượng nhớt như hướng dẫn bên dưới khi thay nhớt. Sau khi thay nhớt phải đảm bảo lượng nhớt đúng mức yêu cầu.

Số lượng nhớt được thay

Động Cơ	Lượng Nhớt [Tham Khảo]	
	Khi Chỉ Thay Nhớt	Khi Thay Cả Nhớt Và Lọc
4JB1	**6.4 Lít**	**7.0 Lít**
4JH1	**7.0 Lít**	**7.6 Lít**

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139
Loại Dung Dịch, Nhớt Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7-149

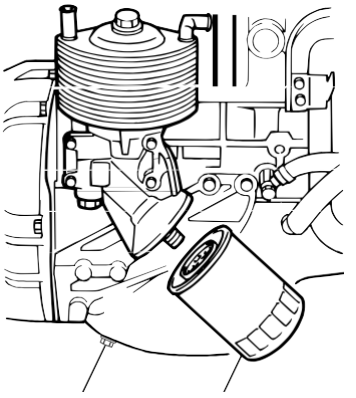

Thay nhớt động cơ

1. Lau sạch quanh nắp châm nhớt để không có chất lạ lọt vào. Tháo nắp châm nhớt.
3. Hãy đặt thùng chứa nhớt xả bên dưới bu - lông xả nhớt và lọc nhớt.
4. Tháo bu-lông xả nhớt để xả nhớt vào thùng chứa.

KHUYẾN CÁO

•Nhớt thải phải được xử lý theo đúng qui định nhà nướ. c

4. Dùng dụng cụ chuyên dùng để tháo lọc nhớt.
5. Bôi một ít nhớt sạch lên vòng đệm của lọc nhớt mới.
6. Gắn bộ lọc nhớt mới. Sau khi miếng đệm bộ lọc tiếp xúc với miệng bộ lọc, dùng c-ờ lê chuyên dùng để vặn chặt nó một vòng và 1/8 vòng.

KHUYẾN CÁO

- Khi gắn lọc nhớt, phải cẩn thận không để các vòng đệm bị cấn, dính với các chi tiết khác, nếu không sẽ gây rỉ nhớt.

7. Phải bảo đảm bu-lông xả nhớt được vặn chặt.

Lực Siết Bu-Lông Xả Nhớt
83 N·m (8.5 kgf·m/**61 lb·ft**)

KHUYẾN CÁO

Các vết bẩn trên bu-lông phải được lau sạch trước khi gắn. lại

8. Tháo cây thăm nhớt và cẩn thận châm loại nhớt được chỉ định.

9. Gắn que thăm nhớt và nắp châm nhớt. Khởi động động cơ 5 phút sau khi châm nhớt mới và cho động cơ hoạt động cầm chừng. Trong khi đó, hãy kiểm tra xem có bất kỳ vết nhớt nào rỉ quanh lọc nhớt và bu-lông xả hay không.

KHUYẾN CÁO

Tránh tăng tốc động cơ đột ngột vì có thể gây hỏng hóc động cơ.

10. Tắt động cơ. Đợi ít nhất 30 phút trước khi dùng cây thăm nhớt để kiểm tra mức nhớt lại lần nữa.

CẢNH BÁO

- Để các vật bắt cháy hoặc các nguồn phát nhiệt gần vết nhớt dư có thể gây cháy, phải bảo đảm lau sạch tất cả.
- Đừng để các vật bắt cháy như giẻ, găng tay trong động cơ hoặc trong khoang động cơ phía dưới cabin. Chúng có thể là nguyên nhân gây cháy. Cũng đừng bỏ quên các dụng cụ.

KHUYẾN CÁO

- Tránh tăng tốc động cơ đột ngột vì có thể gây hỏng hóc động cơ.
- Không châm nhớt vượt quá vạch MAX của que thăm nhớt. Châm nhớt quá đầy có thể gây hỏng động cơ.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Môi chất nước làm mát động cơ phải được thay theo lịch bảo dưỡng.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139

Loại Dung Dịch, Nhớt Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7-149

CẢNH BÁO

- Chỉ kiểm tra để châm đầy hoặc thay môi chất nước làm mát động cơ sau khi động cơ đã nguội hoàn toàn.
- Nếu nước làm mát vẫn còn nóng, đừng tháo nắp két nước. Hơi nóng có thể phun ra làm bạn bị phỏng. Nước làm mát động cơ trong bình chứa phụ sẽ rất nóng cũng có thể gây phỏng. Hãy thực hiện các kiểm tra, châm thêm và thay khi nhiệt độ nước làm mát đã giảm.
- Khi tháo nắp két nước hoặc nắp bình nước phụ, hãy dùng miếng vải dày để phủ lên nắp và vặn từ từ.
- Dung dịch làm mát động cơ độc hại và không được uống. Nếu dung dịch bị dính vào mắt, phải rửa ngay lập tức.
- Nếu dung dịch nước làm mát dính vào mắt, hãy rửa sạch bằng nước trong khoảng 15 phút và tuân theo các chỉ dẫn y tế.
- Nếu dung dịch nước làm mát dính vào da, hãy rửa sạch bằng nước hoặc xà phòng và tuân theo các chỉ dẫn y tế.
- Dung dịch làm mát động cơ dễ bén lửa, và vì vậy, nó phải được giữ cách xa các vật bắt lửa và các nguồn nhiệt khác. Dung dịch làm mát động cơ cũng bắt cháy nếu nó chạm vào một bề mặt nóng như các lớp che ống xả. Thực hiện cảnh báo này để tránh hỏa hoạn xãy ra.

KHUYẾN CÁO

- Hãy thay mới môi chất nước làm mát động cơ định kỳ. Nếu không thực hiện điều này sẽ gây ra hiện tượng đóng cặn, rỉ sét trong đường nước động cơ. Và có thể dẫn đến làm nghẹt két nước.

LƯU Ý

- Tỉ lệ khuyến cáo cho môi chất nước làm mát động cơ là: 50/50.

Pha Chế Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Để ngăn ngừa hiện tượng đóng băng, tăng cường khả năng chặn rỉ sét, làm mát… hãy pha dung dịch nước làm mát động cơ với nước sạch theo tỉ lệ 50/50.

Loại Dung Dịch, Nhớt Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7-149

CẢNH BÁO

- Hạn chế để động cơ hoạt động ở nhiệt độ môi trường dưới -30°C. Trong trường hợp phải vận hành xe ở nhiệt độ môi trường dưới -30°C, hãy pha dung dịch nước làm mát động cơ với nước sạch theo tỉ lệ 55/45.

Dung Tích Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Lưu ý kiểm tra lại mức nước làm mát động cơ sau khi châm thêm hay thay mới.

Động cơ	Lượng châm nước làm mát [Giá trị tham khảo]
4JB1	**10.9 lít** (2.88 US gal./**2.40 Imp gal.**)
4JH1	**11.3 lít** (2.99 US gal./**2.49 Imp gal.**)

CẢNH BÁO

- Môi chất nước làm mát động cơ có độc tính, không được uống.
- Nếu dung dịch nước làm mát dính vào mắt, hãy rửa sạch bằng nước trong khoảng 15 phút và tuân theo các chỉ dẫn y tế.
- Nếu dung dịch nước làm mát dính vào da, hãy rửa sạch bằng nước hoặc xà phòng và tuân theo các chỉ dẫn y tế.
- Cất kỹ và để xa tầm tay trẻ em.
- Dung dịch làm mát động cơ dễ bén lửa, và vì vậy, nó phải được giữ cách xa các vật bắt lửa và các nguồn nhiệt khác. Dung dịch làm mát động cơ cũng bắt cháy nếu nó chạm vào một bề mặt nóng như các lớp che ống xả. Thực hiện cảnh báo này để tránh hỏa hoạn xảy ra.

CHÚ Ý

- Chỉ sử dụng đúng loại dung dịch nước làm mát động cơ được khuyến cáo. Nếu sử dụng không đúng như khuyến cáo sẽ gây ra hiện tượng đóng cặn, rỉ sét trong đường nước động cơ. Và có thể dẫn đến làm nghẹt két nước.

KHUYẾN CÁO

- Để giảm tỉ trọng nước làm mát, pha thêm nước sạch
- Sử dụng môi chất nước làm mát động cơ với tỉ lệ đúng như khuyến cáo. Tỉ lệ quá cao hay quá thấp cũng đều gây tác dụng không tốt: động cơ dễ quá nhiệt, giảm khả năng ngăn ngừa rỉ sét.
- Nếu phát hiện mức nước làm mát động cơ giảm đột ngột, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra.

Kiểm Tra Mức Nước Làm Mát Động Cơ

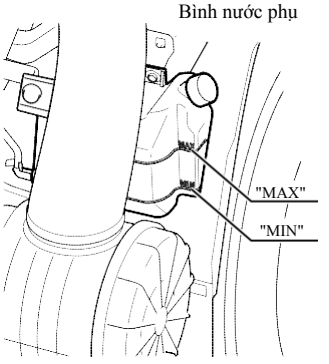

Bình nước phụ được ở phía trước bên phải xe. Khi động cơ đã nguội, phải bảo đảm mức môi chất nước làm mát động cơ trong bình nước phụ không thấp hơn vạch MIN .

Ngoài ra cũng có thể kiểm tra ở tại nắp két nước. Nhưng chỉ khi nước làm mát động cơ nguội.

CHÚ Ý

- Lưu ý kỹ khi mở nắp két nước.
  - Xoay nhẹ về bên trái. Đừng ấn nắp két nước trong khi đang xoay.
  - Đợi đến khi áp suất trong két nước giảm xuống (lắng nghe âm thanh), sau đó hãy ấn nắp xuống và tiếp tục xoay về bên trái.

Ngoài ra cũng cần kiểm tra kỹ để chắc chắn không có tình trạng rò rỉ nào xảy ra ở cổ két nước hay đường ống nước

CHÚ Ý

Cố tiếp tục sử dụng động cơ khi rỏ rĩ nước làm mát động cơ sẽ dẫn đến hiện tượng “bó máy”

Châm Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

Loại cabin đơn

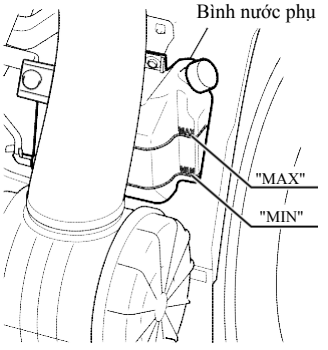

Khi mức dung dịch làm mát động cơ trong bình nước phụ thấp hơn vạch MIN, hãy mở nắp bình nước phụ và châm đến gần xạch MAX bằng hỗn hợp nước máy và dung dịch làm mát ở một tỷ lệ thích hợp. Vặn chặt nắp sau khi châm thêm dung dịch làm mát.

CẢNH BÁO

- Chỉ kiểm tra, châm thêm hoặc thay dung dịch làm mát động cơ sau khi động cơ đã nguội hẳn.

KHUYẾN CÁO

- Đừng châm môi chất nước làm mát động cơ tràn ra khỏi bình nước phụ.
- Kiểm tra bình nước phụ để xác định mức dung dịch làm mát động cơ. Tuy nhiên trong những tình huống mà mức dung dịch trong bình nước phụ tăng hoặc giảm đột ngột, hãy mở nắp két nước và kiểm tra dung dịch bên trong két nước.
- Khi động cơ vẫn còn nóng, cẩn thận tránh để dung dịch làm mát tiếp xúc với các lớp che ống xả. Các tiếp xúc như vậy có thể khiến đường ống xả bị hư.
- Nếu mức dung dịch làm mát động cơ thay đổi nhanh chóng, hãy đưa xe đến đại lý Isuzu.

Thay Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

KHUYẾN CÁO

Dung dịch xả ra phải được xử lý theo đúng quy định của nhà nước.

Loại động cơ	Lượng nước làm mát động cơ
4JB1	**7.3 lít** (1.93 US gal./**1.61 Imp gal.**)
4JH1	**8.8 lít** (2.32 US gal./**1.94 Imp gal.**)

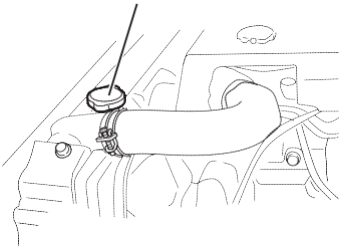

1. Phải xác định động cơ đã nguội hẳn trước khi bắt đầu làm việc.

2. Tháo nắp két nước.

CHÚ Ý

Lưu ý kỹ khi tháo nắp két nước.

- Xoay nhẹ về bên trái. Đừng ấn nắp két nước trong khi đang xoay.
- Đợi đến khi áp suất trong két nước giảm xuống (lắng nghe âm thanh), sau đó hãy ấn nắp xuống và tiếp tục xoay về bên trái.

3. Mở nút xả trên két nước và động cơ để nước làm mát chảy ra.

   Đồng thời xả luôn nước làm mát tại bình nước phụ.

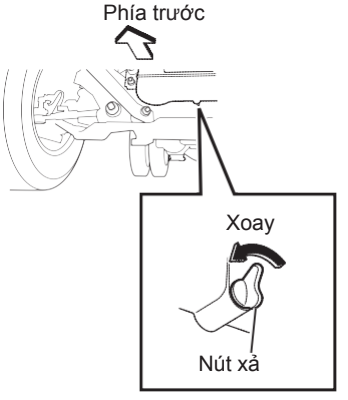

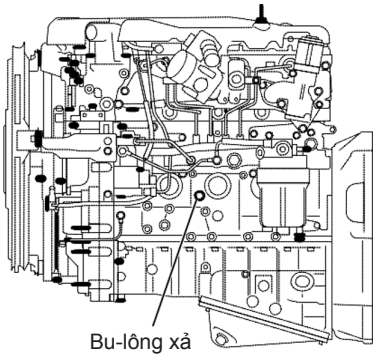

4. Gắn lại nút xả vào két nước và động cơ.

   Đối với động cơ 4JB1/4JH1/4JJ1, nhớ trét keo LOCTITE® 262 hoặc loại tương tự vào bu-lông xả trước khi gắn lại.

Động cơ	Lực siết bu lông xả
4JB1/ 4JH1/ 4JJ1	**21.6 N·m** (2.2 kgf·m/**16 lb·ft**)

CHÚ Ý

- Đừng khởi động động cơ nếu không có môi chất nước làm mát động cơ trong két nước.

KHUYẾN CÁO

- Vặn lại nút xả két nước bằng tay; đừng dùng kềm hay dụng khác vì có thể dẫn đến hư hỏng.

KHUYẾN CÁO

Khi rửa bên trong két nước và bộ làm mát khí nạp, tránh làm gãy hoặc hư các cánh, lá tản nhiệt.

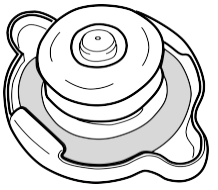

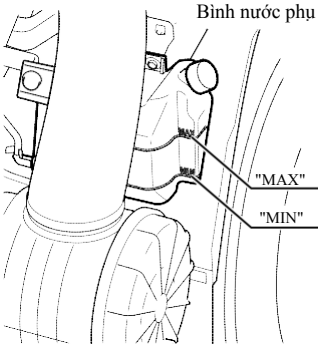

Rửa Đường Ống Nước

1. Châm nước cho đầy tràn đến miệng nắp.
2. Hãy kiểm tra và rửa nắp két nước. Thay nắp mới nếu bị hư.
3. Gắn và vặn chắt nắp két nước.
4. Nếu đường ống nước bị rạn hay nứt sẽ dẫn đến rò rỉ. hãy thay thế các ống bị hư hỏng.
5. Châm môi chất nước làm mát vào đầy bình nước phụ tới vạch MAX..
6. Đóng nắp bình nước phụ.
7. Khởi động động cơ và chạy ở chế độ cầm chừng trong 20 phút, tắc động cơ đợi nguội, và tháo nước ra.

Thay Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ **→ Tham khảo trang 7-32**

Châm Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ

CHÚ Ý

- Châm quá nhiều sẽ làm xuất hiện hiện tượng tràn trào ra ngoài môi chất nước làm mát
- Khi hiện tượng này xảy ra, sẽ dễ dẫn đến hiện tượng bó máy. Do đó, luôn phải tuân thủ đúng khuyến cáo.

1. Hãy xác định động cơ đã nguội hẳn trước khi bắt đầu thực hiện.
2. Gắn chặt nút xả ở két nước và bu—lông xả trên động cơ
3. nhớ trét keo LOCTITE® 262 hoặc loại tương tự vào bu lông xả trước khi gắn lại

Lực siết bulông xả
21.6 N·m (2.2 kgf·m/**16 lb·ft**)

Động cơ 4JB1

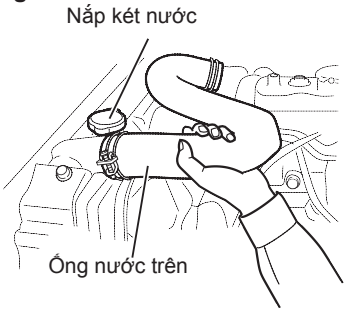

5. Bóp ống nước trên của két nước 2 hoặc 3 lần. Nếu động tác này đẩy khí ra khỏi đường ống và mức dung dịch nước làm mát giảm xuống, hãy châm thêm cho đến miệng két nước. Thực hiện tiếp tục động tác này cho đến khi mức dung dịch nước làm mát không giảm nữa.

Động cơ 4JH1

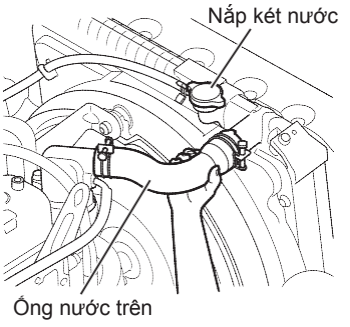

CHÚ Ý

- Lưu ý kỹ khi tháo nắp két nước.
- Xoay nhẹ về bên trái. Đừng ấn nắp két nước trong khi đang xoay.
- Đợi đến khi áp suất trong két nước giảm xuống (lắng nghe âm thanh), sau đó hãy ấn nắp xuống và tiếp tục xoay về bên trái.
- Châm môi chất nước làm mát từ từ, nếu không sẽ gây ra hiện tượng không khí lòn vào bên trong hệ thống.

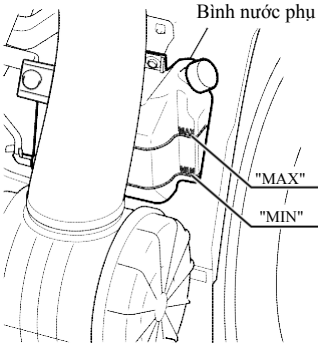

5. Gắn lại nắp két nước.
6. Châm thêm nước làm mát cho đến vạch "MAX" tại bình nước phụ.
7. Khởi động và để động cơ hoạt động cầm chừng khoảng 5 phút sau đó tắt động cơ.
8. Sau khi động cơ nguội, tháo nắp két nước. Nếu mực nước giảm, hãy châm thêm nước làm mát cho đến khi đầy két nước. Nếu phát hiện mực nước giảm nhanh sau đó, hãy kiểm tra kỹ xem có sự rò rỉ nào tại bình nước phụ, két nước hay đường ống nước hay không.
9. Gắn lại nắp két nước, để động cơ hoạt động cầm chừng cho đến khi đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát chỉ thị giá trị trung bình. Sau đó cho động cơ hoạt động ở tốc độ sắp xỉ 2,000 vòng/phút trong khoảng 5 phút (trong lúc này nhớ tắt công tắc máy lạnh). Kiểm tra xem van hằng nhiệt có hoạt động hay không bằng cách kiểm tra ống nước phía trên và dưới có nóng hay không.

10. Để động cơ tiếp tục hoạt động cầm chừng trong khoảng 5 phút, sau đó tắt động cơ.

11. Sau khi động cơ nguội, tháo nắp két nước. Nếu mực nước giảm, hãy châm thêm nước làm mát cho đến khi đầy két nước. Nếu phát hiện mực nước giảm nhanh sau đó, hãy kiểm tra kỹ xem có sự rò rỉ nào tại bình nước phụ, két nước hay đường ống nước hay không.

12. Lặp lại từ bước 9 đến nước 11 cho đến khi mực nước trong két nước không sụt giảm.

13. Gắn lại nắp két nước.

14. Châm thêm nước làm mát cho đến vạch "MAX" tại bình nước phụ.

15. Ngày hôm sau, hãy kiểm tra lại lần nữa mực nước trong bình nước phụ, nếu sụt giảm hãy châm thêm cho đến khi mực nước chạm vạch “MAX”.

Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp

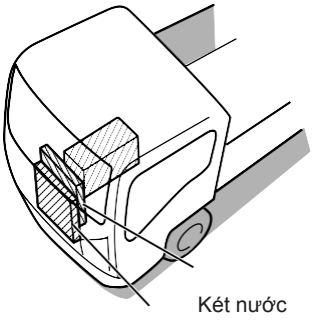

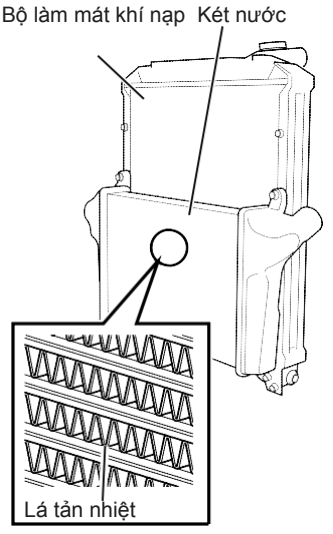

Vệ Sinh Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp

Hiệu quả làm mát sẽ suy giảm nếu có bụi, đất hay chất dơ bên trong lõi két nước hoặc bộ làm mát khí nạp. Đồng thời cũng có khả năng sẽ tạo ra các chất rỉ sét. Do đó hãy thay mới toàn bộ môi chất nước làm mát sau mỗi 24 tháng. Khi thay nước làm mát hãy đồng thời dùng nước sạch để vệ sinh két nước

CẢNH BÁO

- Phải tắt máy trước khi thực hiện việc vệ sinh két nước hoặc bộ làm mát khí nạp.
- Động cơ, ống xả và két nước sẽ rất nòng sau khi động cơ hoạt động. Hãy cẩn thận đừng để bị phỏng. Hãy thực hiện việc vệ sinh khi động cơ đã nguội.

CHÚ Ý

- Đừng dùng nước có áp lực cao để rửa, nước sẽ làm hư hỏng các lá tản nhiệt.
- Khi vệ sinh két nước hoặc bộ làm mát khí nạp, đừng đụng vào hay làm hư hỏng các lá tản nhiệt.
- Các lá tản nhiệt rất mỏng và dễ biến dạng. Nếu điều này xảy ra, hiệu quả tản nhiệt sẽ giảm đáng kể.

CHÚ Ý (tiếp tục)

CHÚ Ý (tiếp tục)

- Trước khi vệ sinh, cần che chắn để nước không làm hư hỏng các bộ phận, đường dây điện.
- Nếu chất cặn bẩn vẫn còn bám vào két nước hoặc bộ làm mát khí nạp sau khi vệ sinh. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để được hướng dẫn và hỗ trợ

Dây Đai Quạt Gió

CHÚ Ý

• Hãy dùng dây đai chính hãng Isuzu khi thay dây thế. [cần tuân theo quy trình điều chỉnh lực căng đai thích hợp]

Hãy điều chỉnh dây đai theo phương pháp dưới đây sau khi gắn dây mới hoặc dùng lại dây cũ:

- Canh chỉnh dây đai cùng rãnh pu-ly và điều chỉnh lực căng đai đúng phương pháp chỉ định.

- Khởi động động cơ, để chạy cầm chừng một phút để cân bằng lực căng đai của cả những đoạn dây giữa những pu-ly.

- Dừng động cơ, kiểm tra độ căng dây đai. Nếu độ căng không thích hợp, hãy canh chỉnh tiêu chuẩn thích hợp.

- Khi thay mới dây đai phải tuân theo thông số kỹ thuật quy định áp dụng cho dây mới.

Kiểm Tra

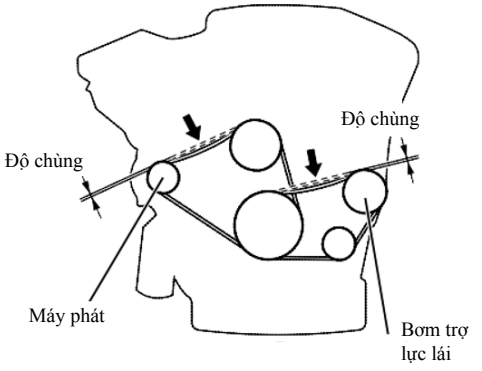

Động cơ 4JB1/4JH1

Nhấn vào đoạn dây ở giữa các pu-ly (xem hình) của dây với một lực **98N** (10kgf/22 lb) và kiểm tra độ chùng. Độ chùng dây phải nằm trong phạm vi tiêu chuẩn được chỉ định bên dưới.

Nếu không đúng chỉ định, hãy điều chỉnh lực căng hoặc thay dây.

Nếu kiểm tra bằng máy đo độ căng dây đai, hãy để đầu dò cách dây đai khoảng 10mm, sau đó dùng tay hoặc đầu vít dẹp để khẩy dây đai, và đọc giá trị trên máy đo. Thực hiện việc này 2-3 lần, sau đó tính giá trị trung bình. Nếu tần số rung không nằm trong phạm vi tiêu chuẩn được chỉ định bên dưới, hãy điều chỉnh lực căng đai hoặc thay dây đai mới.

Cũng kiểm tra dây đai quạt để xem có vết nứt hay hư hỏng nào không, nếu có, phải thay mới.

Loại dây đai		Độ chùng tiêu chuẩn (đo bằng thước)	Độ chùng (đo bằng máy)
Máy phát điện	Dây mới	7 - 9 mm (0.28 - 0.35 in)	133 - 157 Hz
	Dây cũ	9 - 11 mm (0.35 - 0.43 in)	112 - 126 Hz
Bơm trợ lực lái	Dây mới	8 - 12 mm (0.31 - 0.47 in)	135 - 165 Hz
	Dây cũ	11 - 13 mm (0.43 - 0.51 in)	117 - 135 Hz

Điều Chỉnh Và Thay Thế

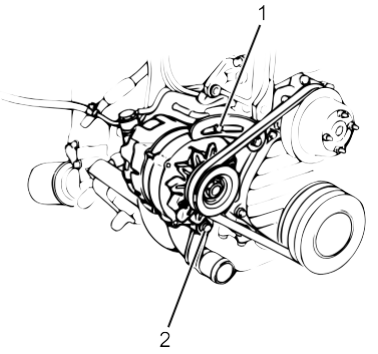

Động cơ 4JB1/4JH1

Điều Chỉnh

1. Tháo lỏng các đai ốc trên và dưới (1, 2).
2. Điều chỉnh lực căng dây đai theo giá trị tiêu chuẩn. Sau khi điều chỉnh, hãy vặn chặt các đai ốc và bu-lông đã nới lỏng.

Thay Thế

1. Vặn lỏng các đai ốc trên và dưới của máy phát điện (1,2) và tháo dây đai ra khỏi pu-ly.
2. Lấy dây curoa ra qua khoảng trống của quạt.
3. Luồn dây mới vào qua khoảng trống của quạt và gắn dây trong khi cần chỉnh các rãnh của nó theo pu- ly máy phát và pu-ly cốt máy.
4. Điều chỉnh lực căng dây theo giá trị tiêu chuẩn. Sau khi điều chỉnh hãy vặn chặt các đai ốc và bu-lông đã nới lỏng.

Bộ Lọc Gió

Lọc gió bị nghẹt sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của động cơ cũng như mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Do đó cần phải vệ sinh và kiểm tra tình trạng lọc gió thường xuyên theo khuyến cáo của lịch bảo dưỡng.

KHUYẾN CÁO

- Chỉ sử dụng phụ tùng lọc gió chính hãng Isuzu.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139

Thay Lọc Gió

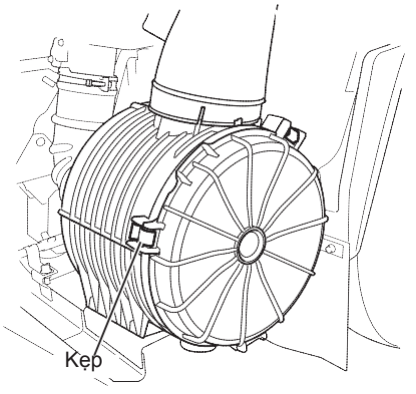

1. Tháo lỏng 3 kẹp và tháo nắp bộ lọc gió.

2. Tháo bầu lọc gió bằng cách kéo về phía bạn.

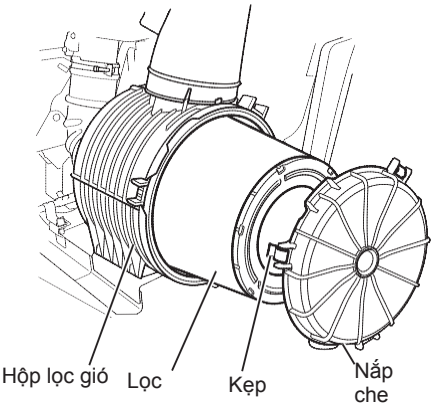

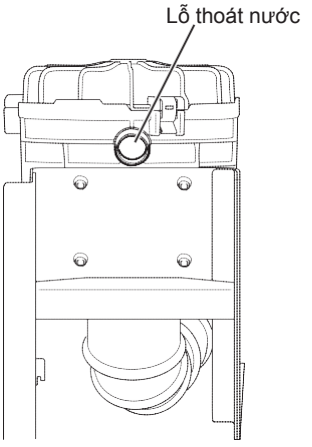

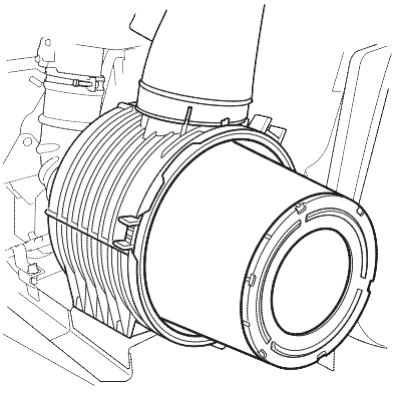

3. Tháo tấm loc gió bằng cách kéo về phía bạn
4. Loại bỏ bụi dơ trong nắp bầu lọc gió và hộp lọc gió.
5. Rửa sạch lỗ thông hơi dưới đáy hộp lọc gió.
6. Đặt bộ lọc gió trở vào đúng vị trí trong hộp.

Làm Sạch Bộ Lọc Gió

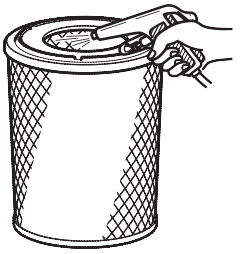

Chọn một trong những phương pháp làm sạch sau đây tùy thuộc vào mức độ bẩn của lọc gió.

b. Làm sạch khi lọc gió bị đen bởi khói nhớt hoặc bồ hóng.

c. Xoay lọc gió và thổi bằng khí nén với sức ép 690 kPa(7.0 kgf/cm2/100 psi) từ bên trong ra ngoài để loại bỏ bụi.

d. Kiểm tra lọc có bị hư hoặc có chỗ mỏng đi không.

KHUYẾN CÁO

- Không được thổi bằng khí nén theo hướng từ ngoài vào trong. Điều này sẽ làm bụi bẩn bám sâu hơn vào lọc.

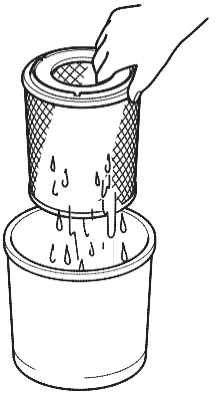

1. Làm sạch khi lọc gió bị đen bởi khói nhớt hoặc bồ hóng.

a. Ngâm lọc gió trong hỗn hợp nước và chất tẩy hòa tan trong 30 phút.

b. Lấy lọc gió ra khỏi dung dịch chất tẩy và dùng nước máy rửa sạch.

c. Sau khi rửa, hãy để lọc gió khô tự nhiên ở nơi thoáng gió

KHUYẾN CÁO

- Không đập hoặc giũ mạnh lọc gió vì có thể gây hư hỏng.
- Thời gian phơi khô có thể mất 2 hoặc 3 ngày. Chúng tôi khuyên bạn nên dùng lọc gió dự phòng trong khi chờ đợi.

Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu (tại bộ lọc ở khung xe và động cơ) theo lịch bảo dưỡng. Xả nước khi đèn cảnh báo bộ tách nước (lọc nhiên liệu) phát sáng.

(Đối với các loại xe có bộ lọc thô, hãy xả nước khỏi các bộ lọc tại khung xe và động cơ.)

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139

Đèn Cảnh Báo Bộ Tách Nước (Lọc Nhiên Liệu)

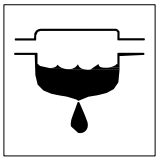

Khi có một lượng nước tích tụ trong bộ tách nước (lọc nhiên liệu động cơ), đèn cảnh báo bộ tách nước sẽ phát sáng.

Khi điều này xảy ra, hãy xả nước và đảm bảo đèn cảnh báo đã tắt. (Đối với các loại xe có bộ lọc thô, hãy xả nước ra khỏi các bộ lọc tại khung xe cùng động cơ và bảo đảm rằng đèn cảnh báo tắt).

CHÚ Ý

- Nước còn sót lại trong bộ tách nước có thể đông đặc và làm hỏng xe.
- Nếu đèn cảnh báo phát sáng trong khi động cơ đang vận hành, lập tức xả nước ra khỏi bộ tách nước (lọc nhiên liệu). Nếu tiếp tục lái xe khi đèn phát sáng có thể gây hỏng bơm nhiên liệu. Nếu điều này xảy ra, hãy đem xe đên kiểm tra và sửa chữa tại đại lý Isuzu gần nhất.

Xả Nước Khỏi Lọc Nhiên Liệu → Tham khảo trang 7-56

Thay Lọc Nhiên Liệu

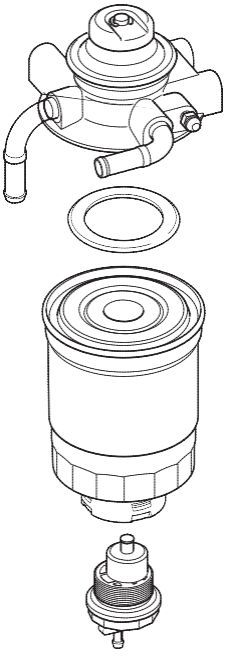

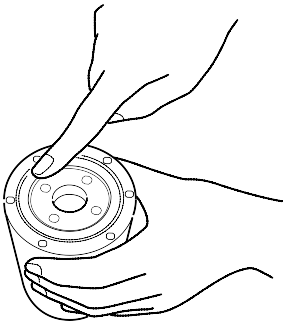

Động Cơ 4JB1

1. Dùng dụng cụ chuyên dụng để tháo lọc.
2. Tháo cảm biến tách nước.
3. Gắn cảm biến tách nước vào hộp mới.
4. Rửa chỗ niốgiữa hộp và phần thân bộ lọc để bảo đảm lọt khít vào hộp
5. Dung dầu nhớt rưới sơ lên vòng đệm của hộp.

11. Để dễ xả gió khỏi hệ thống lọc nhiên liệu, dùng dầu diesel châm đầy hộp lọc mới.

13. Gắn hộp lọc vào bằng cách vặn nó cho đến khi vòng đệm O chạm vào mặt nối. Thực hiện việc này hết sức cẩn thận để không làm tràn dầu diesel ra khỏi hộp lọc.

15. Dùng dụng cụ chuyên dùng để vặn chặt hộp lọc thêm 1/3 đến 2/3 vòng

⚠ CẢNH BÁO

• Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, hãy nổ máy để kiểm tra không có sự rò rỉ quanh lọc. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy.

Lọc Chính

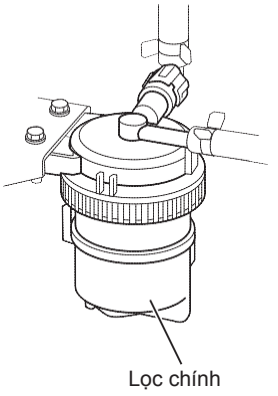

Lọc phụ

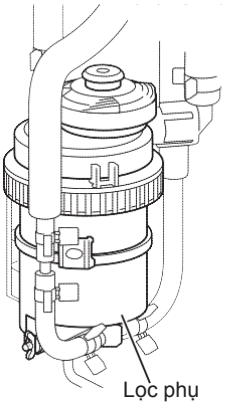

Động Cơ 4JH1

Động cơ này trang bị 02 lọc nhiên liệu lọc chính và lọc phụ.Khi thay thế cần đồng thời cả 2 lọc. Tùy theo thị trường mà vị trí lọc có thể thay đổi.

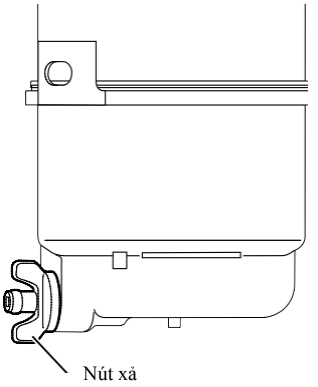

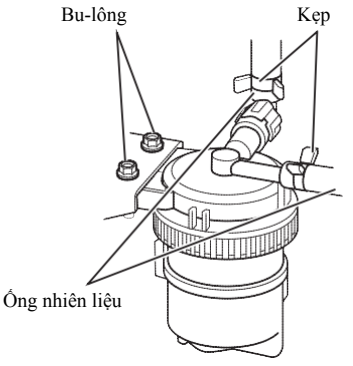

Lọc Nhiên Liệu Chính

1. Gắn ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia hướng vào chậu hứng nhiên liệu xả ra

2. Xoay nút xả để xả nhiên liệu ra. Siết chặt lại nút x

3. Bóp mạnh đầu kẹp và tháo rời các ống nhiên liệu.

CHÚ Ý

Cần bịt kín các đầu ống nhiên liệu sau khi tháo ra, nếu không bụl đất có thể lọt vào bên trong ống.

4. Tháo rời các bu-lông và cụm lọc nhiên liệu chính.

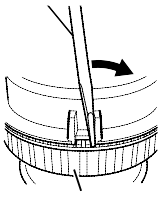

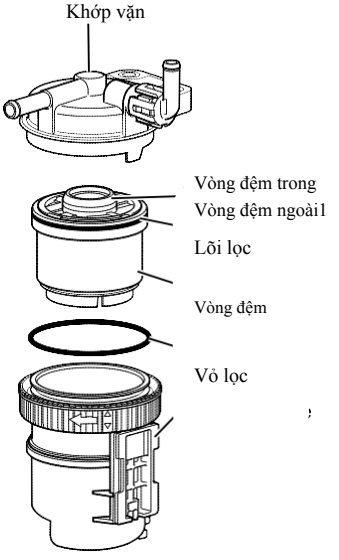

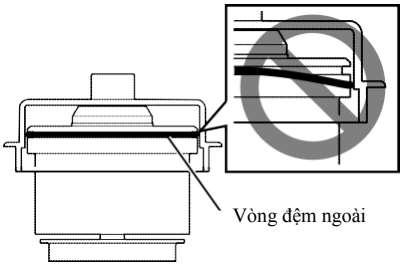

5. Đưa đầu vít dẹp vào rãnh trên khớp vặn tại vỏ lọc và xoay nhẹ để mở, sau đó tiếp tục xoay vỏ lọc bằng tay.
6. Tháo rời hoàn toàn vỏ lọc và lõi lọc.
7. Tháo rời vòng đệm.
8. Dùng giẻ sạch để lau sạch các chất cặn bẩn bên trong vỏ lọc, đồng thời kiểm tra tình trạng của phao bên trong vỏ lọc.

CHÚ Ý

Dùng giẻ sạch để lau, đừng dùng hơi khí nén. Nếu không chất bẩn có thể lọt vào bên trong đường ống nhiên liệu, gây tắc nghẽn.

9. Trước khi thay mới vòng đệm, cần bôi một ít dầu diesel lên nó.
10. Bôi một ít dầu diesel lên vòng đệm trong và vòng đệm ngoài.

    Gắn trở lại lõi lọc nhiên liệu mới vào vỏ lọc.

CHÚ Ý

Sau khi thay mới lõi lọc, cần kiểm tra kỹ vòng đệm trong và ngoài đã được gắn đúng cách hay chưa.

Nếu có sai sót, các chất bụi bẩn sẽ có thể lọt vào bên trong hệ thống đường ống nhiên liệu, gây hư hỏng động cơ.

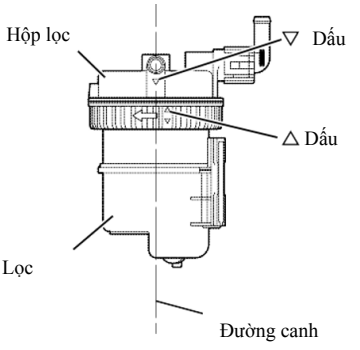

11. Dùng tay gắn vỏ lọc vào hộp lọc.
12. Xoay vỏ và hộp sao cho dấu△ trùng với dấu.▽
13. Gắn trở lại cụm lọc nhiên liệu và siết chặt các bu-lông.

Lực siết tiêu chuẩn
13.7 - 23.5 N·m (1.4 - 2.4 kgf·m/**10.1 - 17.3 lb·ft**)

14. Gắn trả lại các đường ống nhiên liệu.

CẢNH BÁO

•Kiểm tra kỹ xem các đường ống nhiên liệu có dấu hiệu bị rạn hoặc nứt hay không. Nếu phát hiện, hãy thông báo cho đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và sửa chữa.

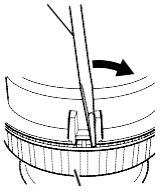

Lọc Nhiên Liệu Phụ

1. Đưa đầu vít dẹp vào rãnh trên khớp vặn tại vỏ lọc và xoay nhẹ để mở, sau đó tiếp tục xoay vỏ lọc bằng tay.
2. Xoay khớp vặn và kéo rời hộp lọc khỏi vỏ lọc.

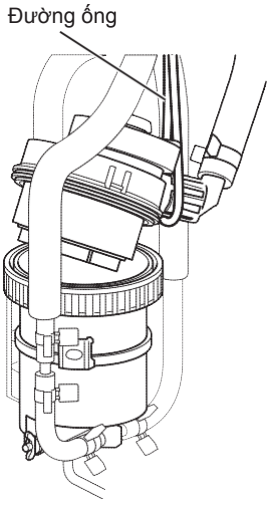

LƯU Ý

Trước khi kéo rời hộp lọc ra khỏi vỏ, hãy dùng dây quấn chặt đầu đường ống nhiên liệu để ngăn nhiên liệu chảy trào ra.

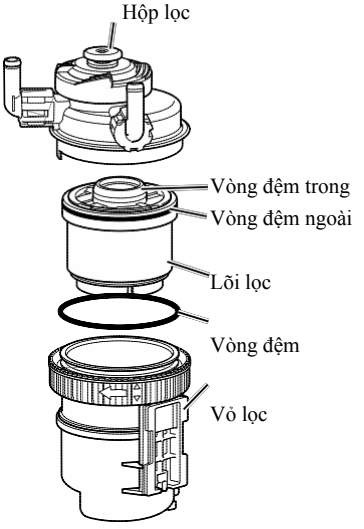

3. Tháo rời lõi lọc.
4. Gắn một ống nhựa vào nút xả ở dưới vỏ lọc, đầu kia của ống đưa vào chậu hứng nhiên liệu xả ra.
5. Vặn nút xả để xả nhiên liệu; sau đó vặn chặt nút x
6. Tháo rời vòng đệm.
7. Dùng giẻ sạch để lau sạch các chất cặn bẩn bên trong vỏ lọc, đồng thời kiểm tra tình trạng của phao bên trong vỏ lọc.

⚠ CHÚ Ý

Dùng giẻ sạch để lau, đừng dùng hơi khí nén. Nếu không chất bẩn có thể lọt vào bên trong đường ống nhiên liệu, gây tắc nghẽn.

8. Bôi một ít dầu diesel vào vòng đệm và gắn trở lại vào vỏ lọc.

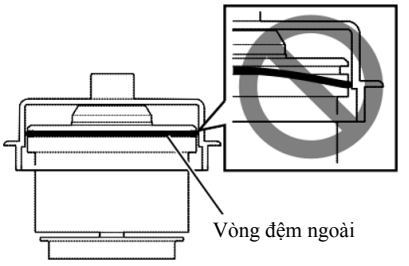

9. Bôi một ít dầu diesel sạch vào vòng đệm trong và ngoài.

   Gắn trở lại lõi lọc.

CHÚ Ý

Sau khi gắn trở lại lõi lọc, cần kiểm tra vòng đệm ngoài đã gắn chặn vào rãnh hay chưa. Nếu không thực hiện đúng, bụi bẩn có thể lọt vào hệ thống nhiên liệu, gây hư hỏng cho động cơ.

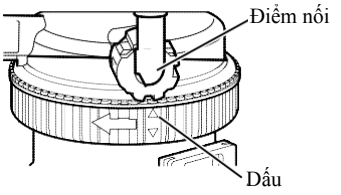

10. Trong khi gắn vỏ lọc vào hộp lọc cần canh sao cho sau khi gắn các dấu △ phải trùng với nhau.
11. Xả gió khỏi hệ thống nhiên liệu.
12. Khởi động động cơ và kiểm tra xe có hiện tượng rò rỉ nhiên liệu nào hay không.

CẢNH BÁO

Kiểm tra kỹ xem các đường ống nhiên liệu có dấu hiệu bị rạn hoặc nứt hay không. Nếu phát hiện, hãy thông báo cho đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và sửa chữa.

Xả Nước Khỏi Lọc Nhiên Liệu

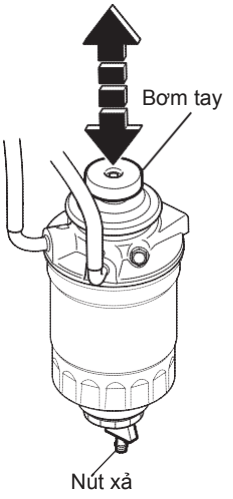

Động cơ 4JB1

1. Gắn một ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia gắn vào thúng chứa nhiên liệu xả ra.
2. Nới lỏng nút xả, đồng thời dùng tay ấn bơm tay từ 10 đến 20 lần.
3. Siết chặt lại nút xả, sau đó dùng tay ấn bơm tay thêm vài lần nữa.
4. Khởi động động cơ và kiểm tra tcó hay không thiện tượng rò rỉ nhiên liệu. Đồng thời cũng kiểm tra xem "Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu" có sáng hay không.

CHÚ Ý

- Lau sạch các nhiên liệu chảy tràn ra.
- Việc khởi động lại động cơ sau khi xả nước/ nhiên liệu có thể sẽ mất thời gian hơn thông thường. Nếu động cơ không thể khởi động sau khi xoay chìa khóa về vị trí "Start" 10 giây, hãy đợi và thử lại sau một thời gian ngắn.
- Xử lý nước/ nhiên liệu xả ra theo đúng quy định nhà nước.

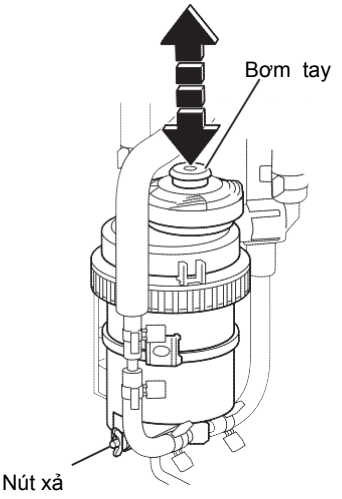

Động cơ 4JH1

1. Gắn một ống nhựa vào đầu nút xả, đầu kia gắn vào thúng chứa nhiên liệu xả ra.
2. Nới lỏng nút xả, đồng thời dùng tay ấn bơm tay từ 10 đến 20 lần.
3. Siết chặt lại nút xả, sau đó dùng tay ấn bơm tay thêm vài lần nữa.
4. Khởi động động cơ và kiểm tra tcó hay không thiện tượng rò rỉ nhiên liệu. Đồng thời cũng kiểm tra xem “Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu” có sáng hay không.

CHÚ Ý

- Lau sạch các nhiên liệu chảy tràn ra.
- Việc khởi động lại động cơ sau khi xả nước/ nhiên liệu có thể sẽ mất thời gian hơn thông thường. Nếu động cơ không thể khởi động sau khi xoay chìa khóa về vị trí “Start” 10 giây, hãy đợi và thử lại sau một thời gian ngắn.
- Xử lý nước/nhiên liệu xả ra theo đúng quy định nhà nước.
- Hãy tham khảo ý kiến của các đại lý Isuzu nếu “Đèn cảnh báo Xả Nước Hệ Thống Nhiên Liệu“ sáng thường xuyên

SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN KHUNG GẦM XE

• Phanh	7-60
• Phanh Tay	7-66
• Ống Dầu Phanh	7-69
• Trống Phanh	7-70
• Bánh Xe Và Lốp Xe	7-72
• Quy Trình Đảo Lốp Xe	7-79
• Thay Bánh Xe	7-81
• Bánh Xe Dự Phòng	7-91
• Bộ Ly Hợp	7-93
• Nhớt Hộp Số	7-98
• Nhớt Cầu Sau	7-101
• Tay lái	7-103
• Dầu Trợ Lực Lái	7-104
• Mỡ Bạc Đạn Trục Bánh Xe	7-107
• Vô Mỡ Các Bộ Phận Khung Gầm Xe	7-108

Phanh

Dầu Phanh

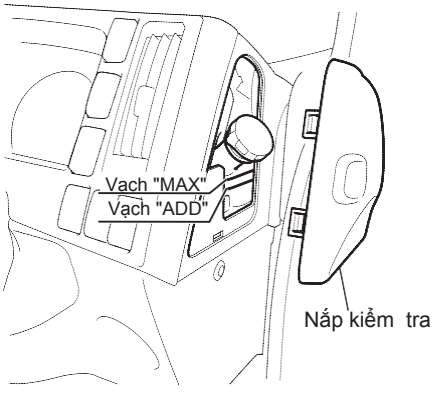

Kiểm Tra Mức Dầu Phanh

Tháo nắp kiểm tra bên phải của táp-lô bằng cách vặn bằng tay. Kiểm tra mức dầu phanh trong bình chứa nằm giữa vạch MAX và ADD hay không.

Lắc nhẹ xe nếu cần thiết để dễ quan sát vị trí mức dầu phanh.

Châm Dầu Phanh

Nếu mức dầu phanh hạ thấp bên dưới vạch ADD, hãy tháo nắp và châm thêm dầu phanh. Cẩn thận không châm đầy hơn vạch MAX.

Vặn nắp cẩn thận sau khi châm thêm dầu phanh.

CHÚ Ý

- Khi châm thêm dầu phanh vào bình chứa, lưu ý tránh bụi bẩn và nước lọt vào. Nếu có bụi bẩn và nước trong hệ thống sẽ khiến xe mất chức năng phanh.
- Kiểm tra và thay dầu phanh theo lịch bảo dưỡng.
- Cẩn thận không để tràn dầu phanh vào các mặt có sơn hoặc để nó dính vào da.
- Nếu dầu phanh tràn ra ngoài vào mặt có sơn hoặc dính vào da hãy rửa sạch bằng nước và lau khô ngay.
- Dầu phanh dễ hấp thu khí ẩm. Do đó cần đóng chặt bình chứa.
- Không bao giờ trộn dầu phanh được chỉ định với dung dịch nhãn hiệu khác.
- Nếu mức dầu phanh suy giảm nhanh, đã có vấn đề trong hệ thống. Hãy đem xe đến kiểm tra ngay lập tức tại đại lý Isuzu gần nhất.

Xả Gió Hệ Thống Phanh

Nếu không khí có trong hệ thống phanh, nó sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động phanh. Xả gió hệ thống phanh được dùng khi lượng dầu phanh trong thùng quá thấp hoặc ống phanh bị tháo ra trong quá trình bảo dưỡng. Không tự ý xả phanh một mình, cần có người phụ.

CẢNH BÁO

- Trước khi xả gió hệ thống phanh, phải nên đậu xe nơi bằng phẳng và chêm bánh xe.
- Vì dầu phanh dễ hấp thu khí ẩm, phải đảm bảo khí ẩm không lọt vào dung dịch dầu phanh khi kiểm tra, châm thêm hoặc tồn trữ dung dịch. Nếu khí ẩm lọt vào dung dịch dầu phanh, điểm sôi của dung dịch giảm và điều này gây ra hiện tượng “bọt khí”, gây nguy hiểm nghiêm trọng cho hoạt động phanh.
- Đừng để nhớt động cơ, dầu bôi trơn và các loại dầu khác trộn lẫn với dung dịch dầu phanh. Dầu phanh bị nhiễm bẩn bởi các loại dầu khác sẽ suy giảm chức năng phanh, có thể gây tình huống nguy hiểm.

CHÚ Ý

- Dầu phanh làm chảy các chất liệu phủ sơn và các bộ phận bằng nhựa, cao su, nhựa dẽo. Nó cũng làm mòn kim loại. Nếu bị tràn ra, hãy lau sạch ngay và rửa hết bề mặt bằng nư. ớc
- Khi xả gió hệ thống phanh (bao gồm xy lanh tổng phanh và xy lanh con) của model dùng bộ trợ lực phanh thủy lực (HBB), luôn luôn bắt đầu xả gió khỏi hệ thống trợ lực chân không. Kế đến xả gió hệ thống phanh khí xả khi động cơ đang chạy. Không thể rút hết khí ra khi động cơ tắt.

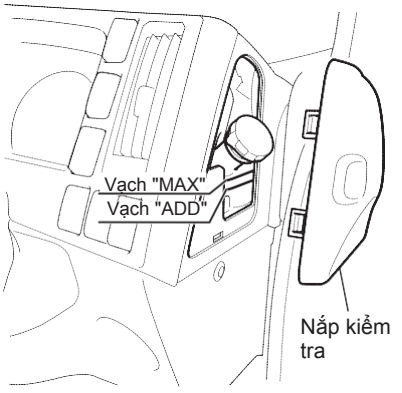

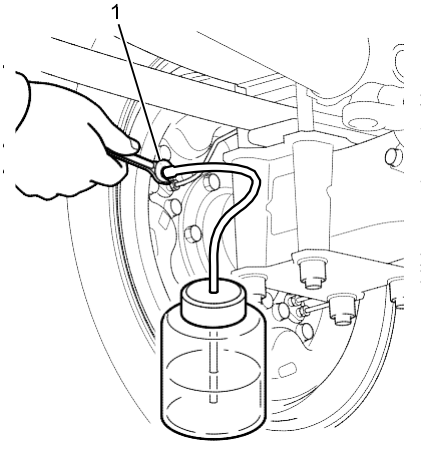

1.Kéo phanh tay.

2. Khởi động và để động cơ hoạt động ở tốc độ cầm chừng.

CHÚ Ý

- Nếu xả gió khi động cơ không hoạt động, bộ trợ lực phanh sẽ bị hư hỏng..

3. Tháo nắp kiểm tra, châm thêm dầu trợ lực phanh cho đến vạch “MAX”.

4. Xả gió theo quy trình sau:

   Bánh Sau Phải → Bánh Sau Trái →

   Bánh Trước Phải → Bánh Trước Trái

5. Tháo nắp chụp cao su ở đầu ốc xả gió. Dùng bình hứng dầu phanh chảy ra.

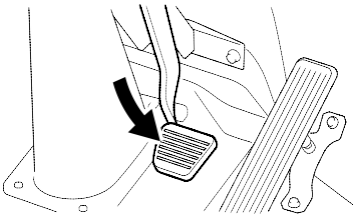

6. Ấn và giữ luôn bàn đạp phanh vài lần..

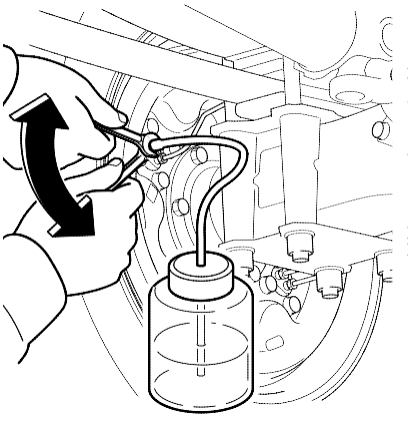

7. Nới lòng và siết ngay tức thì ốc xả để xả dầu phanh có lẫn không khí.

8. Lập lại các bước 6 và 7 cho đến khi dầu phanh xả ra không còn bọt khí. Sau khi hoàn tất việc xả gió, gắn trả lại nắp chụp cao su ở đầu ốc xả.

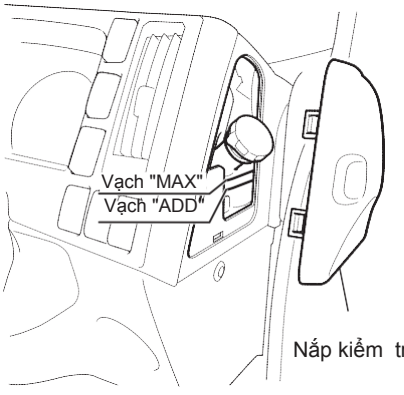

Nắp kiểm tra

CHÚ Ý

- Trong quá trình xả gió, lưu ý không được để mức dầu phanh ở dưới vạch “ADD”.

  Nếu xả gió khi động cơ không hoạt động, bộ trợ lực phanh sẽ bị hư hỏng.

9. Kiểm tra xem đèn cảnh báo hệ thống phanh có sáng lên hay không.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Phanh

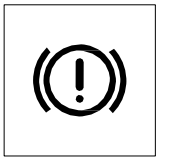

Bàn Đạp Phanh

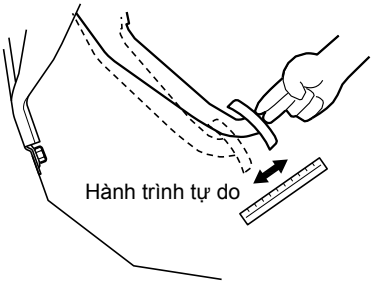

Hành Trình Tự Do

Tắt động cơ và đạp phanh bàn đạp nhanh khoảng 10 lần, sau đó kiểm tra độ rơ bàn đạp phanh bằng cách ấn nhẹ bằng tay cho đến khi cảm thấy vướng. Sau đó khởi động động cơ và đợi khoảng 1 phút. Rồi đạp bàn đạp phanh và đo khoảng cách giữa gờ chặn bàn đạp đến sàn (nghĩa là khoảng cách giữa gờ chặn bàn đạp và tay bàn đạp)

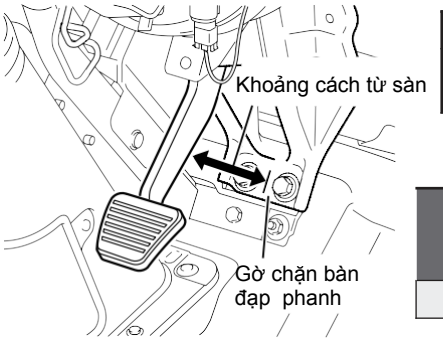

Hành trình tự do (từ đỉnh bàn đạp)	
Tiêu chuẩn	5 - 10 mm (0.20 - 0.39 in)

Khoảng cách từ bàn đạp đến gờ chặn khi đạp bàn đạp với một lực **490 N** (50 kgf/**110 lb**)
45 mm (1.77 in) hoặc hơn

KHUYẾN CÁO

Nếu sau khi đạp, bàn đạp vẫn tiếp tục đi xuống hoặc có cảm giác hẫng, có thể có lẫn không khí hệ thống phanh. Hãy đến đại lý Isuzu để được kiểm tra, xả gió và khắc phục.

Hiệu Quả Phanh

Chạy xe trên đường khô ráo và bằng phẳng, sau đó ấn bàn đạp phanh. Kiểm tra xem quãng đường phanh có ngắn hay không và xe có bị xỉa về 1 bên hay không.

CHÚ Ý

- Chỉ nên kiểm tra hiệu quả phanh trên đường bằng phẳng, có tầm nhìn tốt và không có xe nào xung quanh.

LƯU Ý

- Nếu có tiếng rít phát ra từ hệ thống phanh có thể có các nguyên nhân sau
  - Mòn bố phanh
    Mòn bố phanh có thể gây ra tiếng rít khi đạp phanh. Hãy mang xe đến đại lý Isuzu để thay mới phụ tùng.
  - Dính sình bùn cát
    Nếu sình bùn cát lọt vào trống phanh và bố phanh, nó sẽ chèn giữa bề mặt ma sát, gây ra tiếng kêu rít khi bố phanh ăn vào trống phanh.

Phanh Tay

LƯU Ý

Xe của bạn sẽ được trang bị một trong những dạng p.hanh tay sau

- Xe dùng hệ thống phanh thủy lực hydraulic brake model)

Khi bạn kéo xe, phần truyền lực xuống trục cac-đăng sẽ bị khóa cứng.

- Xe dùng hệ thống phanh hơi hoàn toàn

Khi bạn kéo phanh tay, tất cả các bánh xe sẽ bị khóa cứng.

Kiểm Tra Hành Trình Cần Phanh Tay

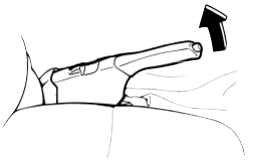

Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực

HB

Kéo cần phanh tay chậm chậm từ vị trí nhả hết; đếm các tiếng “click” tạo ra để kiểm tra xem nó có thể nâng lên đúng mức hay không. Cũng nên kiểm tra trên một con đường dốc, khô ráo xem phanh có thể giữ yên xe hay không .

Số nấc*
6 đến 8 nấc

Số nấc từ vị trí nhả đến vị trí cài với sức kéo 147 N (15 kgf/33 lb)

Điều Chỉnh

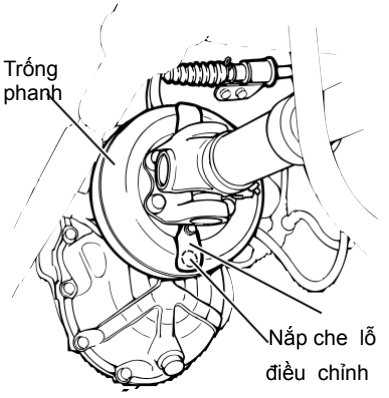

Xe Dùng Hệ Thống Phanh Thủy Lực

HB

1. Đậu xe ở nơi bằng phẳng, dùng vật chêm ở bánh trước và bánh sau để chận không cho xe di chuyển, và nhả phanh tay hoàn toà.
2. Nới lỏng đai ốc điều chỉnh dây cáp cần phanh tay bên trong cabin .
3. Phái xác định rằng cần số đang ở số N, sau đó dùng con độl nâng xe lên cho đến khi bánh sau hở khỏi mặt đất.
4. Chống xe bằng chân con đội .

CẢNH BÁO

Trước khi chui vào gầm xe, phải đảm bảo rằng xe được chống an toàn bằng con đội.

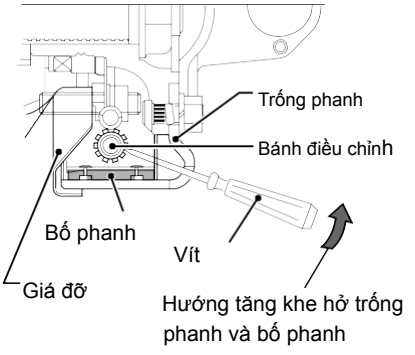

5. Vặn trống của phanh để có lỗ điều chỉnh hướng thẳng xuống, tháo nắp đậy lỗ điều chỉnh và vặn trống khi cần để canh chỉnh lỗ cùng vị trí với bánh điều chỉnh.
6. Đưa vít qua lỗ điều chỉnh và vặn bánh điều chỉnh hướng lên cho đến khi nó không còn quay được nữa.
7. Từ điểm này, hãy vặn bánh điều chỉnh về con số răng chỉ thị bên dưới. Sau khi điều chỉnh, đậy nắp che lỗ điều chỉnh lại.

Số răng để bánh điều chỉnh quay về	Khoảng hở trống phanh - bố phanh
30 răng	**0.78 mm** (0.031 in)

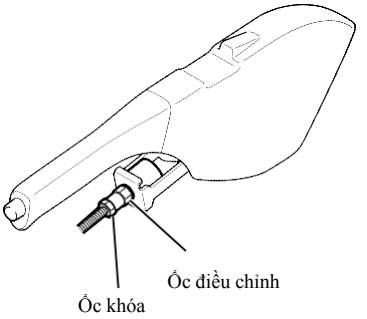

8. Nới lỏng ốc khóa.
9. Vặn ốc điều chỉnh đến khi độ nhả cần phanh tay được điều chỉnh đến một số nấc nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn bên dưới. Sau khi điều chỉnh, vặn chặt bu-lông khóa lại .

Số nấc
6 đến 8 nấc

LƯU Ý

Khônh cần điều chỉnh nếu xe đang dùng trang bị hệ thống phanh hơi hoàn toàn.

Các Ống Dầu Phanh HB

Kiểm tra

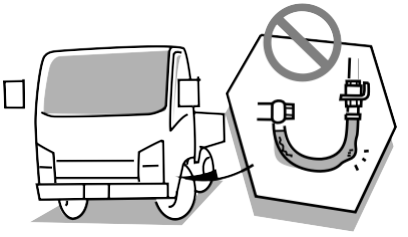

Bẻ tay lái hết mức về phía trái, kiểm tra ống dầu phanh trước bên trái bằng mắt và sờ vào để chắc rằng chúng không bị trầy xước hoặc phình to.

Cũng phải bảo đảm các ống không kẹt vào các bộ phận khung gầm hoặc bánh xe, và các khớp nối không bị rỉ hay hư hỏng. Hãy kiểm tra các ống phanh trước bên phải theo cùng cách. Các ống dầu phanh trái, phải phái sau cũng nên được kiểm tra.

Trống Phanh

Nếu bố phanh bị mòn trước hạn sử dụng, không chỉ hoạt động phanh bị giảm sút mà các bộ phận phanh cũng hư theo.

CẢNH BÁO

- Không lái xe khi bố phanh đã mòn quá quy định. Điều này có thể gây hư hỏng các bộ phận phanh và vận hành phanh kém hiệu q.uả

Kiểm Tra Độ Mòn Bố Phanh

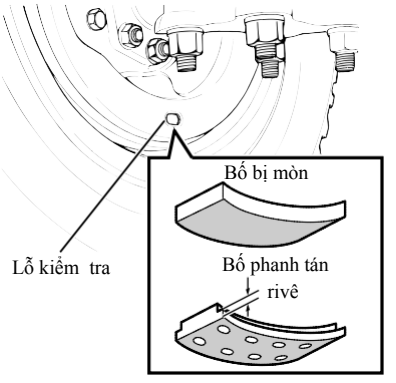

1. Đối với xe dùng hệ thống phanh thủy lực, tháo nút cao su khỏi lỗ kiểm tra trong tấm dừng phanh.
2. Kiểm tra xác định bố phanh vẫn còn độ dày thích hợp. Cũng nên kiểm tra các mặt của bố phanh xem có vết nứt, vết bong hay các hư hỏng khác hay không.
3. Giới hạn mòn cho bố phanh giảm xuống 1mm (0,04 in) và giới hạn mòn cho bố phanh tán rivê là khi miếng bố bị mòn nhẵn. Bố phanh phải được thay nếu nó mòn quá giới hạn hoặc có vết nứt, vết bong trên bề mặt cạnh. Hãy để đại lý Isuzu để thực hiện các thay thế này.

Điều Chỉnh Khe Hở Trống Phanh Và Bố Phanh

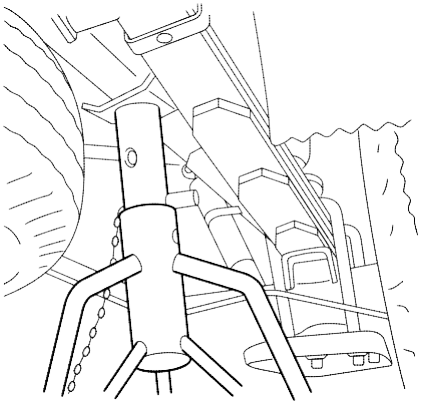

1. Cài chắc phanh tay và chêm các bánh xe.
2. Nâng xe lên cho đến khi bánh xe hở khỏi mặt đường.
3. Chống xe bằng chân của con đội.
4. Tháo nút cao su ra khỏi lỗ điều chỉnh ở tấm dừng.
5. Đưa vít vào lỗ điều chỉnh và vặn theo hướng mũi tên trên tấm dừng chi đến khi bánh điều chỉnh không còn quay được nữa.
6. Từ điểm này, vặn bánh điều chỉnh trở lại khoảng 5 hay 6 răng.
   Sau khi điều chỉnh, gắn nút cao su vào lỗ điều chỉnh.

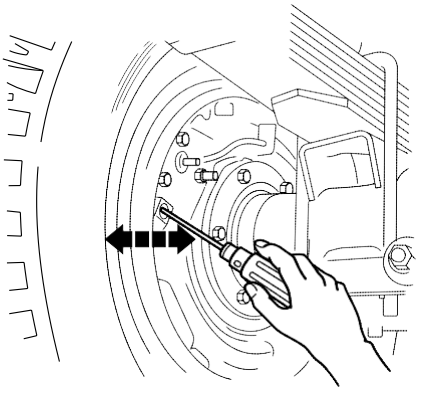

Bánh Xe Và Lốp Xe

Bánh xe có ảnh hưởng lớn đến sự an toàn và thoải mái khi lái xe. Nếu có bánh xe nào sút ra khỏi xe, nó không chỉ khiến hư xe giữa đường và làm nghẽn lưu thông mà nó còn dẫn đến tai nạn nghiêm trọng. Do đó chúng tôi khuyến cáo khách hàng tuân thủ các quy định và hướng dẫn sau:

⚠ CẢNH BÁO

- Đừng bao giờ lái xe nếu áp suất lốp xe và tình trạng lốp xe không đảm bảo an toàn.
- Nếu thấy có bất thường với bu-lông bánh xe, các đai ốc bánh xe hoặc mâm xe khi kiểm tra, không được lái xe nữa và hãy liên lạc với đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể.l
- Nếu thấy có sự bất thường ở bất kì bánh xe nào, cũng nên kiểm tra tình trạng các bánh còn lại cẩn thận để tìm các hư hỏng tương tự. Một bánh xe hư hỏng là dấu hiệu hư hỏng của tất cả các bánh xe khác.

Kiểm Tra Lốp Xe

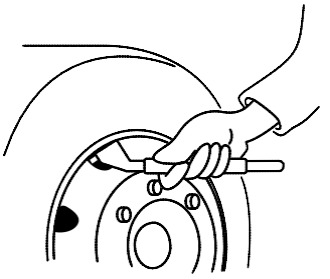

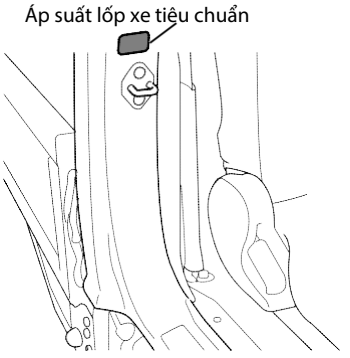

Áp Suất Lốp

Áp suất hơi bánh xe quá yếu hay quá căng không chỉ ảnh hưởng đến việc lái xe hoặc gây hư hỏng hàng hóa mà còn khiến nhiệt độ lốp nóng tăng lên bất thường, mòn sớm, lủng hoặc có thể khiến nổ lốp xe.

- Dùng đồng hồ đo áp suất bơm bánh xe thích hợp khi đo áp suất lốp xe. Nên đo khi lốp nguội hoặc trước khi lái xe. (Sau khi lái xe áp suất khí trong lốp giảm khoảng 10%)
- Áp suất lốp xe khác nhau tùy theo kích cỡ bánh xe. Do đó hãy tham khảo kỹ bảng áp xuất hơi trên cửa tài xế hoặc bảng áp suất hơi tiêu chuẩn ở trang kế tiếp.
- Cũng phải kiểm tra áp suất hơi của bánh xe dự phòng bằng đồng hồ đo áp suất hơi trong những kỳ kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

Áp Suất Lốp

Loại xe	Cỡ lốp		Áp suất lốp tiêu chuẩn kPa (kgf/cm²/psi)	
	Trước	Sau	Trước	Sau
QLR55E (bánh đơn)	7.00R15-8PR	7.50R15-10PR	350 (3.50/51)	575 (5.75/83)
	7.00R15-8PR	7.50R15-12PR	350 (3.50/51)	650 (6.50/94)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
QMR55F	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
QMR55H	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
QLR77E (bánh đơn)	7.00R15-8PR	7.50R15-10PR	350 (3.50/51)	575 (5.75/83)
	7.00R15-8PR	7.50R15-12PR	350 (3.50/51)	650 (6.50/94)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
	7.00R16-12PR	7.00R16-12PR	600 (6.00/87)	600 (6.00/87)
QLR77F	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
QMR77F	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)
QMR77H	7.00R15-8PR	7.00R15-8PR	450 (4.50/65)	450 (4.50/65)
	7.00R16-10PR	7.00R16-10PR	525 (5.25/76)	525 (5.25/76)

CẢNH BÁO

- Bánh xe thiếu hơi hoặc bị mòn có nguy hiểm rất cao vì chúng dễ dàng bị trượt hoặc nổ. Nếu nổ lốp xe, lốp xe có thể bị cháy và có thể là nguyên nhân gây hỏa hoạn cho xe.
- Nếu bạn lái xe với bánh xe non hơi, các bu - lông bánh xe sẽ chịu sức ép lớn quá mức. Trong điều kiện đó, các bu-lông có thể gãy và bánh xe sút khỏi xe, dẫn đến tai nạn.

CHÚ Ý

- Bánh xe bơm căng quá mức sẽ dẫn đến tình trạng xe bị dằn xóc và gây hư hỏng hàng hóa. Lốp xe thiếu hơi làm tăng nhiệt độ và có thể nổ. Luôn luôn giữ lốp xe ở áp suất hơi tiêu chuẩn.

KHUYẾN CÁO

- Không có sự khác biệt nào về áp suất hơi giữa bánh trong và bánh ngoài của các xe có bánh đôi.
- Không dễ gì nhận ra bằng mắt một bánh xe thiếu hơi hoặc có sự khác biệt hơi ở bánh đôi (hệ số thành thấp là 70 hoặc 75%). Hãy luôn dùng đồng hồ đo áp suất hơi để kiểm tra áp suất hơi ở bánh xe.
- Nếu xe bạn được trang bị mâm xe bằng nhôm, dùng bộ nối ngoài để gắn vào van bánh xe trong cùng với đồng hồ đo áp suất hơi tiêu chuẩn.

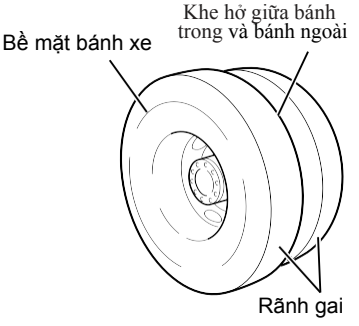

Vết Nứt Và Các Hư Hỏng Khác

Kiểm tra các gai và bề mặt của mỗi bánh xe để tìm vết nứt hoặc các hư hỏng khác. Đặc biệt là kiểm tra trong các rãnh gai để tìm đinh hoặc các mảnh kim loại dính vào rãnh gai. Và cũng phải kiểm tra khe hở giữa bánh trong và ngoài của xe bánh đôi để tìm các sỏi đá kẹt vào đó.

KHUYẾN CÁO

- Khi kiểm tra bánh xe, phải chú ý đặc biệt đến, áp suất, sỏi hoặc đinh trong các đường rãnh gai hoặc kẹt vào giữa các bánh đôi, vết nứt hoặc các hư hỏng khác trên bề mặt bánh xe; tình trạng mòn không đều…

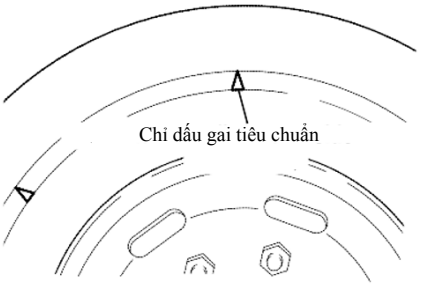

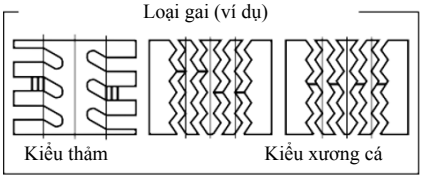

Gai Lốp Xe Và Dấu Mòn Bất Thường

Dùng lốp xe mòn rất nguy hiểm vì chúng dễ bị đâm thủng hoặc nổ khi lái. Hãy kiểm tra tất cả các lốp xe để xem có vết mòn xuất hiện trên các gai và kiểm tra toàn bộ các gai bằng dụng cụ đo chiều sâu rãnh để bảo đảm các rãnh không sâu hơn độ sâu chỉ định.

Một bánh xe có vết mòn ở rãnh gai cần phải được thay thế. Cũng phải cần kiểm tra độ mòn không đều hoặc các độ mòn bất thường khác ở bánh xe.

CHÚ Ý

- Các lốp xe có độ sâu rãnh gai quá cạn sẽ khiến dễ trượt trên nước khi lái xe với tốc độ cao.

LƯU Ý

- Sự trượt nước xảy ra khi xe chạy ở tốc độ cao trên đường trơn ướt, lúc này một lớp nước sẽ hình thành giữa bề mặt đường và bánh xe khiến bánh xe bị trượt. Sự trượt nước khiến tài xế giảm mất điều khiển và không thể giảm tốc độ xe.

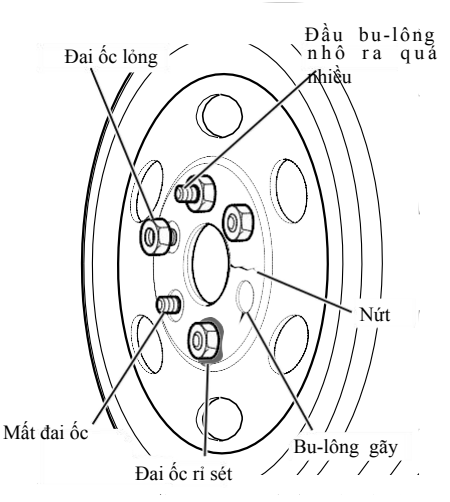

Kiểm Tra Bằng Mắt Tình Trạng Bánh Xe

Kiểm tra bằng mắt tình trạng mâm bánh xe.

1. Kiểm tra xem các đai ốc và -bu lông có bị mất hay không.
2. Kiểm tra xe có vết rỉ nào ở các đai ốc hay không. Cũng phải kiểm tra mâm xe để tìm vết nứt hoặc hư hỏng khác.
5. Kiểm tra các độ dài đầu bu-lông ở mỗi bánh xe để xem đai ốc có bị lỏng hay không. Sự nhô ra phải đều đặn giữa các đầu bu-lông trên một bánh xe và giữa tất cả các bánh xe

CHÚ Ý

- Bất kỳ sai sót nào khi lắp ráp bánh cũng sẽ khiến dẫn đến các lỗi sút đai ốc, bu-lông hoặc gãy bu-lông.

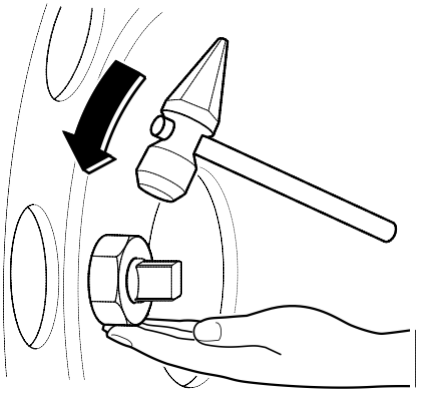

Kiểm Tra Tình Trạng Đai Ốc Bằng Búa Kiểm Tra

Đặt ngón tay bên dưới mỗi đai ốc bánh xe và dùng búa kiểm tra gõ trên phần thẳng của đai ốc theo hướng siết chặt.

Có thể có lỗi ở đai ốc và đầu ốc của nó nếu như chấn động bạn cảm thấy bằng tay khác với các đai ốc khác hoặc nếu âm thanh phát ra trong trẻo.

CHÚ Ý

Nếu thấy tình trạng bất thường nào về đai ốc và đầu bu-lông khi kiểm tra, rất có thể bu-lông bị lỏng hoặc đầu bu-lông bị gãy.

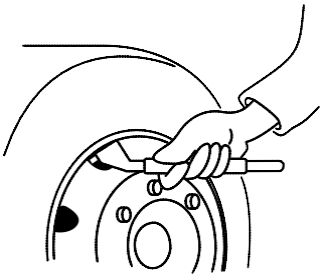

Áp Suất Hơi Tại Bánh Dự Phòng

Giữ cho áp suất hơi ở bánh dự phòng hơi cao hơn áp suất tiêu chuẩn. Điều chỉnh lại áp suất cho đúng khi dùng. Lốp xe sẽ bị nóng sau khi lái, và áp suất hơi của chúng cũng tăng cao theo.

Phải đợi một lát sau khi lái để điều chỉnh áp suất hơi, xác định áp suất tiêu chuẩn để chỉnh bằng cách thêm vào 20k Pa (0,2kgf/cm 2 /3psi) so với áp suất tiêu chuẩn.

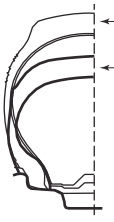

Sử Dụng Lốp Thành Thấp

Lốp thành thấp có thể tích không khí chứa nhỏ hơn 20%-30% so với lốp thông thường. Do đó khi có sự cố, lốp thành thấp sẽ mau hết hơi hơn. Vì vậy cần kiểm tra áp suất lốp thường xuyên hơn.

Lốp Xe Đã Sử Dụng Lâu Ngày

Lốp xe được chế tạo bằng cao su có đặc tính thay đổi dần vì lão hóa qua thời gian (dù là được tồn trữ dùng làm bánh xe dự phòng).

Lốp xe phải được kiểm tra độ lão hóa sau khi dùng khoản từ năm đến bảy năm nếu được dùng liên tục.

Quy Trình Đảo Lốp Xe

CHÚ Ý

- Khi tháo bánh xe, phải đảm bảo kiểm tra đầu bu-lông bánh xe, các đai ốc và mân bánh xe.
- Nếu thấy có tình trạng bất thường nào, đừng tiếp tục dùng bánh xe này. Hãy sớm liên hệ với đại lý Isuzu gần nh.ất

Bánh xe ở các vị trí khác nhau thì mòn khác nhau. Để làm cho vỏ xe mòn đều và kéo dài tuổi thọ bánh xe, cần phải hoán đổi vị trí bánh xe thường xuyên.

Phải dùng bánh xe cùng loại trên cùng trục xe. Nếu bạn gắn bánh xe khác loại trên cùng trục xe, xe có thể lệch trái hoặc lệch phải khi bạn đạp phanh.

Bánh mới dễ tăng nhiệt độ và mòn nhanh hơn bánh cũ, vì vậy chúng cần được gắn vào trục trước nơi chịu ít tải trọng hơn.

Nếu có sự khác biệt về đường kính giữa bánh trong và ngoài của xe bánh đôi, hãy gắn bánh có đường kính nhỏ hơn bên trong.

Sự khác biệt về đường kính của bánh xe đối với xe bánh đôi cần phải nằm trong mức quy định của bảng bên dưới. Nếu vượt quá giới hạn này, bánh xe sẽ mòn nhanh hơn.

[Model bánh đơn]

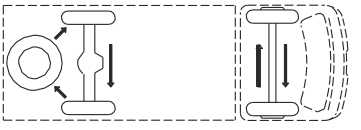

[Model với bánh dự phòng phía sau]

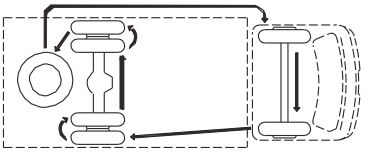

[Model xe lườn thấp]

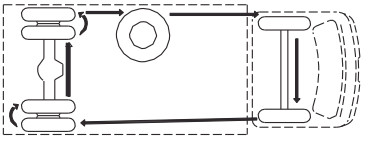

[Model với bánh dự phòng bên hông]

CHÚ Ý

- Nếu kích cỡ bánh trước và bánh sau chênh lệch quá lớn, đừng tiến hành đảo lốp trước và sau với nhau. Điều này là cực kì nguy hiểm vì các bánh có kích cỡ nhỏ sẽ không chịu nổi tải trọng và dẫn đến hư hỏng.

KHUYẾN CÁO

- Lực siết đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay bánh xe. Sau khi lái từ 50-100km (31 đến 62 mile) với bánh xe đã thay, hãy siết lại các đai ốc bánh xe theo lực siết chỉ định trong phần hướng dẫn “Siết lại đai ốc bánh xe” trong chương này.

Siết Lại Đai Ốc Bánh Xe → Tham khảo trang 7-89

Thay Bánh Xe

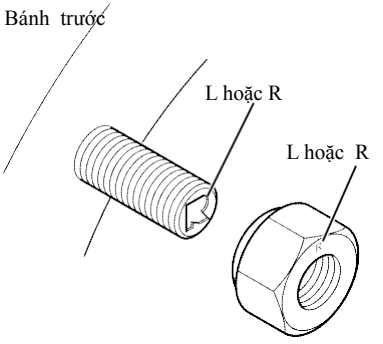

Chỉ thay bánh xe sau khi đậu xe trên bề mặt đường bằng phẳng và đã kiểm tra an toàn khu vực xung quanh.

Sử Dụng Con Đội→ Tham khảo trang 7-172

Mỗi đai ốc ở bánh bên phải có đánh dấu chữ “R” hoặc " R ", và các đai ốc bánh bên trái có đánh dấu chữ "L" hoặc " L ".

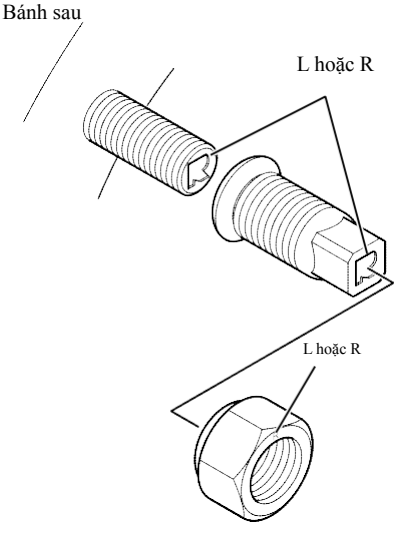

Chuẩn Bị

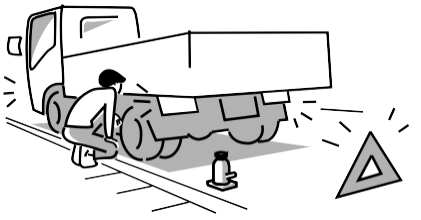

Khi đậu xe để thay bánh xe, hãy chọn một nơi:

- Xe không cản trở giao thông.
- Bề mặt bằng phẳng và cứng.
- Có thể thay bánh xe an toàn.

Khi thay bánh xe trên đường, phải dùng đèn báo nguy và bảng phản quang để cảnh báo các xe khác về sự hiện diện của xe bạn.

Cài chặt cần phanh tay. Dùng vật chêm hoặc đá, gỗ để chêm cả mặt trước và sau của bánh xe ngược nhau theo đường chéo đối với bánh xe cần thay.

CHÚ Ý

- Nếu xe có trang bị tính năng ABS, bánh xe thay thế cần có cùng kích cỡ và kiểu gai như bánh cũ.

Tháo Bánh Xe

CẢNH BÁO

- Luôn luôn cài đặt phanh tay và chêm đúng các bánh xe trước khi nâng xe. Nếu chỉ cài phanh tay thì không đủ ngăn xe di chuyển. Khi bánh xe được đội lên, xe chỉ cài phanh tay sẽ di chuyển gây ra tình trạng nguy hiểm.
- Không bao giờ mở cửa hay khởi động động cơ khi đang đội xe. Đừng thử nhìn bên dưới hoặc chui vào bên dưới xe. Điều này rất nguy hiểm.
- Để tránh nguy hiểm trong trường hợp con đội bị trượt, đặt bánh xe dự phòng đã tháo ra gần con đội bên dưới xe.

CHÚ Ý

- Bánh xe rất nặng. Hãy xoay trở cẩn thận để tránh bị thương khi tháo và lắp bánh xe.
- Đừng chạm vào ống xả ngay sau khi dừng xe vì rất nóng.

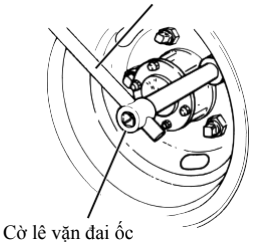

1. Cài chặt phanh tay khi thay bánh trước, hãy chêm bánh sau theo đường chéo ngược lại với bánh trước. Khi thay bánh sau, hãy chêm bánh trước theo đường chéo ngược với bánh sau.
3. Áp chặt đầu con đội vào điểm đội.
4. Nâng xe lên vừa đủ để bánh xe hở khỏi mặt đường.
5. Dùng cờ lê vặn đai ốc bánh xe, tháo lỏng đai ốc bánh xe vừa đủ để bánh xe vẫn còn vị trí ổn định. Đừng tháo hẳn đai ốc bánh xe.

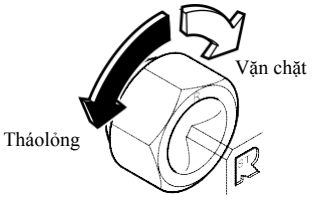

Bánh Phải: Đai ốc có kí hiệu R

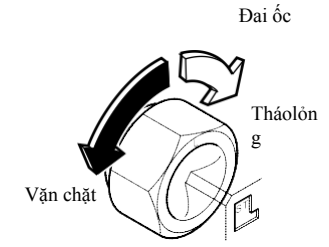

Bánh Trái: Đai ốc có kí hiệu L

5. Đội xe để bánh hở khỏi mặt đường hoàn toàn.
6. Tháo tất cả các đai ốc bánh xe đã được nới lỏng, rồi sau đó tháo bánh xe. Tháo bánh xe cẩn thận để không làm hư các rãnh đầu ốc.
9. Khi tháo một trong hai bánh sau, trước tiên là tháo đai ốc khỏi bánh ngoài, rồi tháo bánh xe đó. Sau đó, hạ xe xuống và tháo lỏng đai ốc bánh xe trong.
11. Nâng xe lên trở lại, và rồi tháo bánh trong.
12. Hãy kiểm tra các phần sau: mâm xe có bị biến dạng hay có vết nứt; trục xe có bị mòn quá ở chỗ gắn mâm và đầu ốc và các đai ốc có bị hư rãnh. Nếu tìm thấy có sự bất thường nào ở các phần trên, hãy kiểm tra tất cả các phần khác và thay mới các phần .hư

Các Điểm Để Đội Bánh Trước → Tham khảo trang 7-112
Các Điểm Để Đội Bánh Sau → Tham khảo trang 7-112

Gắn Bánh Xe

CẢNH BÁO

1. Một mâm xe, đầu bu -lông hoặc đai ốc bánh xe có tình trạng bất thường dễ gây gãy, khiến bánh xe bị sút khi đang hoạt động.
2. Đừng sơn lại các mặt phẳng tiếp giáp, các mặt phẳng giữ đai ốc và mặt phẳng gần vào trục của mâm bánh xe. Lớp sơn dày có thể làm lỏng bu-lông và gãy đầu bu-lông bánh xe.

CHÚ Ý

3. Chỉ thay bánh xe khi bánh đã hở khỏi mặt đất. Nếu không, bánh xe gắn vào sẽ không đúng cách và hoạt động của xe sẽ bị ảnh hưởng xấu.
4. Loại bỏ bùn và rỉ sét khỏi bề mặt gắn vào trục bánh hoặc các bề mặt tiếp giáp giữa bánh xe. Nếu không, bánh xe có thể bị lỏng khi lái.

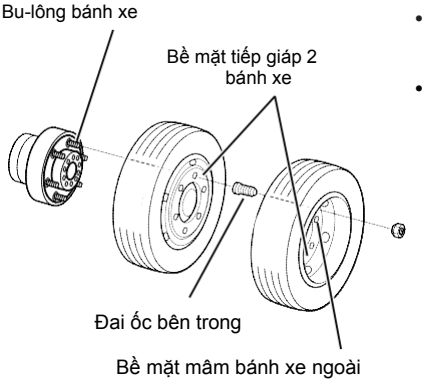

1. Hãy kiểm tra mâm bánh xe để tìm các tình trạng sau:
- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác xung quang lỗ đầu bu-lông và các lỗ then hoa.
- Vết nứt hoặc hư hỏng khác hoặc sự biến dạng các mặt giữ đai ốc bánh xe.
- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác trên mối hàn.
- Mòn hoặc các hư hỏng khác trên mặt gắn vào trục xe hoặc mặt tiếp giáp giữa các bánh xe.

2. Kiểm tra đầu bu-lông và các đai ốc bánh xe:
- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác.
- Độ dài của đầu bu-lông hoặc vết rỉ sét quá mức.
- Các đường gai bị gãy, mòn, dính chặt vào nhau.

CHÚ Ý

- Loại bỏ rỉ sét và vết dơ khỏi đầu bu-lông và đai ốc bánh xe, nhẹ nhàng bôi trơn các răng ốc bằng dầu nhớt, dầu mỡ hoặc các dung dịch trợ lực lái và vặn đai ốc trên đầu bu-lông. Nếu đai ốc không xoay nhẹ, các ren bu -lông đã bị hư.
- Nếu có đầu bu-lông nào bị gãy, hãy thay cả bộ bu-lông và đai ốc bánh xe.
- Nếu ren bu-lông bị hư, hãy thay cả bộ bu-lông và đai ốc bánh xe.

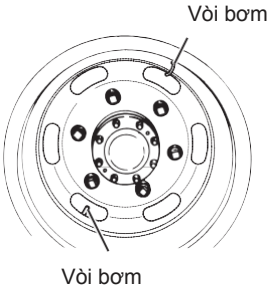

3. Loại bỏ rỉ sét, bụi và bùn khỏi mặt lắp mâm, mặt lắp vào trục hoặc các mặt tiếp giáp giữa bánh xe, và các mặt giữ đai ốc xe trên mâm, và khỏi các ren bu-lông và đai ốc.

CHÚ Ý

- Rửa mâm bánh xe để loại bỏ bụi và rỉ sét khỏi mặt tiếp giáp, mặt lắp trục, mặt nối cầu. Cũng rửa sạch các mặt hông trên mỗi đai ốc.
- Nếu bạn vặn chặt đai ốc bánh xe mà không loại bỏ bụi và rỉ sét thì sau này đai ốc không thể nới lỏng và bánh xe có thể bị sút khi đang lái.

4. Khi gắn bánh xe, nhớ canh chỉnh sao cho bu-lông bánh xe lọt vào lỗ đầu bu-lông trên mâm.

   Khi gắn bánh sau hãy đặt bánh ngoài sao cho vòi bơm có góc 180^0 so với vòi bơm của bánh trong để có thể bơm cả hai bánh.

5. Vặn đai ốc bằng tay cho đến khi nó chạm vào bề mặt của mâm, sau đó vặn chặt bằng tay tất cả các đai ốc cho đến khi bánh xe được giữ đúng vị trí không bị lỏng lẻo. Úp mặt đai ốc vào bên trong.
6. Vặn bu-lông chỉnh con đội theo chiều kim đồng hồ để hạ xe từ từ.
7. Vặn đai ốc bánh xe theo đường chéo và cách khoảng. Khi lắp bánh sau, hãy vặn chặt các đai ốc bánh trong trước rồi đến các đai ốc bánh ngoài.

Vặn tuần tự đai ốc bánh xe

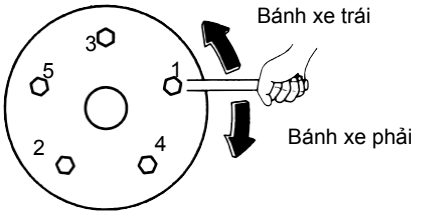

Bánh xe có 5 đai ốc

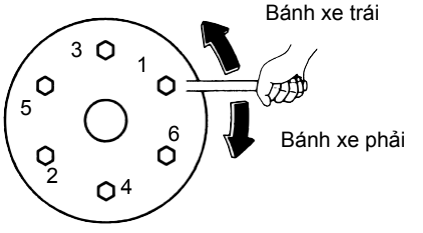

Bánh xe có 6 đai ốc

CHÚ Ý

- Một số cờ-lê có sẵn ở thị trường tạo ra lực siết cao hơn lực siết chỉ định để vặn chặt đai ốc bánh xe. Nếu các đai ốc bánh xe được vặn chặt bởi loại cờ-lê này, các đầu bu-lông có thể bị gãy. Trước khi dùng súng hơi để mở đai ốc, hãy kiểm tra lực siết của nó có phù hợp với chỉ định hay không.

Khi dùng súng hơi, hãy điều chỉnh cẩn thận áp suất khí và chọn thời gian siết. Bước cuối cùng là siết đai ốc theo lực siết chỉ định bằng cần siết lực.

8. Sau cùng, siết chặt tất cả các đai ốc bằng cờ-lê với lực siết tiêu chuẩn. Phải siết chặt các đai ốc bánh trong phía sau trước khi siết các đai ốc bánh ngoài phía sau. Ngay khi bạn chỉ thay bánh sau bên ngoài.

Loại	Lực siết	Số lượng	Lực siết	Số lượng
Bánh đơn	**140 - 200 N·m** (14 - 20 kgf·m/ **101 - 145 lb·ft**)	6	**140 - 200 N·m** (14 - 20 kgf·m/ **101 - 145 lb·ft**)	6
Bánh đôi	**450 - 550 N·m** (45 - 55 kgf·m/ **325 - 398 lb·ft)**	5	**450 - 550 N·m** (45 - 55 kgf·m/ **325 - 398 lb·ft**)	5

KHUYẾN CÁO

- Sau khi thay bánh xe, phải đánh tay lái theo hai hướng để bảo đảm rằng bánh xe không chạm vào các bộ phận khung gầm. Nếu bạn không rõ điều này xin hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.
- Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay bánh. Sau khi chạy 50-100 km (31 -62 dặm) với bánh mới thay, hãy siết chặt lại đai ốc bánh xe theo lực siết chỉ định của hướng dẫn trong phần “Siết lại các đai ốc bánh xe” trong chương này .

Siết Lại Đai Ốc Bánh Xe → Tham khảo trang 7-89

Siết Lại Đai Ốc Bánh Xe

Kiểm tra các đai ốc bánh xe để đảm bảo chúng đã được siết chặt theo lực siết tiêu chuẩn. Dùng phương pháp sau đây để kiểm tra độ lỏng các đai ốc bánh xe. Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay bánh. Sau khi lái từ 50 đến 100 km (31 đến 62 dặm), nhớ siết lại các đaiốc bánh xe theo lực siết tiêu chuẩn.

Loại	Lực siết	Số lượng	Lực siết	Số lượng
Bánh đơn	**140 - 200 N·m** (14 - 20 kgf·m/ **101 - 145 lb·ft**)	6	**140 - 200 N·m** (14 - 20 kgf·m/ **101 - 145 lb·ft**)	6
Bánh đôi	**450 - 550 N·m** (45 - 55 kgf·m/ **325 - 398 lb·ft)**	5	**450 - 550 N·m** (45 - 55 kgf·m/ **325 - 398 lb·ft**)	5

Siết lại đai ốc bánh đôi phía sau bên trái

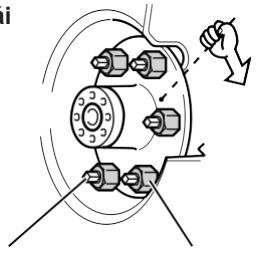

Đai ốc bánh trong Đai ốc bánh ngoài

Bánh Đơn

Vặn các đai ốc bánh xe theo hướng siết đúng với lực siết chỉ định.

Bánh Đôi

1. Tháo lỏng các đai ốc bánh ngoài.

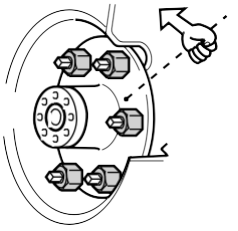

2. Vặn chặt các đai ốc bánh trong, theo lực siết tiêu chuẩn.

3. Kế tiếp vặn chặt các đai ốc bánh trong, theo lực siết tiêu chuẩn.

CẢNH BÁO

- Nếu thấy có bất thường nào về đai ốc bánh xe như thường xuyên lỏng ra sau khi đã siết chặt, hãy đưa xe đến kiểm tra và sửa chữa sớm tại đại lý Isuzu gần nhất..

CHÚ Ý

- Siết chặt đai ốc theo lực siết tiêu chuẩn. Tuy nhiên, đừng dùng ống nối dài hoặc chân để đạp vào. Điều này sẽ tạo ra lực siết lớn hơn mức cần thiết và có thể gây hỏng.
- Nếu siết nhẹ hoặc siết quá mức các đai ốc có thể làm cho đầu bu-lông bị gãy hay nứt mâm xe khiến bánh xe bị sút. Hãy theo đúng lực siết tiêu chuẩn.
- Khi thay bánh xe mới chỉ dùng b ánh xe cùng loại và cùng kích cỡ, nếu không, việc lái xe sẽ không an toàn. Tránh tối đa việc dùng nhiều loại bánh xe có kích cỡ khác nhau.

Bánh Xe Dự Phòng

Sử dụng bánh xe dự phòng khi cần thay lốp tạm thời.

CẢNH BÁO

- Nếu không siết chặt dây xích giữ bánh xe dự phòng, bánh xe có thể tự rơi sút ra khi xe đang chạy trên đường.
- Rơi rớt bánh xe dự phòng rất nguy hiểm, có khả năng sẽ gây ra tai nạn trên đường

Kiểm Tra Bánh Xe Dự Phòng

1. Luôn kiểm tra bánh xe dự phòng đã được bắt chặt vào xe hay chưa mỗi khi sử dụng xong.
2. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu để sửa chữa thay thế pát treo bánh xe dự phòng nếu cần thiết.

Tháo Bánh Xe

Tháo rời dụng cụ tay quay, và đưa tay quay vào lỗ giá đỡ bánh xe dự phòng và vặn tay quay ngược chiều kim đồng hồ để tháo bánh xe.

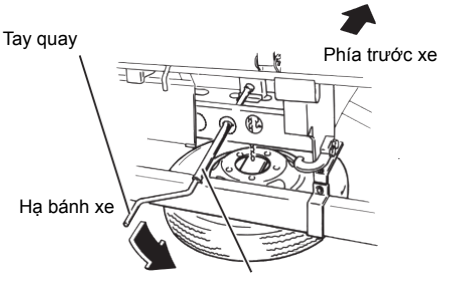

Bảo Quản Bánh Dự Phòng

Cất bánh xe dự phòng với mặt mâm hình nón hướng lên trên như trong hình. Nhét tấm kim loại chặn ở đâu dây xích vào lỗ giữa mâm xe và điều chỉnh vị trí của nó để bám chặt an toàn vào bánh xe dự phòng trước khi kéo căng dây xích.

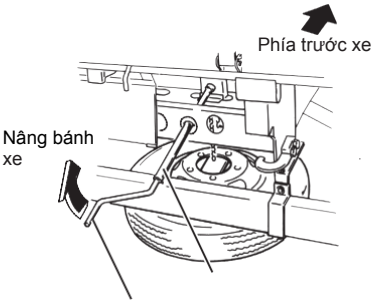

- Xoay tay quay tháo bánh xe dự phòng để căng dây xích với lực cỡ 196 N (20 kgf/44 lb) trên tay quay và bảo đảm rằng bánh xe dự phòng ở đúng chỗ một cách chắc chắn.
- Sau khi lắp bánh xe dự phòng, hãy kiểm tra xem nó có lỏng hay không bằng cách đạp mạnh vào bánh xe bằng chân. Nếu bánh xe lỏng hãy siết chặt lại. Nếu bạn không thể siết chặt bánh xe vào giá đỡ, đừng lái xe mà hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

Áp Suất Hơi Bánh Xe

Hãy kiểm tra áp suất hơi bánh xe dự phòng bằng đồng hồ đo áp suất tại các thời điểm chỉ định trong lịch bảo dưỡng.

Dùt bánh xe đã được bơm với áp suất tiêu chuẩn, áp suất của nó vẫn sẽ giảm dần dần qua thời gian do xì hơi. Do đó bạn nên bơm với áp suất cao hơn đôi chút so với áp suất tiêu chuẩn.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139

Bộ Ly Hợp M/T

CHÚ Ý

• Chở quá tải có thể làm trượt / hư hỏng ở các bộ phận trong hệ thống ly hợp.

Ở xe sử dụng hệ thống phanh thủy lực, bình dầu phanh ly hợp sử dụng chung cho cả hệ thống phanh.

Dầu Ly Hợp

CHÚ Ý

- Cẩn thận đừng để dính dầu ly hợp trên bề mặt sơn hoặc dính vào da bạn. Nếu dầu dính vào bề mặt sơn hoặc dính vào da, hãy rửa sạch dầu bằng nước và lau sạch ngay lập tức.
- Chỉ dùng dầu ly hợp theo chỉ định và thay nó theo đúng lịch bảo dưỡng.
- Dầu ly hợp dễ hấp thu khí ẩm. Hãy đóng chặt nắp bình chứa.
- Không dùng dầu ly hợp trộn lẫn với dầu các nhãn hiệu khác.
- Khi châm dầu ly hợp vào bình, hãy cẩn thận đừng để bụi hay nước lọt vào bình. Bụi hay nước có thể làm hoạt động ly hợp không tốt.
- Nếu dầu ly hợp tụt giảm nhanh, có thể có trục trặc trong hệ thống ly hợp hoặc đĩa ly hợp bị mòn quá mức cho phép. Hãy đem xe đến kiểm tra tại đai lý Isuzu gần nhất.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7 -139
Loại Dung Dịch, Chất Bôi Trơn Và Nhiên Liệu Nên Dùng → Tham khảo trang 7 -149

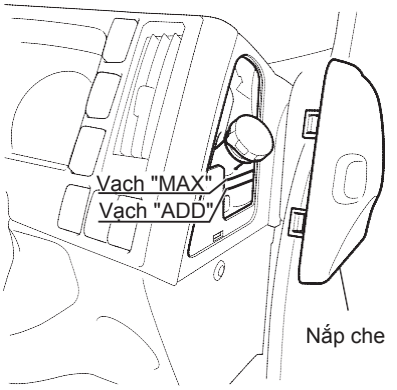

Kiểm Tra Mức Dầu Ly Hợp

Tháo nắp che phía bên phải của táp -lô. Phải xác định rằng mức dầu trong bình chứa nằm giữa vạch MAX và ADD.

Nếu không thấy được mức dầu, hãy lắc nhẹ xe.

Châm Thêm Dầu Ly Hợp

Nếu mức dầu ly hợp đã giảm dưới vạch ADD, hãy tháo nắp bình dầu ly hợp. Châm thêm dầu ly hợp vào cho tới vạch MAX .

⚠ CHÚ Ý

- Trước khi châm dầu vào bình, hãy lau sạch khu vực chung quang miệng và châm dầu ly hợp từ bình chứa sạch. Các vật lạ rơi vào bình sẽ dẫn đến hư hỏng hệ thống ly hợp.
- Dầu ly hợp làm chảy các vật liệu phủ sơn, các bộ phận xe bằng nhựa mềm và cao su. Nó cũng gây bào mòn trên kim loại. Nếu bị dính, hãy lau sạch vùng này ngay lập tức hoặc dùng nước để rửa.
- Đừng trộn lẫn dầu ly hợp với các nhãn hiệu dầu khác không được chỉ định. Do phản ứng hóa học, bất kỳ hỗn hợp dung dịch nào từ các nhãn hiệu khác nhau sẽ gây hư hỏng trong hệ thống ly hợp.

Thay Dầu Ly Hợp

Thay dầu ly hợp theo lịch bảo dưỡng bằng loại dầu chỉ định. Vì việc thay dầu ly hợp cần phải tháo một số chi tiết trên xe, cho nên hãy để đại lý Isuzu thực hiện việc này.

Xả Gió Hệ Thống Ly Hợp

Nếu không khí có trong hệ thống ly hợp, bộ ly hợp có thể không ngắt nhả hoàn toàn. Hãy xả gió hệ thống khi lượng dầu trong bình quá thấp hoặc do các đường ống của bộ ly hợp bị tháo ra trong quá trình bảo dưỡng. Đừng tự thực hiện xả gió; nên làm cùng với sự giúp đỡ của người khác.

1. Chêm bánh xe và cài chắc phanh tay.
2. Kiểm tra mức dầu ly hợp trong bình chứa và châm thêm dầu theo yêu cầu.
3. Tháo nắp cao su ra khỏi nút xả gió trên xy lanh ly hợp. Lau sạch nút xả gió.
4. Nối một đầu ống nhựa mềm vào nút xả, đầu kia vào bình chứa trong suốt. Châm dầu ly hợp vào bìnht chứa đến khoảng 1/3 dung tích của nó.

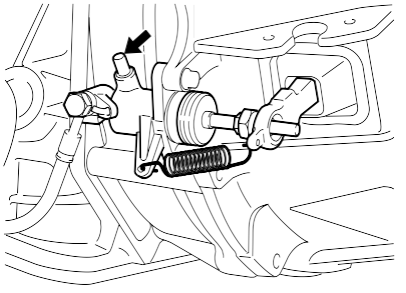

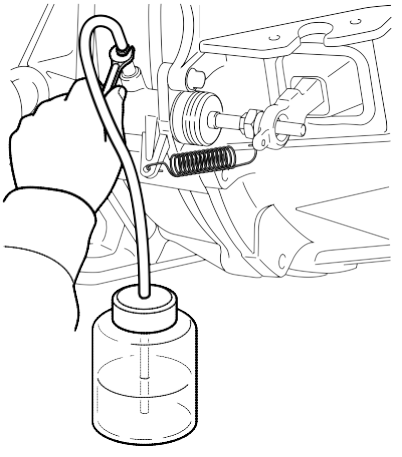

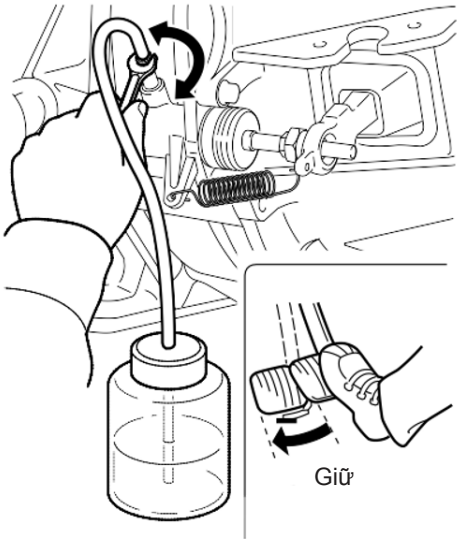

5. Đạp bàn đạp ly hợp vài lần và giữ bàn đạp ấn xuống.
6. Vặn lỏng nút xả gió để thấy các bọt khí chạy vào bình chứa; sau đó siết chặt nút xả gió ngay.
7. Hãy nhả bàn đạp ly hợp từ từ. Lặp lại bước 5 và 6 cho đến khi dầu từ đường ống không còn bọt khí nữa. Sau khi xả, hãy gắn nắp cao su vào vị trí.

CHÚ Ý

Trong lúc xả gió, luôn quan sát và đảm bảo mức dầu ly hợp trong bình chứa không nằm dưới vạch "ADD".

Bàn Đạp Ly Hợp

Đĩa bố ly hợp sẽ mòn trong quá trình sử dụng và điều này khiến hành trình tự do của bàn đạp ly hợp bị giảm. Nếu bạn tiếp tục dùng bộ ly hợp đó, bộ ly hợp dễ bị trượt. Mặt khác, việc ngắt ly hợp sẽ kém đi, làm cho việc sang số khó khăn.

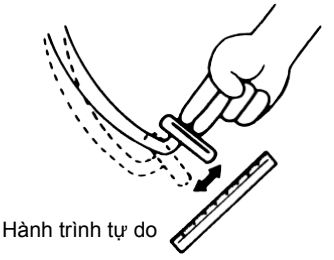

Kiểm Tra Bàn Đạp Ly Hợp

1. Nhấn nhẹ bàn đạpl ly hợp bằng tay cho đến khi bạn cảm thấy bị vướng lại.

   Khoảng cách di chuyển của bàn đạp đến điểm này là hành trình tự do.

Hành trình tự do bàn đạp ly hợp
15 - 25 mm (0.59 - 0.98 in)

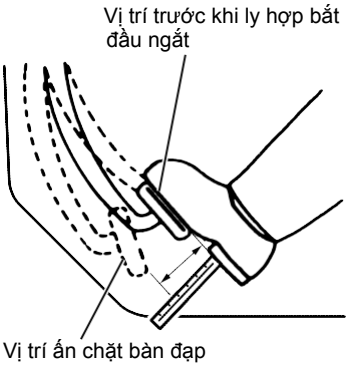

2. Phải xác định cần phanh tay được cài chặt. Hãy khởi động và cho động cơ chạy cầm chừng, rồi sau đó đạp hết mức vào bàn đạp ly hợp.

3. Di chuyển cần số về số 1 và nhả bàn đạp từ từ. Bàn đạp ly hợp bình thường nếu khoảng cách từ vị trí ấn chặt cho đến vị trí ngay trước khi bộ ly hợp ngắt là 20mm (0,79 in) hoặc hơn.

   Ngoài ra cũng cần kiểm tra bộ ly hợp có ngắt nhả một cách êm ái hay không khi xe di chuyển từ từ.

KHUYẾN CÁO

• Hãy nhả bàn đạp ly hợp cẩn thận để tránh xe vọt chạy bất thình lình.

Nhớt Hộp Số

Hãy thay nhớ hộp số theo lịch bảo dưỡng.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-203

KHUYẾN CÁO

- Chỉ dùng lượng nhớt như hướng dẫn bên dưới khi thay nhớt hộp số. Sau khi thay nhớt phải bảo đảm nhớt ở đúng mức yêu cầu.
- Nhớt thải ra phải được xử lý theo đúng quy định của nhà nước.

Dung tích nhớt cần thay

Dung tích nhớt **Lít** (US gal./**Imp gal.**)
2.7 (0.71/**0.59**)

Kiểm Tra Mức Nhớt

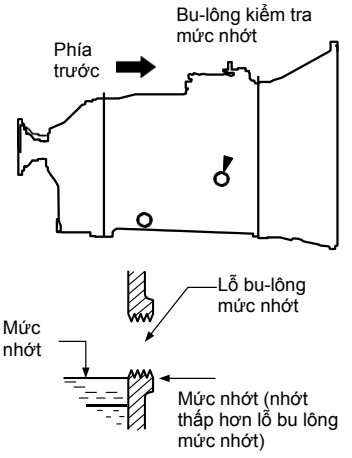

Tháo bu- lông kiểm tra mức nhớt.

1. Kiểm tra mức nhớt cao hơn hay thấp hơn lỗ bu-lông mức nhớt.

   Mức nhớt đúng nằm trong khoảng 0 và 10mm (0 và 0,39 in) cạnh lỗ bu-lông mức nhớt.

   Nếu mức nhớt quá thấp hãy châm nhớt qua lỗ bu-lông mức nhớt.

2. Siết bu-lông mức nhớt theo chiều chỉ định.

   Đồng thời kiểm tra sự rò rỉ nhớt của hộp số.

Lực siết bu-lông
49 N·m (5.0 kgf·m/**36 lb·ft**)

KHUYẾN CÁO

Bất kì vết bẩn nào trên bu-lông cũng phải được lau sạch trước khi gắn lại.

Thay Nhớt

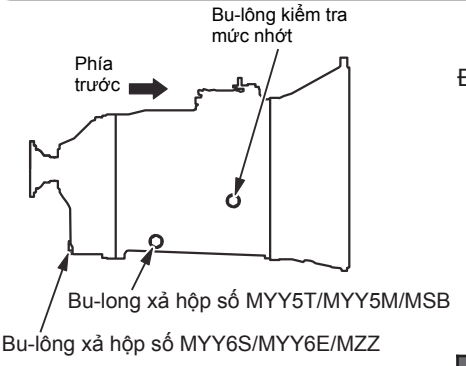

Đặt khay chứa dưới bu-lông xả để xả nhớt.

1. Tháo cả bu-lông mức nhớt.
2. Sau khi gắn bu-lông xả bằng cách vặn theo lực siết chỉ định, châm nhớt vào hộp số qua lỗ mức nhớt cho đến cạnh dưới của lỗ.

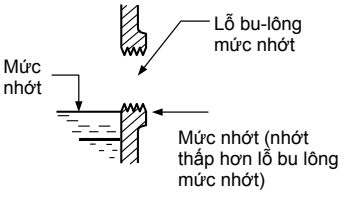

Lực siết bu-lông mức nhớt
49 N·m (5.0 kgf·m/**36 lb·ft**)

KHUYẾN CÁO

- Vết bẩn trên bu-lông cần được lau sạch trước khi gắn vào.

3. Sau khi châm thêm phải kiểm tra mức nhớt cao lên cạnh dưới lỗ mức nhớt.

4. Gắn bu-lông mức nhớt bằng cách siết theo lực chỉ định.

   Kiểm tra xem nhớt có rò rỉ hay không

KHUYẾN CÁO

- Vỏ hộp số được làm bằng nhôm. Vì vậy phải cực kỳ cẩn thận không siết bu-lông mức nhớt và bu-lông xả quá mức. Nếu không đường ren bu-lông sẽ bị hư.

Nhớt Cầu Sau

Mức nhớt cầu sau phải được kiểm tra và thay mới theo lịch bảo dưỡng.

KHUYẾN CÁO

- Chỉ dùng lượng nhớt chỉ định bên dưới phần này như cách hướng dẫn khi thay nhớt .
- Sau khi thay nhớt phải bảo đảm nó ở đúng mức quy định.
- Nhớt thải ra phải được loại bỏ theo đúng qui định của nhà nước.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7 -139

Kiểm Tra Mức Nhớt

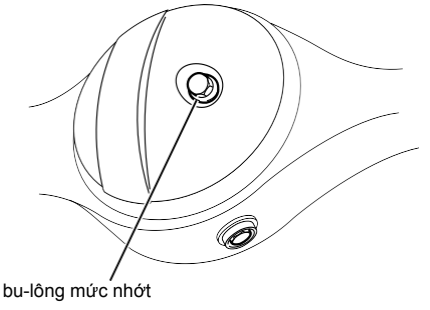

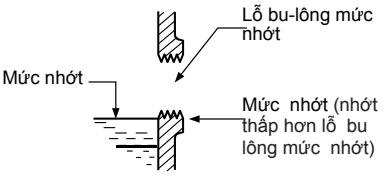

1. Tháo bu-lông mức nhớt.
2. Kiểm tra mức nhớt có lên đến cạnh dưới của lỗ bu-lông mức nhớt hay không.

   Nếu mức nhớt quá thấp hãy châm thêm nhớt qua lỗ bu-lông mức nhớt.
3. Siết chặt bu- lông mức nhớt theo lực siết tiêu chuẩn.

Lực siết tiêu chuẩn
78.4 N·m (8.0 kgf·m/**58 lb·ft**)

KHUYẾN CÁO

- Lau sạch mọi bụi bẩn trên bulong nhớt trước khi gắn lại vào máy.

Thay Nhớt Cầu Sau

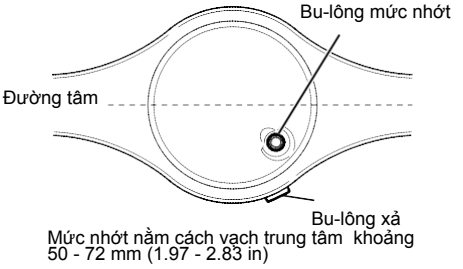

1. Đặt khay chứa dưới bu-lông xả để xả nhớt.
2. Tháo bu-lông xả để xả nhớt vào khay chứa.
3. Siết chặt lạl bu-lông xả vớl lực siết tiêu chuẩn, châm thêm nhớt vào đến mức như hình vẽ minh họa.

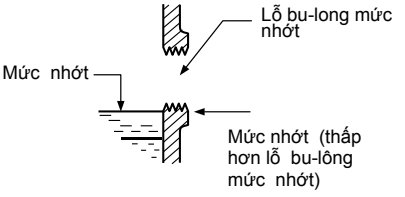

Lực siết tiêu chuẩn của bu-lông xả
78.4 N·m (8.0 kgf·m/**58 lb·ft**)

KHUYẾN CÁO

• Phải lau sạch các vết bẩn trên bu-lông trước khi gắn

4. Sau khi châm, cần kiểm tra lại mức nhớt.
5. Gắn và siết chặt bu-lông mức nhớt theo lực siết tiêu chuẩn.

Lực siết tiêu chuẩn của bu-lông xả
78.4 N·m (8.0 kgf·m/**58 lb·ft**)

Dung tích nhớt cầu sau

Thông số	Dung tích nhớt [tham khảo]
Bánh răng vành chậu ϕ244 mm	**2.7 lít** (0.71 US gal./**0.59 Imp gal.**)
Bánh răng vành chậu ϕ292 mm	**3.0 lít** (0.79 US gal./**0.66 Imp gal.**)

KHUYẾN CÁO

• Chỉ sử dụng đúng loại nhớt được Isuzu khuyến cáo.

Loại Dung Dịch, Chất Bôi Trơn Và Nhiên Liệu Nên Dùng
→ Tham khảo trang 7-149

Tay Lái

Kiểm Tra Tay lái

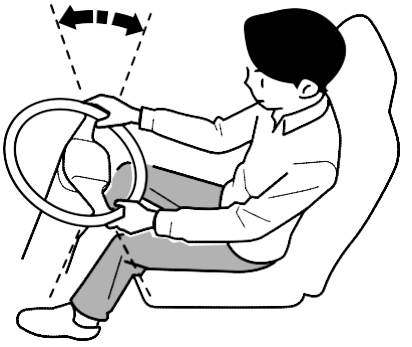

Để động cơ hoạt động cầm chừng, để thẳng tay lái, sau đó dùng hai tay nắm lắc nhẹ qua trái và phải để kiểm tra độ rơ tay lái như hình minh họa.

Độ rơ tay lái tiêu chuẩn
10 - 50 mm (0.39 - 1.97 in)

Nắm chặt tay lái bằng hai tay, sau đó nắm lắc tay lái theo hướng lên, xuống, trái phải để kiểm tra xem có bị rơ lỏng hay không. Khi chạy xe trên đường cũng phải đồng thời kiểm tra việc tự động hồi trả tay lái sau khi đánh lái.

CHÚ Ý

- Nếu phát hiện tay lái có bất kì hiện tượng gì bất thường, hoặc độ rơ quá mức cho phép, hãy mang xe đến kiểm tra tại các đại lý Isuzu gần nhất.

Dầu Trợ Lực Lái

Mức dầu trợ lực lái phải được kiểm tra và thay theo lịch bảo dưỡng.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139

Kiểm Tra Mức Dầu Trợ Lực Lái

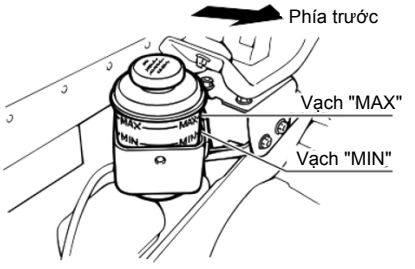

Mức dầu đúng nếu nằm giữa vạch MAX và MIN trên bình dầu. Nếu mức này thấp hơn vạch MIN, hãy châm thêm cho đến vạch MAX.

Bình chứa được đặt phía sau cabin bên phải. Khi bạn kiểm tra xong mức dầu, hãy vặn chặt nắp đậy.

CHÚ Ý

- Trước khi châm thêm dầu hãy lâu sạch khu vực quanh nắp và chế nhớt từ bình sạch hoặc qua bộ lọc. các vật lạ lọt vào bình sẽ gây hư hỏng hệ thống trợ lực lái.
- Đừng trộn lẫn dầu nhớt trợ lực lái theo chỉ định với các loại nhớt nhãn hiệu khác. Do phản ứng hoá học các dung dịch nhãn hiệu khác nhau sẽ gây hỏng hệ thống.

Thay Dầu Trợ Lực Lái

Dạng thước lái

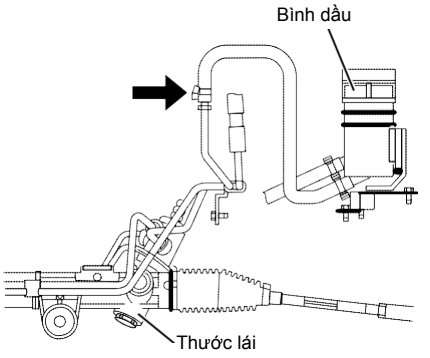

Dạng bốt lái

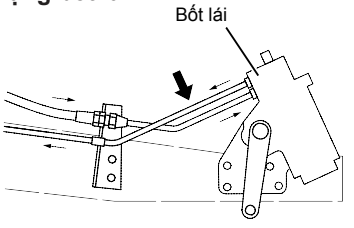

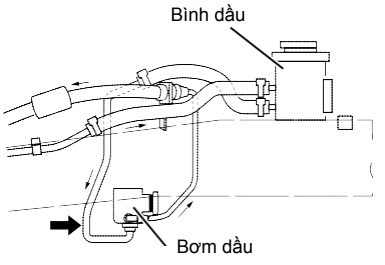

Xả dầu

1. Cài chặt phanh tay và chêm các bánh sau.
2. Kê con đội chắc chắn vào bên dưới xe.
3. Nâng xe cho đến khi bánh trước hoàn toàn hở khỏi đất
4. Tháo ống dầu giữa thước lái/ bốt lái và bình dầu cũng như ống nhựa nằm giữ bơm và bình, rồi xả dầu trợ lực lái ra.
5. Khi dầu trợ lực lái đã xả hết hoàn toàn, hãy đánh lái hở mức qua bên trái và phải vài lần để đẩy hết dầu còn sót trong đường ống.

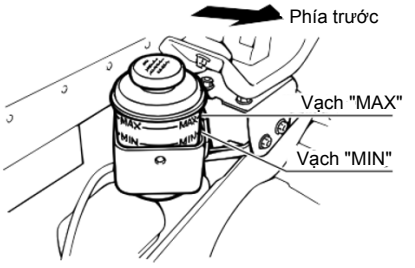

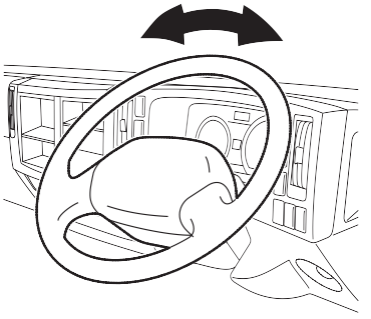

Châm Thêm Dầu

1. Gắn trở lại các đường ống dầu, sau đó châm nhớt vào bình bằng loại dầu trợ lực lái theo chỉ định.
3. Khi bình chứa đầy dầu lên đến mức chỉ định, hãy đợi khoảng 2 - 3 phút để mức dầu cân bằng.
3. Đừng khởi động động cơ, hãy đánh lái hết mức cả 2 chiều vài lần.
4. Hạ xe và khởi động động cơ. Trong khi động cơ hoạt động ở chế độ cầm chừng, hãy đánh lái hết mức theo hai hướng nhiều lần. Nếu bạn không nghe âm thanh bất thường nào, có nghĩa hệ thống đã xả gió hoàn chỉnh.

CHÚ Ý

- Trong khi châm dầu, hãy tuân thủ các nguyên tắc để ngăn đừng cho không khí lọt vào hệ thống thuỷ l.ực

Xả Gió

Nếu bạn nghe âm thanh bất thường nào khi đánh lái, có nghĩa đã có không khí lọt vào hệ thống thuỷ lực. Hãy làm các bước sau để xả gió hệ thống.

1. Cài chặt phanh tay và chèn các bánh sau.
2. Kê con đội chắc chắn vào xe.
3. Nâng xe cho đến khi bánh trước hoàn toàn hở khỏi mặt đất.

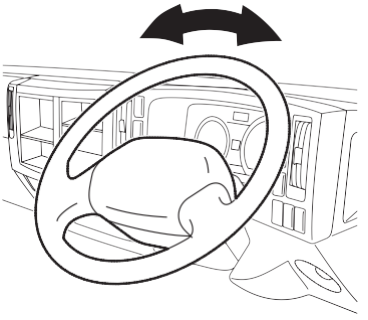

4. Hãy khởi động động cơ. Đánh hết lái vài lần về hai phía.
5. Hạ xe xuống. Để động cơ hoạt động và đánh hết lái vài lần về cả hai hướng. Nếu bạn không nghe âm thanh bất thường nào, hệ thống đã được xả gió hoàn chỉnh. Nếu bạn còn nghe âm thanh bất thường điều này có nghĩa là còn không khí bên trong hệ thống trợ lực lái. Để loại bỏ không khí còn sót lại bên trong hệ thống, hãy đánh hết lái vài lần về cả hai hướng để tăng nhiệt độ. Khi nhiệt độ dầu đã tăng lên khoảng từ 60 - 800C, hãy dừng động cơ và đợi 5 phút (để không khí thoát ra khỏi nhớt có nhiệt độ cao).
6. Kiểm tra mức nhớt trong bình chứa và cũng nên kiểm tra các vòng đệm.
7. Thử lái xe trên đường để kiểm tra tay lái đánh êm ái và hệ thống không có phát ra âm thanh bất thường nào.

Mỡ Bạc Đạn Trục Bánh Xe

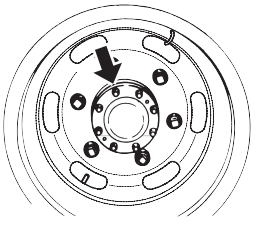

Vì việc vô mỡ bạc đạn trước và sau cần phải tháo và lắp bánh xe, hãy để đại lý Isuzu thực hiện việc này.

Vô Mỡ Các Bộ Phận Khung Gầm Xe

Các loại mỡ chỉ định để sử dùng cho các chi tiết khung gầm khác với mỡ dùng cho các bộ phận khác. Phải bảo đảm chỉ dùng loại mỡ chỉ định cho từng bộ phận và thực hiện việc vô mỡ theo lịch bảo dưỡng.

Lịch Bảo Dưỡng → Tham khảo trang 7-139

Loại Dung Dịch, Chất Bôi Trơn Và Nhiên Liệu Nên Dùng→ Tham khảo trang 7 -149

Đùm Trục (trái và phải) 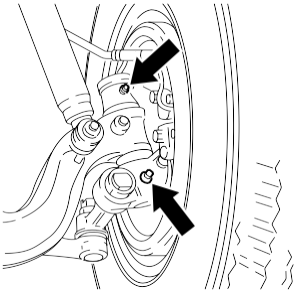	**Trục Truyền Động Các-Đăng** 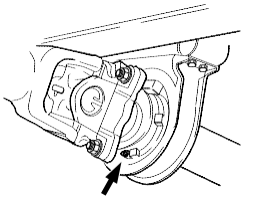
Trục truyền động 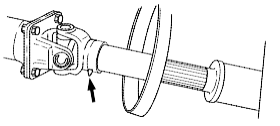	
Khớp nối cac-đăng 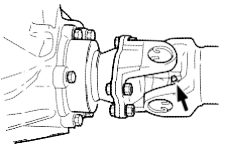 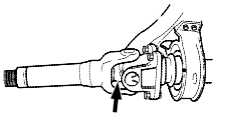	

KIỂM TRA VÀ BẢO DƯỠNG KHÁC

- Sử Dụng Con Đội 7-110
- Dung Dịch Nước Rửa Kính 7-114
- Cần Gạt Nước 7-115
- Đèn Chiếu Sáng Và Đèn Báo Rẽ 7-118
- Sử Dụng Bình Accu (Bình Điện) 7-119
- Lọc Điều Hòa Không Khí V 7-126
- Gas Lạnh V 7-128

Sử Dụng Con Đội

CẢNH BÁO

- Nâng xe bằng con đội có thể gây tai nạn nếu thực hiện trên mặt đất mềm hoặc không bằng phẳng. Phải bảo đảm rằng bạn luôn luôn tiến hành việc này trên bề mặt phẳng và cứng.
- Luôn luôn chắc phanh tay và chêm bánh xe đúng cách trước khi đội xe. Chỉ cài phanh tay không đủ để ngăn xe di chuyển; khi bánh sau được đội lên, xe chỉ cài phanh tay có thể di chuyển gây ra tình huống rất nguy hiểm.
- Phải bảo đảm không có người hoặc vật trên xe trước khi đội.
- Để bảo đảm an toàn, các cửa không bao giờ được mở ra và động cơ không khởi động khi tiến hành việc đội xe.
- Nếu cần làm việc dưới gầm sau khi đội lên, phải dùng mễ kê xe sau khi đội.
- Chỉ đặt con đội và đúng điểm được chỉ định. Thêm nữa cần phải chắc rằng nó tiếp xúc tốt với điểm cần đội .
- Để an toàn hơn trong trường hợp con đội bị trượt, khi bánh xe dự phòng đã được tháo ra, nên đặt nó bên dưới gần con đội.
- Trước khi sử dụng con đội, phải kiểm tra tình trạng con đội cũng như có dấu hiệu bị rò rỉ dầu bên trong con đội hay không.
- Con đội cấp theo xe chỉ nên dùng để thay bánh xe và tháo lắp bánh xe dự phòng. Để cho an toàn thêm, mỗi lần chỉ đội một bánh xe .
- Nếu dùng loại đội hai tầng và khi vạch dừng màu vàng hiện ra, hãy ngừng việc đội xe. Không chú ý cảnh báo này có thể khiến đội bị gãy.
- Không dùng cùng lúc nhiều con đội .
- Con đội kèm theo xe nào được chỉ định dùng riêng cho loại xe đó. Không dùng với loại xe khác hoặc không dùng loại đội của xe khác .
- Hãy vặn bu-lông xả của con đội từ từ. Vặn nhanh sẽ khiên xe rơi mạnh và con đội có thể bị trượt.

Sử Dụng Con Đội

Nâng Xe

1. Hãy đặt con đội ngay bên dưới điểm cần đội và bảo đảm rằng nó đứng thẳng.
   Con đội phải được đặt trên bề mặt phẳng và cứng.

Các Điểm Đội Bánh Trước → Tham khảo trang 7-112
Các Điểm Đội Bánh Sau → Tham khảo trang 7-112
Đội Xe Khi Bánh Trước Bị Xẹp → Tham khảo trang 7-113

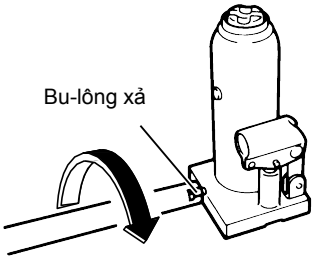

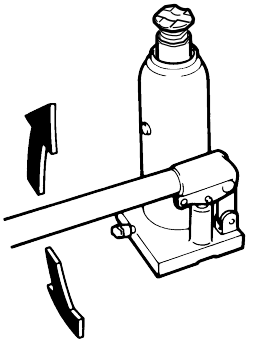

2. Vặn đầu con đội để nâng chiều cao của nó đến điểm đội. Vặn ngược chiều kim đồng hồ để nân.g
3. Đút tay đội vào khe. Trước khi đội, dùng đầu có khía của tay đội để vặn bu -lông xả về hết mức theo chiều kim đồng hồ.
4. Tăng chiều cao con đội lên dần dần bằng cách nâng hạ tay đội.
5. Phải xác định rằng con đội tiếp xúc tốt với điểm đội trước khi tiếp tục nâng xe.

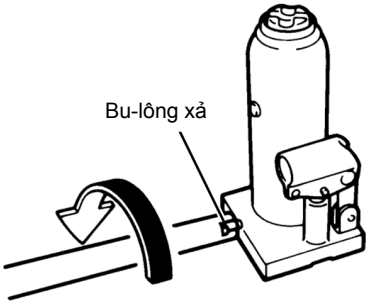

2. Từ từ vặn bu-lông xả ngược chiều kim đồng hồ để hạ xe.

KHUYẾN CÁO

- Đừng vặn bu-lông xả theo ngược chiều kim đồng hồ quá 2 vòng. Nếu không sẽ làm rò rỉ dầu bên trong con đội.

3. Khi xe đã được hạ thấp hoàn toàn, hãy vặn hết mực bu-lông xả theo chiều kim đồng hồ.
4. Hãy vặn đầu con đội theo chiều kim đồng hồ để hạ đầu con đội.

Các Điểm Đội Bánh Trước

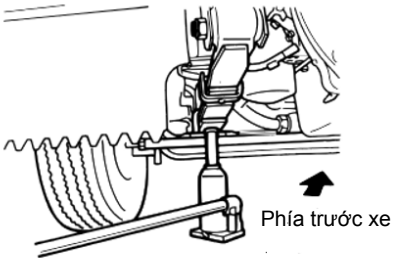

Kê con đội vào bệ nhíp trước.

Đội Xe Khi Bánh Trước Bị Xẹp

CẢNH BÁO

- Đặt con đội gần với trục trước.
- Gỗ chêm cần phải có độ dày phù hợp để giữ ổn định.
- Cần lưu ý đặt biệt khi đội xe, nếu đáy của nhíp lá bị cong lại. Đội có thể sẽ bị trượt có thể dẫn đến tình huống cực kỳ nguy hiểm.

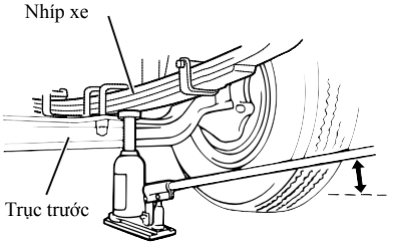

Không thể dùng các điểm đội bình thường trong trường hợp bánh trước bị xẹp. Bạn phải theo qui trình sau đây:

1. Chêm vào phía trước và sau của bánh sau xe
3. Áp con đội vào phần dưới của nhíp lá ngay trước trục trước và đội xe.
3. Chèm gỗ chêm bên trước trục t.rước
4. Hạ thấp con đội từ từ để chắc chắn an toàn lên rằng trục trước được gác gỗ chêm, nếu được vậy thì tiếp tục hạ thấp con đội.
5. Kế tiếp di chuyển con đội về điểm đội chỉ định và đội xe đến chiều cao cần thiết để tháo bánh.

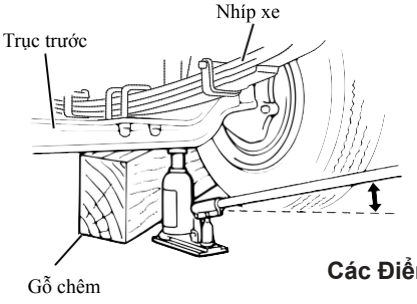

Các Điểm Đội Bánh Trước → Tham khảo trang 7-112

Dung Dịch Nước Rửa Kính

Cần Gạt Nước/ Phun Nước Rửa Kính

Kiểm tra mức dung dịch trong bình đựng nước rửa kính trước khi sử dụng. Đồng thời, cũng cần kiểm tra tình trạng phun nước rửa kính.

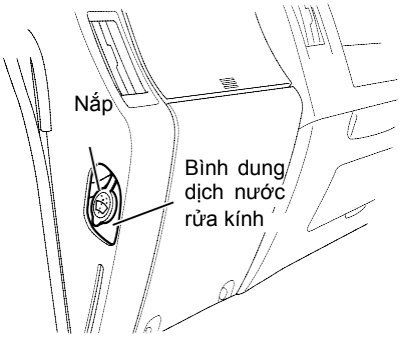

Châm Dung Dịch Nước Rửa Kính

1. Bình dung dịch rửa kính nằm bên dưới táp-lô phía bên hành khách.
2. Hãy mở nắp để châm dung dịch rửa kính đầy bình.

KHUYẾN CÁO

- Khi nhận xe từ nhà máy gửi đến, các xe mới chỉ chứa nước máy trong bình dung dịch nước rửa kính. Hãy điều chỉnh tỷ lệ dung dịch cho phù hợp với mình.
- Tuân theo các hướng dẫn về tỉ lệ pha giữa dung dịch rửa kính và nước máy.
- Không tự ý dùng nước xà phòng hoặc các sản phẩm, dung dịch không nằm trong khuyến cáo để làm dung dịch nước rửa kính.
- Không ấn vào nút phun nước rửa kính khi bình chứa cạn dung dịch nước rửa kính. Điều này sẽ làm hư mô-tơ phun nước rửa kính.

Cần Gạt Nước

Kiểm Tra Hằng Ngày

Hãy phun dung dịch rửa kính và cần gạt nước để kiểm tra có vùng nào trên kính không được lau sạch lau không.Ngoài ra cũng cần kiểm tra các chức năng phun " ", "LO", "HI" hoạt động bình thường.

CHÚ Ý

- Nhớ gạt sạch băng hoặc tuyết trên kính trước khi sử dụng cần gạt.

Thay Mới Cao Su Gạt Nước

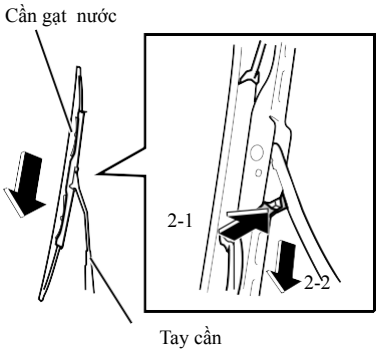

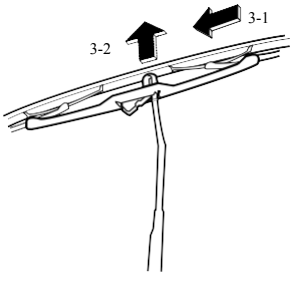

Tháo

1. Kéo cần gạt nước lên trên theo chiều thẳng đứng.
2. Trong khi kéo chốt cần gạt nước về phía tay cần đẩy nhẹ lưỡI cao su gạt hướng xuống (về phần gốc của tay).
3. Đặt lưỡI cao su gạt và cần gạt thẳng góc, tháo cao su gạt nước ra khỏI cần. Đẩy nhẹ lưỡi cao su gạt hướng xuống (về phần gốc của tay cần).

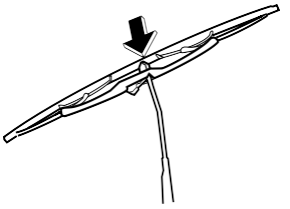

Lắp

1. Giữ lưỡi cao su gạt nước thẳng góc với tay cần và đẩy vào.
2. Khi lưỡi cao su gạt nước và cần nghiêng về cùng hướng hãy đẩy cao su gạt cho đến khi nó chốt vào cần.

KHUYẾN CÁO

- Đừng hạ cần gạt khi không có lưỡi cao su gạt, kính có thể bị trầy.
- Khi đã gắn lưỡi cao su gạt nước vào, phải bảo đảm nó chốt đúng chỗ. Không chú ý điều này có thể khiến lưỡi cao su gạt nước bi sút ra khi bật công tắc rửa kính.

Thay Mới Lá Cao Su Cần Gạt Nước

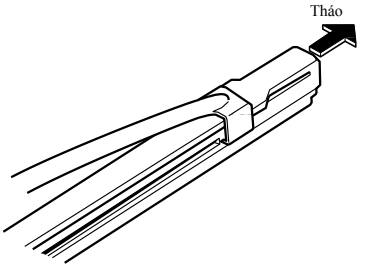

Tháo

1. Tháo cao su gạt nước khỏi cần gạt.
2. Kéo lá cao su cần gạt nước theo hướng mũi tên ra khỏi cao su cần gạt nước.

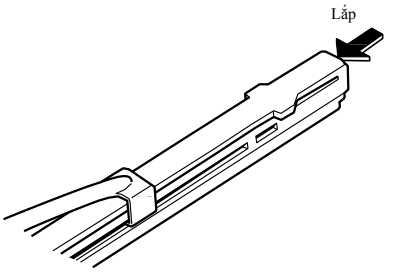

Lắp

1. Lắp lá cao su cần gạt nước mới vào.
2. Tiếp tục đẩy lá cao su vào cho đến khi mấu của cao su gạt nước chốt vào ngàm.
3. Gắn lưỡi cao su gạt nước vào tay cần.

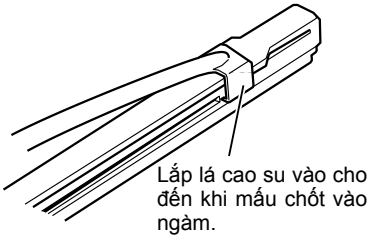

Đèn Chiếu Sáng Và Đèn Báo Rẽ

Phía trước

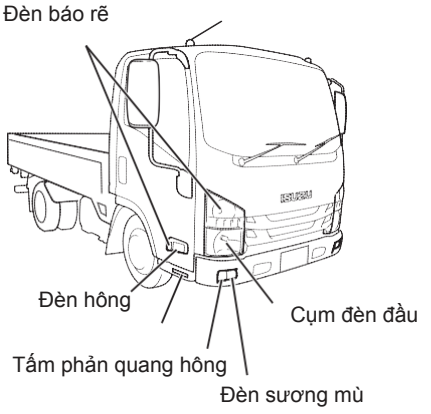

Xoay công tắt về vị trí “ON” và kiểm tra các đèn chiếu sáng, đèn báo rẽ, và các loại đèn bên ngoài khác.

Thêm nữa, hãy đạp phanh để xem đèn dừng có phát sáng hay không; đồng thời chuyển số đến vị trí “R” để xác định đèn báo lùi xe phát sáng. Ngoài ra cũng phải xem xét màu sắc, hư hỏng và sự lỏng lẻo ở các đèn.

Phía sau

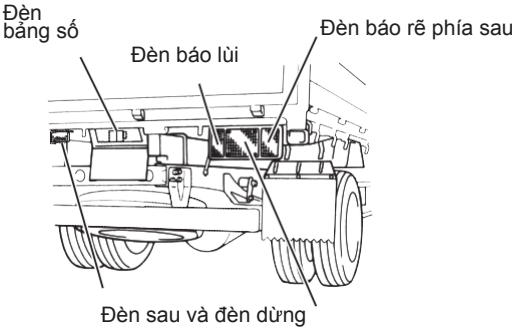

Sử Dụng Bình Accu (Bình Điện)

NGUY HIỂM

- Việc sử dụng hay sạc bình accu khi dung dịch bình accu nằm ở vạch "LOWER LEVEL" có thể làm bình accu hư nhanh và gây các tình huống nguy hiểm như phát nhiệt và thậm chí nổ.
- Nếu dung dịch bình accu dính vào mắt, phải rửa sạch ngay bằng nước trong ít nhất 5 phút, sau đó cần đi khám bác sỹ.
- Khi dùng các dụng cụ hoặc các vật dụng bằng sắt khác ở gần bình accu, hãy cẩn thận ngăn cho chúng không chạm vào cực dương. Vì thân xe dẫn điện, bất kỳ va chạm nào cũng có thể gây đoản mạch và nguy cơ điện giật.
- Bình accu xe tạo ra chất dễ bắt lửa. Vì vậy, các hoạt động tạo ra sự đánh lửa hoặc có ngọn lửa không được thực hiện gần bình accu xe. Không chú ý điều này có thể gây cháy nổ. Nên dùng vải ẩm để lau dung dịch bình accu.

CẢNH BÁO

- Luôn luôn tắt động cơ khi kiểm tra bình accu .
- Dung dịch bình accu là acid sulfuric loãng. Cẩn thận đặt biệt để tránh dung dịch dính vào da, quần áo hoặc các bề mặt kim loại.
- Khi tháo dây khỏi các cực điện, hãy bắt đầu với cực âm. Khi nối vào cực âm được nối sau cùng.

KHUYẾN CÁO

- Dung dịch bình accu không được châm đầy hơn mức “UPPER LEVEL”. Không chú ý cảnh báo này có thể khiến dung dịch bình accu bị trào ra và ăn mòn điện cực và các bộ phận khác. Phải dùng nước lau ngay dung dịch bình accu bị trào ra.
- Khi châm thêm dung dịch bình, bình accu cần phải sạc lại. Về mùa đông dung dịch bình có thể bị đông đặc, làm hư vỏ bình nếu không sạc điện lại cho bình.
- Nếu mức dung dịch bình accu giảm sút nhanh bất thường hãy nhờ đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra ngay lập tức.

Lưu Ý Khi Sử Dụng Bình Accu

Hãy giữ bình accu sạch sẽ. Nếu để bình trong tình trạng bẩn, dung dịch bình có thể nhiễm bẩn, các lá điện cực trong bình có thể bị hư. Đoản mạch có thể xảy ra trên mặt bình accu và tuổi thọ bình giảm .

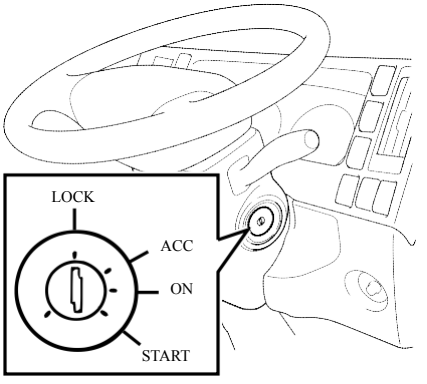

Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng

Trước khi kiểm tra và bảo dưỡng bình accu, hãy xoay công tắc khởi động về vị trí “LOCK”, bật tất cả các công tắc về “OFF” và tháo dây khỏi cọc âm. Các bộ phận điện trên xe sẽ dễ hư hỏng nếu kiểm tra và bảo dưỡng mà vẫn chưa tháo dây điện bình accu.

Tháo Bình accu

Khi tháo bình accu hãy tháo dây ra khỏi cọc âm trước. Nế u dây cọc âm vẫn còn để, các tiếp xúc dụng cụ giữa cực dương và thân xe có thể dẫn đến đoản mạch và gây giật điện nguy hiểm. Hệ thống điện có thể hư.

CHÚ Ý

Nếu cọc âm bình accu tháo ra trong vòng 1 phút sau khi xoay chìa khóa về vị trí “LOCK”, hộp điều khiển động cơ có thể sẽ bị lỗi.

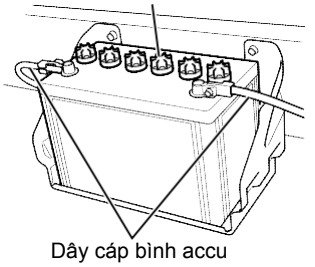

Tháo Bình Accu

1. Trước khi sạc bình accu phải tháo nó khỏi xe, đem đặt vào một vị trí thoáng gió và tháo các nút bình accu. Nếu bình được sạc khi vẫn còn trên xe, phải nhớ tháo dây cáp điện bình trước.
3. Trước khi gắn hoặc tháo bình accu phải nhớ tắt điện.
4. Dây điện bình phải luôn luôn tháo ra trước khi sạc nhanh. Không chú ý cảnh báo này có thể khiến máy phát điện bị cháy

NGUY HIỂM

Không để vật dễ cháy gần bình accu khi đang sạc. Khí hydro thoát ra từ bình trong quá trình sạc, có thể dẫn tới nổ.

Lắp Bình Accu

1. Khi lắp bình accu vào xe, phải nhớ đặt đúng hướng và cột chặt. Nếu bình không được gắn đúng, vỏ bình và các điện cực có thể bị hư do rung lắc khi xe chạy.
2. Khi gắn dây điện bình, gắn vào cọc dương trước sau đó gắn cọc âm.

CHÚ Ý

- Tránh gắn nhầm cực âm với cực dương khi nối dây điện bình. Nối sai các cực này có thể dẫn đến quá tải gây cháy bình accu hoặc dây điện trên xe.

Sử Dụng Bình Accu Như Nguồn Cấp Điện Trực Tiếp

Bình accu không nên dùng như một nguồn phát điện trực tiếp 12V. Nếu cần dùng bình accu như một nguồn điện trực tiếp, hãy tham vấn đại lý Isuzu.

Kiểm Tra Mức Dung Dịch Bình Accu

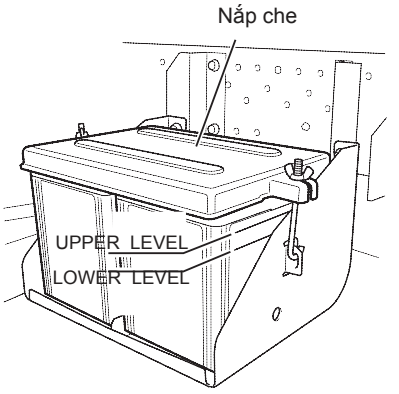

Bình accu được đặt ngay giữa khung xe.

Kiểm Tra Hằng Ngày

Tháo nắp che bình accu và xem mức dung dịch bên trong vỏ bình nằm giữa phạm vi chỉ định hay chưa.

Mức dung dịch phải nằm giữa vạch "UPPER LEVEL". Nếu mức dung dịch khó nhìn hãy lắc nhẹ xe.

Nếu trên vỏ bình accu không có vạch chỉ thị, khoảng cách mức dung dịch từ 10-15mm từ cọc bình là mức chuẩn.

Châm Dung Dịch Bình Accu

Nếu lượng dung dịch bên trong bình accu không đủ, hãy tháo nắp che và các nút, rồi châm nước cất đến gần vạch “UPPER LEVEL” hoặc khoảng 10-15mm từ cọc bình accu. Khi bạn đã châm xong nước cất, hãy đóng các nút và nắp bình lại

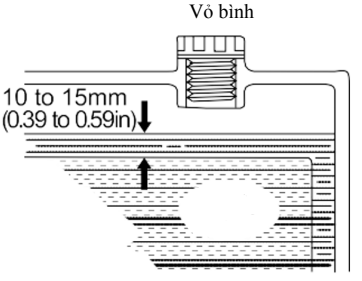

KHUYẾN CÁO

•Không bao giờ châm dung dịch bình vượt quá mức “UPPER LEVEL”. Không chú ý cảnh báo này có thể khiến dung dịch bình trào ra làm mòn cọc bình và các bộ khác. Phải dùng nước lau sạch khi dung dịch bình trào ra.

•Bất kỳ lức nào châm thêm dung dịch, cần sạc lại bình accu. Vào các tháng mùa đông, dung dịch bình có thể đông lại làm hỏng vỏ bình nếu không sạc điện.

•Nếu mức dung dịch bình accu giảm sút nhanh một cách bất thường, hãy nhờ đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra ngay lập tức.

Kiểm Tra Tỉ Trọng Dung Dịch Bình Accu

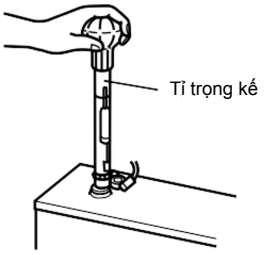

1. Kiểm tra nồng độ chỉ định của dung dịch bình bằng tỷ trọng kế. Nếu tỉ trọng thấp, bình cần phải sạc thêm.

Tỉ trọng tiêu chuẩn ở 20°C (68°F)
1.27 - 1.29

Kiểm Tra Các Cọc Bình

1. Hãy kiểm tra các cọc bình để xem có sự lỏng lẻo hay ăn mòn hay không.
2. Nếu cọc bình bị mòn và bị bao phủ bởi một lớp bột trắng, hãy dùng nước ấm để lau sạch và lau khô hoàn toàn. Cáccọc bị quá mòn cần phải đánh sạch bằng bàn chải sắt hoặc giấy nhám.
3. Khi đã rửa xong các cọc bình, hãy bôi một lớp mỡ mỏng rồi nối dây điện bình một cách chắn chắn. Xem phần “Khi bình accu hết điện” để biết các bước cần làm khi bình hoàn toàn hết điện.

Khi Bình Accu Hết Điện → Tham khảo trang 8-11

Lọc Điều Hòa Không Khí V

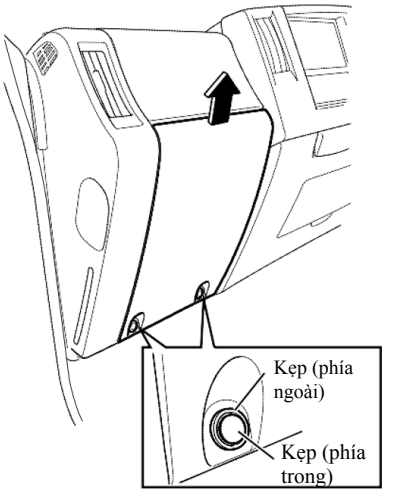

Tháo Lọc Điều Hòa Không Khí (Lọc Gió Trong)

1. Nới lỏng các vít ở giữa hai kẹp giữ nắp và kéo kẹp ra.
3. Đẩy lên trên để tháo nắp đậy.
4. Tháo bộ lọc và làm vệ sinh sạch bụi và các chất bẩn khỏi bề mặt.

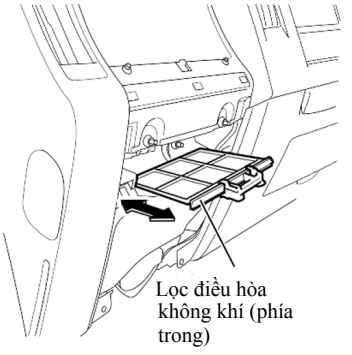

KHUYẾN CÁO

- Tránh làm hư hỏng các dây điện khi tháo bộ lọc.
- Không dùng bàn chải cứng để làm vệ sinh bộ lọc.

Gắn Lại Lọc Điều Hòa Không Khí (Lọc Gió Trong)

1. Lắp bộ lọc theo thứ tự ngược lại với lúc tháo.

CHÚ Ý

- Phải nhớ đặt bộ lọc vào đúng vị trí cũ của nó. Khôn g chú ý điều này có thể dẫn đến việc bộ lọc bị rơ lỏng và bung sút khi xe chạy, gây tình trạng nguy hiểm.
- Không được dùng xe khi bộ lọc đã bị tháo ra hoặc gắn vào không đúng cách. Vì điều này có thể làm cho bụi, chất bẩn và các thứ lọt vào hệ thống điều hoà và gây hư hỏng.

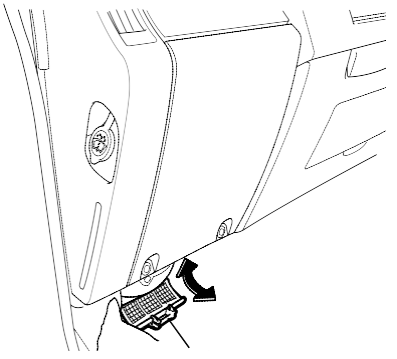

Lọc điều hòa không khí (lọc ngoài)

Tháo Lọc Điều Hòa Không Khí (Lọc Gió Ngoài

1. Tháo bộ lọc gió từ bên dưới táp–lô phía bên chỗ hàng khách. Ấn vào chốt ở hai bên bộ lọc, sau đó kéo bộ lọc ra.
3. Làm vệ sinh sạch bụi và các chất bẩn khỏi bề mặt bộ lọc

KHUYẾN CÁO

Không dùng bàn chải cứng để làm vệ sinh bộ lọc.

Gắn Lại Lọc Điều Hòa Không Khí (Lọc Gió Ngoài)

1. Gắn bộ lọc theo thứ tự ngược lại với lúc tháo.

KHUYẾN CÁO

- Phải nhớ đặt bộ lọc vào đúng vị trí cũ của nó. Không chú ý điều này có thể dẫn đến việc bộ lọc bị rơ lỏng và bung sút khi xe chạy, gây tình trạng nguy hiểm.
- Không được dùng xe khi bộ lọc đã bị tháo ra hoặc gắn vào không đúng cách. Vì điều này có thể làm cho bụi, chất bẩn và các thứ lọt vào hệ thống điều hoà và gây hư hỏng.

Gas Lạnh V

Hệ thống điều hòa sẽ không hoạt động tốt nếu mức gas lạnh không đủ. Hãy đến đại lý Isuzu theo đúng khuyến cáo để bảo dưỡng định kỳ và kiểm tra tình trạng gas lạnh.

KHUYẾN CÁO

- Để hệ thống điều hòa hoạt động khi không đủ gas lạnh không chỉ làm giảm hiệu quả làm mát mà còn gây hư hỏng cho các thiết bị.
- Xe sử dụng hệ thống gas lạnh HFC134a (R134a). Chỉ sử dụng đúng loại gas lạnh được chỉ định. Hãy để đại lý Isuzu giúp bạn thực hiện việc kiểm tra và sạc lại gas lạnh.

BẢO DƯỠNG NGOẠI THẤT- NỘI THẤT

- Bảo Dưỡng Ngoại Thất 7-130
- Bảo Dưỡng Nội Thất 7-133

Bảo Dưỡng Ngoại Thất

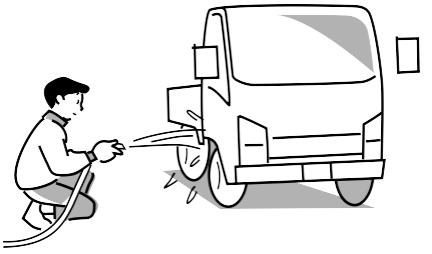

Rửa Xe

Xe bị dính các chất lạ có thể gây phản ứng hoá học với sơn khiến để lại các vết sơn, biến màu, rỉ sét hay ăn mòn các bộ phận. Các chất lạ có thể bị kẹt giữa các bộ phận, ảnh hưởng xấu đến bộ phận và gây cản gió. Do đó những trường hợp sau đây cần phải rửa xe và tẩy bỏ các chất lạ.

- Khi bồ hóng, bụi sắt, côn trùng chết, phân chim, nhánh cây hay các hạt bụi nhớt từ nhựa đường và thuốc lá dính vào mặt sơn.
- Khi xe chạy khu vực gần biển .
- Khi xe chạy trên đường có phủ chất hoá học.
- Khi xe chạy dính bùn và chất bẩn bên ngoài.

1. Vặn hết mức vòi nước, rửa các phần bên dưới gầm xe và hệ thống treo.
2. Đóng tất cá các cửa, rửa cabin và khoang chứa hàng bằng chất tẩy rửa.
3. Rửa các bánh xe và lốp xe bằng bàn chải và chất tẩy rửa.
4. Rửa sạch các chất tẩy rửa còn sót lại, dùng vải sạch để lau hết nước.

CHÚ Ý

- Không nên dùng nước để rửa trực tiếp phần bên trong cabin, vì có thể gây hư hỏng các bộ phận điện, điện tử và các bộ phận điện và làm rỉ sét sàn cabin.
- Không dùng nước có áp lực mạnh để phun trực tiếp vào các chỗ giắc nối điện vì có thể làm hỏng hệ thống điện.

KHUYẾN CÁO

- Nếu phải dùng máy rửa xe tự động, hãy tránh dùng loại máy có nhiệt độ cao, áp suất cao, vì có thể dẫn đến sự biến dạng do nhiệt và gãy vỡ các bộ phận nhựa, hoặc nước rỉ vào trong cabin.
- Không phun nước trực tiếp vào đường ống khí nạp.
- Không phun nước với áp lực mạnh vào các chi tiết điện trên xe.
- Nhớ thu gọn ăng ten và gập kính chiếu hậu trước khi rửa xe.
- Khi dùng máy rửa xe tự động, phải nhớ giữ khoảng cách ít nhất 0,4m giữa đầu phun và xe, và khi rửa các cửa sổ, xịt thẳng góc vào bề mặt kính.
- Phải nhớ rửa sạch các vết tẩy. Đặc biệt khi dùng chất tẩy có kiềm mạnh
- sẽ có nguy cơ xuất hiện các vết nứt nhỏ trên đèn nếu không lau sạch các chất tẩy rửa. Luôn luôn theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất chất tẩy rửa trước khi dùng.
- Các chất ố bám vào cản trước bằng nhựa do mưa rất khó lau sạch. Trong trường hợp đó hãy dùng các chất tẩy rửa có sẵn trên thị trường để lau sạch bụi và rồi dùng chất đánh bóng dành cho nhựa.

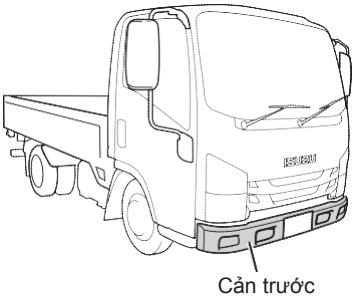

Cản trước

Bảo Quản Xe

Để giữ xe bạn có vẻ ngoài đẹp, bền lâu cần chú ý đến chỗ cất xe. Nếu xe được cất giữ trong thời gian dài tại các địa điểm sau đây, sự biến đổi hoá học gây ra trên mặt sơn có thể gây biến màu, rỉ sét và mòn các bộ phận.

- Các địa điểm gần chất liệu có dầu, bồ hóng, khói chiếu nhiều hoặc bụi sắt có thể dính vào xe.
- Các khu vực gần xí nghiệp dược và các nhà máy xả chất hoá học.
- Vùng bờ biển.
- Các địa điểm có côn trùng chết, phân chim hoặc nhựa cây có thể dính vào xe.

Đánh Bóng

Các bề mặt phủ sơn hoặc phủ crom có thể đánh bóng một hoặc hai lần mỗi tháng, Phải nhớ sáp không được để trực tiếp dưới ánh mặt trời, nhiệt độ xe không được quá 40°C. Luôn luôn theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất sáp đánh bóng.

CHÚ Ý

- Không đánh sáp lên bề mặt kính, vì có thể gây ra sự phản chiếu không đồng đều, làm giảm tầm nhìn.

KHUYẾN CÁO

- Không dùng sáp có chứa bột mài, có thể trầy xước bề mặt sơn hoặc nhựa.
- Dùng sáp đánh bóng các vật liệu bằng cao su sẽ làm bay màu cảu vật liệu.

LƯU Ý

- Không được dùng sáp đánh bóng kính. Lớp sáp sẽ làm mờ tầm nhìn khi trời mưa và khiến các gạt nước hoạt động khó khăn.
- Nếu nhớt hoặc mỡ dính vào kính, có thể gây ra ố hoặc biến màu, cần lau sạch ngay.

Chăm Sóc Kính Chắn Gió

Nếu cần gạt nước không lau sạch được kính thì có thể dùng nước rửa kính để lau sạch.

Bảo Dưỡng Nội Thất

Loại bỏ bụi và các vết bẩn trong cabin bằng cách dùng các loại nước rửa xe hoặc máy hút bụi, nhẹ nhàng lau các bề mặt bằng vải ẩm bằng nước ấm hoặc lạnh.

CẢNH BÁO

- Khi lau rửa bên trong cabin, không xịt nước trực tiếp, vì có thể khiến xe bị hư hỏng hoặc bốc cháy nếu bị nước lot vào hệ thống âm thanh hoặc các bộ phận điện khác đặt dưới thảm sàn.
- Các chất ete, xăng hoặc các chất hoà tan hữu cơ không được dùng để lau dây đai an toàn.

  Ngoài ra, không tẩy trắng hoặc nhuộm lại dây đai an toàn, vì có thể làm cho hoạt căng dây giảm. Do đó trong trường hợp có va chạm, dây đai sẽ không hoạt động hiệu quả tốt dẫ đến chấn thương nghiêm trọng. Khi lau rửa, dùng nước ấm có chất tẩy đã hoà tan để lau dây đai an toàn nhẹ nhàng

CHÚ Ý

- Không được dùng các chất hoà tan có tính acid hoặc kiềm, ete, xăng và các chất hoà tan hữu cơ khác để lau rửa bên trong xe, vì có thể dẫn đến biến màu hoặc gây ố. Nên chú ý các sảnphẩm tẩy rửa có chứa hợp chất này. Hãy nhớ đọc nhãn sản phẩm lau rửa cẩn thận.
- Sáp thơm (loại chất lỏng, đặc, dẻo) không được tiếp xúc trực tiếp hoặc không được lọt vào bên trong các bộ phận như hệ thống điều hòa không khí hoặc âm thanh. Các hợp chất chứa trong sản phẩm này có thể gây biến màu, ố hoặc tróc sơn.
- Không được dùng nước rửa kính có chứa các hợp chất đặc biệt để rửa mặt trong của kính chắn gió và kính cửa sổ. Để lau kính, dùng khăn ẩm với nước ấm hoặc lạnh.

Bảo Dưỡng Dây Đai An Toàn

Dây đai an toàn dơ có thể gây trở ngại khi co rút, vì vậy cần kiểm tra thường xuyên.

CHÚ Ý

- Dây đai an toàn có thể mất khả năng khi tẩy, nhuộm hoặc lau rửa bằng xăng, chất pha sơn hoặc chất dễ bay hơi.
- Không tháo các phần cơ khí của dây, đề phòng vật lạ lọt vào đầu khóa dây. Vì vậy hãy nhờ đại lý Isuzu kiểm tra và bảo dưỡng.

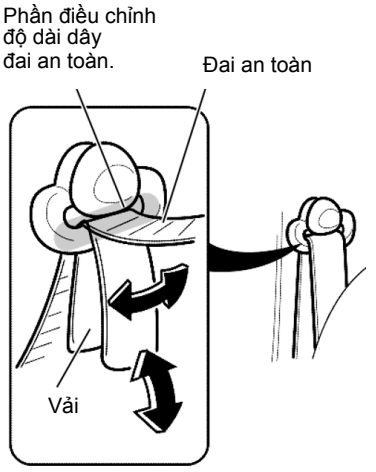

Rửa Sạch Phần Chỉnh Độ Dài Dây Đai An Toàn

1. Dùng một miếng vải gạt hình chữ nhật để dễ thấm hoặc loại tương tự dày khoảng 50mm.
2. Trộn một phần nước tẩy trung tính vào 20 phần nước ấm.
3. Thấm dung dịch tẩy vào vải, luồn qua phần điều chỉnh độ dài dây đai, kéo tới lui 2 bên cho tới khi sạch vết dơ.
4. Dùng miếng vải khô khác để lau phần dây đai không còn bị ướt, rồi để khô tự nhiên không phơi nắng.
5. Kiểm tra chắc dây đai an toàn co lại và giãn ra đúng cách.

KHUYẾN CÁO

- Đừng dùng các dụng cụ khác để cố nhét vào vệ sinh hoặc chà sạch các vết bẩn lâu ngày. Điều này có thể làm hỏng các phần nhựa hoặc dây đai an toàn.

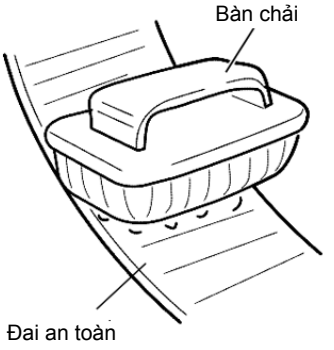

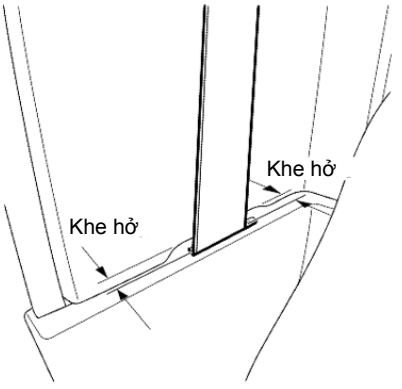

Lau Mặt Vải Dây Đai

1. Kéo hết dây đai và kiểm tra xem có sự khác màu nào giữa mặt trước và mặt sau không.
3. Trộn 1 phần chất tẩy trung tính vào 20 phần nước ấm.
4. Thấm ướt bàn chải có lông mềm bằng nilon trong nước ấm, và dùng nó để chà sạch vết dơ.
5. Lau sạch dây đai an toàn bằng khăn khô, sau đó để khô tự nhiên không phơi nắng.
6. Kiểm tra lại độ co rút của dây đai.

KHUYẾN CÁO

- Nếu cách bảo quản trên không cải thiện hoạt động của dây đai, có thể dây đai đã chạm vào mép cửa. Trong trường hợp này, hãy nhờ đại lý Isuzu kiểm tra và bảo dưỡng.
- Nếu dây đai không nhả đúng cách, hoặc gặp phải các vấn đề như lỏng các khớp nối, các sản phẩm kim loại bị biến dạng, mặt vải bị hư, bị sờn hoặc biến màu, hãy nhờ đại lý Isuzu thay mới.

Chăm Sóc Ghế Và Thảm Sàn

Loại bỏ bụi bặm bằng máy hút bụi gia dụng.

Không nên tháo thảm sàn. Hãy dùng sản phẩm tẩy rửa và các phương pháp tẩy rửa gia dụng để loai bỏ vết dơ do đồ ăn thức uống.

Phải nhớ dùng những sản phẩm tẩy rửa trung tính và các sản phẩm lau rửa có độ cồn cao.

BẢO DƯỠNG XE

● Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng 7-139

Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng

Để lái xe an toàn và tiết kiệm, chúng tôi khuyên bạn hãy kiểm tra và tuân thủ lịch bảo dưỡng định kỳ theo lịch chỉ ra trong chương này.

Lịch Bảo Dưỡng

Để lái xe an toàn và tiết kiệm nhất, cần phải đưa xe đến đại lý Isuzu kiểm tra thường xuyên theo lịch bảo dưỡng chỉ định.

Liên lạc với đại lý Isuzu khi cần kiểm tra các thiết bị có tháo lắp mạch điện.

Kí hiệu viết tắt

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều Chỉnh

R: Thay mới

T: Siết theo lực chỉ định

L: Bôi trơn

KHUYẾN CÁO

- Không chỉ các đề mục bên dưới đây cần được kiểm tra và các thành phần khác trên xe cũng nên được kiểm tra thường xuyên.

*: Xe cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu hoạt động trong các điều kiện khắc nghiệt.

Lịch Bảo Dưỡng Khi Xe Hoạt Động Trong Điều Kiện Khắc Nghiệt

→ Tham khảo trang 7-148

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe QLR55/QMR55 (1)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều Chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng	x1,000 km x1,000 dặm	5 40	10	15	20	25	30	35	
* Nhớt động cơ		R	R	R	R	R	R	R	R
* Lọc nhớt động cơ		-	R	-	R	-	R	-	R
Lọc nhiên liệu		-	-	-	R	-	-	-	R
* Lọc gió		-	I	-	I	-	I	-	R
Điều chỉnh khe hở xupap		-	-	-	-	-	-	-	I
Tình trạng đường ống nhiên liệu		-	-	-	-	-	-	-	I
Tình trạng dây curoa		-	I	-	I	-	I	-	I
Nước làm mát động cơ									
* Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả		-	-	-	I	-	-	-	I
Hệ thống làm mát									
Dầu ly hợp		-	I	-	I	-	I	-	R
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp ly hợp		-	I	-	I	-	I	-	I
* Nhớt hộp số		-	-	I	-	-	I	-	-
Cáp chuyển số		-	-	-	A	-	-	-	A
* Trục truyền động, bạc đạn treo		-	-	-	L	-	-	-	L
Tình trạng rơ lòng, bôi trơn tại trục truyền động, bạc đạn treo		-	I	-	I	-	I	-	I
Khớp chữ thập		-	-	-	-	-	-	-	I
* Nhớt cầu sau		-	I	-	I	-	I	-	R
* King pin		-	L	-	L	-	L	-	L
Tình trạng rò rỉ dầu hệ thống lái		-	I	-	I	-	I	-	I
Dầu trợ lực lái		-	-	-	-	-	-	-	R
* Sự rơ lỏng, hư hỏng các khớp nối hệ thống trợ lực lái		-	I	-	I	-	I	-	I
Sự rơ lỏng hoặc hư hỏng trong cơ cấu lái		-	-	-	-	-	-	-	I
Hoạt động đánh lái		-	I	-	I	-	I	-	I
Đường ống dầu trợ lực lái		-	-	-	-	-	-	-	-
Dầu phanh		-	I	-	I	-	I	-	R
Tình trạng rò rỉ dầu phanh		-	I	-	I	-	I	-	I
* Độ mòn bố phanh và trống phanh		-	-	-	I	-	-	-	I
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp phanh		-	I	-	I	-	I	-	I

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

45	50	55	60	65	70	75	80	85	90	95	100	105	Số km hoặc số tháng
27	31	34	37	40	43	46	49	52	55	59	62	65	tùy theo điều kiện nào đến trước
R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	hoặc mỗi 3 tháng
-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	R	-	-	-	R	-	-	-	R	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
Mỗi 12 tháng: I Mỗi 24 tháng: R (khi dùng phụ gia nước làm mát chính hãng Isuzu)													
-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	-	hoặc mỗi 12 tháng
Mỗi 24 tháng: I													
-	I	-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 3 tháng
R	-	-	I	-	-	I	-	-	R	-	-	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	-	-	A	-	-	-	A	-	-	-	A	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	-	L	-	-	-	L	-	-	-	L	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	L	-	L	-	L	-	L	-	L	-	L	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	-	-	R	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 3 tháng or
-	-	-	-	-	-	-	R	-	-	-	-	-	mỗi 48 tháng hoặc
-	I	-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 3 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe QLR55/QMR55 (2)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều Chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng x1,000 km	5	10	15	20	25	30	35	40
x1,000 dặm	3	6	9	12	15	18	21	24
Tình trạng rơ lỏng, hư hỏng trong đường ống dầu phanh	-	I	-	I	-	I	-	I
Hoạt động của phanh tay	-	I	-	I	-	I	-	I
Hành trình cần phanh tay	-	I	-	I	-	I	-	I
Độ mòn bố phanh & trống phanh tay	-	-	-	-	-	-	-	I
Tình trạng nhíp	-	I	-	I	-	I	-	I
Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống treo	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng giảm chấn	-	I	-	I	-	I	-	I
Đai ốc bánh xe	-	-	-	T	-	-	-	T
Mâm bánh xe	-	-	-	I	-	-	-	I
Bôi trơn trục xoay bánh xe	-	-	-	-	-	-	-	R
Tình trạng & áp suất lốp	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng bình điện và tỉ trọng dung dịch	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng đèn, gạt nước, phun nước rửa kính	-	I	-	I	-	I	-	I

45	50	55	60	65	70	75	80	85	90	95	100	105	Số km hoặc số tháng,
27	31	34	37	40	43	46	49	52	55	59	62	65	tùy theo điều kiện nào đến trước
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	T	-	-	-	T	-	-	-	T	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	-	-	-	-	-	R	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	hoặc mỗi 6 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe QLR77/QMR77 (1)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều Chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng x1,000 km	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
x1,000 dặm	3	6	9	12	15	18	21	24	27	31
* Nhớt động cơ (Euro II)	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
* Nhớt động cơ (Euro IV, Euro V)	-	R	-	R	-	R	-	R	-	R
* Lọc nhớt động cơ	-	R	-	R	-	R	-	R	-	R
Lọc nhiên nhiệu tinh	-	-	-	R	-	-	-	R	-	-
Lọc nhiên liệu thô	-	-	-	R	-	-	-	R	-	-
* Lọc gió	-	I	-	I	-	I	-	R	-	I
Điều chỉnh khe hở xupap	-	-	-	-	-	-	-	I	-	-
Tình trạng đường ống nhiên liệu	-	-	-	-	-	-	-	I	-	-
Tình trạng dây curoa										
Nước làm mát động cơ										
* Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-
Đường ống xả										
Hệ thống làm mát										
Dầu ly hợp	-	I	-	I	-	I	-	R	-	I
Hành trình tự do và độ rơ bàn đạp ly hợp	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
* Nhớt hộp số	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-
Cáp chuyển số	-	-	-	A	-	-	-	A	-	-
* Trục truyền động, bạc đạn treo	-	-	-	L	-	-	-	L	-	-
Tình trạng rơ lòng, bôi trơn tại trục truyền động, bạc đạn treo	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Khớp chữ thập	-	-	-	-	-	-	-	I	-	-
* Nhớt cầu sau	-	I	-	I	-	I	-	R	-	I
* King pin	-	L	-	L	-	L	-	L	-	L
Tình trạng rò rỉ dầu hệ thống lái	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Dầu trợ lực lái	-	-	-	-	-	-	-	R	-	-
* Sự rơ lỏng, hư hỏng các khớp nối hệ thống trợ lực lái	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Sự rơ lỏng hoặc hư hỏng trong cơ cấu lái	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Hoạt động đánh lái	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Đường ống dầu trợ lực lái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt.

55	60	65	70	75	80	85	90	95	100	105	110	115	120	Số km hoặc số tháng,
34	37	40	43	46	49	52	55	59	62	65	68	71	75	tùy điều kiện nào đến trước
R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	hoặc mỗi 3 tháng
-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	hoặc mỗi 6 tháng
-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	-	R	hoặc mỗi 6 tháng
-	R	-	-	-	R	-	-	-	R	-	-	-	R	hoặc mỗi 12 tháng
-	R	-	-	-	R	-	-	-	R	-	-	-	R	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
Mỗi 7,500 km (4,500 dặm): I														
Mỗi 12 tháng: I Mỗi 24 tháng: R (khi dùng phụ gia nước làm mát chính hãng Isuzu)														
-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	hoặc mỗi 12 tháng
Mỗi 12 tháng: I														
Mỗi 24 tháng: I														
-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 3 tháng
-	R	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	R	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	A	-	-	-	A	-	-	-	A	-	-	-	A	hoặc mỗi 12 tháng
-	L	-	-	-	L	-	-	-	L	-	-	-	L	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 24 tháng: R
-	L	-	L	-	L	-	L	-	L	-	L	-	L	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	R	-	-	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 3 tháng
-	-	-	-	-	R	-	-	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 48 tháng

Lịch Bảo Dưỡng: Model xe QLR77/QMR77 (2)

I: Kiểm tra, lau rửa, sửa chữa hoặc thay thế theo yêu cầu

A: Điều Chỉnh R: Thay mới T: Siết theo lực chỉ định L: Bôi trơn

Định kỳ bảo dưỡng x1,000 km / x1,000 dặm	5 / 3	10 / 6	15 / 9	20 / 12	25 / 15	30 / 18	35 / 21	40 / 24	45 / 27	50 / 31
Dầu trợ lực lái	-	I	-	I	-	I	-	R	-	I
Rò rỉ dầu phanh	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
*Độ mòn bố phanh và trống phanh	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-
Hành trình tự do , độ rơ bàn đạp phanh	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng rơ lỏng, hư hỏng trong đường ống dầu phanh	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Hoạt động của phanh tay	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Hành trình cần phanh tay	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Độ mòn bố phanh & trống phanh tay	-	-	-	-	-	-	-	I	-	-
Tình trạng nhíp	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống treo	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng giảm chấn	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Đai ốc bánh xe	-	-	-	T	-	-	-	T	-	-
Mâm bánh xe	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-
Bôi trơn trục xoay bánh xe	-	-	-	-	-	-	-	R	-	-
Tình trạng & áp suất lốp	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng bình điện và tỉ trọng dung dịch	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I
Tình trạng đèn, gạt nước, phun nước rửa kính	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I

*: Cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu xe vận hành ở điều kiện khắc nghiệt

55 95 34	60 37	65 40	70 43	75 46	80 49	85 52	90 55	59	100 62	105 65	110 68	115 71	120 75	Số km hoặc số tháng, tùy điều kiện nào đến trước
-	I	-	I	-	R	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng: I hoặc mỗi 24 tháng: R
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 3 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	-	-	-	-	I	-	-	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	T	-	-	-	T	-	-	-	T	-	-	-	T	hoặc mỗi 12 tháng
-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	-	-	-	I	hoặc mỗi 12 tháng
-	-	-	-	-	R	-	-	-	-	-	-	-	-	hoặc mỗi 24 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng
-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	-	I	hoặc mỗi 6 tháng

Lịch Bảo Dưỡng Trong Điều Kiện Xe Hoạt Động Khắc Nghiệt

Điều kiện vận hành

A: Xe dừng và khởi hành thường xuyên
B: Xe chạy trên đường xấu, đường đèo dốc
C: Xe chạy trong khu vực nhiều bụi
D: Đường tuyết hoặc ven biển

Hạng mục	Chu kì	Điều kiện				
Nhớt động cơ (QLR55/QMR55)	Thay thế mỗi 2,500 km (1,500 dặm)			C		A+D
Lọc nhớt động cơ filter (QLR55/QMR55)	Thay thế mỗi 5,000 km (3,000 dặm)			C		A+D
Nhớt động cơ (QLR77/QMR77 Euro II)	Thay thế mỗi 2,500 km (1,500 dặm)			C		A+D
Nhớt động cơ (QLR77/QMR77 Euro III/Euro IV/Euro V)	Thay thế mỗi 5,000 km (3,000 dặm)			C		A+D
Lọc nhớt động cơ (QLR77/QMR77)	Thay thế mỗi 5,000 km (3,000 dặm)			C		A+D
Lọc gió	Kiểm tra mỗi 5,000 km (3,000 dặm) Thay thế mỗi 20,000 km (12,000 dặm)			C		
Tình trạng đường ống xả, phanh khí xả	Kiểm tra mỗi 10,000 km (6,000 dặm)	A	B		D	
Nhớt hộp số	Thay thế mỗi 20,000 km (12,000 dặm)		B	C		
Trục truyền động, bạc đạn treo	Bơm mỡ mỗi 10,000 km (6,000 dặm)		B			
Nhớt cầu	Thay thế mỗi 20,000 km (12,000 dặm)		B			
King pin	Bơm mỡ mỗi 5,000 km (3,000 dặm)		B	C	D	
Rơ lỏng hoặc hư hỏng tại hệ thống lái	Kiểm tra mỗi 5,000 km (3,000 dặm)		B			
Độ mòn bố phanh và trống phanh	Kiểm tra mỗi 10,000 km (6,000 dặm)	A	B	C		

Loại Dung Dịch, Chất Bôi Trơn Và Nhiên Liệu Nên Dùng

Việc sử dụng đúng các loại dầu, mỡ là yếu tố then chốt để giúp xe giữ được hiệu quả hoạt động tối ưu theo năm tháng.

Việc sử dụng các loại dầu, mỡ phải tuân theo hướng dẫn của Isuzu, và chỉ sử dụng các sản phẩm chính hãng.

Các chất bôi trơn, dầu mỡ khi sử dụng phải nằm trong danh mục khuyến cáo bên dưới.

Độ Nhớt Và Cấp Độ Nhớt động cơ → Tham khảo trang 7-153

Các loại dầu mỡ	Nhà sản xuất	Sản phẩm	Cấp độ		JASO
			API	ACEA	
* Nhớt động cơ xe (có trang bị bộ PF)	**ISUZU**	**BESCO CLEAN (10W-30)**	**—**	**—**	**—**
	ISUZU	**BESCO CLEAN SUPER (10W-40)**	**—**	**—**	**—**
	Castrol Chevron/	Vecton 15W-40 CK-4/E9 (15W-40)	CK-4	E9	—
	Texaco/Caltex	Delo 400 XLE (15W-40)	CK-4	E6/E9	DH-2
	Chevron/Texaco/	Delo 400 MGX (15W-40)	CJ-4	E9	DH-2
	Caltex Elf	Performance PRO 1000 (15W-40)	—	E9	—
	ExxonMobil	Delvac 1 ESP (5W-40)	CK-4	E6/E9	—
	ExxonMobil	Delvac MX ESP (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac 1300 Super (15W-40)	CK-4	E 9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac XHP ESP (10W-40)	CK-4	E 6	DH-2
	Shell	Rimula R5LE (10W-40)	CJ-4	E 9	DH-2
	Shell	Rimula R4L (15W-40)	CJ-4	E 9	DH-2
	Total	Rubia Works 4000 (10W-40), (15W-40)	CK-4	E 9	DH-2
	Total	Rubia Optima 1100 (15W-40)	CK-4	E9	—
Nhớt động cơ	**ISUZU**	**BESCO DURAMAX (10W-30)**	**CH-4**	**—**	**—**
	ISUZU	**BESCO MULTI Z CH-4 (10W-30)**	**CH-4**	**—**	**—**
	Castrol Chevron/	Vecton 15W-40 CI-4/E7 (15W-40)	CI-4	E 7	—
	Texaco/Caltex	Delo Gold Ultra (15W-40)	CI-4	E 7	DH-1
	ExxonMobil	Delvac 1 (5W-40)	CI-4	E7	DH-1
	ExxonMobil	Delvac MX (15W-40)	CI-4	E7	—
	Shell	Rimula R4X (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
Nhớt hộp số	**ISUZU**	**BESCO TRANSAXLE (5W-30)**	**—**	**—**	**—**
	Chevron/Texaco/ Caltex	Delo 400 MGX (15W-40)	CJ-4	E9	DH-2
	Chevron/Texaco/ Caltex	Delo Gold Ultra (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	Elf	Performance PRO 700 (15W-40)	CI-4	E7	—
	ExxonMobil	Delvac 1300 Super (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac MX ESP (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac MX (15W-40)	CI-4	E7	—
	Shell	Rimula R4X (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	Total	RubiaTIR 7400 (15W-40)	CI-4	E7	—

*: Bộ PF được trang bị trên các xe EURO V scó động cơ 4JH1.

Các loại dầu mỡ	Nhà sản xuất	Sản phẩm	Cấp độ API	Cấp độ ACEA	JASO
Nhớt cầu	**ISUZU**	**BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)**	**GL-5**	**—**	**—**
	Chevron/Texaco/	Multigear S (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Caltex Chevron/	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Texaco/Caltex Elf	Tranself Syn FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobil Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	Spirax S6 AXME (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	Spirax S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Transmission Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Transmission Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Transmission Axle 7 (80W-90), (85W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
Dầu trợ lực lái	**ISUZU**	**BESCO ATF III**	**—**	**—**	**—**
	Chevron/Texaco/ Caltex	Texamatic 1888	—	—	—
	ExxonMobil	Dexron VI ATF (Dexron® VI)	—	—	—
	ExxonMobil	Multipurpose ATF	—	—	—
	Shell	Spirax S3 ATF MD3	—	—	—
	Total	Fluidmatic DVI MV (Dexron® VI)	—	—	—
	Total	Fluidmatic IIIG	—	—	—
Bạc đạn treo	**ISUZU**	**BESCO L2 GREASE (No.2), L3 GREASE (No.3)**	**—**	**—**	**—**
	Chevron/Texaco/ Caltex	Delo Starplex EP (No.2)	—	—	—
Kingpins	ExxonMobil	Mobilgrease XHP 222 (No.2), 223 (No.3)	—	—	—
	Shell	Gadus S3 V220C 2 (No.2)	—	—	—
	Total	Multis Complex EP2 (No.2)/EP3 (No.3)	—	—	—
Trục cac-đăng	**ISUZU**	**BESCO ONE LUBER Mo GREASE (No.2)**	**—**	**—**	**—**
	Chevron/Texaco/ Caltex	Multifak Moly EP (No.2)	—	—	—
Khớp chữ thập	Shell	Gadus S2 V220AD 2 (No.2)	—	—	—
Cam phanh	Total	Multis Complex HV2 Moly (No.2)	—	—	—

Nước làm mát	Nhà sản xuất	Sản phẩm*
Phụ gia nước làm mát động cơ	**ISUZU**	**BESCO LLC SUPER TYPE E, AS**
	Arteco	Havoline XLC
	BASF	Glysantin G34
	Total	Glacelf Auto Supra
	Total	Coolelf Auto Supra -37°C

KHUYẾN CÁO

- Tỉ lệ trộn giữa nước và phụ gia nước làm mát là 50/50.

Nước làm mát động cơ→ Tham khảo trang 7-28

Dầu	Nhà sản xuất	Sản xuất	Cấp độ
Dầu ly hợp và dầu phanh	**ISUZU** AC Delco	**BESCO Dầu phanh SUPER** Supreme 11	**DOT 3** DOT 3

CHÚ Ý

- Chỉ sử dụng nhiên liệu diesel đạt chuẩn hàm lượng lưu huỳnh 50 ppm (0,05S) cho các xe đạt chuẩn Euro 4 hoặc 10 ppm cho các xe đạt chuẩn Euro 5 (0,001S).

- Sử dụng dầu diesel chất lượng kém, trộn lẫn phụ gia tách nước, xăng, dầu hôi, nhiên liệu gốc cồn hoặc vật liệu khác trộn lẫn với dầu diesel sẽ ảnh hưởng xấu đến bộ lọc nhiên liệu và kim phun. Ngoài ra nó còn giảm khả năng hoạt động hoặc gây hư hỏng các chi tiết của động cơ. Nếu xảy ra trường hợp đổ nhầm nhiên liệu hoặc nhiên liệu không tốt, có nước, phải bảo đảm rút hết toàn bộ nhiên liệu không tốt ra khỏi hệ thống. Nếu không thực hiện kỹ càng trong hệ thống nhiên liệu, có thể dẫn đến hỏa hoạn hoặc hư hỏng hoàn toàn hệ thống cung cấp nhiên liệu như: bơm cao áp, đường dẫn nhiên liệu chung, kim phun v.v....

- Sử dụng nhiên liệu không đúng chuẩn sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động và tuổi thọ của động cơ.

Sử Dụng Dầu Diesel Sinh Học

(Dành cho thị trường Argentina và Colombia)

- Có thể dùng dầu diesel sinh học EN590. Loại dầu này phù hợp với tiêu chuẩn EN14214.
- Sử dụng dầu sinh học khác loại EN590, hoặc không đạt chuẩn EN14214 sẽ làm ảnh hưởng, hư hỏng động cơ.
- Đừng nên chứa hoặc lưu trữ dầu diesel sinh học trong thời gian dài. Nếu xe đậu tại chỗ trong thời gian dài, hãy xả bớt nhiên liệu ra.

Độ Nhờn Nhớt Động Cơ

Lựa chọn nhớt động cơ và nhớt hộp số theo bảng dưới đây. Việc lựa chọn độ nhờn thích hợp với nhiệt độ môi trường khi xe hoạt động là rất quan trọng. Lựa chọn đúng loại nhớt theo đồ thị bên dưới:.

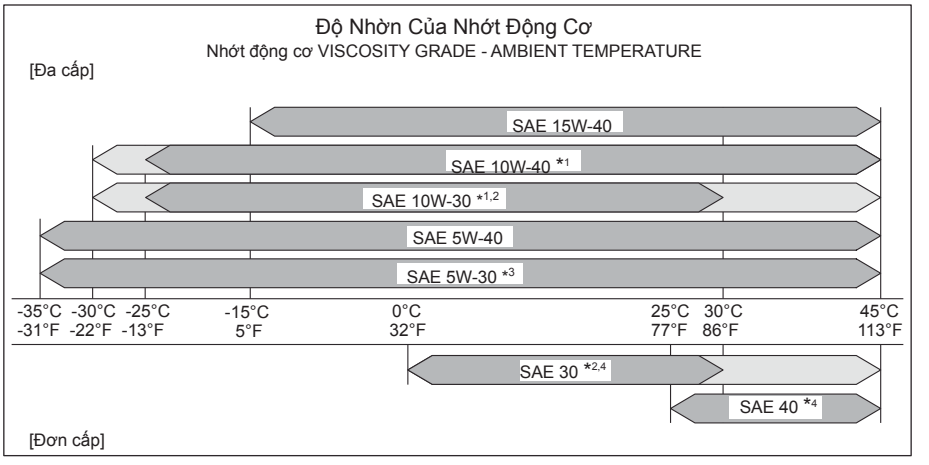

*1: Nếu nhiệt độ môi trường xung quanh xuống đến mức -30°C , hãy sử dụng nhớt có độ nhờn10W-xx.
*2: Nếu nhiệt độ môi trường lên cao đến mức 45°C (113°F) hãy sử dụng nhớt xxW-30.
*3: Nếu dùng nhớt 5W-30, chỉ được dùng nhớt của Isuzu cung cấp
*4: Nhớt đơn cấp chỉ được dùng cho các xe từ chuẩn Euro II trở xuống.

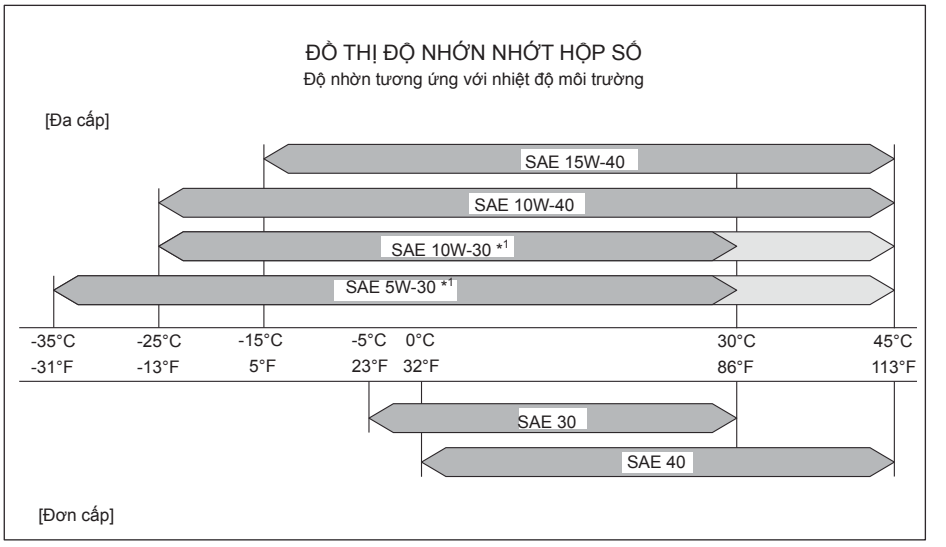

*1: Nếu nhiệt độ môi trường lên cao đến mức 45°C (113°F) hãy sử dụng nhớt xxW-30.

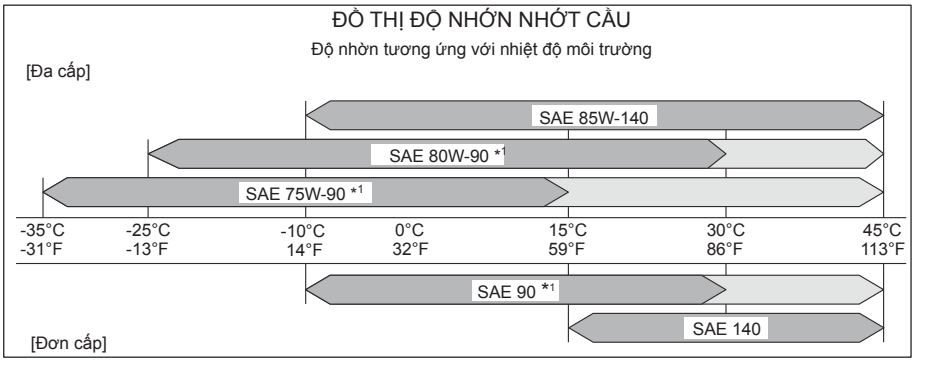

*1: Nếu nhiệt độ môi trường lên cao đến mức 45°C (113°F) hãy sử dụng nhớt xxW-90.

Sơ Đồ Các Vị Trí Cần Được Bôi Trơn

Model xe QLR55/QMR55

◎ : Thay mới
○ : Kiểm tra châm thêm
E : Nhớt động cơ
G : Nhớt cầu
W : Mỡ bánh xe
C : Mỡ đa dụng
M : Mỡ có chứa MoS_2
B : Dầu phanh
A : Dầu hộp số tự động
D : Mỡ Molykote G-4700

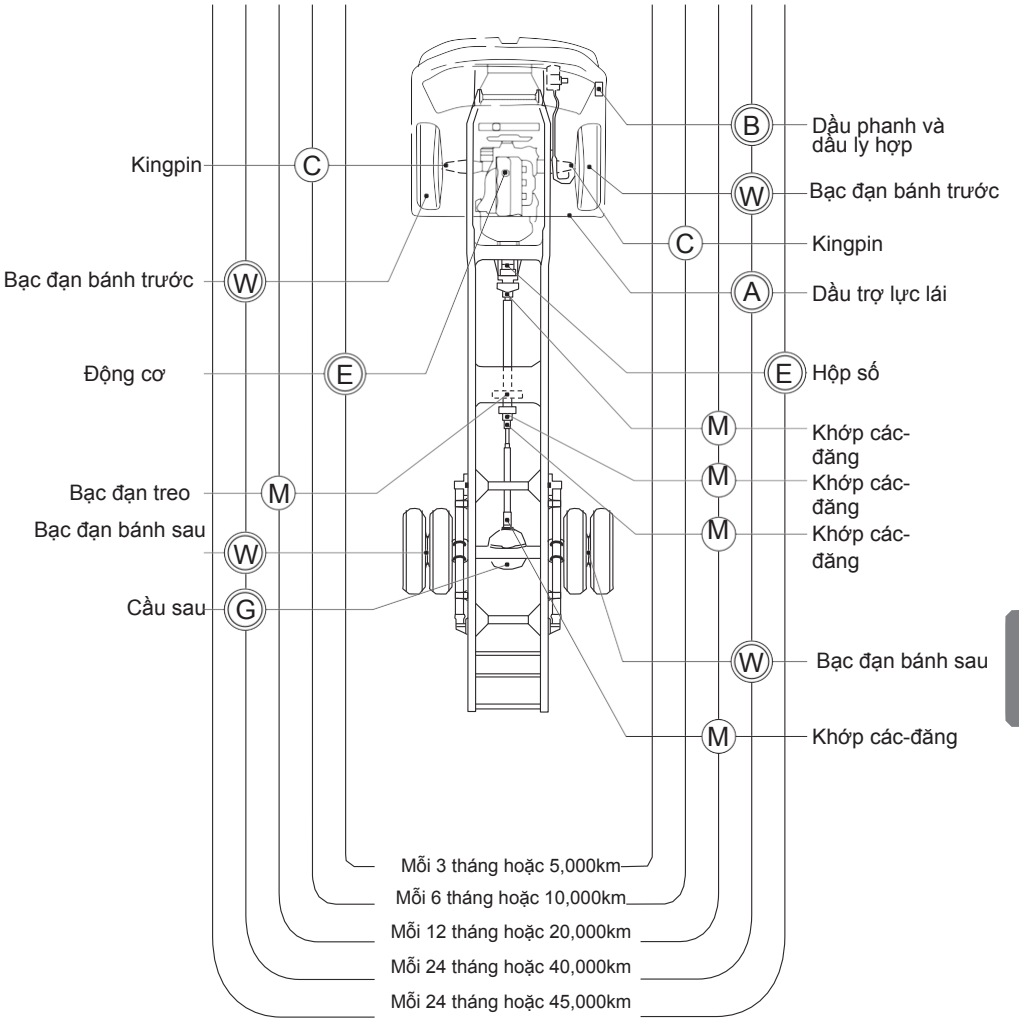

Model xe QLR77/QMR77

◎ : Thay mới
○ : Kiểm tra châm thêm
E : Nhớt động cơ
G : Nhớt cầu
W : Mỡ bánh xe
C : Mỡ đa dụng
M : Mỡ có chứa MoS_2
B : Dầu phanh
A : Dầu hộp số tự động
D : Mỡ Molykote G-4700

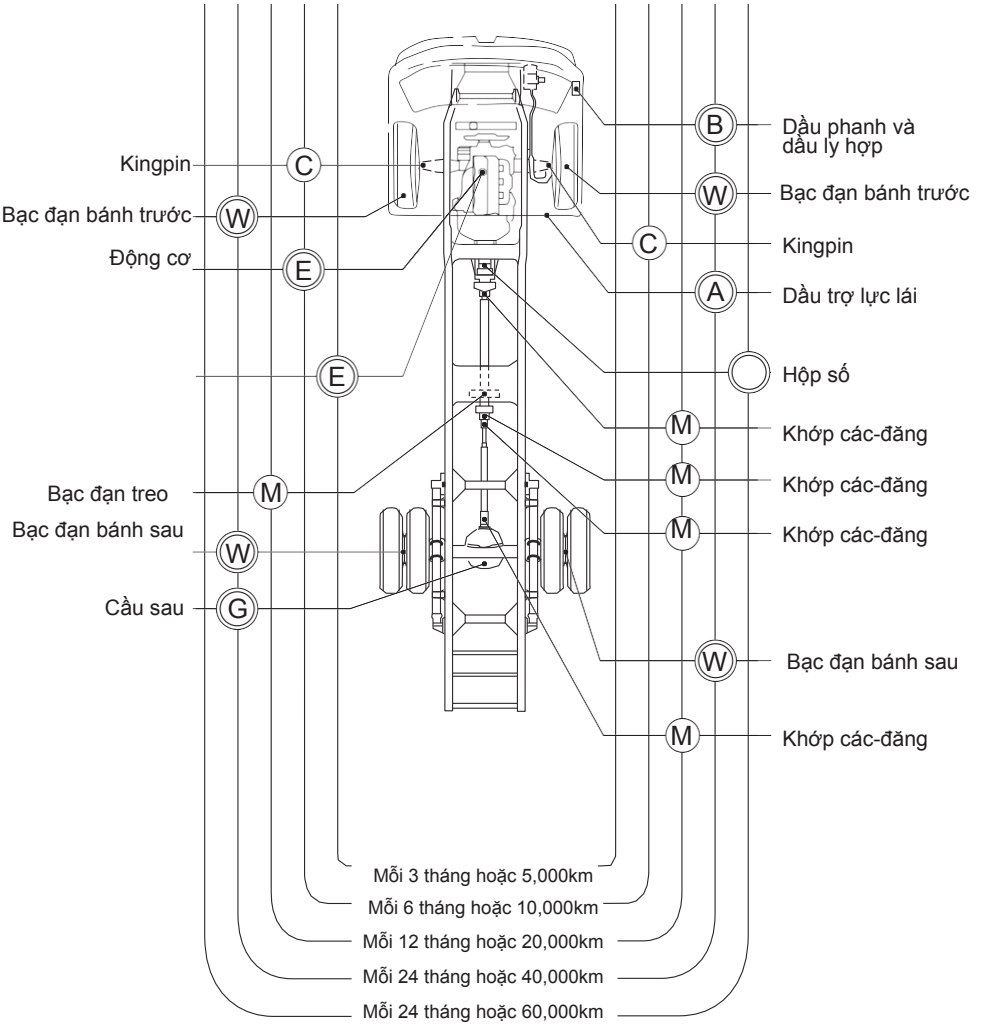

Thùng Đông Lạnh Isuzu Cool Express

Thùng đông lạnh Isuzu Cool Express là sản phẩm cung cấp bởi nhà máy Isuzu Việt Nam. Nội dung chương này sẽ hướng dẫn các bạn cách sử dụng thùng xe đúng cách. Đồng thời nó cũng hướng dẫn bạn cách thức kiểm tra, bảo dưỡng theo định kỳ. Bạn nên đọc kỹ các thông tin trong chương này trước khi vận hành và khai thác xe, nó sẽ giúp ích cho bạn rất nhiều về các yếu tố an toàn và gia tăng độ bền của thùng xe cũng như các trang thiết bị lắp kèm trên xe.

Quy Định Bảo Hành

Thùng đông lạnh ISUZU COOL EXPRESS là sản phẩm OEM hợp tác giữa ISUZU Việt Nam với Quyền Auto và được bảo hành tại các đại lý ủy quyền của ISUZU Việt Nam.

1. **Thời hạn bảo hành**: 12 tháng kể từ ngày đăng kí bảo hành.
2. **Các hạng mục được bảo hành**: Các sai sót do lỗi nguyên vật liệu hoặc tay nghề ảnh hưởng đến chất lượng, kỹ thuật và mỹ quan tổng thể của thùng hay linh kiện thùng trong khoảng thời gian bảo hành được quy định ở mục I.1 sẽ không tính phí ngoại trừ các điều khoản ở mục I.3 bên dưới.

3. Các hạng mục không được bảo hành:

a. Hết thời hạn bảo hành được quy định ở mục I.1 ở trên.

b. Khách hàng tự ý thay đổi kết cấu thùng xe, vị trí các chi tiết sản phẩm, thay thế hoặc sửa chữa tại đơn vị không được ủy quyền của IVC.

c. Các hư hỏng do tự ý can thiệp vào hệ thống điện thùng và các thiết bị lắp kèm trên xe.

d. Sử dụng thùng xe để chở hàng hóa vượt quá tải trọng cho phép theo thiết kế.

e. Các hư hỏng do sử dụng sai hướng dẫn, xếp dỡ hàng hóa không đúng cách hoặc do tai nạn.

f. Vận chuyển hàng hóa có chất ăn mòn, a-xít, hóa chất hoặc muối …

g. Các hư hỏng do sự ăn mòn tự nhiên của môi trường vùng biển, nước mặn, mưa đá, mưa a-xít hay các hư hỏng do thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn… gây ra

h. Những hư hỏng gây ra do vi phạm mục I.4 (Trách nhiệm của khách hàng). Các hư hỏng do chuyên chở hàng hóa không đúng chức năng chuyên chở của thùng xe theo quy định (tham khảo mục IV).

i. Các hư hỏng do không tuân thủ các cảnh báo an toàn và khuyến cáo nguyên lý xếp dỡ hàng hóa (tham khảo mục V và VI).

j. Các hư hỏng do không tuân thủ lịch trình bảo dưỡng định kỳ bắt buộc.

k. Khoảng trống tối thiểu từ mặt trên cùng của hàng hóa đến mặt dưới của máy lạnh phải từ 0,2m trở l. lên (chất hàng sát sẽ làm cản trở hơi lạnh tuần hoàn trong thùng, cọ sát hư vỏ giàn lạnh, đứt dây m. sensor, cọ quạt gây hư hỏng quạt). Nếu chất hàng không đúng quy định gây nên các hư hỏng cho máy lạnh.

l. Hư hỏng do sử dụng sai mục đích, cẩu thả thiếu sự chăm sóc bảo dưỡng và vận hành không đúng như mô tả trong tài liệu hướng dẫn sử dụng máy lạnh.

m. Những hư hỏng do tự ý thay thế phụ tùng không chính hãng, sử dụng loại gas không đúng.

o. Hư hỏng phát sinh do khách hàng không bảo dưỡng máy lạnh đúng theo lịch trình.

p. IVC sẽ không bảo hành sản phẩm máy lạnh nếu khách hàng tự ý tháo gỡ các niêm phong chì.

4. Trách nhiệm của khách hàng:

Để sử dụng sản phẩm an toàn và bền bỉ, việc kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ là hết sức cần thiết. Vì vậy cần chú ý những điểm sau đây:

a. Thực hiện bảo dưỡng định kỳ thùng xe theo đúng lịch bảo dưỡng định kỳ (ở mục II) tại các đại lý được ủy quyền chính thức của IVC.

b. Lưu giữ, bảo quản sổ "Hướng dẫn sử dụng thùng xe" và xuất trình khi thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa hoặc bảo hành để tiện theo dõi lịch sử của xe.

c. Đảm bảo bất kỳ hư hỏng hay lỗi kỹ thuật nào phát sinh từ sản phẩm phải được thông báo đến đại lý ngay lập tức để kịp thời can thiệp hoặc sửa chữa.

d. Thực hiện tự kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ sản phẩm (tham khảo mục III).

e. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng, bảo quản và chăm sóc máy lạnh theo như sổ tay hướng dẫn sử dụng.

f. Không được tự ý sạc gas trong thời gian bảo hành.

5. Trường hợp khẩn cấp: Trong trường hợp xe không thể vận hành hoặc vận hành trong trạng thái không an toàn, vui lòng liên hệ với đại lý ủy quyền của IVC gần nhất hoặc hotline để được tư vấn.

Bảng Theo Dõi Bảo Dưỡng Định Kỳ

•BẢNG THEO DÕI BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ
Vui lòng điền đầy đủ các thông tin và đóng dấu xác nhận của đại lý thực hiện bảo dưỡng trong bảng theo dõi này.
Nếu quý khách không thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo lịch trình thì quyền lợi của quý khách sẽ bị mất đồng thời chúng tôi từ chối sửa chữa, bảo hành những hư hỏng do thiếu bảo dưỡng gây ra.
* Để gia tăng tuổi thọ và độ an toàn của thùng xe, quý khách nên thực hiện bảo dưỡng bổ sung sau mỗi ~30.000km hoặc 6 tháng.

BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ LẦN 1	BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ LẦN 2	BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ LẦN 3
- Điều kiện: từ 2 đến 3 tháng kể từ ngày đăng kí bảo hành. - Nội dung: **Bảo dưỡng máy lạnh thùng** - Ngày : ….. / ….. / ……. - Xác nhận của đại lý: ……	- Điều kiện: từ 5 đến 6 tháng kể từ ngày đăng kí bảo hành. - Nội dung: **Bảo dưỡng thùng & bảo dưỡng máy lạnh thùng** - Ngày : ….. / ….. / ……. - Xác nhận của đại lý: ……	- Điều kiện: từ 9 đến 12 tháng kể từ ngày đăng kí bảo hành. - Nội dung: **Bảo dưỡng thùng & bảo dưỡng máy lạnh thùng** - Ngày : ….. / ….. / ……. - Xác nhận của đại lý: ……

BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ BỔ SUNG	BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ BỔ SUNG	BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ BỔ SUNG	BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ BỔ SUNG
- Điều kiện: sau 18 tháng kể từ ngày đăng kí bảo hành. - Nội dung: **Bảo dưỡng thùng & bảo dưỡng máy lạnh thùng**	- Điều kiện: sau 24 tháng kể từ ngày đăng kí bảo hành. - Nội dung: **Bảo dưỡng thùng & bảo dưỡng máy lạnh thùng**	- Điều kiện: sau 30 tháng kể từ ngày đăng kí bảo hành. - Nội dung: **Bảo dưỡng thùng & bảo dưỡng máy lạnh thùng**	- Điều kiện: sau 36 tháng kể từ ngày đăng kí bảo hành. - Nội dung: **Bảo dưỡng thùng & bảo dưỡng máy lạnh thùng**

Thao Tác Hiệu Chỉnh Máy Lạnh Thùng

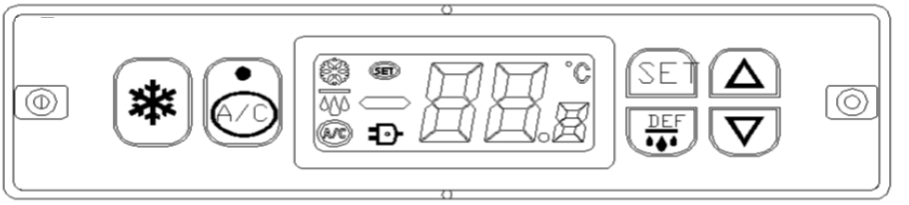

1. Khởi động
Nhấn một lần nút

2. Dừng
Nhấn nút SET vài lần đến khi màn hình hiển thị không còn biểu tượng “SET” sau đó nhấn thêm một lần nút

3. Thiết lập nhiệt độ

3.1 Sau khi nhấn nút khởi động, nhấn một lần nút

3.2 Nhấn nút mũi tên lên/xuống để thiết lập nhiệt độ bên trong thùng theo yêu cầu

3.3 Cuối cùng nhấn nút SET để xác nhận thiết lập nhiệt độ

4. Sử dụng nguồn điện ngoài

4.1. Nhấn một lần nút

4.2. Chọn chế độ

5. Rã đông tự động

5.1. Thời gian rã đông tự động được thiết lập mặt định trên máy là 1 phút sau mỗi 1 giờ đồng hồ

5.2. Nhấn nút SET vài lần, chu kỳ rã đông tự động: C0 (không rã đông), C1 (mỗi 1 giờ), C2 (mỗi 2 giờ), C3 (mỗi 3 giờ). Nhấn nút mũi tên lên/xuống để thiết lập chu kỳ thời gian rã đông tự động theo yêu cầu. Sau đó nhấn 2 lần nút SET

5.3. Nhấn nút SET 3 lần, có thể điều chỉnh thời gian thực hiện rã đông tự động: t0 (không rã đông), t1 (1 phút), t2 (2 phút), t3 (3 phút), t4 (4 phút), t5 (5 phút). Nhấn nút mũi tên lên/xuống để thiết lập thời gian rã đông tự động theo yêu cầu. Sau đó nhấn lại 1 lần nút

6. Rã đông thủ công

Mỗi khi nhấn nút hệ thống sẽ rã đông 1 phút/giờ. Bạn có thể thay đổi chu kỳ và thời gian rã đông theo bước 5.2 & 5.3

Một Số Lỗi Thường Gặp

Khi hệ thống máy lạnh thùng xảy ra lỗi, hệ thống sẽ xuất hiện mã lỗi trên màn hình hiển thị, một số mã lỗi phổ biến như sau:

1. Lỗi “OPN”

Khi xuất hiện mã lỗi “OPN” → Cảm biến nhiệt đã bị hư hỏng

Yêu cầu: Thay mới

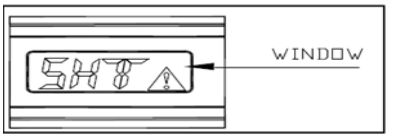

2. Lỗi “SHT”

Khi xuất hiện lỗi “SHT” → cho thấy dây cảm biến nhiệt đã bị hư hỏng

Yêu cầu: Thay mới dây hoặc cảm biến

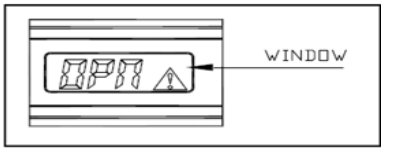

3. Thiết bị không vận hành sau khi đã bật nút khởi động

→ Kiểm tra tình trạng dây đai có thể bị lỏng hoặc đứt

4. Khi chỉ có máy nén không hoạt động

→ Nếu ly hợp từ máy nén không hoạt động, có thể dây tín hiệu điều khiển bị đứt

5. Khi quạt tản nhiệt dàn nóng hoặc quạt dàn lạnh không hoạt động

→ Kiểm tra tình trạng của dây dẫn và cầu chì hoặc chổi than của motor quạt hư hỏng

6. Khi cả máy nén và quạt tản nhiệt đều không hoạt động

→ Kiểm tra nhiệt độ thùng hiện tại và kiểm tra việc thiết lập nhiệt độ thùng

7. Khi nghe âm thanh lạ

→ Kiểm tra các chi tiết đã được siết chặt hay chưa, dây đai có bị lỏng hay không sau đó siết chặt lại.

Cảnh Báo Người Dùng

1. Ngưng vận hành thiết bị ngay khi phát hiện âm thanh lạ, trong các trường hợp xuất hiện âm thanh lạ nhưng vẫn tiếp tục sử dụng thiết bị sẽ có nguy cơ dẫn đến các sự cố về điện hoặc cháy nổ …

2. Ngoài các kỹ thuật viên được đào tạo thì không ai được tháo rời hoặc sửa chữa máy lạnh. Việc tự ý sửa chữa sẽ có rủi ro xảy ra những sai sót gây ra sự cố về điện hoặc cháy nổ …

3. Không để nước tác động lên các thiết bị dùng điện nếu không dễ dẫn đến việc chập/ngắn mạch.

4. Không rửa máy bằng vòi phun áp suất cao, vì rửa máy bằng vòi áp suất cao sẽ làm hỏng các phin tản nhiệt trên dàn nóng hoắc sử dụng hơi nước sẽ làm tăng áp suất bên trong hệ thống có thể gây ra nổ …

5. Luôn tắt thiết bị trước khi tiến hành vệ sinh, bảo trì hoặc kiểm tra.

Hoạt Động Kiểm Tra Bảo Dưỡng

1. Kiểm tra thiết lập và chạy thử
    a. Kiểm tra sự rò rỉ của các đường ống dẫn vả khả năng kết nối của dây dẫn.
    b. Chắc chắn rằng các đường ống không bị rung lắc trong quá trình vận hành.
    c. Kiểm tra độ căng của dây đai và các vết xước trên dây .
    d. Kiểm tra dây đai trong quá trình vận hành có bị chạm vào các thiết bị khác của máy không như máy nén, puly, dây đai, ống dẫn, dây, điện …
    e. Nghe âm thanh bất thường phát ra từ các bộ phận chuyển động của máy để kịp thời xử lý.
    f. Siết chặt các bulon bị lỏng của bộ phận ngưng tụ, quạt, máy nén, kiểm tra các bộ phận bị biến dạng ..
    g. Kiểm tra vận hành ở chế độ dùng điện A/C trực tiếp

2. Kiểm tra hàng ngày.
    a. Kiểm tra sự vận hành của thiết bị .
    b. Kiểm tra âm thanh lạ phát ra trong quá trình vận hành.
    c. Kiểm tra sự va chạm giữa các thiết bị.
    d. Kiểm tra độ căng các dây đai.
    e. Kiểm tra quạt bộ phận tản nhiệt và quạt lạnh.
    f. Kiểm tra nhiệt độ thiết lập.

3. Kiểm tra hàng tháng

a. Kiểm tra độ căng dây đai , độ chùng dây đai phải nằm trong phạm vi cho phép từ 7-10mm.

b. Kiểm tra sự va chạm giữa các thiết bị (máy nén, puly, dây đai,ống dẫn , dây điện).

c. Vệ sinh sạch sẽ bộ phận ngưng tụ , quạt , đường ống thoát bằng cọ mềm , nếu sử dụng cọ cứng sẽ làm biến dạng các vây tản nhiệt .

Chú ý : Không rửa thiết bị bằng vòi phun áp suất cao hoặc hơi nước.

d. Kiểm tra môi chất làm lạnh qua tín hiệu trên kính xem ga – màu sắc …

Trong suốt - Bình thường

Vàng - có chứa nước

Đỏ/Đen - Bị bẩn

Có nhiều bọt khí – Môi chất làm lạnh không đủ

Lưu ý: Thay mới chất làm lạnh nếu có lẫn nước.

4. Kiểm tra 6 tháng

a. Kiểm tra tất cả các hạn mục trong phần kiềm tra thiết lập và chạy thử và kiểm tra hàng tháng.

b. Kiểm tra các tiếp điểm relay tránh các hiện tượng ngắn mạch.

5. Trường hợp máy lạnh ngưng hoạt động trong thời gian dài

Khởi động xe và máy lạnh ở tốc độ cầm chừng (tốc độ động cơ trong khoảng 600~800 vòng/phút) trong khoảng thời gian 2~3 phút để nhớt bôi trơn máy nén hoạt động ổn định, sau đó thì có thể cho máy lạnh hoạt động lại bình thường. Nếu khi khởi động máy lạnh thùng trong khi tốc độ động cơ quá lớn, các chi tiết bên trong máy nén chưa được bôi trơn đều sẽ gây ra các hư hỏng bên trong máy nén và ảnh hưởng đến tuổi thọ của chi tiết.

6. Kiểm tra tăng dây cu-roa (dây đai)

- Thường xuyên kiểm tra độ căng dây curoa, độ chùn của dây curoa phải nằm trong phạm vi cho phép từ 7 đến 10mm.

- Khi dây curoa chùn lên ga sẽ nghe kêu tiếng rít hay " két két" và dây curoa sẽ đánh võng.

- Cách tăng dây curoa (dây đai)

- Bước 1:

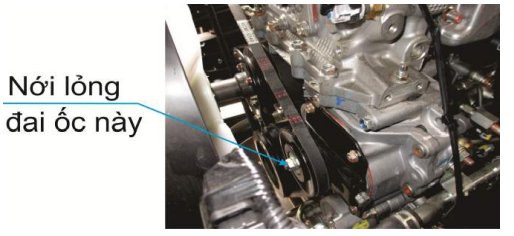

- Bước 2:

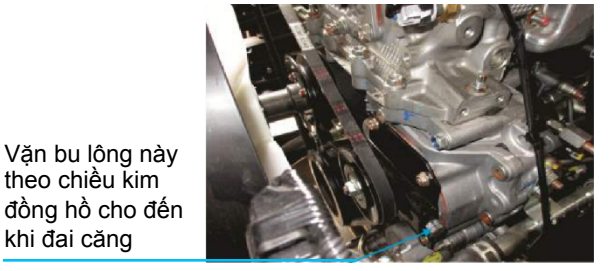

- Bước 3:

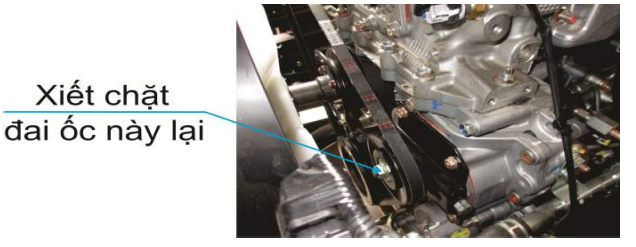

Các Hạng Mục Tự Kiểm Tra Và Bảo Dưỡng Định Kỳ

Nội dung tự kiểm tra bảo dưỡng thùng	Hàng ngày	Hàng tuần	Hàng tháng	3 tháng	6 tháng
Vệ sinh trong và ngoài thùng (lưu ý không dùng hóa chất tẩy rửa)	✓				
Kiểm tra hệ thống điện thùng, còi báo: đảm bảo hoạt động bình thường	✓				
Kiểm tra tổng quan trong/ngoài thùng: các mối ghép keo nguyên vẹn; bề mặt thùng không bị thủng, nứt vỡ hoặc biến dạng		✓			
Kiểm tra các bu lông liên kết thùng và sát xi xe: không bị nới lỏng, đứt gãy			✓		
Kiểm tra các mối liên kết phụ kiện thùng: bu lông, vít, đinh tán, ri vê			✓		
Bơm mỡ bò vào các khớp xoay bản lề cửa, tay gài, khóa cửa,…				✓	
Đối với loại thùng sử dụng ron cao su phục hồi độ đàn hồi của ron cao su cửa bằng dung dịch chuyên dụng (**Wax one**)					✓

Phân Loại Chức Năng Và Ứng Dụng Thùng Xe

Việc chở hàng hóa không đúng với chức năng và ứng dụng của thùng xe sẽ làm tăng nguy cơ hư hỏng kết cấu thùng xe, mất an toàn khi lưu thông trên đường và ảnh hưởng đến vấn đề vệ sinh an toàn cho thực phẩm và hàng hóa.

* Lưu ý: nhiệt độ bảo quản hàng hóa chỉ mang tính tham khảo trong mọi trường hợp

Chức năng chuyên chở hàng hóa của thùng xe: ✓:Ứng dụng – O:Không ứng dụng	Nhiệt độ bảo quản	Tải lạnh	Bảo ôn	Tải kín	Mui bạt
Chở hàng đông lạnh: thực phẩm đông lạnh, kem, vắc xin y tế... và hàng hóa thường xuyên phải cấp đông hoặc làm lạnh liên tục khi vận chuyển	< -5°C	✓	O	O	O
Chở hàng hoa quả, rau củ,... cần duy trì nhiệt độ mát khi vận chuyển	-5°C ~ 15°C	✓	O	O	O
Chở hàng tôm giống, hải sản tươi sống chạy máy Oxy đồng thời cần duy trì nhiệt độ mát khi vận chuyển	-5°C ~ 15°C	✓	O	O	O
Chở hàng tôm giống, hải sản tươi sống chạy máy Oxy, thực phẩm đã cấp đông chờ rã đông, chở nước đá, hải sản muối đá,... và các sản phẩm cần cách nhiệt tốt khi vận chuyển	< 30°C	✓	✓	O	O
Hàng dân dụng, tạp hóa, sản phẩm từ nhựa, bưu phẩm, drap, nệm, hàng khối lượng nhẹ nhưng cồng kềnh,... các loại hàng khô không sinh ra nước, cần bảo quản kín và cách nhiệt tương đối khi vận chuyển	< 35°C	O	O	✓	O
Hàng hóa thông thường không có yêu cầu về bảo quản kín hoặc cách nhiệt khi vận chuyển	Không yêu cầu	O	O	O	✓

Cảnh Báo An Toàn

Việc không tuân thủ các cảnh báo an toàn ⚠ sẽ làm tăng nguy cơ hư hỏng kết cấu thùng xe, mất an toàn khi lưu thông trên đường và không được bảo hành trong trường hợp cần sửa chữa, khắc phục.

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1		Không chạy xe nâng vào trong thùng. Chỉ cho phép sử dụng xe nâng kéo tay có tải trọng dưới 1 tấn.
2		Không chở các loại hàng hóa có chất gây ăn mòn.
3	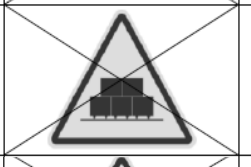	Không để vật nhọn tiếp xúc trực tiếp xuống bề mặt sàn thùng gây hư hỏng sàn thùng.
4		Không chở các loại hàng hóa dễ gây cháy nổ.
5		Không khoan, lắp thêm các phụ kiện vào thùng khi chưa được sự cho phép và tư vấn từ nhà sản xuất.
6	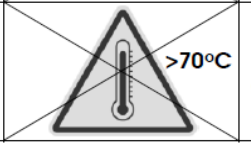	Không chở hàng hóa sinh nhiệt >70°C hoặc để thùng xe tiếp xúc gần với nguồn nhiệt >70°C.

STT	Ký hiệu	Diễn giải
7		Không tự ý thay đổi thiết kế hệ thống điện thùng và các thiết bị điện lắp trên xe. Việc này làm tăng nguy cơ cháy nổ do quá tải điện hoặc dẫn đến hoạt động không ổn định của hệ thống điện xe.
8		Khi các tấm panel thùng xe bị các tác nhân bên ngoài làm hư hỏng, không để phần lõi thùng xe tiếp xúc với nước hoặc độ ẩm cao (nên dùng băng keo dán kín các vị trí rách/vỡ). Liên hệ ngay với nhà sản xuất để tiến hành sửa chữa kịp thời.
9		Liên hệ với đơn vị xử lý rác thải khi thùng xe không còn sử dụng được. Không xả thải bừa bãi ra môi trường vì nguyên vật liệu chế tạo thùng xe rất khó phân hủy ở điều kiện tự nhiên.

Việc không tuân thủ các cảnh báo an toàn ⚠ sẽ làm tăng nguy cơ hư hỏng kết cấu thùng xe, mất an toàn khi lưu thông trên đường và không được bảo hành trong trường hợp cần sửa chữa, khắc phục.

Khuyến Cáo Nguyên Lí Xếp Dỡ Hàng Hoá

Việc không tuân thủ các nguyên lý xếp dỡ hàng hóa sẽ làm tăng nguy cơ hư hỏng kết cấu thùng xe, mất an toàn khi lưu thông trên đường và không được bảo hành trong trường hợp cần sửa chữa, khắc phục.

STT	Nên "✓"	Không nên "X"	Diễn giải
1	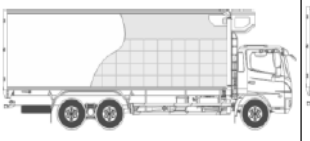		Hàng hóa phải được sắp xếp dồn từ phía trước thùng xe nhằm tránh tình trạng ngả, đổ khi phanh gấp.
2	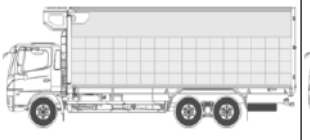		Hàng hóa phải được sắp xếp đều theo chiều rộng và chiều dài thùng, để giảm thiểu lực tập trung và giúp xe ổn định khi vận hành trên đường.
3	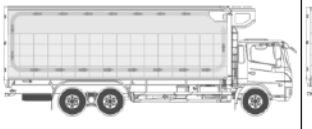		Không chất hàng cao quá mức vạch quy định được dán trong thùng (xe tải lạnh), việc này ảnh hưởng đến lưu thông nhiệt độ toàn thùng. Chất hàng phải có khoảng hở để tuần hoàn nhiệt độ trong toàn thùng.
4		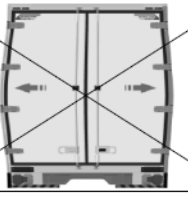	Không chất hàng chèn ép 2 bên hông thùng hoặc chổ các mặt hàng có khả năng sinh ra khí làm thay đổi thể tích hàng hóa gây nguy hại cho thùng.

STT	Nên "✓"	Không nên "X"	Diễn giải
5		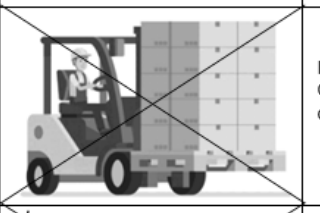	Không chạy xe nâng vào trong thùng. Chỉ cho phép sử dụng xe nâng kéo tay có tải trọng dưới 1 tấn.
6	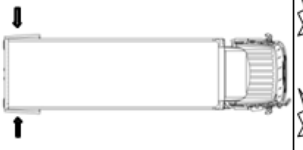	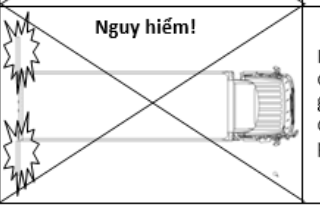	Khi cần mở cửa thùng xe, phải gài cửa cố định vào thùng xe để tránh va đập gây hư hỏng cửa, đồng thời còn tránh được nguy cơ mất an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông.

Việc không tuân thủ các nguyên lý xếp dỡ hàng hóa sẽ làm tăng nguy cơ hư hỏng kết cấu thùng xe, mất an toàn khi lưu thông trên đường và không được bảo hành trong trường hợp cần sửa chữa, khắc phục.

Lưu Ý Khi Sử Dụng Thùng Đông Lạnh

Việc hiểu rõ những lưu ý sau đây sẽ giúp bạn bảo quản tốt hơn hàng hóa, vận hành xe tiết kiệm nhiên liệu và gia tăng độ bền của máy lạnh thùng cũng như độ bền của xe tải trong quá trình sử dụng.

STT	Nên "✓"	Không nên "X"	Diễn giải
1	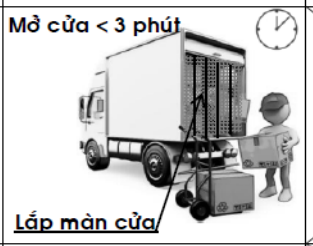	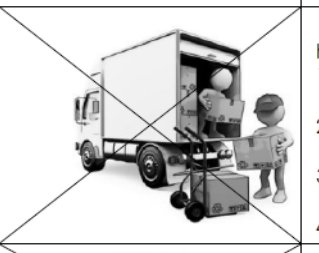	Những việc nên làm để giữ hơi lạnh không bị thất thoát: 1) Tắt máy lạnh thùng trước khi mở cửa. 2) Lắp màn nhựa PE các vị trí cửa sau và cửa hông. 3) Mở cửa thùng không quá 3 phút. 4) Không mở cửa liên tục.
2	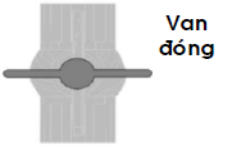	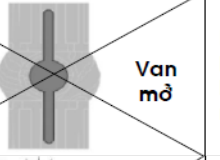	Phải đóng kín van nước trước khi mở máy lạnh thùng. Hơi lạnh sẽ bị mất nhanh chóng nếu van nước để ở vị trí mở.
3	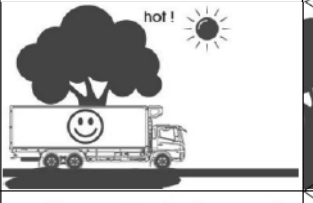	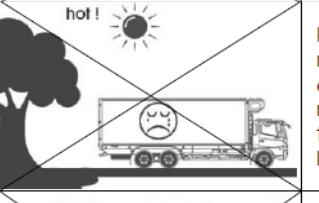	Khi đỗ xe đồng thời vận hành máy lạnh thùng, nên đậu xe dưới bóng mát tránh ánh nắng trực tiếp. Việc này giúp tiết kiệm nhiên liệu và giảm áp lực làm lạnh của máy lạnh.
4	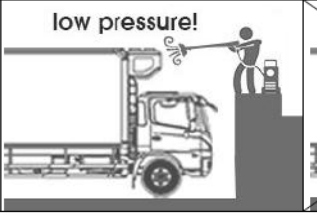	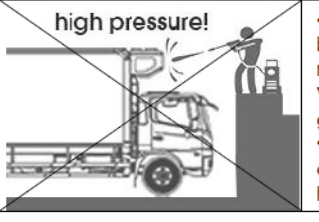	•Vệ sinh giàn nóng máy lạnh bằng nước sạch và cọ mềm nếu giàn nóng bị bám bẩn. Việc này giúp tăng khả năng giải nhiệt của giàn nóng. •Không dùng vòi nước áp lực cao xịt vào máy lạnh, sẽ gây hư hỏng các lá tản nhiệt.

Kết Cấu Và Thông Số Thùng Xe

1. Kết cấu thùng xe tải đông lạnh – bảo ôn:

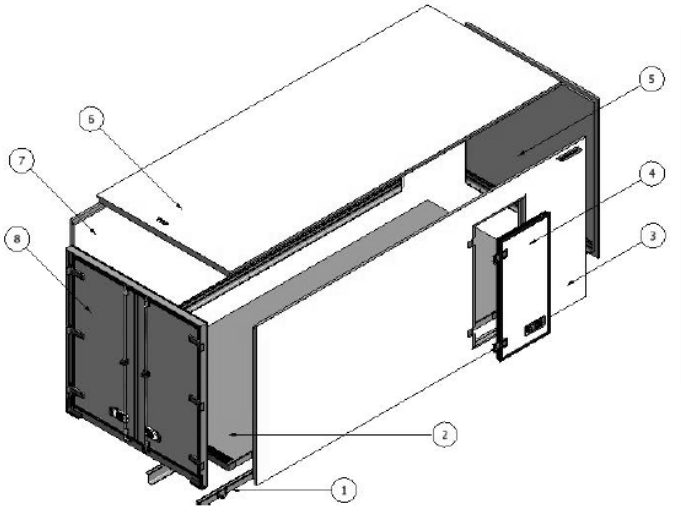

TT	Cụm chi tiết
1	Đà dọc thùng
2	Panel sàn thùng
3	Panel hông phải
4	Cửa hông
5	Panel vách trước
6	Panel nóc
7	Panel hông trái
8	Cụm cửa sau

	LOẠI SÀN PHẲNG	LOẠI SÀN INOX DẬP SÓNG
Minh họa	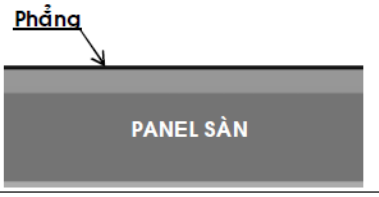	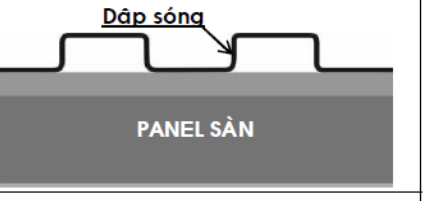
Vật liệu bề mặt sàn	Composite / Inox 304 / Nhôm (bề mặt chống trượt)	Inox 304 (dập sóng)
Ứng dụng	• Chở kiện hàng có sử dụng Pallet.	• Chở được nhiều loại hàng hóa với khả năng đáp ứng linh hoạt
Ưu điểm	• Thuận tiện xếp dỡ hàng hóa. • Bề mặt tấm mặt sàn bền bỉ.	• Khả năng thoát nước nhanh. • Lưu thông nhiệt độ tốt.
Nhược điểm	• Khả năng thoát nước chậm. • Lưu thông nhiệt độ kém nếu không sử dụng Pallet.	• Hơi nước tích tụ ở khoảng trống dưới lớp dập sóng sau 1 thời gian sử dụng. • Bề mặt tấm mặt sàn dễ bị hư hỏng khi bị tác động mạnh.

2. Kết cấu PANEL thùng xe

Panel thùng xe là sản phẩm OEM liên kết giữa IVC và Quyền Auto bao gồm nhiều lớp liên kết với nhau bằng keo chuyên dụng và công nghệ hút chân không, được gọi là SANWICH PANEL.

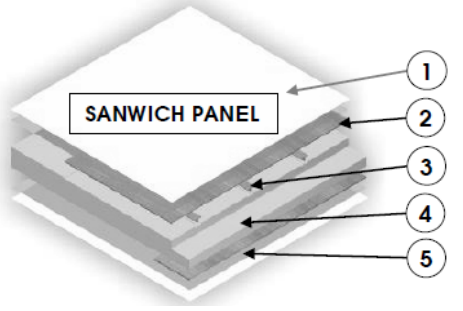

TT	Chi tiết lớp panel
1	Tấm composite (GRP)
2	Ván ép gia cường
3	Nhôm gia cường
4	Lớp cách nhiệt (XPS)
5	Keo liên kết chuyên dụng

Ưu điểm của kết cấu SANWICH PANEL:

- ✓ Kết cấu thùng xe không cần sử dụng xương bên trong mà vẫn đảm bảo độ bền và khả năng chịu tải trọng lớn.
- ✓ Nhờ khả năng chống thấm của lớp cách nhiệt XPS giúp cho thùng xe không bị thay đổi về khối lượng và khả năng cách nhiệt sau một thời gian sử dụng.
- ✓ Vật liệu XPS không độc hại và thân thiện với môi trường.
- ✓ Chi phí sửa chữa thấp và thời gian sửa chữa nhanh chóng

3. Thông số tiêu chuẩn thùng xe tải đông lạnh – bảo ôn:

* Ghi chú: đây là thông số tiêu chuẩn thông dụng để tham khảo và có thể thay đổi đối với một số loại thùng có thiết kế đặc biệt.

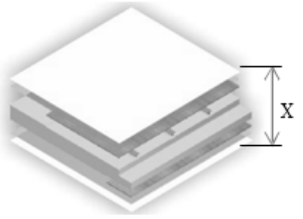

	LOẠI THÙNG				
	L	M	S1	S2 - S3	U
Tải trọng	> 8 tấn	6~8 tấn	3~6 tấn	0,5~3 tấn	< 500 kg
Độ dày phủ bì Panel tiêu chuẩn: X (mm)					
Panel sàn phẳng	130	100	95	80	75
Panel sàn sóng	140	110	100	85	85
Panel đầu	109	84	63	63	63
Panel hông	79	79	63	63	63
Panel nóc	104	104	78	78	63
Panel cửa	79	79	63	63	63

4. Hệ thống điện thùng:

* Ghi chú: đây là hình ảnh minh họa hệ thống dây điện các thiết bị được trang bị tiêu chuẩn. Thùng xe thực tế có thể khác về số lượng hoặc có thêm các trang bị đặc biệt khác

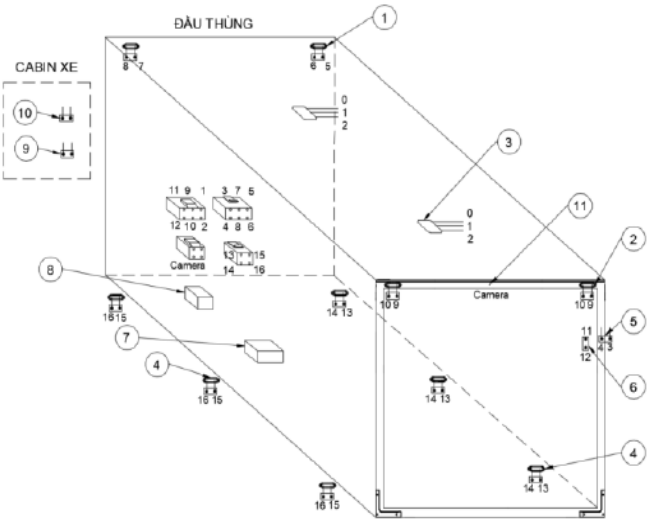

TT	TÊN GỌI	THÔNG SỐ
1	Đèn hiệu chiều rộng xe (phía trước)	0,9W
2	Đèn hiệu chiều rộng xe (phía sau)	1,6W
3	Đèn (trần) thùng	7,5W
4	Đèn hiệu thành xe	0,9W
5	Công tắc tín hiệu đèn trần (đóng/mở cửa)	-
6	Nút còi báo khẩn cấp	-
7	Hộp Relay	-
8	Hộp cầu chì	-
9	Công tắc đèn tín hiệu	-
10	Công tắc đèn trần	-
11	Dây Camera lùi	-

5. Hộp cầu chì hệ thống điện thùng:

- **Vị trí hộp cầu chì:** hộp cầu chì được bố trí trên sát xi bên tài, phía gần đầu thùng.
- **Thay cầu chì:** mỗi mạch điện có một cầu chì bảo vệ, chỉ số ampe của cầu chì được ghi trực tiếp lên cầu chì (hình ảnh bên). Nếu cầu chì bị đứt, chọn cầu chì có cùng chỉ số ampe tương ứng để thay thế.
- **Cảnh báo:**

  - Không tự ý nối tắt dây điện khi cầu chì bị đứt. Việc này có thể gây cháy xe.
  - Sử dụng đúng loại cầu chì dự phòng do IVC cung cấp.
  - Nếu sử dụng cầu chì có chỉ số ampe cao hơn có thể gây cháy xe.
  - Nếu không tìm được nguyên nhân đứt cầu chì hoặc cầu chì bị đứt liên tục sau khi được thay thế thì liên hệ ngay với đại lý ủy quyền của IVC để được tư vấn và kiểm tra.
  - Không phun, rửa nước bên vào bên trong hộp cầu chì. Nếu thấy có nước bên trong, kiểm tra và làm khô hộp cầu chì trước khi cho xe vận hành đồng thời làm kín các kẽ hở (nếu có).

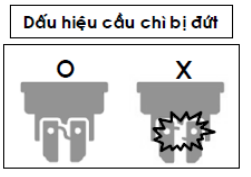

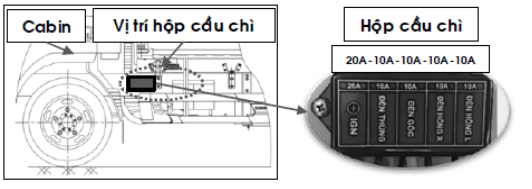

6. Hộp relay đèn hiệu thành xe:

- **Vị trí hộp relay**: Hộp Relay được bố trí ở phía trong sát xi ô tô bên tài, giữa xe.
- **Thay relay**: Nếu xác định relay bị hư hỏng cần thay thế, phải sử dụng relay có cùng kiểu loại và thông số.
- **Cảnh báo**:
  - Không tự ý nối tắt dây điện không thông qua hộp relay. Việc này có thể gây cháy xe.
  - Sử dụng đúng loại relay có cùng thông số kỹ thuật như của IVC cung cấp.
  - Nếu không tìm được nguyên nhân hỏng relay hoặc relay bị hỏng liên lục sau khi được thay thế thì liên hệ ngay với đại lý ủy quyền của IVC để được tư vấn và kiểm tra.
  - Không phun, rửa nước vào bên trong hộp relay. Nếu thấy có nước bên trong, kiểm tra và làm khô hộp relay trước khi cho xe vận hành đồng thời làm kín các kẻ hở (nếu có).

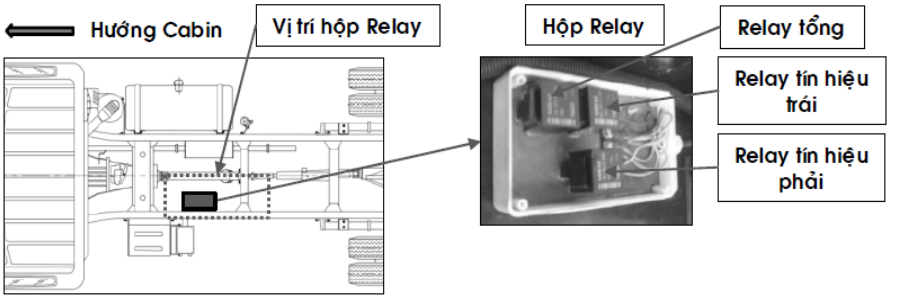

Các Lưu Ý Trong Trường Hợp Khẩn Cấp

1. Một số hư hỏng, nguyên nhân và cách khắc phục:

* Lưu ý:

- Việc kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ của lái xe sẽ giúp ngăn ngừa những sự cố hoặc hư hỏng xảy ra.
- Mọi sự cố hoặc hư hỏng nhỏ nếu được giải quyết sớm sẽ tránh được những hư hỏng nặng hơn.
- Khi gặp vấn đề xảy ra, cần kiểm tra và sửa chữa theo hướng dẫn (được liệt kê ở bảng dưới). Nếu không xác định được hư hỏng hãy liên hệ ngay với đại lý ủy quyền của IVC để được hướng dẫn và sửa chữa.

Vấn đề	Nguyên nhân	Biện pháp	Trang
Toàn bộ đèn chiếu sáng và tín hiệu thùng không hoạt động	Đứt cầu chì cấp nguồn hệ thống điện thùng	Thay thế cầu chì tổng cụm điện thùng	27, 28, 33
	Nguồn từ ắc quy tắt, lỏng hay bị ăn mòn quá mức	Kiểm tra vặn chặt, làm sạch hoặc thay thế cực bị ăn mòn	
Toàn bộ đèn (trần) thùng không hoạt động	Đứt cầu chì đèn thùng	Thay thế cầu chì đèn thùng	27, 28, 33
	Công tắc đóng mở cửa hỏng hoặc tiếp điểm kém	Mở công tắc đóng mở cửa kiểm tra và thay thế nếu hư hỏng	
Nhóm đèn hiệu thành xe không hoạt động (1 bên hoặc cả 2 bên)	Đứt cầu chì	Thay thế cầu chì tại vị trí đèn cùng chức năng	27, 28, 33
	Dây điện bị đứt	Kiểm tra thông mạch dây điện	
	Hỏng Relay đèn hiệu thành xe	Kiểm tra và thay thế đúng loại Relay nếu hư hỏng	

Vấn đề	Nguyên nhân	Biện pháp	Trang
Một nhóm đèn cùng chức năng không hoạt động	Đứt cầu chì	Thay thế cầu chì tại vị trí đèn cùng chức năng	27, 28, 33
	Dây điện bị đứt	Kiểm tra thông mạch dây điện	
Chỉ 1 đèn chiếu sáng hoặc tín hiệu không hoạt động (hệ thống có trên 2 bóng đèn cùng loại)	Hư bóng đèn	Thay thế bóng đèn cùng loại	27, 28, 33
	Lỏng chân giắc cắm	Kiểm tra chân giắc cắm tại vị trí lắp đèn và cắm lại	
Nút còi báo khẩn cấp không hoạt động	Còi xe bị trục trặc hoặc dây kết nối còi báo đến còi xe bị đứt	Kiểm tra còi xe hoạt động bình thường, kiểm tra thông mạch	27, 28, 33
	Tiếp điểm nút bấm kém hoặc hư hỏng	Mở nút còi báo ra kiểm tra tiếp điểm và thay thế nếu hư hỏng	
Cửa thùng xe khó đóng/mở hoặc không thể đóng/mở	Chất hàng không đúng nguyên lý (tải trọng tập trung cục bộ và không phân bố đều sàn thùng)	Chất lại hàng hóa phân bố đều theo chiều dài và chiều rộng thùng	18,19
	Cây gài cửa bị cong/biến dạng hoặc kẹt tay khóa cửa	Sửa lại hoặc thay thế cây gài cửa hoặc tay khóa cửa	-
	Roon cửa bị thoái hóa	Kiểm tra thay thế roon cửa	
Cửa thùng xe không kín (bị rò rỉ hơi lạnh hoặc rò rỉ nước từ bên ngoài vào trong thùng)	Roon cửa bị hư hoặc thoái hóa	Kiểm tra sửa chữa/thay thế roon cửa	-
	Panel cửa bị cong/biến dạng	Kiểm tra sửa chữa/thay thế cửa	
	Bản lề cửa bị cong/biến dạng	Kiểm tra sửa chữa/thay thế bản lề cửa	
Đệm lót (cao su) sát xi bị lệch khỏi vị trí đà dọc	Bu lông liên kết đà dọc thùng với sát xi bị nới lỏng sau 1 thời gian sử dụng	Đưa đệm lót sát xi về đúng vị trí sau đó kiểm tra siết chặt toàn bộ bu lông liên kết	-
	Bát chặn cao su bị biến dạng	Kiểm tra sửa hoặc thay thế bát chặn cao su	
	Cao su đàn hồi bát liên kết đầu thùng bị bể	Kiểm tra thay thế cao su đàn hồi	

2. Lỗi hết điện ắc quy trên xe có trang bị thiết bị điện chuyên dùng:

Lỗi phát sinh trong trường hợp trên xe có lắp các thiết bị chuyên dùng khi vận hành có tiêu thụ điện xe như: máy lạnh thùng (loại dẫn động bằng động cơ của xe), bửng nâng hạ, hệ thống quạt thông gió… và các thiết bị điện khác.

* Lưu ý: lái xe nên tắt các trang thiết bị sử dụng điện trên xe (như sạc điện thoại, đèn, quạt…) khi không thực sự cần thiết để tiết kiệm điện năng. Việc này cũng giúp tiết kiệm nhiên liệu cho xe khi vận hành.

Vấn đề	Nguyên nhân	Biện pháp	Trang
Ắc quy hết điện và xe không thể khởi động sau khi tắt máy	Vòng tua động cơ quá thấp so với yêu cầu khi vận hành	Tăng tốc độ động cơ (rpm) lên mức yêu cầu theo khuyến cáo cụ thể của từng thiết bị	-
	Máy phát điện của xe hoạt động không hiệu quả	Liên hệ đại lý ủy quyền của IVC để kiểm tra	-
	Hiệu quả của ắc quy kém do tuổi thọ của ắc quy giảm	Kiểm tra ắc quy và thay thế nếu cần thiết	-
	Rò rỉ nguồn điện qua các thiết bị điện	Liên hệ đại lý ủy quyền của IVC để kiểm tra	-
	Rò rỉ nguồn điện hoặc nguồn vận hành thiết bị phụ trợ (hộp đen ô tô, các cảm biến, camera, …)	Liên hệ nhà cung cấp thiết bị hoặc đại lý ủy quyền của IVC để kiểm tra	-

Điều Kiện Bảo Quản Các Loại Hàng Hoá

* Ghi chú: bảng số liệu dưới đây mang tính tổng quát và chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo. Các số liệu có thể thay đổi tùy vào điều kiện vùng miền, môi trường, các quy định hoặc tiêu chuẩn riêng của đơn vị chủ quản.

Sản phẩm	Nhiệt độ bảo quản °C	Độ ẩm %	Ghi chú
Huyết tương, kem	-18 ~ -25	-	
Hải sản tươi: cá, tôm, mực, ...	-18 ~ -25	-	
Thịt các loại, phủ tạng, bơ, mỡ, ...	-18	-	
Thực phẩm đã qua chế biến, đóng gói	-18 ~ 5	-	
Trái cây/rau củ tươi các loại: bưởi, cam, quýt, chanh, đào, táo, cà chua, cà rốt, dưa chuột, hành, nấm tươi, su hào, cải bắp, xúp lơ, su su, khoai tây, đậu tươi, xà lách, đồ hộp rau quả, ...	0 ~ 5	70 ~ 90	
Trái cây/rau củ tươi các loại: dứa (thơm), cà chua xanh, đậu khô, rau muống, bơ, đu đủ, mít, ...	5 ~ 10	70 ~ 90	
Trái cây/rau củ tươi các loại: chuối xanh, khoai lang, thanh long, măng cụt, ...	10 ~ 15	85 ~ 90	
Trái cây/rau củ tươi các loại: chuối chín	15 ~ 20	85 ~ 90	
Lươn sống, ếch sống	10 ~ 15	-	
Tôm giống, cá tầm sống	23 ~ 26	-	

TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP 8

- Trục Trặc 8-2
- Xe Hư Hỏng Khi Đang Lái 8-7
- Khi Bánh Xe Thiếu Hơi 8-8
- Động Cơ Ngưng Hoạt Động Khi Đang Lái 8-9
- Động Cơ Tắt Và Không Thể Khởi Động Lại Được 8-10
- Phanh Không Hoạt Động 8-10
- Khi Bình Hết Điện 8-11
- Cạn Nhiên Liệu 8-14
- Đèn Cảnh Báo Phát Sáng 8-17
- Động Cơ Quá Nhiệt 8-21
- Bóng Đèn Không Sáng 8-23
- Thay Cầu Chì Và Rơle 8-38
- Thay Cầu Chì Đứt Chậm 8-45
- Xe Gặp Tai Nạn 8-47
- Lái Xe Trên Đường Xấu 8-47
- Kéo Xe 8-48

Trục Trặc

Kiểm tra và bảo dưỡng xe thường xuyên để tránh hư hỏng.

Sửa ngay các lỗi nhỏ trong xe (dù là lỗi rất nhỏ) để ngăn nó trở nên nghiêm trọng. Nếu một hiện tượng chỉ ra trong bảng bên dưới xuất hiện, hãy thực hiện kiểm tra và tiến hành sửa chữa theo hướng dẫn. Nếu không thể tìm ra được chỗ hư hỏng, hoặc không thể thực hiện sửa chữa, hãy liên hệ với đại lý ISUZU gần nhất..

KHUYẾN CÁO

- Đề mục nào có dấu ◎ trong cột “Thao tác chỉnh sửa”,đòi hỏi cần được sửa chữa và điều chỉnh ngay lập tức. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

Hiện tượng		Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Động cơ không khởi động	Máy khởi động không quay hoặc quay yếu	Bình accu hết điện	Nạp lại hoặc thay	8-11
		Cọc bình lỏng, sút hoặc mòn	Sau khi sửa phần bị mòn, nối dây chặt vào cọc bình	—
		Dây nối mát bị sút, lỏng hoặc mòn	Sau khi sửa phần bị mòn, nối dây chặt vào cọc bình	—
		Nhớt máy quá đặc	Thay nhớt với độ nhờn phù hợp	6-18
		Máy khởi động hay hệ thống điện bị hỏng	◎	—
	Máy khởi động hoạt động tốt	Cạn nhiên liệu	Phải đảm bảo không có hiện tượng rò rỉ, rồi châm thêm nhiên liệu	—
		Có không khí trong hệ thống nhiên liệu	Xả gió hệ thống nhiên liệu	8-15 8-16
		Bộ lọc nhiên liệu nghẹt	Thay bộ lọc	7-48
		Nhiên liệu bị đông đặc	Sưởi ấm ống dẫn nhiên liệu bằng nước nóng hay chờ nó tự ấm lên	—
		Hệ thống nhiên liệu bị lỗi (động cơ 4JB1)	◎	—
		Hệ thống common rail bị lỗi	◎	—
		Hệ thống xông máy bị lỗi	◎	—
Động cơ khởi động nhưng tắt ngay sau đó		Tốc độ cầm chừng thấp	Chỉnh tốc độ cầm chừng	4-32
		Lọc nhiên liệu bị nghẹt	Thay mới lọc	7-48
		Bộ lọc gió bị nghẹt	Vệ sinh hoặc thay mới	7-44 7-46
		Hệ thống nhiên liệu bị lỗi (động cơ 4JB1)	◎	—
		Hệ thống common rail bị lỗi	◎	—
Tốc độ động cơ không ổn định		Có nước hoặc không khí trong hệ thống nhiên liệu	Xả nước hoặc xả gió	7-56 8-15 8-16
		Lỗi hệ thống nhiên liệu	◎	—

Hiện tượng	Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Nhiều khói trắng hoặc khói đen	Động cơ chưa đủ nóng	Làm nóng động cơ	4-32
	Quá nhiều nhớt động cơ	Điều chỉnh mức nhớt	7-22
	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ	◎	—
	Lỗi bơm tiếp vận	◎	—
	Bộ lọc gió bị nghẹt	Vệ sinh hoặc thay mới	7-44 7-46
	Lỗi hệ thống nhiên liệu	◎	—
	Xe hoạt động cầm chừng ở thời gian quá dài (> 2 giờ)	Đạp bàn đạp ga trong 1 thời gian ngắn	—
	Nghẹ hệ thống xả	◎	—
Động cơ quá nhiệt	Thiếu nước làm mát động cơ	Châm thêm nước làm mát	7-31
	Két nước bị bám bụi	Rửa bằng bàn chải lông mềm	7-39
	Nắp két nước không siết chặt	Phải siết chặt lại	—
	Lỏng dây đai quạt gió	Điều chỉnh lực cây dây đai hoặc thay dây đai mới	7-43
	Nước làm mát bị bẩn	Xúc rửa két nước hoặc thay thay nước làm mát	7-31
	Ly hợp quạt làm mát bị hư	◎	—
	Nắp két nước hư hoặc dơ	Vệ sinh hoặc thay mới	7-34
Áp suất nhớt thấp	Sử dụng nhớt không đúng phẩm cấp	Sử dụng đúng loại nhớt động cơ khuyến cáo	6-18
	Thiếu nhớt	Châm thêm nhớt động cơ	7-23
	Hư hỏng động cơ	◎	—
	Các đèn cảnh báo, chỉ báo bị hư hỏng	◎	—
Áp suất hơi khí nén	Hư hỏng máy nén khí	◎	—
	Rò ỉ hơi trên đường ống	◎	—
	Bộ điều tiết hơi bị hư hỏng	◎	—

Hiện tượng	Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Công suất máy yếu	Chưa nhả cần phanh tay	Nhả hoàn toàn cần phanh tay	—
	Bó phanh	◎	—
	Ly hợp bị trượt	Điều chỉnh hành trình tự do	7-97
	Bộ lọc gió bị nghẹt	Vệ sinh hoặc thay mới	7-44 7-46
	Bộ lọc nhiên liệu bị nghẹt	Thay mới bộ lọc	7-48
	Lỗi ở hệ thống điều khiển động cơ	◎	—
	Lỗi ở hệ thống nhiên liệu	◎	—
	Lỗi động cơ	◎	—
	Chưa nhả cần phanh tay	◎	—
Phanh không hiệu quả	Khe hở giữa trống phanh và bố phanh quá lớn	◎	—
	Có không khí trong dầu phanh	◎	—
	Lỗi ở hệ thống phanh	◎	—
Phanh không đều	Áp suất lốp trong các bánh không đều nhau	Điều chỉnh áp suất lốp	7-73
	Bánh xe mòn không đều	Thay bánh xe	7-81
	Khe hở giữa trống phanh và bố phanh quá lớn	◎	—
	Sai góc đặt bánh xe	◎	—
Phanh khí xả không hoạt động	Hệ thống điều khiển bị lỗi	◎	—

Hiện tượng		Nguyên nhân	Thao tác chỉnh sửa	Tham khảo
Trả lái không tốt		Thiếu dầu trợ lực lái	Châm thêm dầu trợ lực lái	—
		Sai góc đặt bánh xe	◎	—
Ly hợp không nhả tốt		Thiếu dầu ly hợp	Châm thêm	7-93
		Hành trình tự do bàn đạp ly hợp quá lớn	Điều chỉnh lại	7-97
Có âm thanh lớn hoặc bất thường	Từ hộp số	Thiếu nhớt hộp số	Châm thêm	7-98
		Hư hỏng bên trong hộp số	◎	—
	Từ cầu xe	Thiếu nhớt cầu xe	Châm thêm	7-101
		Hư hỏng phía trong cầu xe	◎	—
	Từ hệ thốngt reo	Các lò xo, các quang nhíp hoặc bộ hãm bị mòn	◎	—
	Từ trục truyền động	Bôi trơn kém trong mỗi bộ phận	Bôi trơn	7-108
		Bạc đạn bị mòn	◎	—

Xe Hư Hỏng Khi Đang Lái

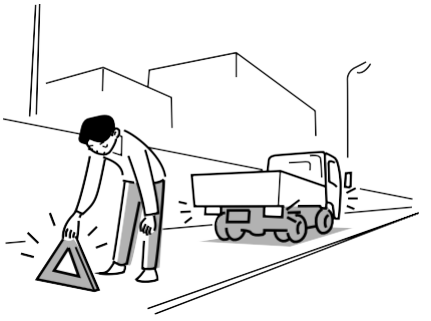

1. Bật đèn “báo nguy” và đưa xe vào nơi an toàn, không cản trở lưu thông. Đặt tam giác phản quang để cảnh báo lưu thông về sự hiện diện của xe bạn.
2. Để hành khách ra ngoài và đợi ở một nơi an toàn.
3. Liên lạc với đại lý Isuzu hoặc đơn vị cứu hộ để được hỗ trợ.

CẢNH BÁO

[nếu có rò rỉ nhiên liệu]

- Rò rỉ nhiên liệu từ xe rất nguy hiểm vì có thể gây cháy nổ. Hãy tắt động cơ ngay.

Khi Bánh Xe Thiếu Hơi (Non Hơi)

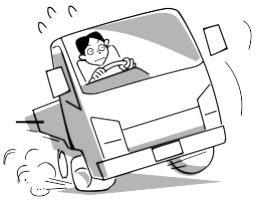

Nếu bánh xe bị xẹp khi đang lái, đừng phanh gấp, hãy giữ chắc tay lái và dừng xe. Nên thay bánh xe ở một nơi rộng rãi để đừng cản trở các xe khác và khách bộ hành.

CẢNH BÁO

- Nếu bạn tiếp tục lái xe khi bánh thiếu hơi, lực đè trên các đai ốc bánh xe sẽ làm bu-lông gãy và bánh xe sẽ sút ra.

Bánh xe dự phòng → Tham khảo trang 7-91

Sử dụng con đội → Tham khảo trang 7-110

Thay bánh xe → Tham khảo trang 7-81

Động Cơ Ngưng Hoạt Động Khi Đang Lái

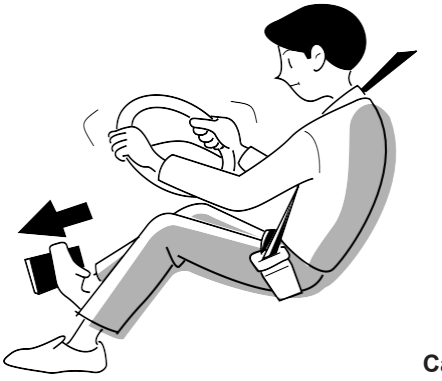

Lúc này bộ trợ lực phanh sẽ không hoạt động nên hiệu quả phanh suy giảm. Nếu không thể khởi động động cơ hãy nhanh chóng để đại lý Isuzu kiểm tra và sửa chữa.

Nếu động cơ tắt vì xe hết nhiên liệu khi đang lái, châm nhiên liệu cũng chưa thể khởi động động cơ, cần phải xả gió hệ thống nhiên liệu sau khi châm.

Cạn Nhiên Liệu → Tham khảo trang 8-14

CẢNH BÁO

- Hãy dừng xe vào nơi an toàn và ghi nhớ những điều sau.
  - Hệ thống trợ lực lái sẽ không hoạt động, vì thế rất khó điều khiển tay lái. Cần phải dùng nhiều sức hơn bình thường.
  - Vì bộ trợ lực phanh không còn hoạt động, nên hiệu quả phanh sẽ giảm sút, phải đạp phanh mạnh hơn bình thường.
- Đối với xe trang bị hệ thống phanh khí nén hoàn toàn, áp suất hơi khí nén sẽ không được cấp tiếp. Do đó hãy từ từ dừng xe ở nơi an toàn.

Động Cơ Tắt Và Không Thể Khởi Động Lại Được

Chuyển cần số vào vị trí “N” và đẩy xe vào nơi an toàn.

- Đối với xe trang bị hộp số bán tự động. Hãy chuyển tay số về vị trí N, kéo phanh tay và đạp bàn đạp phanh trước khi cố khởi động lại xe

CHÚ Ý

- Trong trường hợp khẩn cấp, hãy kéo cần sang số về vị trí “R” (số lùi) “1” (số 1) hoặc “2” (số 2) nếu bộ khởi động có thể hoạt động.
- Kế tiếp xoay công tắc khởi động trong khi nhả chân khỏi bàn đạp ly hợp từ từ để di chuyển xe.

Phanh Không Hoạt Động

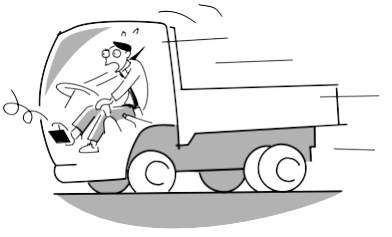

Nếu phanh mất tác dụng bất ngờ, hãy giảm tốc độ bằng cách đổi số nhanh chóng từ 3 qua 2, rồi 1. Từ từ kéo cần phanh tay trong khi giữ chặt tay lái.
Dừng xe vào lề đường.

CHÚ Ý

- Kéo cần phanh tay thình lình rất nguy hiểm khi chạy xe tốc độ cao. Phải giảm tốc độ trước bằng cách giảm số rồi từ từ kéo cần phanh tay.

LƯU Ý

- Trong tình huống xấu nhất khi đang trên đường núi hoặc các tình huống tương tự, hãy dừng xe bằng cách cạ xe vào thanh bảo vệ hoặc triền dốc bên đường hoặc để bánh trước và bánh sau một bên xe lọt và một hố bên đường.

Khi Bình Hết Điện

Dùng cáp nối (được bán riêng) và bình accu của một xe khác để khởi động động cơ trong trường hợp này.

CHÚ Ý

- Để an toàn và bảo vệ xe, đừng đẩy xe.
- Phải nhớ rằng các bình accu dùng khởi động phải có cùng điện thế với xe bị hư.
- Trong mọi trường hợp không để cọc dương và cọc âm của bình accu chạm vào nhau.
- Khi nối dây cáp, không để các kẹp chạm vòa nhau.
- Hãy nhớđại lý ISUZU gần nhất nạp bình accu lại.
- Đừng tháo dây cọc bình khi động cơ đang chay, sẽ gây hư hỏng trong hệ thống điện.

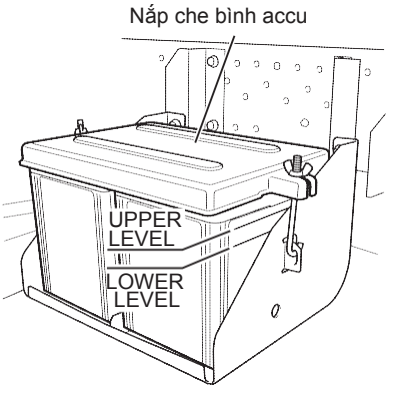

1. Kiểm tra mức dung dich bình accu ở xe bị hư.
2. Dùng một xe có bình accu đã nạp có cùng điện thế.
3. Tháo nắp đậy bình và nối cáp theo thứ tự nối trong hình

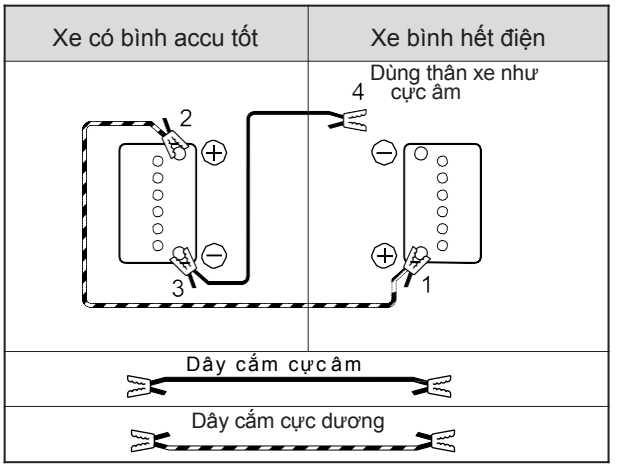

4. Sau khi nối dây cáp, hãy khởi động động cơ của xe có bình accu tốt
5. Từ từ tăng tốc động cơ xe có bình accu còn tốt và khởi động động cơ của xe có bình hết điện.
6. Sauk hi khởi động động cơ thành công, hãy tháo cáp nối theo trình tự ngược lại với lúc nối.

CẢNH BÁO

- Kiểm tra mức dung dịch bình accu trước khi nối dây cáp. Dùng hoạc nạp khi dung dịch bình accu ở mức thấp hơn “LOW LELEL” có thể làm hư hỏng bình accu, và làm tăng nguy cơ phát nhiệt và gây nổ. Chỉ thực hiện sau khi châm thêm dung dịch bình.
- Bình accu xe phát ra khí dễ cháy có thể gây nổ. Phải cẩn thận theo các bước sau để tránh đánh lửa.
  - Đừng nối một đầu của cáp nối chỉ trong bước 4 của hình vẽ trực tiếp vào cọc âm của bình accu. Hãy nối cáp nối vào phần kim loại của động cơ cách xa bình accu. Đừng để cáp nối cọc dương chạm vào cáp nối cọc âm hoặc cơ thể.
  - Tránh lửa xa khỏi bình accu.
- Cẩn thận đừng để kẹt các dây đai khi nối cáp.

LƯU Ý

- Khi trời lạnh, việc khởi động động cơ sẽ khó khăn. Nếu sử dụng xe có bình accu tốt để hỗ trợ khởi động thì trước tiên phải khởi động xe có bình accu tốt, sau đó vài phút mới nối vào xe có bình accu yếu để khởi động.

Cạn Nhiên Liệu

Khi nhiên liệu hết, không khí sẽ lọt vào hệ thống nhiên liệu, vì thế chỉ châm nhiên liệu thôi không đủ khởi động động cơ. Hãy dùng các phương pháp sau để xả gió hệ thống nhiên liệu.

CẢNH BÁO

- Lau sạch các vết nhiên liệu dính vào thân xe hoặc khoang động cơ phía dưới cabin để tránh gây cháy nổ.

CHÚ Ý

- Trước khi khởi động xe hãy ngồi vào ghế tài xế và nhớ chuyển cần số về vị trí “N”.
  Đừng khởi động động cơ trước khi bạn ngồi vào ghế tài xế, ví dụ không khởi động động cơ bằng cách chồm qua cửa sổ từ bên ngoài hoặc mở cửa và đứng bên ngoài khởi động.

Xả Gió Hệ Thống Nhiên Liệu (Động cơ 4JB1)

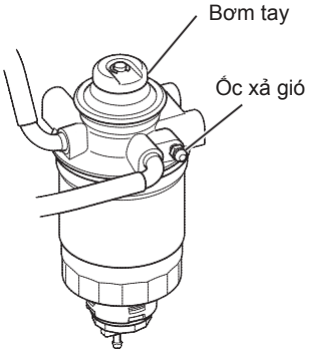

Trước Khi Khởi Động Động Cơ

1. Hãy đặt vật chứa bên dưới ốc xả gió để đựng nhiên liệu và tháo lỏng ốc xả gió .
2. Ấn bơm tay lên xuống khoảng 20 lần cho đến khi nhiên liệu chảy ra từ ốc xả không còn bọt khí.
3. Vặn chặt ốc xả và lau sạch vết nhiên liệu còn dính vào ốc xả hoặc khu vực chung quanh.
4. Nén bơm tay lên xuống khoảng 10 lần để rút khí từ hệ thống nhiên liệu đến bơm tiếp vận.
5. Khởi động động cơ.

Lực Siết Ốc Xả Gió
6.0 - 9.0 N·m (0.6 - 0.9 kgf·m /**4 - 7 lb·ft**)

Sau Khi Khởi Động Động Cơ

1. Không đạp bàn đạp ga, hãy khởi động động cơ.
2. Sau khi động cơ đã khởi động, hãy để chế độ chạy cầm chừng khoảng 5 giây.
3. Đạp hết mức bàn đạp ga và tăng tốc động cơ lên tốc độ cao nhất. (Lặp lại động tác này vài lần).

KHUYẾN CÁO

- Xả gió không hết có thể gây lỗi trong khi động cơ hoạt động. Do đó phải nhớ luôn luôn thực hiện thao tác mô tả trong phần “Sau khi khởi động động cơ”.

Xả Gió Hệ THống Nhiên Liệu (Động cơ 4JH1)

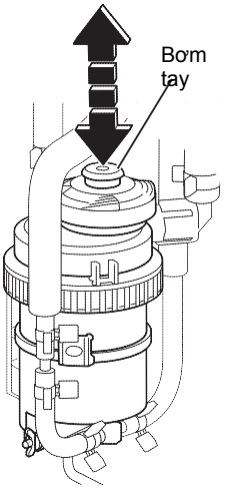

Trước Khi Khởi Động Động Cơ

1. Ấn bơm tay lên xuống cho đến khi cảm giác nặng tay.
2. Không đạp bàn đạp ga, hãy khởi động động cơ.

Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

3. Nếu động cơ không thể khởi động, hãy lập lại bước 1.

Sau Khi Khởi Động Động Cơ

1. Sau khi khởi động, hãy để động cơ hoạt động cầm chừng khoảng 1 phút. Nếu động cơ chết máy , hãy thực hiện lại bước 3 và thử khởi động lại động cơ lần nữa.
3. Ấn hết mức bàn đạp ga để tang tốc động cơ lên mức cao nhất, sau đó nhả bàn đạp ga. Lập lại việc này 3 lần.

KHUYẾN CÁO

- Xả gió không hết có thể gây lỗi trong khi động cơ hoạt động. Do đó phải nhớ luôn luôn thực hiện thao tác mô tả trong phần “Sau khi khởi động động cơ”.

Khi Đèn Cảnh Báo Bật Sáng

Đèn Cảnh Báo Trợ Lực Phanh HB

Kèn cảnh báo sẽ kêu lên khi khởi động hoặc lúc lái xe. Điều này có nghĩa chân không trong bộ trợ lực phanh không còn đủ, hoặc bộ trợ lực phanh bị hỏng. Khi có trục trặc xảy ra đối với phanh khí xả, đèn cảnh báo cũng sáng

CHÚ Ý

• Nếu kèn cảnh báo kêu lên khi dùng phanh khí xả, hãy đậu xe vào nơi an toàn ngay lập tức và thực hiện các thao tác sau:

- Khi động cơ vẫn hoạt động, tắt công tắc phanh khi xả. Nếu kèn ngừng kêu vài giây, nghĩa là có trục trặc trong hệ thống phanh khí xả. Hãy đem xe đến kiểm tra tại đại lý Isuzu gần nhất.
- Nếu kèn cảnh báo vẫn tiếp tục kêu, nghĩa là trục trặc nằm ở bộ trợ lực phanh. Hãy đem xe đến kiểm tra ngay lập tức tại đại lý Isuzu gần nhất.

Đèn Cảnh Báo Hệ Thống Phanh HB

Đèn cảnh báo hệ thống phanh phát sáng khi động cơ đang chạy (sau khi khởi động) trong các tình huống sau

- Giảm mức dầu phanh (do mòn bố phanh hoặc rò rỉ dầu)
- Có bất thường trong hệ thống nạp điện (như hư hỏng máy phát điện hoặc lỏng hay tuột dây curoa quạt).
- Trục trặc tại hệ thống ABS

CHÚ Ý

- Nếu đèn cảnh báo này phát sáng khi động cơ đang hoạt động, ngay lập tức dừng xe vào nơi an toàn và nhanh chóng liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

Đèn Cảnh Báo Máy Phát Điện

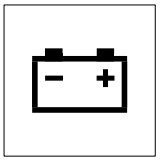

Khi đèn cảnh báo này phát sáng, hệ thống nạp điện có thể bị hư hỏng.

Nhanh chóng dừng xe vào nơi an toàn,tiến hành kiểm tra và thực hiện thao tác chỉnh sửa.

Kiểm Tra Và Khắc Phục

1. Kiểm tra để xem dây curoa quạt có bị đứt hay lỏng.
2. Nếu dây curoa quạt bị lỏng hãy điều chỉnh l ực căng.
3. Nếu không có bất thường trong dây curoa quạt, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất

Dây Đai Quạt Gió → Tham khảo trang 7-41

CHÚ Ý

- Không lái xe khi đèn báo này phát sáng. Bình accu sẽ không được nạp điện.

LƯU Ý

- Nếu cần thay dây đai quạt gió, hãy để đại lý Isuzu gần nhất thực hiện việc này.

Đèn Cảnh Báo Áp Suất Nhớt Động Cơ

Khi đèn cảnh báo này phát sáng, có nghĩa áp suất nhớt quá thấp.

Lập tức dừng xe vào nơi an toàn, tắt máy, tiến hành kiểm tra và thực hiện thao tác chỉnh sửa.

Kiểm Tra Và Khắc Phục

1. Kiểm tra mức nhớt
2. Nếu mức nhớt quá thấp, hãy kiểm tra xem có bị rò rỉ nhớt hay châm thêm nhớt.
3. Khi mức nhớt bình thường và không có vết rỉ, có thể nghẹt bộ lọc nhớt. Hãy thay bộ lọc nhớt.
7. Khi mức nhớt bình thường và bộ lọc nhớt không bị nghẹt nhưng có vết dầu rỉ, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

Nhớt Động Cơ → Tham khảo trang 7-22
Thay Nhớt Động Cơ Và Lọc Nhớt → Tham khảo trang 7-24

CHÚ Ý

- Không lái xe khi đèn báo này phát sáng, động cơ có thể bị hỏng.

LƯU Ý

- Vào mùa đông khi nhiệt độ nhớt thấp và độ nhờn cao, đèn này có thể phát sáng một lúc và sẽ tắt khi động cơ ấm lên.

Đèn Báo Kiểm Tra Động Cơ V

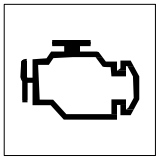

Nếu đèn báo này phát sáng khi động cơ đang hoạt động, có thể có trục trặc trong hệ thống điều khiển của động cơ. Vì cần phải kiểm tra và sửa chữa hệ thống điều khiển, nhanh chóng liên hệ đại lý Isuzu gần nhất.

Động Cơ Quá Nhiệt

Khi công suất động cơ giảm và kim trên đồng hồ chỉ nhiệt độ nước làm mát động cơ tăng vượt quá giới hạn trên của vùng an toàn và lọt vùng “H”, lúc này động cơ đang quá nóng. Khi đó đ èn cảnh báo động cơ quá nhiệt sẽ phát sáng và kèn cảnh báo kêu. Hãy tiến hành các thao tác chỉnh sửa sau đây ngay lập tức.

Xe sử dụng phanh thủy lực

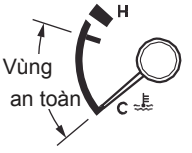

Xe sử dụng phanh hơi toàn phần

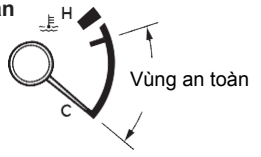

Đèn cảnh báo động cơ quá nhiệt

1. Bật đèn báo nguy và ngay lập tức đưa xe vào nơi an toàn để không cản trở lưu thông.
2. Để động cơ hoạt động cầm chừng để giảm dần nhiệt độ động cơ.

KHUYẾN CÁO

- Đừng tắt động cơ ngay lập tức, nếu không sẽ gây ra hiện tượng bó máy.

3. Khi kim chỉ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ hạ xuống mức trung bình, hãy tắt máy.

CẢNH BÁO

•Khi động cơ đã tắt, vẫn còn áp suất bên trong két nước. Tháo ngay nắp két nước có thể khiên hơi nước hoặc nước nóng trào ra, khiến bạn bị phỏng. Dung dịch làm mát trong bình nước phụ cũng có thể nóng. Tháo ngay nắp bình nước phụ có thể khiến hơi nước hoặc nước nóng trào ra, khiến bạn bị phỏng.

•Khi tháo nắp két nước và nắp bình nước phụ, hãy dùng khăn dày để trùm lên nắp và vặn từ từ.

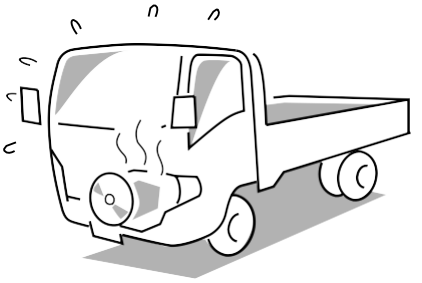

KHUYẾN CÁO

- Khi quạt làm mát két nước không quay, hãy tắt động cơ ngay.

4. Kiểm tra mức môi chất nước làm mát trong bình nước phụ và két nước sau khi động cơ đã đủ nguội. Nếu mức dung dịch không đủ, hãy châm thêm. Cũng kiểm tra để xem dây curoa quạt có bị lỏng hay hư hỏng.
5. Kiểm tra, vệ sinh và loại bỏ các chất bẩn bám vào két nước làm mát.

KHUYẾN CÁO

- Phải bảo đảm kim đồng hồ nhiệt độ nước làm mát động cơ nằm dưới vạch "C" trước khi châm thêm môi chất nước làm mát. Châm thêm khi động cơ chưa đủ nguội có thể gây hư hỏng động cơ.
- Nếu chỉ dùng nước máy cho dung dịch trong trường hợp khẩn cấp, hãy điều chỉnh nồng độ dung dịch ngay càng sớm càng tốt.

Môi Chất Nước Làm Mát Động Cơ → Tham khảo trang 7-27
Dây Đai Quạt Gió → Tham khảo trang 7-41
Vệ Sinh Két Nước Và Bộ Làm Mát Khí Nạp → Tham khảo trang 7-39

Bóng Đèn Không Sáng

1. Kiểm tra các bóng đèn xem có bị đứt tim hay không .
2. Nếu một bóng đèn bị đứt, hãy thay mới. Luôn luôn đặt công tắc khởi động ở vị trí “LOCK” và đặt tất cả các công tắc khác ở vị trí “OFF” trước khi bóng đèn bị đứt.
3. Nếu bóng đèn không đứt, hư hỏng có thể do dây dẫn. Liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

Công Suất Bóng Đèn

Vị trí	Loại đèn	Công suất bóng đèn
Trước	Đèn Halogen	60/55W
	Sương mù V	55W
	Đèn báo rẽ (trước)	21W (Cam)
	Đèn kích thước	5W
	Đèn chiếu góc V	21W
	Đèn báo rẽ (hông)	21W (Cam)
Sau	Đèn hậu & đèn phanh	5/21W
	Đèn báo rẽ	21W
	Đèn lùi	21W
	Đèn biển số	10W
Bên trong	Đèn trần	10W

Hãy liên hệ với đại lý ISUZU gần nhất để thay các đèn không được liệt kê ở đây.

CHÚ Ý

- Dùng bóng đèn có số “W” khác hơn chỉ định có thể khiến bóng hoặc dây dẫn điện nóng hơn. Việc này có thể khiến cong vênh các thấu kính và hộp đèn, cũng có thể gây cháy.
- Các bóng đèn rất nóng sau khi tắt. Khi tha y bóng, hãy tránh bị phỏng.
- Đừng bao giờ lái xe khi các bóng đèn bị hư. Điều này có thể gây tai nạn.

KHUYẾN CÁO

- Khi một bóng của đèn đôi, như đèn trước bị đứt, đèn còn lại cũng hết tuổi thọ. Nên thay cả hai đèn một lượt.

LƯU Ý

- Tại các đèn chiếu sáng phía trước, sẽ có hiện tượng chênh lệch nhiệt độ phía thường. Hơi nước sẽ biến mất sau khi bật đèn trong một thời gian ngắntrong và ngoài đèn. Dẫn đến hiện tượng hơi nước sẽ đóng băng tại đèn sau khi tắt, điều này là bình.

Thay Đèn Trước

Khi bóng đèn bị đứt, hãy thay bóng đúng công suất chỉ định, cẩn thận đừng vặn quá sức khi lắp bóng.

KHUYẾN CÁO

- Không thay bóng có công suất khác chỉ định. Điều này có thể làm cho sự nhấp nháy bất thường, đặt biệt là các đèn báo rẽ.
- Khi thay bóng đèn trước, hãy để đại lý ISUZU điều chỉnh tiêu cự đèn.

Công Suất Bóng Đèn → Tham khảo trang 8-23

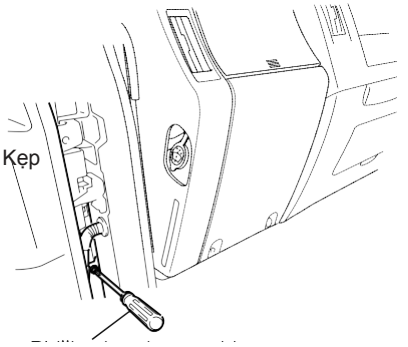

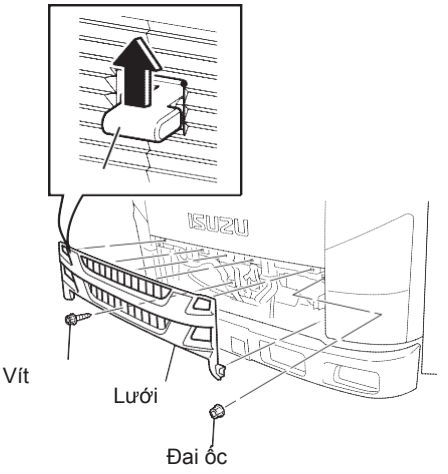

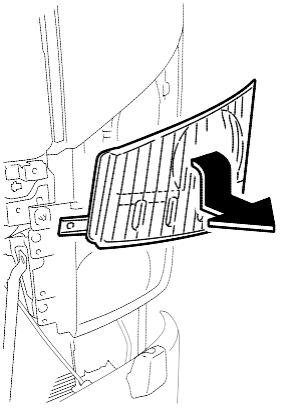

1. Tháo vít ở giữa mặt lưới. Đẩy các chốt của 2 kẹp ở phần trên mặt lưới và kéo về phía bạn để tháo. Vặn lỏng các vít của đèn báo rẽ.
2. Mở cửa trước. Dùng vít 4 chấu để vặn 2 con vít giữa cửa và cabin.
3. Kéo xiên bộ đèn báo rẽ hướng ra trước xe và tháo nó.

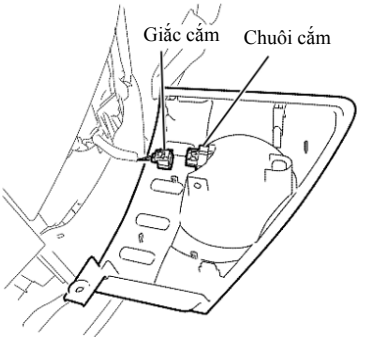

4. Tháo giắc cắm của dây của đèn báo rẽ và tháo đèn.

5. Mở nắp đậy cao su phía dưới đèn trước. Tháo 4 vít bắt. Sau đó tháo giắc cắm của đèn trước. Kế tiếp tháo bộ đèn trước.

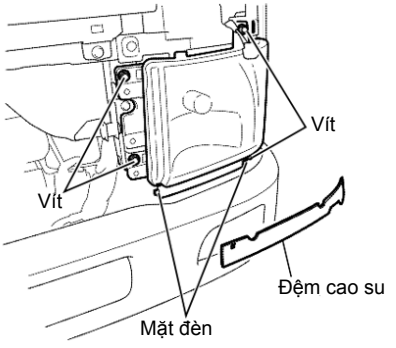

KHUYẾN CÁO

- Khi tháo khớp nối đèn trước, hãy kéo khớp nối trong khi giữ phần giữa của vòng chặn cao su. Nếu kéo khớp nối phần trước mà không giữ phần giữa của vòng chặn cao su, bóng đèn có thể trồi lên và khi tháo giắc cắm ra bóng đèn có thể đập vào khiến mặt đèn bị vỡ.

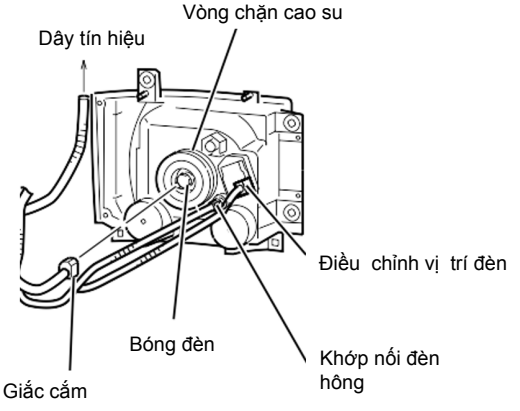

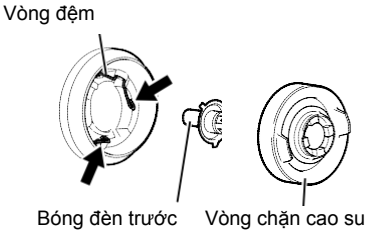

6. Tháo vòng chặn cao su. Sau đó đẩy cạnh phải của kẹp giữ bóng đèn và kéo trượt nó lên để tháo kẹp.
7. Kéo bóng đèn ra và thay mới.
8. Sau khi thay bóng đèn, hãy gắn các bộ phận theo thứ tự ngược lại.

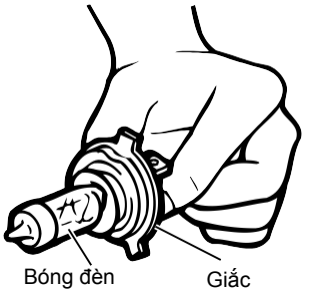

KHUYẾN CÁO

- Đừng chạm tay vào phần thủy tinh của bóng. Làm bẩn bóng có thể khiến bóng bị nứt.
- Khi nối miếng đệm cao su hãy ấn cả hai mặt trong ngoài của nó.
  Phải nhớ rằng miếng đệm cao su, bộ đèn trước và các bóng được gắn an toàn khi không có phần nào nhô ra. Nếu đệm cao su không nằm đúng chỗ, nước có thể bị lọt vào trong đèn trước làm hỏng đèn.

Thay Đèn Hông, Đèn Báo Rẽ Và Đèn Góc

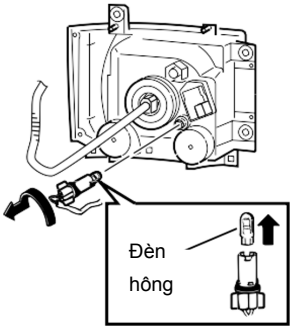

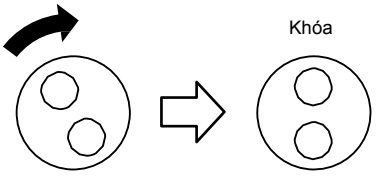

Thay Đèn Hông

1. Hãy xem phần “Thay đèn trước” và tháo đèn trước.

Thay Đèn Trước → Tham khảo trang 8-24

3. Kéo bóng đèn ra khỏi đế đèn hông và thay mới.

3. Để gắn đèn hãy tiến hành theo thứ tự ngược lại và cẩn thận vặn khớp nối theo kim chiều kim đồng hồ để khóa lại:

KHUYẾN CÁO

- Nếu đế đèn không được vặn chặt, nước có thể lọt vào trong đèn làm hỏng đèn.

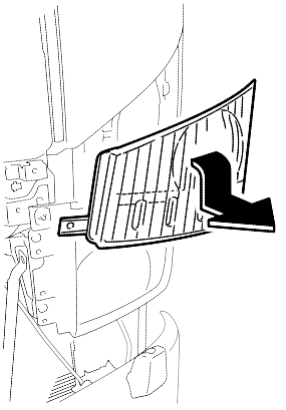

Thay Đèn Báo Rẽ

1. Xem phần “Tháo đèn trước”, kéo xiên bộ đèn báo rẽ hướng trước xe và tháo rời.

Thay Đèn Trước → Tham khảo trang 8-24

2. Tháo giắc cắm dây đèn báo rẽ và tháo đế.
3. Kéo bóng ra khỏi đế và thay mới.
4. Để gắn đèn, hãy thực hiện theo trình tự ngược lại và lưu ý vặn đế đèn theo chiều kim đồng hồ để khóa lại.

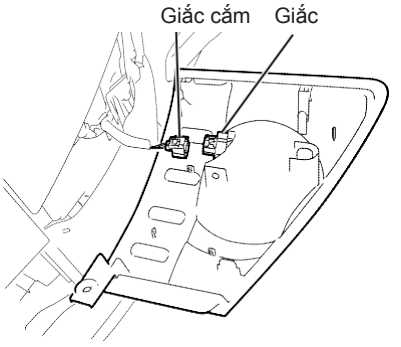

KHUYẾN CÁO

- Nếu đế đèn không kháo chặt, nước có thể lọt vào dẫn đến hư hỏng.

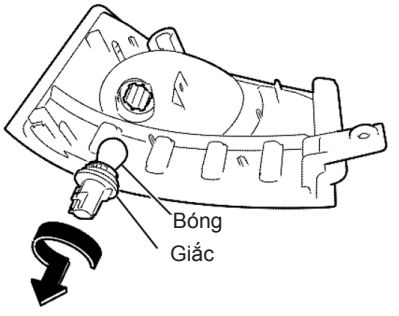

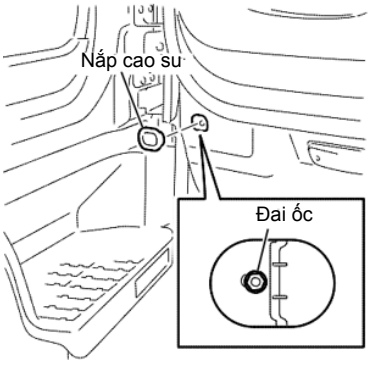

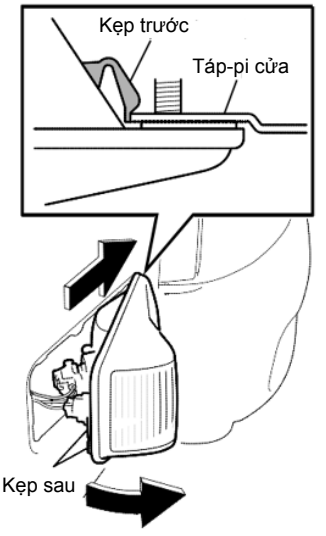

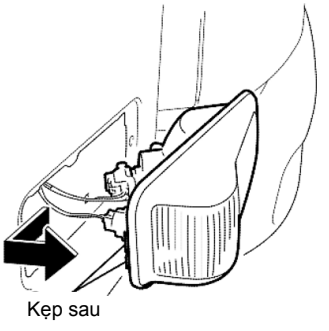

Thay Đèn Góc

1. Mở cửa trước, tháo nắp cao su ở phần dưới cửa và vặn đai ốc.
2. Trong khi kéo trượt đèn báo rẽ hông về trước xe, hãy vặn nó để lộ phần sau của đèn. Tháo kẹp bên hông phần sau đèn khỏi dàn cửa.

KHUYẾN CÁO

- Cẩn thận khi tháo kẹp và rút đèn xe ra khỏi xe. Nếu không cẩn thận sẽ làm hư hỏng kẹp trước.

3. Khi kẹp đã tháo, hãy kéo trượt đèn về phía sau xe.

4. Vặn ngược chiều kim đồng hồ để tháo lỏng đế.
5. Kéo bóng ra khỏi đế và thay mới .
6. Để gắn đèn, thực hiện theo qui trình ngược lại và chú ý các điểm sau:

a. Vặn đế theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt .

KHUYẾN CÁO

Nếu đế không vặn chặt, nước có thể lọt vào trong đèn làm hư bóng.

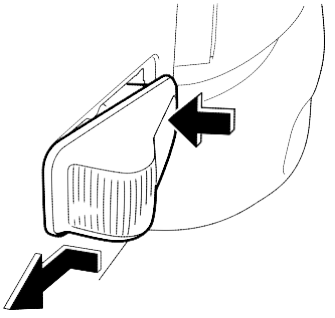

b. Gắn kẹp vào phần sau đèn trong dàn cửa.

c. Đẩy phần trước đèn vào dàn cửa và gắn kẹp vào lưng của phần trước đèn phần dàn cửa.

d. Mở cửa trước, vặn chặt nút bên trong cửa, gắn chụp cao su vào.

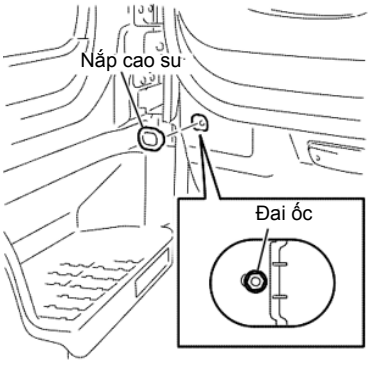

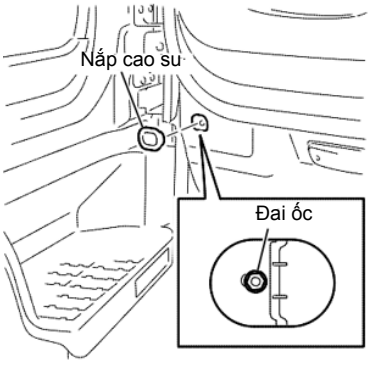

Thay Đèn Báo Rẽ
(model xe không có đèn góc)

1. Mở cửa trước, tháo nắp cao su ở phần dưới cửa và vặn con tán.
2. Trong khi kéo trượt đèn báo rẽ hông về trước xe, hãy vặn nó để lộ phần sau của đèn. Tháo kẹp bên hông phần sau đèn khỏi dàn cửa.
3. Khi kẹp đã tháo, hãy kéo trượt đèn về phía sau xe.

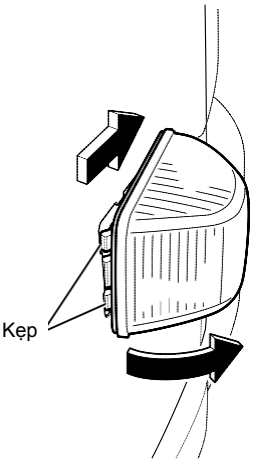

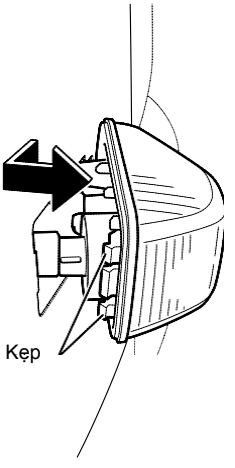

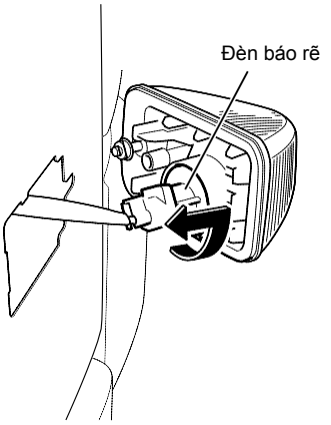

4. Vặn ngược chiều kim đồng hồ để tháo lỏng đế.
6. Kéo bóng ra khỏi đế và thay mới.
7. Để gắn đèn, thực hiện theo qui trình ngược lại và chú ý các điểm sau:
   a. Vặn đế theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt.

KHUYẾN CÁO

- Nếu đế không vặn chặt, nước có thể lọt vào trong đèn làm hư bóng.

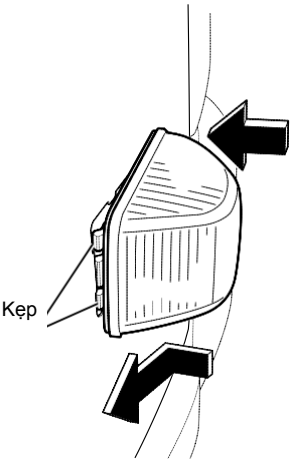

   b. Gắn kẹp vào phần sau đèn trong dàn cửa.
   c. Đẩy phần trước đèn vào dàn cửa và gắn kẹp vào lưng của phần trước đèn phần dàn cửa.
   d. Mở cửa trước, vặn chặt nút bên trong cửa, gắn chụp cao su vào.

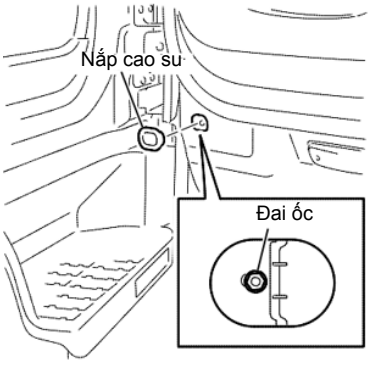

Thay Đèn Sương Mù Trước V

1. Nâng cabin.

Nâng cabin V **→ Tham khảo trang 7-11**

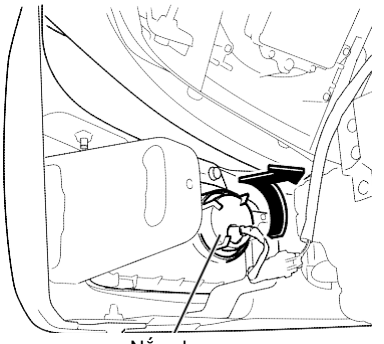

2. Vặn ngược chiều kim đồng hồ để tháo ra.

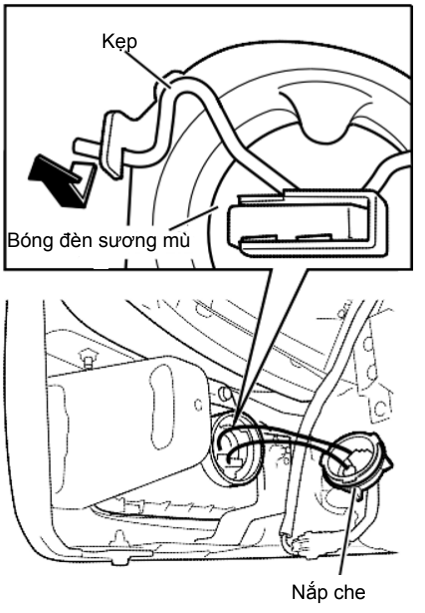

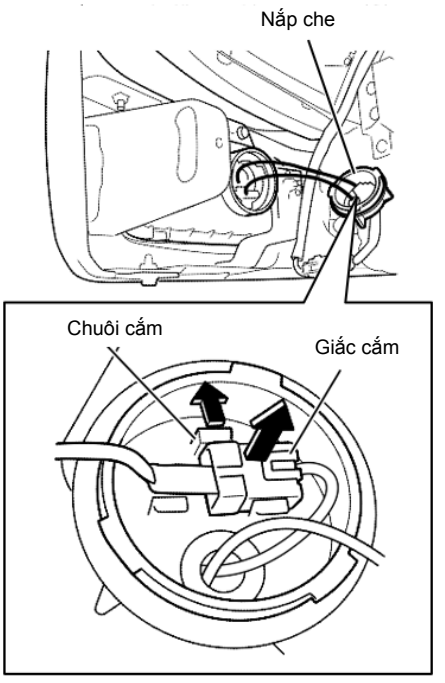

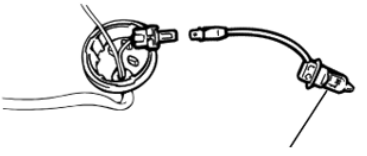

3. Ấn vào kẹp và kéo bóng ra ngoài.
4. Rút giắc cắm.
5. Kéo bóng đèn ra và thay mới.

KHUYẾN CÁO

• Đừng chạm tay vào phần thủy tinh bóng, làm bẩn phần thủy tinh có thể gây đứt bóng.

6. Để gắn bóng, hãy thực hiện qui trình ngược lại và chú ý các điểm sau:

- Vì có các khía khác nhau ở phần trên và dưới bóng (tròn hay vuông) hãy chú ý hướng nhận vào khi gắn. Khía tròn nên hướng vào cả hai mặt trái phải.
- Hãy vặn nắp chụp theo chiều kim đồng hồ để khóa lại. Khi khóa nắp chụp hãy nhớ không để kẹt.

KHUYẾN CÁO

- Nếu cắm giắc không chặt, nước có thể lọt vào đèn và gây hỏng.

Thay Đèn Đuôi, Đèn Phanh, Đèn Lùi, Đèn Báo Rẽ Phía Sau

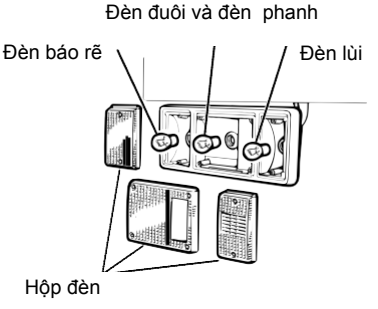

1. Tháo lỏng các vít và tháo mặt kiếng.
2. Ấn và vặn lỏng bóng đèn theo ngược chiều kim đồng hồ.
5. Để gắn đèn, hãy theo trình tự ngược lại.

Thay Đèn Biển Số

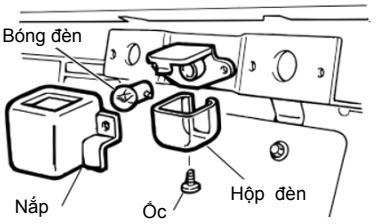

1. Vặn lỏng ốc và tháo nắp che.
2. Tháo hộp đèn.
3. Vặn lỏng đèn theo ngược chiều kim đồng hồ trong khi ấn vào.
4. Để gắn đèn, hãy theo trình tự ngược lại .

Thay Thế Bóng Đèn Trần

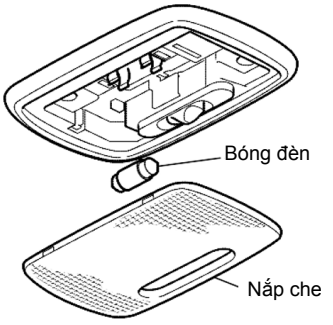

1. Tháo nắp che và thay mới bóng.
2. Để gắn trở lại, làm theo quy trình ngược lại.

Thay Cầu Chì Và Rơle

Khi đèn không phát sáng hay nhấp nháy, hoặc khi thiết bị trong hệ thống điện không hoạt động, hãy kiểm tra xem cầu chì bị đứt hay không.

Hộp Cầu Chì Và Rơle

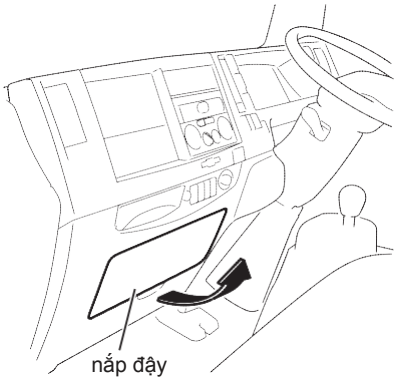

Cầu chì và rơle được đặt trong phần dưới của táp lô ở giữa và bên trái phía sau của cabin. Phải tháo nắp đậy để thực hiện kiểm tra và thay thế, và cũng phải mở nắp đậy hộp rơle ở bên trái phía sau của cabin.

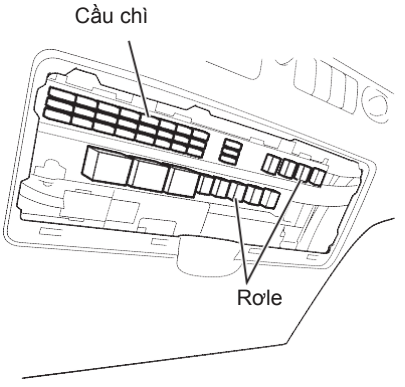

Thay thế cầu chì

1. Trước khi thay cầu chì, phải nhớ xoay công tắc xe về vị trí "LOCK" và kéo hết cần phanh tay.
2. Dùng kẹp cầu chì để tháo các cầu chì.

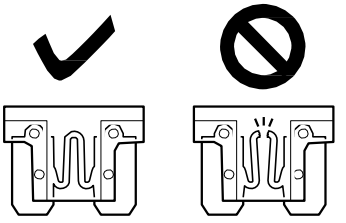

Bình thường Đã Đứt

3. Nếu cầu chì có tình trạng giống như hình minh họa, thì cầu chì đã bị đứt. Đừng dùng cầu chì khác hơn loại chỉ định.

CẢNH BÁO

- Dùng cầu chì có công suất tương tự để thay thế. Không dùng bất kỳ loại cầu chì nào khác loại đã chỉ định.
- **Dùng cầu chì khác loại chỉ định có thể gây cháy dây điện và cháy xe, hoặc làm hư thiết bị**.
- Nếu cầu chì mới bị đứt ngay, hãy liên hệ đại lý ISUZU gần nhất
- Khi kiểm tra, sửa chữa hãy đâu xe ở khu vực bằng phẳng.

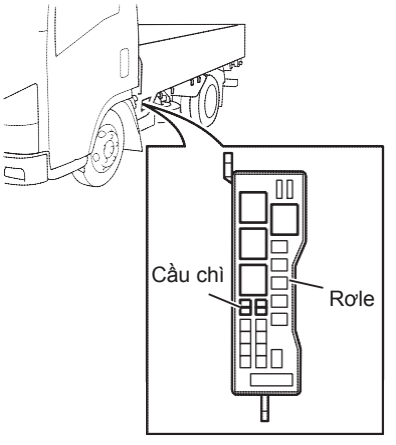

Thay rơle

Để thay rơle, hãy liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

KHUYẾN CÁO

- Không cần thiết phải đóng mở nắp đậy, trừ khi phát hiện hư hỏng.
- Cấu trúc hộp rơle được thiết kế ngăn không cho nước vào, nếu bạn làm dính nước hoặc thức uống trên nắp, hãy lau sạch trước khi mở nắp.
- Vùng quanh nắp sẽ ấm lên khi xe đang lái nhưng điều này không bất thường.

Sơ Đồ Cầu Chì Và Rơle (Bên Trong Cabin)

Cầu chì

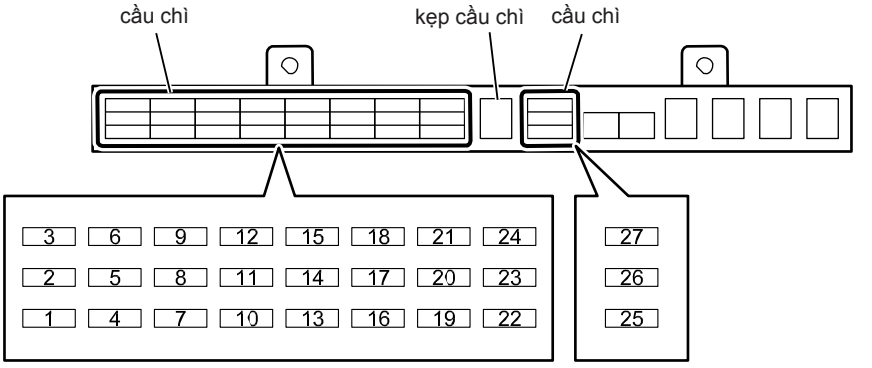

Stt.	Tên cầu chì	Loại
1	ECM, ĐÈN LÙI	10A
2	ĐÈN TRẦN, AUDIO	10A
3	ĐÈN GÓC	10A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ	15A
6	KÍNH CỬA ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN	25A
7	ĐÈN PHA TRƯỚC (TRÁI)	10A
8	ĐÈN PHA TRƯỚC (PHẢI)	10A
9	ĐÈN PHANH	10A
10	ĐÈN COS TRƯỚC (TRÁI)	10A
11	ĐÈN COS TRƯỚC (PHẢI)	10A
12	ĐÈN ĐUÔI	10A
13	NGUỒN	10A
14	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 2	10A

Stt.	Tên cầu chì	Loại
15	KHỞI ĐỘNG	10A
16	TẮT MÁY/ ECM	10A
17	ĐIỆN THƯỜNG TRỰC 1	10A
18	ĐÈN LÙI	10A
19	ĐỒNG HỒ	10A
20	AUDIO (ACC)	15A
21	MÁY LẠNH	10A
22	NÚT CÒI	15A
23	ĐÈN RẼ, ĐÈN BÁO NGUY	15A
24	GẠT NƯỚC	25A
25	DỰ PHÒNG	10A
26	DỰ PHÒNG	15A
27	DỰ PHÒNG	25A

Vị trí rơle: Động cơ 4JB1

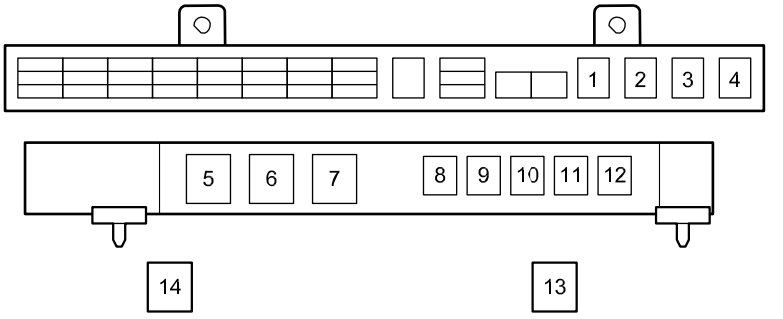

Stt.	Tên rơle
1	ĐÈN ĐUÔI
2	ĐÈN PHA TRƯỚC
3	ĐÈN COS TRƯỚC
4	KÍNH CỬA NÂNG HẠ BẰNG ĐIỆN
5	ĐÈN PHANH
6	TRỐNG
7	CHÌA KHOÁ XE

Stt.	Tên rơle
8	PHANH KHÍ XẢ
9	GẠT NƯỚC
10	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
11	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC
12	NÚT CÒI
13	TRỐNG
14	QUẠT GIÓ

Vị trí rơle: Động cơ 4JH1

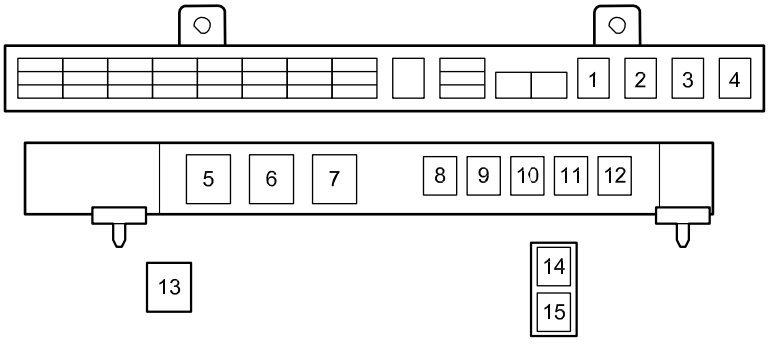

Stt.	Tên rơle
1	ĐÈN ĐUÔI
2	ĐÈN PHA TRƯỚC
3	ĐÈN COS TRƯỚC
4	KÍNH CỬA NÂNG HẠ BẰNG ĐIỆN
5	ĐÈN PHANH
6	TRỐNG
7	CHÌA KHOÁ XE
8	TRỐNG

Stt.	Tên rơle
9	GẠT NƯỚC
10	GẠT NƯỚC (HIGH/LOW)
11	ĐÈN SƯƠNG MÙ
12	NÚT CÒI
13	QUẠT GIÓ
14	NÂNG HẠ KÍNH SAU BẰNG ĐIỆN (CABIN ĐÔI)
15	TRỐNG

Vị Trí Cầu Chì Và Rơle (Bên Ngoài Xe)

Động cơ 4JB1

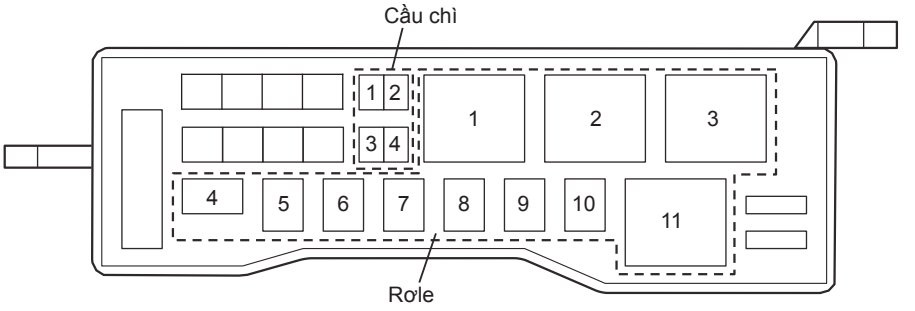

Stt.	Tên rơle
1	TRỐNG
2	TRỐNG
3	BUGI XÔNG MÁY
4	TRỐNG
5	TRỐNG
6	CSD (ĐỘNG CƠ 4JB1)
7	TRỐNG
8	SƯỞI ẤM NHIÊN LIỆU (NẾU XE CÓ TRANG BỊ BỘ SƯỞI ẤM NHIÊN LIỆU)
9	QUẠT DÀN NÓNG
10	PHANH KHÍ XẢ
11	MÁY KHỞI ĐỘNG

Stt	Tên cầu chì	Loại
1	NGUỒN *	15A
2	SƯỞI ẤM NHIÊN LIỆU (NẾU XE CÓ TRANG BỊ BỘ SƯỞI ẤM NHIÊN LIỆU)	15A
3	MÁY LẠNH	20A
4	QUẠT DÀN NÓNG	20A

*: Tùy theo thị trường mà một số cầu chì hay rơle sẽ được gắn hoặc không được gắn.

Động cơ 4JH1

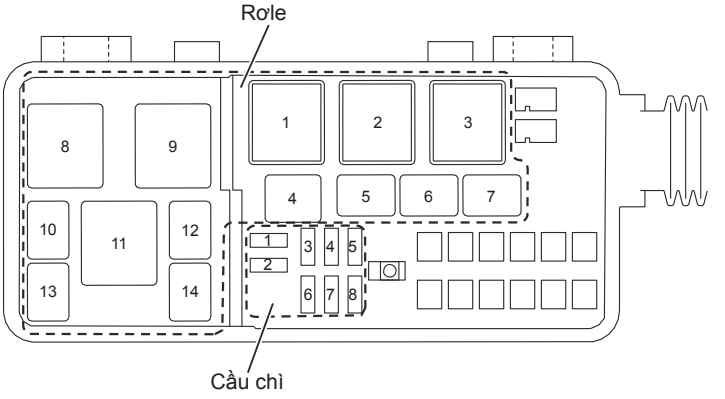

Stt.	Tên rơle
1	MÁY KHỞI ĐỘNG
2	TRỐNG
3	BUGI XÔNG MÁY
4	MÁY NÉN HỆ THỐNG LẠNH
5	QUẠT DÀN NÓNG (HỆ THỐNG LẠNH)
6	NGẮT KHỞI ĐỘNG
7	ECM
8	TRỐNG
9	TRỐNG
10	TRỐNG
11	TRỐNG
12	TRỐNG
13	TRỐNG
14	TRỐNG

Stt	Tên cầu chì	Loại
1	TRỐNG	—
2	TRỐNG	—
3	ECM	20A
4	ECM 2	10A
5	TRỐNG	—
6	BÌNH ACCU *	15A
7	MÁY LẠNH	20A
8	MÁY LẠNH	20A

*: Tùy theo thị trường mà một số cầu chì hay rơle sẽ được gắn hoặc không được gắn.

Thay Cầu Chì Đứt Chậm

Bên trong cabin

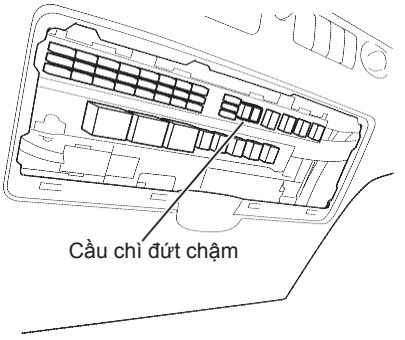

Bên ngoài cabin

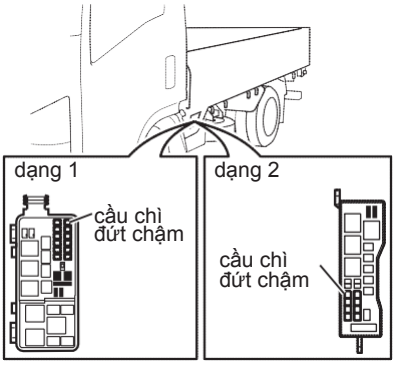

Các cầu chì đứt chậm dùng để bảo vệ mạch điện, chúng được lắp đặt để có thể dễ dàng thay thế nếu có hư hỏng xảy ra trong mạch điện.

KHUYẾN CÁO

Không nhất thiết phải mở nắp hộp cầu chì trừ khi đã phát hiện ra hư hỏng.

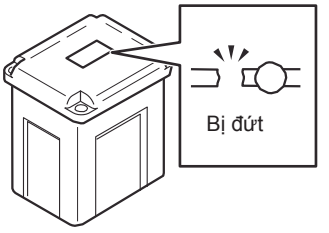

Kiểm tra

Khi đèn hoặc các thiết bị điện trên xe không hoạt động, và các cầu chì vẫn trong tình trạng tốt. Hãy thử kiểm tra tình trạng các cầu chì đứt chậm. Nếu cầu chì đứt chậm có tình trạng như hình minh họa, hãy liên hệ với đại lý Isuzu để tiến hành sửa chữa.

CẢNH BÁO

- Chỉ sử dụng các cầu chỉ chính hang từ Isuzu để thay thế cho các cầu chì bị hư hỏng. Khi thay thế phải sử dụng đúng loại cầu chì.
- Nếu sau khi thay thế mà cầu chì vẫn tiếp tục bị đứt, bị hư. Hãy liên hệ với đại lý Isuzu để kiểm tra nguyên nhân
- Đừng thay thế cầu chì khi chìa khóa xe đang xoay sang vị trí “ON”.

KHUYẾN CÁO

- Không nhất thiết phải mở nắp hộp cầu chì trừ khi đã phát hiện ra hư hỏng.
- Hộp cầu chì được thiết kế để ngăn nước lọt vào. Nếu vô tình đổ nước vào nắp hộp, hãy lau sạch chúng
- Khu vực hộp cầu chì sẽ ấm lên sau khi xe vận hành, đây là hiện tượng bình thường.

Khi Xe Gặp Tai Nạn

Hãy bình tĩnh thực hiện các bước sau:

1. Tránh tai nạn dây chuyền.

   Bật đèn báo nguy, đưa ngay xe vào nơi an toàn, không cản trở lưu thông và tắt động cơ.

2. Cấp cứu người bị nạn.

   Thực hiện mọi sơ cứu cóthể cho người bị nạn cho đến khi bác sĩ hay xe cứu thương đến. Đặc biệt không di chuyển người bị thương đầu. Nếu có nguy cơ tai nạn hàng loạt, hãy chuyển họ vào nơi an toàn.

3. Gọi cảnh sát.

   Liên hệ với cảnh sát, báo cho họ biết chỗ xảy ra tai nạn, tình trạng, người bị thương và vết thương của họ, sau đó nhận hướng dẫn.

4. Xác định thông tin từ phía bên kia (tên, địa chỉ, số điện thoại) và tình trạng tai nạn.
5. Nếu cần, hãy liên hệ công ty bảo hiểm hoặc đại lý bạn mua xe.

KHUYẾN CÁO

- Hãy nhớ báo cảnh sát và tư vấn bác sĩ dù là tai nạn nhỏ và bị thương nhẹ. Nếu bị đập đầu, có thể có triệu chứng phát triển về sau dù cho bên ngoài không có vết thương

Lái Xe Trên Đường Xấu

Nhấn bàn đạp ga sẽ khiến xe lún sâu vào bùn và khó kéo ra. Hoặc chèn đá, cành cây hoặc vải đệm dưới bánh xe để tăng độ bám, hoặc tiếp tục lái xe tới lui và dùng đà xe để vọt ra.

Khi Kéo Xe

Để di chuyển một xe bị hư, tốt nhất là nhờ người trong các công ty xe kéo hay xe cần trục, nếu không được thì hãy theo các qui trình sau.

Khi kéo xe, dùng thiết bị thích hợp và đúng theo qui định pháp lý. Đừng cố khởi động xe bằng cách kéo hoặc đẩy xe.

CẢNH BÁO

- Phải nhớ chèn bánh xe khi tháo trục truyền động. Xe có thể di chuyển và gây tai nạn nghiêm trọng.
- Nếu xe trang bị phanh hơi toàn phần, phải nổ máy trong suốt quá trình kéo xe.

CHÚ Ý

- Đối với model hộp số thường, hãy chuyển tay số về vị trí "N", và kéo trong khoảng cách tối đa 10 km ở tốc độ chậm hơn 40km/giờ. Thêm nữa, **cần tháo trục truyền động khi kéo xe để tránh hư hỏng hộp số**. Đối với xe dùng hộp số tự động, hãy chuyển về vị trí "N" và xác định đèn chỉ báo hiện "N". Kéo xe trong khoảng cách tối đa 10 km ở tốc độ thấp hơn 40km/giờ.
- Khi đèn chỉ báo không hiện "N", hoặc trong các tình huống khác, hãy tháo trục truyền động khi kéo xe để tránh gây hư hỏng hộp số. Khi có thể, hãy kéo xe với động cơ đã khởi động. Nếu máy không khởi động:
  - Phanh sẽ không hiệu quả;
  - Tay lái sẽ khó điều khiển.
  - Tay lái có thể khóa khiến không thể điều khiển, điều này cực kỳ nguy hiểm (đặc biệt là khi đã rút chìa khóa xe.)

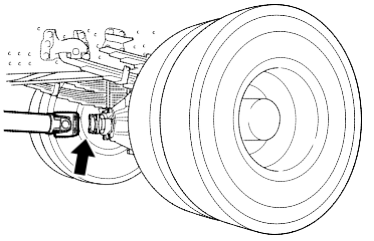

Khi có thể điều khiển tay lái, có thể kéo xe trên tất cả các bánh bám vào mặt đường. Tuy nhiên, bộ trợ lực lái sẽ không thể trợ lực khi máy không khởi động được.

Nếu hộp số bị hỏng, hãy tháo trục truyền động ở mặt trục sau và cột chặt nó vào khung xe.

Nếu tình nghi trục sau hư hỏng, hãy tháo trục sau và đậy miệng trục xe để ngăn

không cho dầu vi sai rỉ ra, ho ặc ngăn bụi bặm và các vật lạ lọt vào trục.

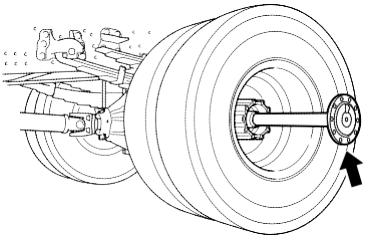

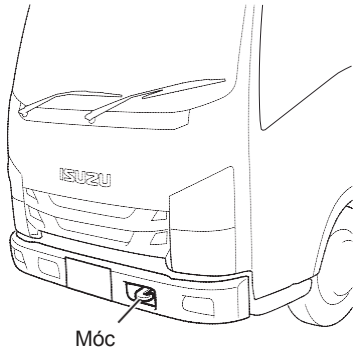

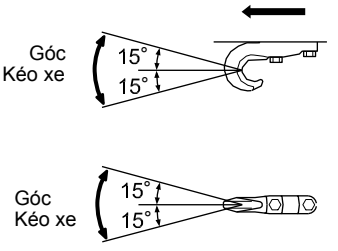

1. Nếu xe kéo hoặc được kéo phải cột chặt dây cáp vào móc kéo ở trước hoặc sau cùng một bên.
2. Trong khi kéo, quan sát cẩn thận đèn dừng của xe kéo để tránh dây cáp không bị chùng. Phải nhớ không để xe chịu xóc mạnh

CHÚ Ý

- Không kéo xe ở góc lớn hơn 15°. Điều này khiến xe chịu lực ép quá mạnh và làm hỏng xe.
- Chỉ nối dây cáp vào móc kéo. Nối dây cáp vào các phần khác sẽ làm hỏng xe.
- Phải bảo đảm không có người gần dây cáp kéo và móc trước khi kéo xe.
- Móc kéo được dùng để kéo xe có cũng trọng lượng trên đường tốt.
- Khi qua đường hầm hoặc đến vùng lầy lội, phải dỡ hàng xuống xe. Không dùng móc kéo để kéo, mà phải kéo bằng một dây cáp cột vào trục.

KHUYẾN CÁO

[Hãy liên hệ với đội ngũ cứu hộ & kéo xe trong các tình huống sau]

- Khi xe đổ đèo. (lúc này phanh sẽ không hiệu quả.)
- Khi hộp số hoặc cầu sau hư hỏng
- Khi xe hư hỏng trên đường cao tốc.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT 9

- Thông Số Kỹ Thuật 9-2
- Thông tin khác 9-8

THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐỘNG CƠ

Động Cơ

Động cơ 4JB1

Thông số kỹ thuật		
Động cơ phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước, trục cam nằm trên		
Tỉ số nén		18.1
Dung tích xylanh	cc (cu. in)	2,771 (169.1)
Thứ tự nổ		1-3-4-2
Thời điểm phun	độ	Trước điểm chết trên 12°
Điều chỉnh khe hở xupap	mm (in)	Xupap hút và xả: 0.4 (0.016) khi động cơ nguội
Tốc độ cầm chừng	vòng/phút	725 - 775
Độ căng dây đai	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 7 - 9 (0.28 - 0.35)/133 - 157 Dây đai cũ: 9 - 11 (0.35 - 0.43)/112 - 126
Độ căng dây đai bơm trợ lực lái	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 8 - 12 (0.31 - 0.47)/135 - 165 Dây đai cũ: 11 - 13 (0.43 - 0.51)/117 - 135
Lọc nhớt		Loại hộp xoay
Dung tích nhớt động cơ [giá trị tham khảo]	**lít** (US gal./**Imp gal.**)	Khi chỉ thay nhớt: **6.4** (1.69/**1.41**) Khi thay nhớt và lọc: **7.0** (1.85/**1.54**)
Dung tích nước làm mát động cơ [giá trị tham khảo]	**lít** (US gal./**Imp gal.**)	**10.9** (2.88/**2.40**)
Hệ thống xông máy		V bugi xông

4JH1 Engine Model

Thông số kỹ thuật		
Động cơ tăng áp turbo, phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước, trục cam nằm trên		
Tỉ số nén		15.9
Dung tích xy lanh	cc (cu. in)	2,999 (183.0)
Thứ tự nổ		1-3-4-2
Thời điểm phun	độ	0°
Khe hở xu páp	mm (in)	Xupap hút và xả: 0.4 (0.016) khi động cơ nguội
Tốc độ cầm chừng		675 - 725
Độ căng dây đai	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 7 - 9 (0.28 - 0.35)/133 - 157 Dây đai cũ: 9 - 11 (0.35 - 0.43)/112 - 126
Độ căng dây đai bơm trợ lực lái	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 8 - 12 (0.31 - 0.47)/135 - 165 Dây đai cũ: 11 - 13 (0.43 - 0.51)/117 - 135
Lọc nhớt		Loại hộp xoay
Dung tích nhớt động cơ [giá trị tham khảo]	**lít** (US gal./**Imp gal.**)	Khi chỉ thay nhớt: **7.0** (1.85/**1.54**) Khi thay nhớt và lọc: **7.6** (2.01/**1.67**)
Dung tích nước làm mát động cơ [giá trị tham khảo]	**lít** (US gal./**Imp gal.**)	**11.3** (2.99/**2.49**)
Hệ thống xông máy		bugi xông

Hộp Số

MSB5S

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.016
	2nd	2.672
	3rd	1.585
	4th	1.000
	5th	0.770
	Số lùi	4.783
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] **lít** (US gal./ **Imp gal.**)	**2.7** (0.71/ **0.59**)	

MSB5M

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.594
	2nd	2.814
	3rd	1.660
	4th	1.000
	5th	0.794
	Số lùi	5.334
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] **lít** (US gal./ **Imp gal.**)	**2.7** (0.71/ **0.59**)	

MSB5K

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 5 cấp và số lùi		
Tỉ số truyền	1st	5.020
	2nd	2.520
	3rd	1.490
	4th	1.000
	5th	0.710
	Số lùi	4.780
Dung tích nhớt hộp số [giá trị tham khảo] **lít** (US gal./ **Imp gal.**)	**2.7** (0.71/ **0.59**)	

Thông số kỹ thuật

QLR55/QMR55

Động cơ	
Loại	4JB1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-2
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Loại	MSB5M, MSB5S
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-3

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-101

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo] **lít** (US gal./**Imp gal.**)	QLR55: V **75** (19.8/**16.5**), V **100** (26.4/**22.0**) QMR55: V **75** (19.8/**16.5**), V **100** (26.4/**22.0**)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-97
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái	
Độ rơ tay lái mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] **lít** (US gal./**Imp gal.**)	**1.5** (0.40/**0.33**)

Bánh xe			
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)	Tay lái bên phải: -2 to 2 (-0.08 to 0.08) Tay lái bên trái: 0 to 3 (0.00 to 0.12)
	: Camber	(độ)	Tay lái bên phải: 0°15´ Tay lái bên trái: 1°30´
	: Caster	(độ)	Tay lái bên phải: 3° Tay lái bên trái: 2°40´
	: King pin	(độ)	Tay lái bên phải: 12° Tay lái bên trái: 7°
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe trước		kg(lb)	0.14 (0.30)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe sau		kg(lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-64
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-64

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-66

Hệ thống điện		
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	V 95D31L (12 - 80) × 1 V 95D31R (12 - 64) × 1 V 130E41L (12 - 115) × 1
Máy khởi động	volt-kw	12 - 2.0
Máy phát	volt/amp.	12/60

QLR77/QMR77

Động cơ	
Loại	4JH1
Dung tích nhớt động cơ	Tham khảo trang 9-2
Dung tích nước làm mát động cơ	

Hộp số	
Loại	MSB5S, MSB5K
Dung tích nhớt hộp số	Tham khảo trang 9-3

Cầu sau	
Dung tích nhớt cầu sau	Tham khảo trang 7-101

Nhiên liệu	
Dung tích thùng nhiên liệu [giá trị tham khảo] **lít** (US gal./**Imp gal.**)	V **75** (19.8/**16.5**), V **100** (26.4/**22.0**)

Ly hợp	
Hành trình tự do bàn đạp ly hợp	Tham khảo trang 7-97
Hành trình hoạt động bàn đạp ly hợp mm (in)	20 (0.79) hoặc hơn

Hệ thống lái	
Độ rơ tay lái mm (in)	10 - 50 (0.39 - 1.97)
Dung tích dầu trợ lực lái [giá trị tham khảo] **lít** (US gal./**Imp gal.**)	**1.5** (0.40/**0.33**)

Bánh xe			
Góc đặt bánh xe	: Độ chụm	mm (in)	Tay lái bên phải: -2 to 2 (-0.08 to 0.08) Tay lái bên trái: 0 to 3 (0.00 to 0.12)
	: Camber	(độ)	Tay lái bên phải: 0°15´ Tay lái bên trái: 1°30´
	: Caster	(độ)	Tay lái bên phải: 3° Tay lái bên trái: 2°40´
	: King pin	(độ)	Tay lái bên phải: 12° Tay lái bên trái: 7°
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe trước		kg(lb)	0.14 (0.30)
Mỡ bôi trơn trục xoay bánh xe sau		kg(lb)	0.3 (0.66)

Hệ thống phanh	
Hành trình tự do bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-64
Hành trình hoạt động bàn đạp phanh	Tham khảo trang 7-64

Phanh đỗ/ Phanh tay	
Số nấc (với lực kéo khoảng 147 N)	Tham khảo trang 7-66

Hệ thống điện		
Bình điện	(Volt-Amp.h.) x số bình	V 80D26L (12 - 69) × 2 V 95D31L (12 - 80) × 1
Máy khởi động	volt-kw	12 - 2.0
Máy phát	volt/amp.	12/60

A

Lọc gió 7-44
Lọc điều hoà V 7-126
Cửa gió 5-2
Anten V 5-23
Gạt tàn V 5-18

B

Trước khi lái xe 2-2
Đường ống dầu phanh 7-69
Hệ thống phanh 7-60

C

Hộc giữ card 5-19
Giường V 3-11
Chở trẻ em 2-16
Lái xe khu vực khí hậu lạnh 6-17
Lái xe khu vực khí hậu nóng 6-16
Lưu ý khi đỗ xe 6-15
Thay vỏ xe 7-81
Kiểm tra các yếu tố bất thường trước khi vận hành xe 7-18
Núm mồi thuốc 5-16

D

Kiểm tra xe hằng ngày 7-16
Dầu nhớt thải bỏ 7-6
Lái xe 2-18
Lái xe an toàn và ổn định 6-2
Trống phanh 7-70

E

Động cơ 7-20
Nước làm mát động cơ 7-27
Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát 4-14
Nhớt động cơ 7-22
Phanh khí xả V 4-37
Ngoại thất 0-11
Bảo dưỡng ngoại thất 7-130

F

Dây đai quạt gió 7-41
Đèn sương mù V 4-36
Lọc nhiên liệu 7-47
Đồng hồ mức nhiên liệu 4-15
Nắp thùng nhiên liệu 3-9
Tay lái 3-17

G

Cần chuyển số 4-45
Hộc chứa đồ có nắp 5-26
Hệ vào xe 3-6

H

Bình accu 7-119
Sử dụng con đội 7-110
Két nước và bộ làm mát khí nạp 7-39
Công tắc đèn khẩn cấp 4-36
Đèn chiếu sáng và đèn báo rẽ 7-118
Sưởi ấm và điều hoà V 5-6

I

Núm điều chỉnh tốc độ cầm chừng 4-32
Kiểm tra và bảo dưỡng 7-139
Khoang kiểm tra V 7-9
Nội thất 0-6
Đèn nội thất 5-14
Bảo dưỡng nội thất 7-133
Dầu mỡ và chất bôi trơn 7-6

K

Chìa khoá 3-2

M

Thông số kỹ thuật 9-2
Nâng hạ kính thủ công V 3-8
Kính chiếu hậu 3-18

O

Lái xe trên đường 6-3
Đóng mở cửa 3-3
Nội dung khác 9-8

P

Đỗ xe 7-66
Cần phanh tay 4-43
Bộ xúc tác xử lý khí thải V 2-45, 4-46
Bàn đạp 4-42
Dầu trợ lực lái 7-104
Kính nâng hạ điện V 3-7
Kiểm tra và hiệu chỉnh trên xe 7-4
Ngăn ngừa hư hỏng 2-40

R

Nhớt cầu sau 7-101
Ga lạnh V 7-128
Thay thế cầu chì và rơle 8-38

S

Dây đai an toàn V 3-20
Túi hành lý 5-21
Ghế 3-14
Hộc chứa đồ 5-19
Bánh dự phòng 7-91
Đồng hồ tốc độ xe 4-11
Chìa khoá xe 4-30
Khởi động xe 4-4
Chuẩn thế giới về sóng radio (ECE R13) 2- 48
Lái xe an toàn 2-36
Tay lái 7-103
Dừng và đỗ xe 2-29
Tắt máy 4-7
Tấm che nắng V 5-15

T

Đồng hồ tachometer 4-13
Nâng cabin V 7-11
Đảo lốp xe 7-79
Dụng cụ theo xe 7-7
Nhớt hộp số 7-98
Xử lý trục trặc 8-2
Turbo tăng áp V 2-44

U

Đai xích bánh xe 6-22

W

Đèn cảnh báo và chỉ báo	4-17
Sơ đồ các đèn trên xe	4-16
Kèn cảnh báo	4-27
Nhãn cảnh báo và chỉ báo	
0-14 Mục lục các đèn cảnh báo chỉ báo	0-12
Vỏ xe và lốp xe	7-72
Lái xe trên đường xấu	8-47
Khi cầu chì bị đứt	8-45
Khi bình accu hết điện	8-11
Khi phanh không hoạt động	8-10
Khi bóng đèn không sáng	8-23
Khi động cơ quá nhiệt	8-21
Khi xe chết máy và không thể khởi động lại được	8-10
Xe chết máy khi đang lái	8-9
Khi cạn nhiên liệu	8-14
Khi lốp xe non hơi	8-8